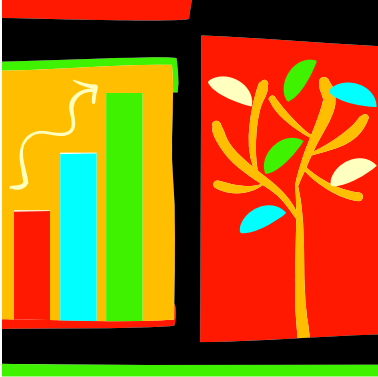


Hermann Hesse

Ảo hóa



Tiểu sử Hermann Hesse

Hermann Hesse (1877-1962), Nhà văn, nhà thơ Đức; giải Nobel Văn học năm 1946. Sinh năm 1877 tại Wuerttemberg, mất năm 1962 tại Thụy Sĩ. Con một nhà truyền giáo. Bỏ học thần học. Làm thợ thủ công, bán sách. Từ năm 1904, viết văn chuyên nghiệp. Năm 1911, ngán ngẩm văn minh Châu Âu, đi Ấn độ tìm hiểu Phương Đông. Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, do có thái độ chống đối, bị coi là “phản quốc”. Năm 1919 sang Thụy Sĩ, vào quốc tịch nước này – Hesse là đại diện tiêu biểu cho văn học nhân đạo tư sản Đức. Khuynh hướng siêu hình, tìm quan hệ giữa thiên nhiên và con người. Con đường sáng tác của Hesse đi từ tình cảm cô đơn và nỗi buồn lãng mạn cuối thế kỷ 19 đến tầm nhìn rộng rãi, có trách nhiệm với xã hội, ước mơ và tin chắc vào hành động, và tương lai tốt đẹp hơn của con người. Phê phán xã hội tư sản. Cuốn tiểu thuyết được chú ý đầu tiên là Peter Camenzind (1904) có ít nhiều tính chất tự truyện : một người nguồn gốc tầm thường, có tài và có nhiều hoài bão, không thích nghi được với xã hội tư sản và đời sống thành phố, đành trở về

sống ở quê nhà. Cuốn tiểu thuyết Demien (1919) viết về tình trạng rối loạn của thanh niên tư sản. Cuốn tiểu thuyết Steppenwolf (Sói đồng hoang) (1927), phản ánh tình trạng bấp bênh của nền cộng hoà Weimar với khả năng chủ nghĩa phát xít xuất hiện. Trong cuốn Narziss und Goldmund (1930), Hesse tìm thoát ly trong một câu chuyện cổ tích thời Trung cổ, hoà giải tư duy và hành động. Tác phẩm lớn nhất của Hesse là Das Glasperlenspiel (Những viên ngọc bằng thủy tinh) (1943), viết trong chiến tranh thế giới lần thứ hai : tiểu thuyết vừa phê phán, vừa có tính chất không tưởng và tượng trưng, nói lên khả năng và cần thiết hành động vì tương lai tốt đẹp của loài người (chuyện xảy ra vào thế kỷ thứ 23 : một nhóm trí thức kết hợp tư tưởng Đông và Tây sống riêng biệt ở một nơi. Các truyện (1915), Klingsors letzter Sommer (Mùa hè cuối cùng của Klingson) (1920), Siddharta (1922) - một bản tự truyện về sự cố gắng tự giải thoát – cùng đi đến kết luận : tình yêu con người phải thể hiện bằng hành động. Nhiều luận văn của Hesse có tư tưởng nhân đạo.

Hermann Hesse

Ảo hóa

Phần I

Trí Hải dịch

Theo truyền thuyết Ấn giáo, thần Vishnu có lần hoá sinh làm một vị vương tử sống bên bờ sông Hằng. Tên ông là Ravana. Ravana có

một người con trai tên Dasa. Mẹ Dasa chết sớm, vương tử cưới một người vợ khác. Sau khi người đàn bà đẹp và tham vọng này sinh được một con trai, bà đâm ra thù ghét Dasa. Bà muốn cho Nala, con mình kế vị, nên âm mưu chia rẽ cha con Dasa, và chờ cơ hội thanh toán cậu bé. Trong triều, có một người Bà-là-môn, tên Vasudeva, viên quan coi về tế tự, biết được âm mưu của bà. Ông thương tình cậu bé, người mà ông thấy có khuynh hướng sùng tín và đức công bằng giống mẹ. Ông trông chừng cho Dasa khỏi bị hại, và chờ dịp đưa cậu ra khỏi tầm tay mẹ ghẻ.

Bấy giờ vua Ravana sở hữu một đàn bò được xem là thiêng liêng. Sữa và bơ của chúng dùng để tế thần. Những đồng cỏ tốt nhất trong xứ dành cho những con bò ấy.

Một ngày kia, người chăn bò đem sữa về kinh, báo cáo rằng trong vùng bò đang ăn cỏ, có những dấu hiệu sắp hạn hán. Do đó, đoàn người chăn dẫn bò lên những dãy núi cao, ở đó nước và cỏ luôn luôn sẵn sàng ngay cả vào những thời khô ráo nhất.

Người Bà-la-môn đã quen biết người chăn bò này từ lâu, anh ta là một người đáng tin cậy. Ông cho anh ta biết dự định của mình. Hôm sau, khi hoàng tử bé Dasa biến mất, thì chỉ có ông và người chăn ấy biết được lý do bí ẩn của sự mất tích. Người chăn bò đem cậu bé theo lên núi rừng. Họ theo kịp đàn bò di chuyển chậm chạp. Dasa sung sướng được gia nhập đoàn mục tử. Cậu phụ giúp thả bò, vắt sữa, chơi với những con bê, và lang thang khắp những đồng cỏ trên núi, uống sữa tươi ngọt ngào. Những bàn chân trần của cậu lấm đầy phân bò. Cậu thích đời sống mục tử này, dần quen với rừng núi và những cây trái, hoa cỏ của nó. Cậu nhổ những củ sen ngọt trong ao đầm, và vào những ngày lễ hội, cậu đeo một tràng hoa rừng đỏ chói.

Cậu trở nên quen thuộc với đường đi lối về của thú rừng. Tập tránh cộp, chơi với những con sóc và nhím. Mùa mưa cậu ở trong căn nhà lá, mà ở đó bọn chần bò chơi cò, hát hoặc đàn giỏ hay chiếu cỏi.

Dasa không hẳn quên hết đời sống vương giả của mình trước đây, nhưng chẳng mấy chốc những thứ này đối với cậu dường như một giấc chiêm bao.

Một ngày kia, khi đàn bò đi đến một vùng khác, Dasa vào rừng để tìm mật. Từ ngày biết núi rừng, cậu đã bắt đầu thích; nhưng đặc biệt khu rừng này, cậu thấy nó đẹp lạ. Những tia nắng lượn khúc qua những cành lá trông như những con rắn vàng. Những tiếng của rừng, tiếng chim hót, tiếng xào xạc của những ngọn cây, tiếng của những con khỉ quyen vào nhau thành một mạng lưới âm thanh êm dịu trong sáng, giống như ánh sáng giữa những cành cây. Những mùi hương cũng vậy, hoà vào nhau rồi lại phân tán : hương của hoa rừng, của những loại cây, lá, nước, rêu, thú vật, trái cây và của đất, vừa cay nồng vừa dịu ngọt, vừa hoang dã vừa thân thiết, vừa kích thích vừa xoa dịu, vừa buồn vừa vui.

Dasa quên mất việc tìm mật. Trong khi lắng nghe tiếng hót của những con chim nhỏ màu sáng như ngọc, cậu chú ý đến một đường mòn giữa những cây phong chót vót, trông như một cụm rừng nhỏ ở trong khu rừng lớn. Đây là một lối đi rất nhỏ hẹp, cậu im lặng rón rén bước theo dấu đường mòn, và đến một cây bàng có nhiều nhánh lớn. Dưới gốc cây, có một cái chòi nhỏ, một túp lều đan bằng lá dương xỉ. Cạnh túp lều, một người đàn ông đang ngồi bất động, lưng thẳng tuột, hai bàn tay đặt trên đôi chân bắt chéo. Dưới mái tóc bạc trắng và vầng trán rộng, đôi mắt bất động của ông tập trung trên mặt đất. Đôi mắt ấy đang mở, nhưng như nhìn vào bên trong. Dasa nhận

ra rằng đây là một người thánh thiện, một người tu phái Yoga. Trước đây cậu đã thấy những người như vậy, đó là những người được ân sủng của thần linh, đáng được tôn trọng, cúng dường. Nhưng người cậu đang thấy đây, ngồi trước túp lều được lợp rất đẹp và ở nơi kín đáo này, hoàn toàn bất động như thế, đắm chìm trong thiền định - người này càng lôi cuốn cậu bé hơn bất cứ người nào cậu đã gặp. Ông ta dường như bay lượn trên mặt đất, trong khi đang ngồi đấy, và dường như cái nhìn xa xăm của ông, thấy và biết mọi chuyện. Một hào quang của sự thánh thiện vây phủ ông, một phép màu của sự tôn nghiêm lan toả làm cho cậu không dám phá tan bằng một lời chào hay một tiếng kêu. Về uy nghiêm của người ông, ánh sáng nội tâm rạng ngời trên gương mặt ông, mãnh lực tâm linh toát từ nơi ông khiến Dasa có cảm tưởng đây là một con người mà, chỉ cần móng một niệm nghĩ, không cần phải ngược mắt lên, cũng có thể sinh và sát được cái gì ông muốn. Người ẩn sĩ ngồi bất động hơn cả cây cối mà những cành lá còn lay động trong hơi thở của gió. Người này ngồi bất động như một pho tượng đá, và từ khi thấy người ấy, cậu bé cũng đứng bất động, say mê, như bị bùa lực lôi cuốn. Cậu đứng nhìn chòng chọc vào vị thầy. Cậu thấy một đốm sáng mặt trời trên vai ông ta, một đốm sáng trên một bàn tay buông thõng của ông, cậu trông thấy những điểm sáng di động ẩn rồi hiện, nhưng những thứ này không làm vị ấy cử động, cũng như tiếng chim hót và tiếng của những con khỉ từ các khu rừng xung quanh. Một con ong rừng đến đậu trên má ông, đánh hơi làn da ông, bò một đoạn ngắn trên má ông rồi vụt bay đi. Nhà ẩn sĩ vẫn ngồi bất động trước tất cả sự sống động đủ màu sắc của khu rừng. Tất cả cảnh tượng này, những gì mắt có thể thấy, tai có thể nghe, những cái đẹp và xấu, đáng yêu hay

kinh khủng, đều không may may liên hệ đến con người thánh thiện này. Toàn thể thế giới xung quanh ông đã trở thành bề mặt vô nghĩa lý. Cậu bé mục tử có gốc gác vương giả tưởng chừng như vị ẩn sĩ này đã lặn sâu xuống dưới lớp bề mặt của cuộc đời và đi vào bản thể của mọi sự. Một điều lạ lùng, trong khi đứng đấy, cậu bỗng nhớ lại gốc gác vương giả của mình.

Sau đó, cậu không biết mình đã đứng đấy bao lâu, hàng giờ, hay đã mấy ngày qua. Khi ra khỏi cái bùa lực đã làm cậu đứng bất động nhìn ông già, cậu rón rén bước lui giữa những hàng cây phong, tìm lối ra khỏi cụm rừng, và cuối cùng trở lại đồng cỏ với đàn bò. Cậu đi mà không hoàn toàn ý thức mình đi. Tâm hồn cậu còn bàng hoàng như trong mộng, và chỉ bừng tỉnh khi một mục tử gọi tên cậu. Anh chàng tức giận vì cậu đã vắng mặt quá lâu, nhưng khi trông thấy Dasa, cậu chỉ mở lớn mắt ngạc nhiên nhìn, dường như không hiểu được ai đang nói gì với cậu, thì người kia kinh ngạc thốt lên :

- Sao thế, mày ? Mày vừa trông thấy một vị thần tiên nào, hay gặp ma quỷ chẳng ?

Dasa nói :

- Tôi đang ở trong rừng, dường như có một sức mạnh nào lôi cuốn tôi đến chỗ ấy. Tôi muốn tìm mặt. Nhưng tôi đã quên hết mọi sự vì thấy một ẩn sĩ ngồi thiền định. Khi thấy gương mặt sáng ngời của ông ta, tôi cũng đứng bất động nhìn ông một lúc lâu. Tôi muốn trở lại đây chiều nay và mang cho ông ta một ít quà. Ông ấy là một người thánh thiện.

- Thì mày hãy mang đi. Đem cho ông sữa và bơ ngọt. Chúng ta nên cung kính cúng dường các vị ấy những gì ta có thể cúng.

- Nhưng tôi phải nói với ông ta như thế nào ?

- Không cần phải nói gì cả, Dasa. Chỉ cần cúi thấp và đặt đồ cúng trước mặt ông. Thế là xong.

Dasa làm y lời. Cậu phải mất một lúc để tìm ra chỗ cũ. Khoảng trống trước chòi tranh bấy giờ vắng vẻ, nhưng cậu không dám đi vào trong chòi. Bởi thế cậu đặt tặng phẩm trước cửa chòi rồi bỏ đi. Trong thời gian đàn bò và đoàn người chăn còn lưu lại vùng lân cận, Dasa đem đồ cúng hàng ngày vào buổi chiều. Một hôm cậu đến vào buổi sáng, thấy vị ẩn sĩ ngồi đấm mình trong thiền quán; và lần này cũng thế, cậu bị thu hút bởi năng lực toát ra từ nơi sự bình an của người, đứng lại đấy một lúc trong tâm trạng cực kỳ hạnh phúc.

Rất lâu sau khi đàn bà và mục tử đã dời đến những đồng cỏ khác, Dasa vẫn nhớ mãi kinh nghiệm của cậu trong khu rừng này. Mỗi khi ngồi một mình, cậu thường mơ màng tưởng tượng mình cũng là một ẩn sĩ thực hành thiền định. Nhưng với thời gian, ký ức và mộng mơ của cậu cũng phai dần, vì cậu bé bây giờ đang độ lớn nhanh thành một thanh niên lực lưỡng, hăng hái lao mình vào những trò chơi mạnh bạo của đồng bọn mục tử. Nhưng vẫn còn một chút ánh sáng mờ nhạt của ký ức le lói trong tâm hồn chàng, khiến chàng có một ý nghĩ mơ hồ rằng đời sống vương giả và vương vị mà chàng đã mất ấy, một ngày kia có thể được thay bằng sự tôn quý và năng lực của thiền định.

Một ngày, khi họ đến vùng phụ cận kinh đô, thì có tin đồn thành phố đang sửa soạn một cuộc lễ lớn. Vua Ravana đã già yếu, nên định ngày làm lễ tấn phong cho hoàng tử Nala kế vị.

Dasa muốn đi xem cuộc lễ. Chàng mong mỗi được thấy lại kinh đô một lần, vì chàng chỉ còn ký ức mờ mờ về nó từ tấm bé. Chàng muốn

nghe âm nhạc, ngắm đoàn người diễn hành và cuộc so tài giữa những vương tôn công tử. Chàng cũng muốn nhìn xem một lần cho biết những con người ở kinh thành, vì chàng biết - mặc dù một cách mơ hồ, như chuyện hoang đường thần thoại - rằng thế giới của họ cũng là thế giới của chàng.

Đoàn mục tử có nhiệm vụ phải cung cấp một xe bò cho triều đình dùng vào lễ tế trong dịp ấy, và Dasa sung sướng được chọn làm một trong ba người đem sữa vào kinh đô. Họ đến kinh thành vào chiều hôm trước buổi lễ, trao sữa cho quan tế tự, Vasudeva, nhưng ông không nhận ra chàng. Ba thanh niên mục tử nổi gót đám đông đi xem cuộc lễ với những đàn voi dẫn đầu cuộc diễn hành, xe hoa của tân vương Nala đi trong tiếng trống vang dội. Tất cả cảnh tượng ấy đối với chàng thật vui nhộn, lộng lẫy, nhưng đồng thời cũng thật lố bịch, nực cười. Chàng ngắm mọi sự trong niềm vui thú, nhưng vẫn với tâm trạng của một mục tử ở núi rừng, nghĩa là vốn sẵn khinh thị dân thành phố.

Chàng không hề có ý nghĩ đến chuyện chàng là con trưởng đã bị cướp ngôi, rằng người ngồi xe hoa kia đáng lẽ là chàng; rằng Nala em khác mẹ với chàng đã chiếm chỗ của chàng. Không, nhưng chàng đặc biệt không ưa gã Nala ngồi xe ấy, mà chàng cho là thật ngu ngốc và hạ liệt trong cái bộ tịch quan trọng phô trương rỗng tuếch của y.

Khi trở về sau cuộc lễ, Dasa đã thành một người đàn ông. Chàng đã biết đeo đuổi con gái và đấu võ với những thanh niên khác để tranh người đẹp. Bây giờ họ đang tiến đến một miền khác, một vùng đồng cỏ. Ở đó, chàng gặp một thiếu nữ xinh đẹp, con gái của một trại chủ. Dasa say mê nàng đến độ quên hết mọi sự, hy sinh cả đời sống tự

do của chàng để chiếm được cô gái. Khi đoàn mục tử nhỏ trại để đi đến những đồng cỏ mới, Dasa gạt qua tất cả những lời khuyên nhủ, cảnh cáo của đồng bạn, từ giữa cuộc đời du mục, và bắt đầu định cư. Chàng cưới được nàng Pravati làm vợ, nhưng bù lại chàng phải cày cuốc cho ông nhạc, giúp ông xay lúa bồ củi. Chàng làm một cái chòi đắp bằng tre và đất bùn, và giữ vợ chàng trong ấy.

Cái mãnh lực ấy thật ghê gớm, nó làm cho một thanh niên bỏ hết những thú vui, bạn bè, thói quen, thay đổi hẳn nếp sống cũ để sống giữa những người lạ, với vai trò con rể nhàm chán. Nhưng sắc đẹp của Pravati thật quyến rũ, sự hứa hẹn tình yêu thật quá nhiều, khiến Dasa trở thành mù quáng, và hoàn toàn quy phục người đàn bà này. Nhưng hạnh phúc của chàng chỉ được một năm, mà trong khoảng thời gian đó chàng cũng không hoàn toàn sung sướng. Chàng phải chịu đựng nhiều thứ khác : những yêu sách của ông nhạc, sự hỗn xược của mấy đứa em vợ và tính khí thay đổi của vợ chàng.

Hương lửa đang nồng chưa trọn năm, thì một hôm vùng lân cận xô xao về tin tân vương sắp ngự đến vùng này để săn bắn. Những lều trại được dựng lên khắp nơi, đoàn kỵ binh và tùy tùng rầm rộ kéo đến dọn đường cho vị vua trẻ. Dasa không chú ý gì đến cảnh ấy. Chàng bận cày cuốc trong đồng ruộng, chăm lo cối xay, chàng tránh xa những người đi săn và triều đình. Nhưng một ngày kia khi trở về túp lều tổ ấm, chàng không thấy vợ đâu nữa. Chàng đã triệt để cấm nàng bước chân ra ngoài trong thời gian triều đình đang ở vùng lân cận; cho nên bấy giờ chàng bỗng cảm thấy tim nhói đau, và linh cảm một tai họa. Chàng vội vàng đến nhà ông nhạc, vợ chàng cũng không có ở đấy, không ai nhận đã thấy hay gặp nàng. Niềm đau trong tim chàng thêm mãnh liệt. Chàng sục tìm khắp những luống cải

trong đồng, suốt ngày này qua ngày khác, chàng chạy từ chòi mình đến nhà ông nhạc và trở về, tìm dưới ruộng, xuống giếng, săn tìm dấu chân, gọi tên nàng, vỗ về, nguyên rủa.

Cuối cùng đứa em út của vợ chàng nói thật cho chàng biết. Pravati đang ở trong trại của vua, và người ta đã thấy nàng ngồi trên lưng ngựa với vua.

Dasa lên đến chỗ Nala cắm trại, mang theo cái ná ngày xưa chàng đã dùng khi còn làm mục tử. Ngày như đêm, mỗi khi trại của Nala gần như không người canh giữ, thì chàng bò lại gần, nhưng mỗi lần như vậy quân canh lại xuất hiện ngay, và chàng phải bỏ trốn. Ẩn trong cành cây, chàng có thể thấy ông vua trẻ với gương mặt khả ố mà chàng còn nhớ rõ trong ngày lễ tấn phong ngày trước. Chàng ngấm y lên ngựa. Khi y trở về hàng giờ sau đó, xuống ngựa, giở tung tấm vải che lều, Dasa có thể trông thấy dưới bóng mờ bên trong trại, một người đàn bà đi ra đón vua. Chàng suýt ngã từ trên cây xuống đất khi nhận ra vợ chàng. Bây giờ chàng mới tin chắc chắn, và sức nặng đè nơi ngực chàng trở nên không còn chịu đựng được nữa. Hạnh phúc và tình yêu của chàng mãnh liệt thế nào, thì bây giờ cơn tức giận, nổi mẩn mẩn và sĩ nhục càng lớn lao hơn thế ấy. Sự tình là như vậy, khi con người đặt hết khả năng yêu thương của mình vào một đối tượng duy nhất. Cùng với sự mẩn mẩn tình yêu, tất cả cùng sụp đổ đối với chàng; chàng đứng đấy giữa đồng gạch vụn, hoàn toàn bị tước đoạt đến trắng tay.

Dasa đi lang thang một ngày một đêm trong khu rừng lân cận, chàng đã kiệt sức, nhưng sau mỗi lần nghỉ mệt ngắn ngủi, nỗi đau khổ trong tim lại thúc chàng tiến bước. Chàng cứ phải đi mãi, tưởng chừng như chàng cần phải đi đến tận cùng thế giới, cho đến tận cùng cuộc đời,

một cuộc đời đã mất hết ý nghĩa và ánh sáng. Tuy vậy, chàng không lang thang đến những vùng xa lạ. Chàng chỉ lượn quanh khu vực gian chòi của chàng, nhà xay, đồng lúa và lều trại của ông vua. Chàng thu gọn mình nấp trong đám lá, lòng chua xót và nóng cháy như một con thú đói rình mồi, cho đến khi cái giây phút hồi hộp ấy đến – giây phút mà chàng đã dành cho nó tất cả sức lực cuối cùng của mình – nghĩa là cho đến khi vị vua bước ra ngoài lều vải. Chàng lặng lẽ tuột xuống khỏi cành cây, giương ná bắn ngay vào trán kẻ thù một miếng đá nhọn. Nala ngã xuống bất tỉnh. Dường như không có ai ở quanh đấy.

Cơ bắp tổ của đám mê thù hận và khoái lạc trả thù găm thét trong ngũ quan của chàng bỗng dừng bị chặn đứng lại một cách hãi hùng và kỳ lạ : chàng lặng người đi một lúc, một sự im lặng sâu xa ngự trị trong hồn chàng. Ngay khi sự huyền ảo bắt đầu, một đám đông tôi tớ xúm quanh nạn nhân và tin dữ bắt đầu loan ra, thì chàng đã biến mất trong những bụi tre rậm rạp dẫn xuống thung lũng.

Trong cơn mê sảng của hành động, lúc nhảy xuống khỏi cây và nhắm đích bắn ra miếng đá giết người, chàng có cảm tưởng đang dập tắt luôn cả sự sống của mình, đang ném đi sinh lực cuối cùng, lao mình theo viên đá định mệnh xuống tận vực thẳm của lãng quên, đoạn diệt. Chàng tưởng như nếu giết được kẻ thù, thì chàng sẽ vui lòng chết sau hần một giây thôi cũng được. Nhưng bây giờ, khi hành động đã được tiếp theo bởi cái khoảnh khắc im lặng lạ lùng mà chàng không ngờ tới ấy, thì bỗng dưng chàng lại khao khát sống, một nỗi khao khát chàng không nhận ra, đã kéo chàng trở lại từ vực thẳm. Một bản năng nguyên thủy xâm chiếm giác quan chàng, tứ chi chàng, lôi kéo chàng chạy trốn vào rừng sâu, ra lệnh cho chàng phải

ẩn nấp.

Chàng chỉ ý thức được những gì xảy đến sau khi đã tới một nơi ẩn nấp an toàn. Khi ngã quy kiệt sức, thở hào hển, cơn cuồng nhiệt nhường chỗ cho sự bình thản, chàng lại cảm thấy thất vọng và tự khinh hành động chạy trốn của mình. Nhưng khi đã qua cơn mệt, chàng lại quyết định phải sống, và một lần nữa tim chàng cảm thấy khoái trá một cách man dại về hành động vừa qua.

Cuộc săn tìm kẻ sát nhân khởi sự. Những người đi lùng bắt đầu rải rác khắp những khu rừng. Họ sục sạo suốt ngày trong những bụi cây, nhưng chàng thoát được nhờ ẩn kín trong ao đầm, nơi không ai dám vào vì sợ gặp hổ báo. Chàng ngủ một lúc, nằm tỉnh táo nghe ngóng một lúc, bò, rồi lại nghỉ. Cứ thế cho đến ngày thứ ba thì chàng đã qua khỏi những ngọn đồi và tiến lên những đỉnh núi cao.

Cuộc đời không nhà tù đầy dẫn chàng đi chỗ này chỗ nọ, làm cho chàng cứng rắn, chai lì, nhưng cũng khôn ngoan nhẫn nại hơn. Tuy thế, về đêm chàng luôn luôn mơ thấy Pravati và hạnh phúc đã qua, hay ít nhất cái mà chàng đã gọi là hạnh phúc. Chàng cũng mơ nhiều về cuộc săn tìm và ẩn trốn - những giấc mơ hãi hùng làm cho tim chàng ngưng đập, như là mơ thấy mình đang chạy trốn khỏi những khu rừng, trong khi bị đuổi sát sau lưng với trống còi inh ỏi. Chàng cố chạy thoát qua những ao đầm, băng qua những chiếc cầu gãy, mang theo vật nặng được gói kín nhưng chàng không biết đó là vật gì.

Chàng chỉ biết một điều là nó rất quý báu, chàng không được để nó rơi khỏi tay mình trong bất cứ trường hợp nào. Đó là cái gì quý giá đang lâm nguy, một tài sản, có lẽ một vật đã được lấy trộm, gói trong một mảnh vải sáng, có hình xanh đỏ như chiếc áo của Pravati ngày nào. Chàng khó nhọc mang vật ấy mà chạy trốn qua bao nhiêu

hiểm nguy, cho đến cuối cùng, khi đã mệt lả, chàng dừng lại, từ từ mở bọc vải ra xem, thì thấy cái kho báu mà chàng đang cầm trong đôi tay run rẩy đó, chính lại là cái đầu của chàng.

Từ đấy, chàng sống cuộc đời lén lút của một kẻ du thủ lang thang. Bảy giờ không hẳn chàng trốn người ta, mà đúng hơn muốn tránh họ. Một ngày kia, trong cuộc lữ hành, chàng đến một vùng đồi núi trông thật xinh đẹp và dường như đón mời chàng, chàng cảm thấy cần phải biết rõ khu rừng ấy. Chàng nhận ra một đồng cỏ gọi cho chàng những ngày trong sáng hồn nhiên, lúc chàng chưa biết đến tình ái và ghen tuông, cừu hận và trả thù. Đấy là đồng cỏ mà ngày xưa chàng đã chần bò với các bạn mục tử trong khoảng đời an bình nhất của tuổi hoa niên. Một cơn buồn nhẹ lan trong tim chàng đáp lại tiếng mời gọi của rừng sâu với tiếng lá xạc xào trong gió, tiếng hát của con suối nhỏ, tiếng chim líu lo và tiếng ong vù vù. Tất cả nghe như mùi hương mời gọi của mái ấm, nơi an nghỉ. Trong cuộc đời du mục, chưa bao giờ chàng thấy đồng nội có vẻ thân thiết với mình đến thế. Chàng lang thang khắp nơi trong khung cảnh thanh bình đó. Lần đầu tiên trong nhiều tháng ngày kinh khủng, chàng bước đi với tâm hồn rộng mở, không nghĩ ngợi gì, không ước mong gì, hoàn toàn đặt mình vào hiện tại an tĩnh. Chàng cảm thấy có mãnh lực gì thu hút chàng vào trong khu rừng bên kia những đồng cỏ. Khi bước dưới những hàng cây trong bóng chiều, cảm giác quen thuộc càng tăng, đưa chàng đi dọc theo những con đường nhỏ. Chân chàng như tự động tìm lối bước tới một rặng dương ở giữa khu rừng rộng, và gặp gian chòi nhỏ. Trên khoảnh đất trước mặt chòi, đang ngồi bất động vị ẩn sĩ mà ngày xưa chàng đã đứng nhìn, người mà chàng đã cúng

sữa và bơ dạo ấy.

Dasa ngừng bước, như thể vừa tỉnh giấc. Mọi sự vẫn như trước, ở đây không có thời gian trôi qua, không có sự giết chóc và đau khổ. Ở đây cuộc đời và thời gian như thể đông lại thành khối pha lê, ngưng lại thành vĩnh cửu. Chàng đứng nhìn ông già, cảm nghe trong tim niềm thán phục, yêu kính mà chàng có khi mới thấy vị ẩn sĩ lần đầu. Chàng nhìn căn chòi và nghĩ nó cần được sửa chữa trước khi mùa mưa đến. Rồi chàng đánh bạo tiến thêm vài bước, đi vào trong chòi, nhìn quanh. Rất ít đồ đạc, hầu như không có gì : một thảm lá, một cái bầu chứa một ít nước, và một cái túi rỗng đan bằng mây. Chàng lấy cái túi đi vào rừng kiếm ăn, trở lại với một túi trái cây và một cục củi. Đoạn chàng xách bầu đi lấy nước.

Chàng đã làm xong tất cả những công việc có thể làm. Quả thật là ít ỏi, những gì một con người cần để sống. Dasa quỳ gối trên đất và đắm mình trong mộng tưởng. Chàng hài lòng với sự nghỉ ngơi yên lặng này, hài lòng với chính mình, với tiếng gọi bên trong đã đưa chàng đến đây, nơi mà khi còn là một cậu bé, chàng đã cảm thấy có cái gì giống như thanh bình, hạnh phúc và quê hương.

Bởi thế chàng ở lại với vị ẩn sĩ già. Chàng lượm lại chòi, kiếm thức ăn cho cả hai, và bắt đầu dựng một căn chòi riêng cho chàng cách một khoảng ngắn. Ông già dường như chịu cho chàng ở, nhưng Dasa không hoàn toàn chắc chắn ông ta có để ý đến mình hay không. Mỗi khi ông đứng dậy ra khỏi thiền định, thì chỉ để đi vào ngủ trong rừng. Dasa sống với ông như một tên đầy tớ trước mặt một người quý tộc, đúng hơn như một con vật người ta nuôi để chơi, một con vật hữu dụng nhưng không được người để ý. Vì chàng đã sống đời đào tẩu quá lâu, luôn luôn sợ hãi bị vây bắt, cho nên cuộc sống an nghỉ này,

với những công việc không nhọc sức, với sự hiện diện của một người dường như không để ý đến mình - cuộc sống ấy làm chàng thoải mái một thời gian. Những giấc ngủ của chàng không còn bị ám ảnh bởi những ác mộng, có những lúc chàng có thể quên mọi sự trong nửa ngày, rồi trọn ngày. Tương lai không làm chàng bận tâm, và nếu có bao giờ chàng mong ước điều gì, thì chính là được ở lại nơi chàng đang ở, được vị ẩn sĩ thu nhận và dạy chàng những bí quyết của đời ẩn cư, trở thành một ẩn sĩ như ông, có được cái bình thản kiêu hãnh của một ẩn sĩ. Chàng đã khởi sự bất chước ngồi thiền, nhưng mỗi khi làm như vậy chàng đâm ra mệt mỏi ngay, cảm thấy chân tay cứng đờ và sưng đau, muỗi đốt, bị quấy rầy bởi mọi thứ, cảm thấy ngứa ngáy khó chịu trong người, khiến chàng phải cử động, phải gãi, rồi cuối cùng phải đứng dậy. Nhưng có nhiều lúc chàng cảm thấy khác, một cảm giác trống trải, nhẹ nhàng, như bơi trong không khí, kiểu như thỉnh thoảng trong giấc mơ ta thường thấy mình bay bổng. Nhưng những giây phút như thế không lâu bền. Chàng mong mỏi được vị ẩn sĩ chỉ dạy nghệ thuật thiền định, nhưng ông ta dường như không bao giờ để ý đến chàng, không bao giờ thốt lên tiếng nói.

Tuy nhiên, có một ngày ông ta nói lên một lời. Bảy giờ gặp lúc Dasa trở lại những đêm mộng mị, khi thì rất êm đềm, nhưng thường là những cơn ác mộng khốc liệt, hoặc về vợ chàng, hoặc về những kinh khủng trong cuộc đời trốn tránh. Ban ngày chàng cũng không khá hơn, không thể chịu đựng ngồi yên và thực tập thiền quán, không quên được đàn bà và tình yêu. Chàng đi lang thang trong rừng phần lớn thì giờ. Chàng trách cứ thời tiết đã làm chàng ra như vậy; đây là những ngày oi bức với những cơn gió nóng hắt vào mình.

Một ngày xấu trời như thế lại đến. Những con muỗi kêu vo ve. Dasa vừa mới qua một đêm với những chiêm bao kinh khủng làm cho chàng khi thức dậy vẫn còn cảm giác sợ hãi đè nặng lên người. Chàng không còn nhớ đã mộng những gì, nhưng khi thức giấc chàng có cảm tưởng vừa rơi trở lại vào những giai đoạn khốn nạn, đáng hổ thẹn trong đời chàng trước đây. Suốt ngày, chàng đi lui đi tới một cách bồn chồn quanh gian chòi, hoặc ngồi xổm giữa đất, dáng rầu rĩ. Chàng làm qua loa những việc vặt vãnh, nhiều lần ngồi xuống tập thiền định, nhưng mỗi lần như vậy chàng lại bị tóm lấy bởi một cơn bồn thần nóng nảy. Chàng cảm thấy chân tay co quắp lại, cảm thấy như kiến bò trên bàn chân, cảm thấy nóng ran nơi gáy và không thể chịu đựng ngồi yên chỉ trong vài phút. Thỉnh thoảng chàng rụt rè hổ thẹn đưa mắt nhìn ông già đang ngồi bất động, mắt hướng vào bên trong, gương mặt tỏ lộ một sự bình an bất khả xâm phạm.

Ngày hôm ấy, khi vị ẩn sĩ đứng lên đi vào chòi, Dasa lại gần ông. Chàng đã chờ đợi giây phút này từ lâu. Chàng chặn đường ông, và thu hết can đảm để nói :

- Bạch thầy, xin thầy tha thứ cho con vì đã quấy rối sự bình an của thầy. Con cũng đang đi tìm sự an tâm, tĩnh lặng, con muốn sống như thầy, trở thành như thầy. Thầy thấy, con còn trẻ, nhưng con đã nếm trải mọi mùi đắng cay. Định mệnh đã chơi con những vở tàn khốc. Con là một thái tử, nhưng lại bị ném ra giữa rừng làm một đứa chăn bò. Con trở thành mục tử, lớn mạnh và sung sức như một con bò tơ, với trái tim hồn nhiên vô tội. Rồi mắt con mở ra trước đàn bà, và khi trông thấy người đàn bà xinh đẹp nhất, con đã để hết đời mình mà phụng sự nàng. Không có nàng chắc con chết mất. Con từ bỏ đoàn mục tử, cưới nàng, trở thành một đứa con rể làm lụng như trâu, chỉ

vì nàng. Nhưng bù lại, con được tình yêu của nàng hay ít nhất con nghĩ thế. Rồi đột ngột, vua đến săn trong vùng con ở, hắc chính là người đã làm cho bị vớt ra giữa rừng lúc còn bé. Hắc đến chiếm đoạt luôn Pravati của con, và con đã điếng người khi thấy nàng trong vòng tay hắc. Đây là nỗi đau đớn nhất mà con từng biết đến, nó làm con thay đổi hắc, nó biến đổi cả cuộc đời con. Con giết tên ấy, và từ đó sống cuộc đời của một kẻ sát nhân đào tẩu. Mọi người đều tầm nã để giết con, cuộc đời con không có phút giây nào an ổn cho đến khi con đến được nơi này. Con là một kẻ ngu si, bạch thầy, con đã giết người, và có lẽ còn bị săn tìm, bị vây bắt. Con không còn chịu nổi cái cuộc đời kinh khủng đó, con muốn chấm dứt.

Vị ẩn sĩ im lặng lắng nghe chàng thổ lộ với đôi mắt nhìn xuống. Bây giờ ông mở mắt, tập trung nhãn lực vào gương mặt của Dasa, một cái nhìn trong sáng, thản nhiên, cả quyết, gần như khó chịu. Trong khi thăm dò nét mặt của chàng, miệng ông từ từ vẽ thành một nụ cười, rồi một cái bật cười không thành tiếng. Ông lắc đầu, nói :

- Maya ! Maya !

Vô cùng ngạc nhiên và hồ thẹn, Dasa đứng im như phỗng đá. Vị ẩn sĩ trước bữa ăn chiều, đi dạo lui tới trên con đường nhỏ dẫn vào cụm rừng. Với những bước chân đều đều lặng lẽ, ông trở về, vào chòi. Nét mặt ông trở lại như cũ, hướng về một cái gì đó khác hơn thế giới hiện hữu này. Cái cười đã đánh tan sự phẳng lặng bất động trên gương mặt đó, cái cười ấy có nghĩa gì ? Nó là thiện cảm, là nhạo báng, an ủi hay chê trách, thánh thiện hay quỷ quyết ? Phải chăng đây chỉ là cơn nhạo đời của một ông già không còn có thể xử sự đàng hoàng trước sự cuồng si của con người ? Nó có nghĩa một lời khuyên, một lời mời gọi chàng nên theo gương ông, và bật cười lên

? Dasa không thể lý giải nỗi sợ bí ẩn này. Cho đến khuya chàng vẫn còn suy nghĩ về ý nghĩa cái cười ấy, với cái cười đó ông già dường như muốn thoát yếu tất cả cuộc đời chàng, hạnh phúc và đau khổ của chàng. Chàng gặm nhấm cái cười ấy như thể nó là một khúc rễ dai cứng nhưng có vị ngọt ẩn kín. Chàng cũng nghiền ngẫm về hai tiếng “Maya” mà ông đã thốt lên. Chàng nửa biết, nửa đoán ý nghĩa tổng quát của danh từ ấy, giọng điệu ông già khi nói tiếng ấy cũng giúp chàng hiểu hơn. Maya – đó là cuộc đời chàng, tuổi trẻ của chàng, hạnh phúc ngọt ngào của chàng cũng như nỗi đau khổ cay đắng của chàng. Nàng Pravati xinh đẹp là Maya, tình yêu và những dục lạc mà nó mang lại cũng là Maya, tất cả cuộc đời là Maya. Đối với con mắt của vị ẩn sĩ này thì cuộc đời của Dasa, cuộc đời của mọi người, mọi thứ đều là Maya, là một trò chơi trẻ con, một tán tuồng, một trò ảo hoá trống rỗng, được bọc một lớp ngoài hào nhoáng, một bong bóng xà phòng - một cái gì mà ta có thể cười khinh bỉ, nhưng tuyệt đối không nên xem là quan trọng.

Nhưng vị ẩn sĩ có thể xua đuổi cuộc đời Dasa bằng cái cười, và từ Maya, nhưng chàng thì không. Mặc dù chàng rất muốn trở thành một ẩn sĩ nhạo đời, nhìn cuộc đời mình chỉ là Maya, mà tất cả cuộc đời ấy vẫn sống dậy trong chàng, vào những ngày đêm bất an này. Bây giờ, chàng nhớ lại tất cả những gì chàng đã gần như quên đi từ khi đến nơi này. Bây giờ, chàng thấy rất ít hy vọng học được nghệ thuật trầm tư, nói gì đến việc trở thành một vị ẩn sĩ. Thế thì chàng còn vương vấn chỗ này làm gì? Nó chỉ là một nơi an dưỡng, bây giờ chàng đã lại sức phần nào. Và có lẽ ngoài kia, cuộc săn tìm kẻ sát nhân cũng đã chấm dứt, chàng có thể tiếp tục cuộc lữ hành mà không sợ hiểm nguy.

Chàng quyết định ra đi vào hôm sau. Thế giới này rộng lớn, chàng không thể ở mãi trong chỗ ẩn nấp này được. Quyết định ấy đem lại cho chàng một ít bình an.

Chàng đã định ra đi lúc bình minh, nhưng khi thức dậy, mặt trời đã lên cao, vị ẩn sĩ đã ngồi thiền, và chàng không muốn bỏ đi mà không từ giã. Hơn nữa, chàng còn muốn yêu cầu một điều nơi ông ta. Bởi thế chàng đợi, hết giờ này đến giờ khác, cho đến khi ông già xuất định, duỗi thẳng tay chân, và khởi sự kinh hành qua lại. Khi ấy Dasa một lần nữa chặn đường ông ta, cúi chào kính cẩn, và cứ đứng lì ở đấy cho đến khi ông ta đưa mắt nhìn chàng dò hỏi. Chàng nói :

- Bạch thầy, con sẽ đi đường của con. Con sẽ không quấy rối sự an tịnh của thầy. Nhưng xin thầy cho con hỏi một lần cuối. Khi con kể cho thầy nghe cuộc đời của con, thầy đã cười và kêu lên “Maya”. Lạy thầy, xin thầy dạy cho con thêm về Maya.

Hermann Hesse

Ảo hóa

Phần II

Trí Hải dịch

Vị ẩn sĩ quay vào lều, đưa mắt ra hiệu cho Dasa theo ông. Nhặt cái bầu đựng nước lên, ông già trao cho chàng, ra dấu chàng hãy rửa tya. Dasa vâng lời làm theo. Đoạn ông già hất phần nước còn lại trong bầu vào phía rừng, rồi đưa bầu không, bảo Dasa đi kiếm nước.

Dasa vâng lệnh. Chàng chạy xuống con đường nhỏ dẫn đến suối, tìm nhói đau vì sắp phải từ biệt nơi này. Trong ánh hoàng hôn, chàng cúi xuống con suối và thấy gương mặt mình phản chiếu lần cuối trên dòng nước. Chàng từ từ nhúng bầu xuống nước, trong lòng có một cảm giác bất định. Chàng không thể hiểu tại sao chàng lại hơi đau buồn khi chàng tự ý muốn rời đi, đau buồn về điều ông già đã không mời chàng ở lại một thời gian nữa, hoặc ở lại suốt đời.

Chàng khom mình xuống dòng suối, uống một ngụm nước rồi đứng lên cẩn thận cầm bầu nước cho khỏi đổ. Chàng sắp sửa trở lại con đường mòn, thì bỗng tai chàng nghe một tiếng động làm cho chàng vừa thích thú vừa kinh hãi. Đó là tiếng nói mà chàng đã bao lần nghe trong mộng, tiếng nói mà chàng nhớ lại nhiều giờ sau khi tỉnh giấc với nỗi khao khát cay đắng. Giọng nói ấy vỗ về, ngọt ngào xiết bao, quyến rũ xiết bao, nghe hồn nhiên và kiều diễm làm sao trong cảnh rừng chiều, đến nỗi tim chàng run lên vì sợ hãi và mê thích. Đó là tiếng của Pravati, vợ chàng. “Dasa”, nàng gọi với vẻ triu mến vuốt ve.

Chàng không tin vào tai mình, mà cứ nhìn quanh, tay vẫn cầm bầu nước và bỗng chốc nàng xuất hiện giữa những thân cây, dáng mảnh mai như một cây lau sậy với đôi ống chân thon dài – Pravati, người yêu phản trắc mà chàng không thể quên được. Chàng để rơi bầu nước và chạy lại phía nàng. Tươi cười, hơi thẹn, nàng đứng trước mặt chàng với đôi mắt bồ câu đen láy. Khi lại gần, chàng thấy nàng mang đôi giày đỏ và chiếc áo đắt giá. Cánh tay nàng có một chiếc vòng vàng và những viên ngọc quý lấp lánh trong tóc. Chàng chậm bước lại. Nàng vẫn còn làm tì thiếp của vua chăng ? Không phải chàng đã giết Nala rồi sao? Sao nàng vẫn còn đi tung tăng với những

quà tặng của y như thế? Làm sao nàng dám đến trước chàng với những thứ trang sức ấy, và lại dám gọi tên chàng ?

Nhưng nàng yêu kiều hơn bao giờ cả, chàng không có thì giờ hỏi cho ra lẽ và vội ôm siết nàng, hôn nàng, và trong khi làm như vậy chàng cảm thấy mọi sự đã trở lại với chàng, một lần nữa tất cả lại là của chàng, tất cả những gì chàng đã sở hữu, hạnh phúc – tình yêu, nhục cảm, niềm vui trong sự sống, và cả sự khoái lạc . Mọi ý nghĩ của chàng đã dờn xa khu rừng và vị ẩn sĩ; những cụm rừng, chòi lá, buổi thiền định đã tan biến, bị lãng quên. Chàng không để ý gì nữa tới cái bầu nước mà chàng phải mang về cho vị ẩn sĩ. Nó vẫn ở đấy, nơi chàng làm rớt trong khi vội vã chạy đến Pravati. Và nàng cũng khởi sự kể cho chàng rõ đầu đuôi tại sao nàng lại đến, và tất cả những gì đã xảy ra bấy lâu nay.

Câu chuyện của nàng thật lạ lùng và thích thú, như một chuyện thần tiên. Dasa lao mình vào đời sống mới cũng như lao mình vào chuyện thần tiên. Bây giờ Pravati lại là của chàng, tên khả ố Nala đã chết.

Sự lòng bất kể sát nhân đã chấm dứt từ lâu. Hơn thế nữa, Dasa, vị thái tử chăn bò, đã được công bố là người kế vị hợp pháp. Tại kinh đô, một mục tử già và một người Bà-la-môn già đã khơi dậy câu chuyện gần như bị lãng quên về sự lưu đày của chàng, chuyện ấy bây giờ trở thành câu chuyện chính yếu ở cửa miệng mọi người.

Chàng, một kẻ đã bị săn đuổi khắp nơi để trị tội hành thích vua, bây giờ ngược lại được tìm kiếm ráo riết hơn nữa, để đưa về kế vị vua.

Thật là giống như một giấc mộng, nhưng cái điều làm chàng thích thú và ngạc nhiên nhất là sự tình cờ tốt đẹp đã run rủi rằng, trong số tất cả những người được phái đi tìm chàng, Pravati lại là người gặp chàng đầu tiên. Ở bìa rừng, chàng thấy những liều trại đã được dựng

lên, mùi khói và thịt nướng xông khắp nơi. Pravati được đoàn hộ tống tung hô nhiệt liệt, và một bữa tiệc lớn bắt đầu ngay khi nàng giới thiệu Dasa, chồng nàng. Trong đám đông có một người xưa kia là bạn mục tử với chàng, chính người này đã dẫn Pravati và tùy tùng của nàng đến đây, vì anh ta nghĩ rằng có lẽ Dasa ưa lẫn khuất ở những nơi mà chàng yêu mến lúc còn thơ. Anh ta cười lớn khi nhận ra chàng, và chạy đến toan ôm chàng, nhưng sức nhớ bây giờ chàng đã là vua, anh bèn lùi lại, kính cẩn cúi chào. Dasa đỡ anh ta lên, siết chặt anh, gọi tên anh và hỏi anh muốn thưởng công như thế nào. Người mục tử chỉ muốn một con bò cái tơ. Dasa liền thưởng cho anh ta ba con từ nơi đàn bò tốt nhất.

Càng lúc càng nhiều người được đưa lên yết kiến vị vua mới : những quan chức, những vị Bà-la-môn trong triều, những người thợ săn của vua. Chàng nhận lời chào mừng của họ. Bữa tiệc được bày ra, tiếng nhạc, trống, kèn, sáo vang lên. Tất cả cảnh tượng tưng bừng của cuộc lễ đối với Dasa dường như là một giấc mộng. Chàng không thể nào ngờ được đây là sự thực. Trong hiện tại, cái có thực duy nhất đối với chàng có lẽ là Pravati, người vợ trẻ mà một lần nữa chàng được ôm siết trong tay.

Đám rước vương giả di chuyển từ từ về kinh đô. Sứ giả được phái về trước để báo tin đã tìm được vua đang trên đường về. Kinh thành rộn tiếng trống nhạc khi Dasa và đoàn tùy tùng tiến đến. Một đoàn diễn hành gồm những người Bà-la-môn vận toàn trắng ra đón chàng, dẫn đầu bởi quan tế tự - người kế vị Bà-la-môn Vasudeva mà ngày xưa khoảng hai mươi năm trước đã gọi Dasa cho đoàn mục tử. Vị Bà-la-môn ấy vừa từ trần cách đây không lâu. Những vị Bà-la-môn tung hô tân vương, hát thánh ca, và dẫn chàng vào cung điện, ở đây

nhiều đám lửa tế thần đã được đốt lên. Dasa được đưa đến chỗ ở mới của chàng. Lại thêm những cuộc vui, chào mừng, chúc tụng, diễn văn. Ngoài cung thành, dân chúng cũng ăn mừng vui vẻ cho đến nửa đêm.

Hằng ngày, Dasa được hai vị Bà-la-môn dạy dỗ và chàng tiếp nhận nhanh chóng những kiến thức cần thiết cho một người trị nước. Chàng dự những buổi tế lễ, ban những chỉ dụ, và luyện tập nghệ thuật chiến đấu. Một người Bà-la-môn tên là Gopala, dạy chàng về chính trị, ông ta giải thích vương hệ của chàng và những đặc quyền trong vương hệ ấy, cho chàng biết những người con trai của chàng trong tương lai sẽ có những quyền như thế nào, và ai là kẻ thù của chàng. Kẻ thù chính yếu là mẹ của Nala, người đàn bà ngày xưa đã tước ngôi và âm mưu giết chàng, người mà bây giờ đương nhiên phải thù ghét kẻ đã giết con mình. Bà ấy đã trốn qua nước láng giềng, sống dưới sự che chở của vua Govinda. Dòng họ ông vua này vốn thù nghịch với dòng họ chàng từ thuở khai thiên lập địa. Họ đã gây chiến với tổ tiên chàng, chiếm vài vùng đất đai của lãnh thổ chàng. Ngược lại láng giềng về phương nam, vua Gaipali thì rất thân với cha chàng và luôn luôn thù nghịch với vua Nala. Bởi thế, nhiệm vụ quan trọng của Dasa bây giờ là thăm ông ta, tặng quà hậu hĩ và mời dự cuộc săn bắn đại quy mô sắp tới.

Pravati thích ứng với thói vương giả rất nhanh. Nàng có cung cách của một bà hoàng, và khi mặc áo đẹp đeo trang sức vào, nàng trông thật lộng lẫy, như thể nàng cũng thuộc dòng dõi vua chúa như chồng nàng. Họ sống với nhau trong nhiều năm hạnh phúc, được dân chúng mến yêu. Và khi cuối cùng, sau nhiều năm chờ đợi, Pravati sinh hạ một trai, thì hạnh phúc của chàng thật là toàn vẹn. Tất cả

những gì mà chàng sở hữu, đất đai, vương quyền, lâu đài, kho lẫm, gia súc, bây giờ dưới mắt chàng có tầm quan trọng mới, càng thêm vẻ chói sáng, càng tăng giá trị. Tài sản đã làm chàng hài lòng vì chàng có thể phung phí nó cho Pravati mà sự kiêu diễm càng tăng bội với đồ trang sức ngọc ngà. Bây giờ tài sản ấy lại càng làm chàng yêu thích hơn, càng quan trọng hơn, bởi vì nó tượng trưng cho di sản chàng sẽ dành cho Ravana, con trai chàng về sau, đó là hạnh phúc tương lai của con chàng.

Thú vui chính yếu của Pravati là lễ lạc, những cuộc diễn hành, nghi vệ hào nhoáng, sự lộng lẫy xa hoa, những thứ sang trọng và một đám đông người hầu. Dasa thì thích vui với khu vườn của chàng. Chàng đã sai mua những thứ cây và hoa quý về trồng, nuôi đầy vườn những thứ chim vẹt và chim có lông ngũ sắc. Một trong những thú vui hàng ngày của chàng là cho chim ăn và nói chuyện với chúng. Thêm vào đó, sự học hỏi cũng lôi cuốn chàng. Chàng tỏ ra là một học trò hiếu hạnh đối với những vị Bà-la-môn, chàng học đọc, học viết, thuộc lòng nhiều bài thơ và ngạn ngữ và giữ một người thư ký riêng có biệt tài chép kinh sách trên lá bối. Với bàn tay khéo của người thư ký này, chẳng bao lâu một thư viện nhỏ thành hình. Ở đây, thỉnh thoảng chàng mời những vị Bà-la-môn trong triều đến, những vị học giả và tư tưởng gia xuất sắc trong số những thầy tu, để tranh luận những vấn đề thần học, về nguồn gốc tạo thiên lập địa, về thánh điển Vệ Đà, về năng lực của tế tự, của khổ hạnh, vân vân. Những vị nào nói hay nhất, đưa ra những luận điệu hợp lý nhất sẽ được trao tặng những phần thưởng. Có người được thưởng một con bò cái dắt theo về, sau khi thành công được một cuộc tranh luận. Có một vẻ gì vừa buồn cười, vừa cảm động, khi thấy những vị học giả vĩ đại ấy,

mới vài phút trước vừa đọc vanh vách những châm ngôn trong kinh Vệ Đà, hoặc vừa chứng tỏ một tri kiến sâu xa về bầu trời và biển cả, mà phút sau ra về, phòng người lên với vẻ kiêu căng rỗng tuếch vì phần thưởng, hay gây gổ nhau vì quà tặng.

Nhìn chung, Dasa không khỏi thỉnh thoảng có tư tưởng xem mọi thứ thuộc đời sống con người và bản chất con người như là một cái gì vừa lạ lùng vừa khả nghi, vừa cảm động vừa lố bịch, cũng như những người Bà-la-môn minh triết và khoa trương kia, đồng thời vừa thông minh vừa ngu tối, đáng học hỏi mà cũng đáng khinh. Mỗi khi ngắm nhìn những hoa sen trong ao vườn, nhìn những bộ lông sặc sỡ của những con chim, nhìn những chạm trổ sắc sảo của cung điện, chàng thấy những vật ấy thật thán iên, rực sáng với ngọn lửa cuộc đời bất diệt. Nhưng khi khác, hay có lúc đồng thời, chàng thấy chúng có vẻ gì không thực, không đáng tin cậy, đang hướng đến huỷ diệt, tan biến, trở về hư vô, vào càn khôn hỗn độn. Hệt như chàng đã là một hoàng tử, rồi trở thành mục tử, tụt xuống bậc thấp nhất : một tên sát nhân, một kẻ ngoài vòng pháp luật; rồi cuối cùng thành thái tử trở lại, như thể được dẫn dắt bởi một năng lực vô hình, với những ngày mai luôn luôn bất định... Cứ thế cái trò huyền hoá của cuộc đời, đâu đâu cũng chứa đựng cùng một lúc sự cao sang và hèn hạ, vĩnh cửu và cái chết, vinh quang và vô nghĩa. Ngay cả Pravati xinh đẹp yêu kiều là thế, mà đôi lúc chàng thấy không còn gì là duyên dáng, nàng mang quá nhiều vòng xuyến, có quá nhiều vẻ đắc thắng kiêu hãnh trong đôi mắt nàng, làm bộ tịch quá nhiều, kiểu cách quá lố để đi đứng cho ra vương giả.

Còn cần thiết với chàng hơn cả khu vườn và sách vở là con trai chàng, sự hoàn mãn của tình yêu và cuộc đời chàng, đối tượng của

hạnh phúc và tình âu yếm. Cậu bé mảnh mai có đôi mắt bồ câu giống mẹ và ưa trầm tư mơ mộng như cha. Mỗi khi Dasa nhìn cậu bé đứng rất lâu trước một gốc cây trong vườn, hay ngồi trên thảm đăm chiêu nhìn một tảng đá, chàng thấy cậu rất giống chàng.

Lần đầu tiên Dasa nhận ra tình yêu nồng nàn của chàng đối với cậu bé khi chàng phải từ giã cậu trong một thời gian bất định. Đó là lúc vào một ngày kia, một sứ giả từ vùng biên giới trở về báo tin quân của Govinda đã xâm nhập bờ cõi, đánh phá cướp bóc, dẫn bò đi và bắt luôn một số thần dân của chàng. Dasa tức tốc chuẩn bị cuộc chinh phạt. Lúc sắp lên ngựa, chàng ôm con vào lòng, hôn trán nó. Tình yêu con bùng cháy trong tim như lửa đốt. Mãnh lực của cơn đau làm chàng ngạc nhiên và suốt đoạn đường hành quân dài, những suy tư chín mùi thành hiểu biết. Chàng suy nghĩ về lý do tại sao chàng ngồi trên yên ngựa, phi nước đại một cách khấn trương tiến đến vùng biên giới. Năng lực nào, chàng tự hỏi, khiến chàng nỗ lực hăng hái như thế ? Nghĩ cho cùng, chàng nhận thấy rằng gia súc hay người có bị bắt đi bớt một ít cũng không phải là điều quan trọng đối với chàng. Sự việc kẻ thù coi nhẹ uy quyền chàng cũng không đủ để khơi dậy giận dữ nơi chàng, thúc đẩy chàng hành động. Đối với chàng, thái độ tự nhiên hơn có lẽ là cho bỏ qua mẫu tin ấy với một nụ cười trác ải. Nhưng làm như vậy, chàng biết sẽ phạm một điều bất công lớn đối với viên sứ giả, người đã chạy hụt hơi về để báo tin cho chàng đến nỗi gần như kiệt sức và ngã quỵ. Và làm như vậy cũng bất công đối với những thần dân đang bị giặc bắt làm tù binh, làm nô lệ. Rồi những thần dân khác dù chưa bị hại, cũng sẽ lấy làm bất mãn trước thái độ thụ động của chàng, đã không tích cực bảo vệ xứ sở. Đối với họ lẽ đương nhiên là nếu họ bị xâm phạm thì vua phải che

chở và trả thù cho họ. Chàng hiểu rằng mình có bốn phận phải chiến đấu để trả thù. Nhưng có thực là bốn phận chăng ? Có biết bao nhiêu bốn phận chúng ta thường bê trễ, lơ là với chúng mà không một chút áy náy trong lòng ? Lý do nào làm cho cái phận sự trả thù lại không phải là một phận sự đương nhiên không thể xao lãng, lý do nào khiến chàng không phải chỉ làm phận sự ấy một cách miễn cưỡng cho xong, mà trái lại, làm một cách miễn cưỡng cho xong, mà trái lại, làm một cách hăng hái, say mê ? Vừa khi câu hỏi khởi lên, trái tim chàng đã trả lời ngay tức khắc, và một lần nữa nó lại run lên vì nỗi đau mà chàng cảm thấy lúc chia tay với con chàng. Nếu chàng, một vị vua, không có phản ứng nào, khi bờ cõi bị xâm lăng, thì sự cướp bóc bạo hành sẽ lan dần đến kinh đô và đánh ngay vào nơi hiểm yếu nhất là con chàng. Chúng sẽ bắt con chàng, người kế vị, đem đi xa giết đi hay hành hạ nó, và đấy là nỗi đau đớn cùng cực nhất đối với chàng, còn hơn gấp bội cái chết của Pravati. Vậy, đó là lý do làm chàng hăm hở phi nước đại, làm chàng chứng tỏ là một bậc minh quân : không phải vì quan tâm đến chuyện mất trâu, bò, đất đai, không phải vì thương yêu gì thần dân, cũng không phải vì muốn xứng đáng truyền thống kiêu hùng của ông cha chàng, mà chỉ vì tình yêu nồng nàn, đau khổ, phi lý đối với đứa con trai, và vì nỗi sợ hãi cũng rất nồng nàn phi lý, sợ sẽ phải đau đớn vô cùng nếu mất con. Trong khi cưỡi ngựa, chàng đã hiểu ra như thế. Tuy nhiên, chàng đã không trừng phạt được những quân lính của Govinda đến cướp bóc trên đất nước của chàng, vì chúng đã chạy thoát mang theo những chiến lợi phẩm. Bây giờ muốn tỏ sự cương quyết của mình, chàng phải xâm lăng lại đất đai kẻ thù, tàn phá một khu làng ở biên giới ấy, mang về một ít trâu bò và nô lệ.

Chàng đi đi nhiều ngày. Trên đường thắng trận trở về, chàng lại rơi vào trạng thái trầm tư và đến hoàng cung với bao lặng lẽ buồn sâu. Bởi vì chàng đã nhận thấy mình hoàn toàn bị trói buộc, bị vướng bầy không hy vọng thoát ra; toàn thể con người chàng và những hành động của chàng đều bị siết chặt bởi một mạng lưới quỷ quái yêu ma. Trong khi khuynh hướng trầm mặc yếu thích đời sống tự nhiên nơi chàng càng ngày càng tăng trưởng, thì từ một nguồn suối khác, đồng thời cũng tăng trưởng tình yêu đối với Ravana, nỗi lo ngại cho mạng sống và tương lai. Tình yêu ấy thúc giục chàng hăng say hành động đến nỗi phải vướng vào mâu thuẫn xung đột càng ngày càng trầm trọng. Từ tình yêu ấy, tăng thêm sự xung đột trong lòng chàng; từ tình yêu ấy, tăng trưởng chiến tranh. Trong nỗ lực đem lại công bằng, chưa gì chàng đã xâm phạm một đàn bò, khủng bố một khu làng, bắt bớ những người dân vô tội. Dĩ nhiên, từ hành động đó sẽ nảy sinh một trận trả đũa, một cuộc bạo động mới, và cứ thế tiếp tục mãi cho đến khi cả cuộc đời chàng, toàn thể đất nước của chàng lao vào cuộc chiến tranh và bạo động. Chính viễn tượng ấy làm cho chàng trở nên trầm mặc, ưu tư trên đường thắng trận trở về. Chàng đã đoán đúng. Nước láng giềng thù nghịch không để chàng yên. Những cuộc xâm phạm, cướp bóc gia tăng. Dasa lại phải lên đường hành quân để trả thù và tự vệ; khi kẻ thù rút lui, quân của chàng lại trả đũa bằng cách đánh phá dân làng của nước nghịch ở vùng biên giới. Càng ngày hình ảnh kỵ binh càng trở nên quen thuộc với dân trong thành. Ở nhiều làng biên giới bấy giờ luôn luôn có những đạo binh canh phòng cẩn mật. Những hội nghị quân sự chuẩn bị chiến tranh làm cho tâm trí họ xáo trộn. Chàng mất hết những ngày an ổn. Chàng không hiểu nổi cuộc chiến dai dẳng này sẽ có ích

lợi gì, chàng đau buồn cho số phận những nạn nhân, cho thi thể những người chết. Chàng buồn, vì phải xa dần khu vườn và sách vở. Chàng tiếc sự an tĩnh tâm hồn và những ngày yên ổn trong đời chàng đã không còn nữa. Chàng thường nói những điều ấy với Gopala người Bà-la-môn và đôi khi với vợ chàng.

Có nên nhờ một vị vua nước láng giềng làm trung gian hoà giải không ? Về phần chàng, chàng sẽ sẵn sàng nhượng một ít đồng cỏ và làng mạc để đem lại hoà bình. Chàng thất vọng và hơi giận khi cả hai người, Gopala và vợ chàng, đều nhất quyết không đồng ý phương án như thế.

Sự bất đồng quan điểm giữa chàng với Pravati đưa đến một trận gây gổ kịch liệt, và chấm dứt bằng sự không nhìn mặt nhau. Chàng đã cố thuyết phục nàng với lời hơn lẽ thiệt, song nàng làm như thể mỗi lời chàng nói ra không phải là chống chiến tranh mà chỉ cốt chống nàng. Nàng nói dông dài cho chàng hiểu rằng quân thù sẽ lợi dụng tính hiếu hoà của chàng để bắt chàng ký hết thoả ước này đến thoả ước khác, mỗi lần lại phải nhượng đất và dân, mà cuối cùng chúng cũng không thoả mãn, sẽ trở lại gây chiến và cướp tất cả những gì còn lại. Nàng không quan tâm đến trâu bò hay làng mạc, mà đến số phận của toàn dân, sự tồn vong của tất cả mọi người . Nếu Dasa không biết bổn phận của mình đối với vương quốc, với con với vợ, thì nàng phải dạy cho chàng. Mắt nàng long lên, tiếng nàng the thé, đã lâu chàng mới lại thấy nàng đẹp làm sao, dữ dằn làm sao. Nhưng chàng chỉ cảm thấy buồn sâu.

Những cuộc xâm lăng của quân thù ở vùng biên giới vẫn tái diễn, chỉ tạm ngưng trong mùa mưa. Bấy giờ trong triều chia hai phe rõ rệt : phe muốn hoà rất ít, ngoài Dasa chỉ vồn vện vài vị Bà-la-môn già,

những người trí thức ưa thiên định. Phe hiếu chiến của Pravati và Gopala chiếm đa số những tu sĩ Bà-la-môn và toàn thể võ quan. Cả nước hăng say chuẩn bị chiến tranh, có tin cho hay rằng nước láng giềng Govinda cũng đang luyện tập binh mã. Trưởng đoàn thợ săn dạy cho thái tử Ravana cách bắn cung, mẹ cậu đưa cậu đi xem mọi cuộc duyệt binh ứng chiến.

Trong thời gian đó, Dasa thỉnh thoảng nhớ tới khu rừng nơi chàng đã ẩn náu với vị ẩn sĩ già đầu tóc bạc trắng ngồi đăm chiêu thiên định. Đôi khi chàng cảm thấy muốn đến viếng người, hỏi ý kiến của người. Nhưng chàng không biết vị ấy còn sống không, cũng không biết ông có chịu nghe và khuyên bảo chàng không. Nhưng dù ông ta còn sống và có khuyên bảo chàng, thì mọi sự cũng sẽ đi con đường của nó mà không gì thay đổi được. Thiên định và trí tuệ thật tốt, đó là những chuyện cao quý, nhưng chúng chỉ là một phương tiện bên lề cuộc đời. Khi bạn đang bơi trong dòng đời và vật lộn với sóng gió, thì những hành động và khổ đau của bạn không liên quan gì đến trí tuệ cả, chúng cứ tự đến, như thể định mệnh bảo ta phải hành động và đau khổ. Ngay cả những Thượng đế cũng không sống mãi trong an bình vĩnh cửu và trí tuệ vĩnh cửu. Họ cũng phải trải qua những hiểm nguy và sợ hãi, chiến đấu, đánh nhau, chàng đã biết điều ấy từ nhiều chuyện kể về những vị thánh.

Bởi thế Dasa nhượng bộ, chàng không cãi với Pravati nữa. Chàng duyệt binh, chờ đợi chiến tranh đến, thấy trước nó trong những giấc mộng寐, và khi thân thể gầy mòn, mặt sạm đen, chàng thấy hạnh phúc cũng phai tàn và niềm vui cũng tan mất. Chỉ còn lại tình yêu đối với con trai chàng, tình yêu ấy tăng theo với nỗi lo ngại của chàng, với cảnh luyện tập và võ trang của quân lính.

Sự thách thức của Govinda ngày càng trắng trợn và thường xuyên hơn. Hội đồng chiến tranh của chàng chỉ còn bất đồng về điểm nên đáp lại cuộc khuấy phá sắp tới của kẻ thù bằng một cuộc chinh phạt, hay nên chờ khi chúng vi phạm trầm trọng hơn mới ra tay, để cho mọi người ở giữa có thể thấy bên nào lỗi trước.

Nhưng kẻ thù của chàng đã ra tay trước bằng một cuộc tấn công đại quy mô khiến cho Dasa và tất cả quân thiện chiến phải tức tốc hành quân đến biên giới. Trong khi đó quân lực chính quy của Govinda đã xâm nhập xứ sở, bao vây kinh đô. Khi nghe tin, Dasa vội quày ngựa lại. Chàng biết vợ con chàng đang bị vây khốn, những trận chiến đẫm máu đang diễn ra tại các ngã đường trong thành. Chàng vội vã thúc ngựa về kinh, đánh một trận xáp lá cà với quân địch cho đến khi trời tối, rồi chàng ngã quỵ kiệt sức vì máu chảy từ nhiều vết thương trên cơ thể.

Khi tỉnh dậy, chàng thấy mình bị bắt làm tù binh.

Cuộc chiến đấu đã thất bại. Thành phố và cung điện đã rơi vào tay kẻ thù. Chàng bị trói và dẫn đến trước mặt Govinda, hấn chào chàng một cách khinh bỉ và cho đưa chàng đến một phòng khác trong cung, đó là thư viện của chàng. Ở đây, đang ngồi thẳng đuột với gương mặt lạnh như đá, là Pravati vợ chàng. Quân lính vũ trang canh gác sau lưng nàng. Nằm vắt trên gối nàng là con trai của họ, như một cành hoa gãy; con chàng với thân thể mảnh mai nằm bất động, mặt xám ngắt, y phục đẫm máu. Người đàn bà không quay lại khi chàng được dẫn vào. Nàng không thấy chàng, đôi mắt đã hết thần sắc nhìn chòng chọc vào thi thể nhỏ bé của Ravana. Nhưng Dasa thấy nàng dường như khác lạ, biến đổi hẳn. Một lát sau chàng mới nhận ra rằng tóc nàng, mới mấy hôm trước còn đen láy, mà hôm nay đã lốm

đốm hoa râm. Nàng có vẻ như đã ngồi đấy từ lâu, câm lặng với thi thể đứa bé trên gối.

“Ravana!”. Chàng kêu lên. “Ravana, con ời!”. Chàng quỳ gối xuống. Mặt chàng áp xuống đầu đứa bé đã chết. Chàng quỳ xuống trong tư thế cầu nguyện trước người đàn bà câm lặng và đứa con đã chết, chàng khóc cho cả hai. Chàng ngửi thấy mùi máu me và tử khí hoà lẫn với mùi nước hoa trên tóc con chàng. Trong nỗi lặng câm, Pravati nhìn chòng chọc vào hai cha con.

Có ai lắc vai chàng. Ấy là một viên quan của Govinda đến bảo chàng đứng lên. Những người lính dẫn chàng ra ngoài. Chàng đã không nói một lời với Pravati, nàng cũng không nói gì với chàng. Hai tay bị trói, chàng được đặt lên xe đưa đến một khu trại trong lãnh thổ của Govinda. Ở đấy người ta nói lỏng dây trói cho chàng. Một người lính đem lại một gàu nước đặt trên nền đá. Cửa đã đóng và khoá lại. Chàng bị nhốt lại một mình. Một vết thương trên vai chàng đau nhức như lửa đốt. Chàng sờ soạng tìm gàu nước, thấm ướt tay và mặt. Chàng muốn uống nhưng lại thôi, vì chàng nghĩ như thế này sẽ chết nhanh hơn. Còn bao lâu nữa, hỡi trời, còn bao lâu nữa. Chàng ao ước được chết như cổ họng khát cháy của chàng mong uống nước. Chỉ có chết mới làm lắng xuống nỗi đau khổ hành hạ tâm can chàng. Chỉ có chết mới xoá nhoà được hình ảnh người mẹ với xác đứa con trên gối. Trong cơn đau khổ, may thay, vì quá mệt mỏi, chàng ngã quỵ và thiếp ngủ. Khi tỉnh lại sau cơn ngủ gật ngắn ngủi, chàng cố dụi mắt mà không được. Cả hai tay chàng đang bặm nắm chặt một vật gì. Chàng cố sức mở mắt ra, thì thấy mình không còn ở giữa bốn bức tường nhà tù nữa. Ánh sáng đập vào chàng như một vố đánh thật mạnh, mặc dù lạnh lẽ. Một cơn rung mình vì kinh hãi chạy khắp

người chàng từ sau gáy xuống dọc xương sống. Chàng chớp mắt một lần nữa, và mở lớn đôi mi.

Chàng đang đứng giữa một khu rừng, hai tay cầm một bầu đầy nước. Dưới chân chàng, lòng suối phản chiếu những màu nâu lục. Xa hơn rặng phong kia, chàng nhớ lại, là gian chòi của vị ẩn sĩ đang chờ đem nước về, người đã cười một cách lạ lùng, người mà chàng đã yêu cầu dạy cho chàng thêm về Maya.

Chàng đã không thua trận, cũng không có đứa con nào hết. Chàng cũng không từng làm vua hay làm cha ai cả. Đúng hơn, vị ẩn sĩ đã đáp lại lời yêu cầu của chàng, đã dạy cho chàng về Maya. Lâu đài, vườn tược, thư viện và quân lính, những lo âu của vương nghiệp và của người làm cha, chiến tranh và ghen tuông, tình yêu và nghi kỵ, tất cả thứ đó không là gì cả. Không, không phải hoàn toàn không, mà là huyễn. Dasa đứng đấy, rã rời, những giọt nước mắt lăn xuống má. Tay chàng run rẩy, làm nghiêng bầu, nước tràn ra chảy xuống đôi chân. Chàng cảm thấy nhu ai vừa chặt bớt tay chân mình, lấy bớt một cái gì từ nơi đầu mình. Bỗng chốc, những năm dài chàng đã sống, những kho báu chàng nâng niu, lạc thú chàng đã hưởng, nỗi đau chàng đã chịu, những kinh hoàng chàng đã trải, nỗi tuyệt vọng chàng đã ném cho đến mé bờ cái chết - tất cả những thứ ấy đã tuột khỏi chàng, trở thành số không tan biến. Nhưng không phải hoàn toàn là không. Vì ký ức vẫn còn đó. Những hình ảnh vẫn còn trong trí chàng. Chàng vẫn còn thấy được Pravati đang ngồi, cao và cứng đờ, tóc trở màu hoa râm một cách đột ngột, đứa con trai trên chân nàng, như thể chính nàng vừa giết nó. Đứa trẻ nằm như miếng mồi của một con thú, đôi ống chân thông xuống một cách què quặt trên gối nàng.

Ồi thật mau chóng, thật tàn khốc, thật kinh khủng và trọn vẹn làm sao, bài học chàng đã học về Huyền hoá. Mọi sự đã bị xáo trộn một cách lạ kỳ, những năm dài trĩu nặng đã được thu gọn lại thành khoảnh khắc. Tất cả thực tại rộn ràng đó chỉ là một giấc chiêm bao. Vậy thì có lẽ chàng cũng đã chiêm bao tất cả những gì xảy ra trước đây, câu chuyện về hoàng tử Dasa, về cuộc đời du mục, về cuộc hôn nhân, về việc báo thù, về sự ẩn náu của chàng bên vị ẩn sĩ. Tất cả những việc này đều là những hình ảnh mà người ta có thể ngắm trên bức tranh chạm trổ của một lâu đài; ở đây hoa, tinh tú, chim, khỉ, và những thiên thần có thể được trông thấy giữa khóm lá. Và những gì chàng đang nếm trải ngay lúc này, những gì chàng thấy trước mắt sau khi tỉnh dậy từ chuyện làm vua, chuyện chiến tranh và bị cầm tù, những gì chàng thấy trong khi đang đứng bên bờ suối, cái bầu nước chàng vừa làm đổ một ít, cùng với tất cả những suy tư của chàng về mọi sự, phải chăng tất cả cũng đều là một thứ mộng huyền như nhau? Đó không phải là ảo tưởng, là Maya sao? Mọi sự mà chàng còn sẽ trải qua trong tương lai, sẽ thấy bằng mắt và sờ bằng tay, cho đến lúc chết - tất cả đó có chút gì khác nhau với kinh nghiệm trước ? Tất cả đều là trò chơi, là giả huyền, là bọt nước, là chiêm bao. Toàn thể lăng kính muôn mặt của cuộc đời với đủ cung bậc lạc thú và khổ sầu này, tất cả chỉ là mộng huyền, Maya. Dasa vẫn đứng trơ ra đây. Bầu nước lại bị nghiêng, đổ ra một ít làm ướt chân chàng và ngấm vào đất. Bây giờ chàng phải làm gì ? Múc đầy nước trở lại, mang về cho vị ẩn sĩ, để bị cười nhạo nữa về những gì chàng đã chịu đựng trong giấc chiêm bao ư ? Điều ấy không làm chàng vui lắm. Chàng đổ hết nước trong bầu, ném nó trên rêu rồi ngồi xuống thảm cỏ xanh mà khởi sự suy nghĩ nghiêm túc. Chàng đã quá ngấy

chán cái trò mộng mị này, trò chơi quỷ quái với những lạc thú và đau khổ nghiền nát tim mình, làm cho máu mình đông lại, chỉ để đột nhiên bừng mắt dậy thấy tất cả chỉ là Maya và mình chỉ là một tên ngốc nghếch.

Chàng đã ngấy chán mọi thứ. Bây giờ chàng không còn ham vợ con gì nữa, không ham ngai vàng, chiến thắng hay trả thù, không ham hạnh phúc hay trí khôn, không ham quyền lực hay đức hạnh gì nữa hết. Chàng chỉ mong được an tĩnh, được chấm dứt sự hỗn loạn này. Chàng không còn mong muốn gì ngoài việc chặn đứng bánh xe quay bất tận này, chấm dứt cảnh tượng diễn biến đến vô cùng này và dập tắt tất cả.

Chàng muốn tìm sự ngơi nghỉ, muốn dập tắt chính mình đi. Đó chính là điều chàng mong mỗi trong khi sấn tới kẻ thù trong trận chiến đấu cuối cùng, đánh vung vít và bị đánh trở lại, vung những nhát chém và nhận những vết thương, cho đến khi ngã gục. Nhưng rồi thì sao? Rồi thì có một giai đoạn ngắn ngủi bất tỉnh nhân sự, hay ngủ quên, hay cái chết, nhưng liền sau đó lại tỉnh dậy, lại phải nhận mạch sống vào tim, lại phải để cho dòng thác lũ những hình ảnh ghê rợn, kinh khiếp một lần nữa trút vào nhãn thức bất tận, không thể thoát khỏi, cho đến lần bất tỉnh kế tiếp, cái chết kế tiếp. Có lẽ đó chỉ là một sự tạm ngưng, một lúc ngơi nghỉ, một dịp để lấy lại hơi thở mà thôi. Không thể nào có sự dập tắt. Nó cứ tiếp diễn bất tận.

Nỗi bất an làm chàng đứng lên lần nữa. Nếu đã không có sự nghỉ ngơi nào cho cái vòng lẩn quẩn khốn khổ này, nếu mong ước tha thiết nhất của chàng không thể nào thực hiện, thì sao bằng cứ múc đầy bầu nước mà mang về ông già cho xong, mặc dù ông ta không có quyền gì ra lệnh cho chàng. Đây là một dịch vụ chàng được nhờ

vả, một phận sự phải làm. Chàng có thể cứ vâng lời và thi hành phận sự ấy, như thế còn tốt hơn là cứ ngồi lì ở đây mà trầm tư về những cách tự huỷ. Nói cho cùng, thì vâng lời và phục vụ vẫn tốt hơn và dễ hơn nhiều, vô hại hơn nhiều, so với sự ra lệnh và nhận trách nhiệm. Chàng biết được chừng ấy. Được rồi, Dasa, hãy lượm bầu, múc đầy nước rồi mang về cho thầy đi.

Khi chàng về tới chòi, vị thầy đón chàng bằng cái nhìn lạ lùng như dò hỏi, như thương cảm, lại như cái nhìn của một cậu bé ranh mãnh xí gạt được một đứa bé khác – cái anh chàng mục tử hoàng gia này, y chỉ có ra suối lấy nước rồi trở về không hơn mười lăm phút. Vậy mà đồng thời, y cũng đi ở tù về, đã mất một người vợ, một đứa con trai, một vương quốc, đã sống trọn một đời và đã thoáng thấy bánh xe sinh tử. Có lẽ y đã có dịp được thức tỉnh hơn một lần về trước, nếu không y đã không lai vãng tới đây và lưu lại lâu đến thế. Nhưng bây giờ dường như y đã được thức tỉnh đúng mức, đã có căn cơ thuận thực để bắt đầu cuộc hành trình dài. Cần phải mất nhiều năm chỉ để mà dạy cho y cách ngồi và thở.

Chỉ bằng một cái nhìn ấy, cái nhìn chứa đựng mối tương giao sư đệ, chỉ với duy nhất một cái nhìn ấy, vị ẩn sĩ thấu nhận chàng làm môn sinh. Cái nhìn ấy đã đánh tan tất cả những tư duy vô ích trong đầu người đệ tử. Nó buộc chàng vào nếp sống kỷ luật và phục vụ. Từ đó chàng không bao giờ rời khỏi khu rừng.

Hết

Hermann Hesse

Câu chuyện dòng sông

Giới thiệu

tác giả : Hermann Hesse : 1877-1962

giải Nobel Văn chương 1946

Quyển “Câu chuyện dòng sông” dịch từ truyện “Siddhartha” trong tập “Weg nach Innen” (Đường về nội tâm) của Hermann Hesse.

Hermann Hesse là một nhà văn hào của văn học Đức ở thế kỷ XX, sống cùng một thế hệ với Thomas Mann, Werfel, Wassermann và E. VI Salomon.

Hesse sinh năm 1877, được giải thưởng Nobel về văn chương năm 1946, tác giả nhiều tập thơ và nhiều cuốn tiểu thuyết bất hủ như Peter Camenianl (1904), Demian (1919), Der Steppenwol (1927), Narziss und Goldmun (1930), Das Glaserlenspiel (1943).

Tất cả tác phẩm của Hermann Hesse đều nói lên niềm cô đơn tâm linh của con người thời đại, nổi thao thức triền miên của những tâm hồn khát khao đi tìm một chân trời mới cho đời mình và nhất là những nỗ lực vô hạn để vươn lên mọi ràng buộc của thân phận làm người.

Trọn tác phẩm của Hermann Hesse là lời thánh ca bay vút lên chín

tầng trời, vọng lên nỗi đau đớn vô cùng của kiếp sống, là lòng hướng vọng nghìn đời của con người, dù bơ vơ bất lực mà vẫn luôn luôn tha thiết đi tìm giải thoát ra ngoài mọi giới hạn tầm thường của đời sống tẻ nhạt:

“Dù bị đau đớn quằn quại, tôi vẫn tha thiết yêu thương trần gian điên dại này”

Und allem Weh zum Trotze beib ich.

Verliebt in die verrucki Welt.

Khi viết dòng thơ trên phải chăng Hermann Hesse đã muốn nói lên tất cả ý nghĩa của sự nghiệp văn chương ông giữa cơn biến động phũ phàng của thời đại? Ý nghĩa thâm trầm ấy cũng bàng bạc trong quyển “Câu chuyện dòng sông”

Đọc “Câu chuyện dòng sông”, chúng ta sẽ thấy rằng cuộc đời đáng sống và chứa đựng muôn ngàn hương sắc tuyệt vời, mà chúng ta thường bỏ quên và đánh mất giữa đời sống thường nhật. “Câu chuyện dòng sông” là câu chuyện của mỗi người trong chúng ta; đó cũng là hình ảnh muôn thuở của trần gian và của mộng đời bất tuyệt. Phùng Khánh, Phùng Thăng.

CÂU CHUYỆN DÒNG SÔNG

của Hermann Hesse

LÁ BỐI

in lần thứ nhất 1965

in lần thứ hai 1966

AN TIÊM

in lần thứ ba 1967

in lần thứ tư 1970

in lần thứ năm 1972

in lần thứ sáu 1974

Hermann Hesse

Câu chuyện dòng sông

Chương 1

TẮT ĐẠT

Cạnh những con thuyền, dưới ánh nắng ven sông, trong bóng cây cổ thụ và trong khu rừng vàng nhạt, Tất Đạt, người con trai Bà La Môn đỉnh ngộ ấy đang lớn lên cùng bạn chàng là Thiện Hữu. Nắng nhuộm màu “bồ quân” đôi vai thon đẹp khi chàng tắm lễ “thánh tẩy”. Mắt chàng thoáng những nét trầm tư mỗi lúc chàng dạo chơi trong khu rừng xoài, khi nghe mẹ hát, trong những buổi học với cha, hay khi chuyện trò cùng những người thức giả. Tất Đạt từ lâu đã sớm dự phần trong các cuộc đàm luận của những bậc tri thức, thường tranh biện với Thiện Hữu và cùng bạn thực tập suy tư quán tưởng. Chàng có thể đọc tiếng “Om”* trong im lặng – nói tiếng ấy trong tâm khi thở vào và thở ra, với tất cả tâm hồn, vầng trán chàng chói ngời tia sáng trí tuệ.

Cha chàng rất sung sướng vì con thông minh và khát khao hiểu biết. Ông tin tưởng chàng sẽ lớn lên thành một học giả, một mục sư, một hoàng tử trong giới Bà La Môn.

Mẹ chàng đầy kiêu hãnh khi nhìn con đi, đứng, khỏe mạnh, xinh đẹp,

dẻo dai. Tất Đạt chào mẹ với một dáng điệu nho nhã.

Và mỗi khi Tất Đạt dạo bước qua phố phường, với vầng trán cao, đôi mắt vương giả, dáng điệu thanh tao, thì những cô gái Bà La Môn bỗng nghe lòng rộn lên một niềm yêu thương rào rạt.

Thiện Hữu bạn chàng, con một người Bà La Môn, yêu chàng hơn ai hết. Chàng yêu đôi mắt và giọng nói trong trẻo của Tất Đạt. Chàng yêu dáng đi của Tất Đạt, cử động của chàng. Chàng yêu tất cả những điều Tất Đạt làm và nói, và trên tất cả, chàng yêu kiến thức của Tất Đạt, những tư tưởng đẹp đẽ và đầy nhiệt tình, ý chí mạnh mẽ và thiên tính cao vời của chàng. Thiện Hữu biết rằng chàng trai kia sẽ không trở thành một người Bà La Môn tầm thường, một người hành lễ tế thần biếng nhác, một kẻ ham nói phù chú, một người hùng biện khoác lác, một mục sư xảo quyệt, hay chỉ một con chiên ngoan ngổ ngẩn giữa đàn chiên đông. Không, và chính chàng, Thiện Hữu cũng không muốn trở thành một Bà La Môn như trăm ngàn Bà La Môn khác. Chàng muốn theo Tất Đạt, con người khả ái tuyệt vời kia. Vì nếu Tất Đạt có ngày trở thành một vị chúa tể, nếu có một ngày chàng bước vào cõi quang minh, thì lúc ấy Thiện Hữu muốn theo chàng như bạn chàng, như người tôi tớ của chàng, như cái bóng của chàng.

Mọi người đều yêu quý Tất Đạt như thế. Chàng làm cho họ vui vẻ hạnh phúc. Nhưng chính chàng, Tất Đạt, lại không hạnh phúc. Lúc lang thang dọc những con đường hồng trong vườn, khi ngồi trầm tư trong bóng xanh nhạt của cụm rừng, khi rửa đôi chân trong buổi thánh tẩy với tư thái đầy trang nghiêm, đâu đâu chàng cũng được mọi người quý trọng và là nguồn vui cho tất cả. Tuy thế thâm tâm chàng lại không được yên vui. Mơng ảo và những suy tư khắc khoải

dồn vào tâm tưởng chàng từ khúc sông cuộn cuộn, từ những vì sao lấp lánh, từ ánh mặt trời chan hoà. Mộng tưởng và vọng động xâm chiếm chàng, dâng lên từ làn khói của những cuộc tế thần, phát ra từ những thánh thi tuôn tràn từ những giáo lý của các vị Bà La Môn. Tất Đạt bắt đầu thấy những hạt giống khổ đau trong chàng. Chàng bắt đầu cảm thấy tình thương của song thân cũng như tình thương của Thiện Hữu không thể cho chàng hạnh phúc bình an, không thể thoả mãn chàng. Chàng bắt đầu ngờ rằng phụ thân đáng kính của chàng và các sư phụ khác, những vị Bà La Môn thông thái đã truyền hết cho chàng những tri kiến của họ rồi, tất cả kiến thức của họ đã trút vào túi khôn của chàng rồi. Nhưng túi khôn không đầy, trí năng chàng không thoả mãn, linh hồn chàng không bình yên và con tim không an nghỉ. Nước tịnh thuỷ tắm hàng ngày thật tốt, nhưng đây cũng chỉ là nước, không thể rửa sạch tội lỗi, không làm vơi bớt khổ đau của tâm hồn. Những cuộc tế thần và khấn nguyện cùng Thượng đế thật là tuyệt diệu, nhưng đấy phải chăng là tất cả? Và thần linh ấy là gì? Có phải thật là đáng sáng tạo ra thế giới? Không phải rằng linh hồn duy nhất đã tạo ra vũ trụ hay sao? Và thần linh phải chăng là những hình thái được tạo dựng như tôi và người, những sinh vật phù du? Và như thế phải chăng rất nên dâng lễ cho các thần linh? Và ta phải dâng cúng lễ vật cho ai nữa, phải kính nể ai nữa nếu không phải thần linh. Linh hồn duy nhất? Và linh hồn ở đâu, trái tim bắt diệt ở đâu, nếu không phải Tự ngã, trong phần thâm sâu, bất diệt mà mỗi người đều mang sẵn? Nhưng đâu là Tự ngã ấy, phần thâm sâu ấy? Đấy không phải là thịt xương, cũng không phải tư tưởng hay ý thức. Những người trí thức đều dạy chàng như thế. Vậy thì nó ở đâu? Đi tìm Tự ngã, Linh hồn ấy, có nơi nào khác đáng đặt chân không?

Không ai chỉ đường, vì không ai biết, từ cha chàng, thầy chàng, những bậc thức giả cho đến những bài thánh thi. Những người Bà La Môn và những thánh kinh của họ biết hết về mọi sự, họ đã đi sâu vào mọi vấn đề - sự tạo thiên lập địa, nguồn gốc của ngôn ngữ, thức ăn, hơi thở vào, thở ra, sự sắp đặt của những giác quan, hành động của những thần linh. Họ thông thạo vô số vấn đề - nhưng có bỏ công không, nếu họ không thấu hiểu vấn đề quan trọng độc nhất?

Nhiều câu thơ của thánh kinh nhất là Áo Nghĩa Thư – có nói về cái thâm sâu ấy. Kinh chép rằng: “Linh hồn mi là cả vũ trụ”. Khi một người ngủ, người ấy đi vào trong phần thâm sâu của mình và an trú trong linh hồn. Những câu thơ này chứa đựng một trí tuệ tuyệt diệu, mọi hiểu biết của thánh hiền đã diễn tả đầy trong ngôn ngữ diễm lệ, trong trẻo như mật hoa mà những con ong hút được. Không, vốn liếng tri thức to tát ấy, đã được bao thế hệ kế tiếp của những người hiền triết Bà La Môn kết tập duy trì, không thể nào dễ khinh thường. Nhưng đâu là những người Bà La Môn, mục sư, hiền triết đã thành công – không những trong sự nắm vững được tri thức sâu xa nhất này mà còn trong sự chứng nghiệm tri thức ấy? Đâu là người đã được điểm đạo để có thể, khi đạt đến linh hồn trong giấc ngủ, giữ linh hồn ấy lại trong trí thức, trong đời sống, khắp nơi, trong ngôn ngữ và hành động hàng ngày? Tất Đạt quen biết rất nhiều vị Bà La Môn đáng kính, nhất là cha chàng, một người thánh thiện, thông thái và được quý trọng. Cha chàng thật đáng kính phục với phong độ trầm tĩnh uy nghi. Ông sống một đời sống tốt đẹp, lời nói thì khôn ngoan, tư tưởng thì thanh cao, tế nhị - nhưng cả đến ông ta, người biết nhiều như thế, ông ta sống có hạnh phúc chăng? Có được bình an chăng? Ông ta lại không là người không ngớt tìm kiếm đó sao? Ông

lại không liên tục tìm đến nguồn với cơn khát không bao giờ được thoả mãn, đến những cuộc tế thần, hay tìm đến sách vở và những cuộc luận đàm của dòng Bà La Môn đấy hay sao? Tại sao cha, người không có lỗi lầm ấy, phải rửa sạch tội lỗi và ráng sức tẩy mình mỗi ngày? Thế thì linh hồn không có ở trong cha hay sao? Nguồn suối không có sẵn trong chính tâm ông sao? Người ta phải tìm thấy nguồn ở ngay trong tự thân mình, phải chiếm hữu nó. Mọi việc làm khác đều là mò mẫm sai lầm.

Đấy là những suy tư của Tất Đạt, nỗi khát khao của chàng, nỗi sầu muộn của chàng.

Chàng nhắm lại với mình những lời trong quyển thánh kinh: “Thật ra tên của Đại ngã là chân lý. Thật vậy, ai biết điều này sẽ đi vào thế giới thần tiên mỗi ngày”. Thế giới thần tiên ấy có vẻ như gần, nhưng chưa bao giờ chàng hoàn toàn đạt đến nó thật sự, chưa bao giờ chàng thoả mãn được nỗi khát khao to lớn nhất. Và trong số những bậc hiền triết mà chàng quen biết và nghiền ngẫm lời dạy, cũng không có một ai hoàn toàn đạt đến cõi ấy - thế giới thần tiên. Không một ai giải thích được niềm khát khao tối hậu.

- Thiện Hữu, Tất Đạt nói với bạn, bạn hãy đi cùng tôi lại cây bàng kia. Chúng ta hãy tập thiền quán.

Họ đến cây bàng và ngồi cách nhau hai chục bước. Khi chàng ngồi, sẵn sàng đọc chữ “Om”, Tất Đạt lẩm nhẩm đọc câu thơ: “Om là chiếc cung, mà tên là linh hồn. Thượng đế, là đích mũi tên. Ở đó người nhắm đến không lay chuyển”.

Khi giờ tập tọa thiền ấy đã qua, Thiện Hữu đứng dậy. Trời đã về chiều. Ấy là giờ thánh tẩy buổi chiều. Thiện Hữu gọi tên bạn, nhưng Tất Đạt không trả lời. Chàng ngồi đăm chiêu, đôi mắt chú mục như

hướng về một cõi xa xăm, đầu lưỡi hơi lộ ra giữa hai hàm răng bầu biếc. Chàng không có vẻ như đang hô hấp; chàng ngồi như thể mất hút trong quán tửu, nghĩ “Om”, linh hồn như mũi tên hướng về Đại ngã, Thượng đế.

Một ngày kia, vài vị Sa Môn đi qua thành phố của Tất Đạt. Là những người khổ hạnh lang thang, họ gồm ba người đã gầy mòn, không già không trẻ, đôi vai đầy bụi và rướm máu, gần như trần trụi, thân thể rám nắng, họ có vẻ cô đơn lạ lùng và tương phản với thế giới loài người. Xung quanh họ bao phủ một làn không khí của lòng say mê tận tụy và xả kỷ không chút tiếc thương.

Chiều ấy sau giờ quán tửu, Tất Đạt nói với bạn: “Ngày mai tôi sẽ đi theo những vị Sa Môn. Tất Đạt sẽ trở thành Sa Môn như họ”.

Thiện Hữu choáng váng khi nghe những lời nói ấy và đọc niềm cương quyết trên nét mặt cương nghị của bạn, một niềm cương quyết không chuyển hướng tợ mũi tên phóng khỏi tầm cung. Khi nhìn nét mặt bạn, Thiện Hữu nhận rõ ngay giờ đã đến; Tất Đạt sắp bước lên đường chọn lựa; định mệnh chàng bắt đầu lộ dạng và cùng với định mệnh Tất Đạt, định mệnh Thiện Hữu cũng theo cùng. Và mặt Thiện Hữu bỗng tái xanh như tàu lá, chàng kêu lên:

- Ô! Tất Đạt! Liệu phụ thân anh có cho phép chăng?

Tất Đạt nhìn bạn như một người tỉnh giấc. Nhanh như chớp chàng đọc thấu tâm can bạn, nỗi lo âu, lòng từng phục.

- Đừng phí lời, Thiện Hữu – Chàng khẽ nói. Ngày mai, lúc rạng đông tôi sẽ bắt đầu đời sống Sa Môn. Chúng ta đừng thảo luận chuyện ấy nữa.

Tất Đạt bước vào phòng khi cha đang ngồi trên một tấm đệm. Chàng tiến đến sau lưng cha và đứng lặng cho đến khi cha biết có chàng.

- Con đây ư, Tất Đạt? Ông hỏi. Cứ nói lên cho cha nghe những gì con đang nghĩ.

- Thừa cha, nếu cha cho phép, con đến thưa cha rằng con muốn rời nhà ngày mai, để đi theo những người khổ hạnh. Con muốn trở thành một vị Sa Môn. Con tin rằng cha sẽ không ngăn cản.

Người hiền triết Bà La Môn lặng im rất lâu, lâu quá đến nỗi khi những vì sao đã lạc qua song cửa nhỏ và chuyển hướng, sự im lặng trong gian phòng mới được đánh tan. Người con đứng lặng, hai vòng tay khép chặt. Người cha cũng bất động ngồi trên chiếc thảm. Những ngôi sao băng qua nền trời. Rồi ông bảo:

- Không lẽ cha, một người tu đạo lại thốt lời giận dữ hùng hổ, nhưng cha rất bất bình. Cha không muốn con lặp lại lời xin ấy một lần nữa. Bậc hiền nhân từ từ đứng lên. Tất Đạt vẫn khoanh tay đứng lặng.

- Tại sao còn đợi đấy? Cha chàng hỏi.

- Cha cũng hiểu tại sao rồi. Chàng đáp.

Người cha rời phòng, bất mãn và đi nằm.

Khi đã một giờ trôi qua không ngủ được, vị hiền nhân đứng dậy, đi bách bộ ra khỏi nhà. Ông nhìn qua cửa sổ nhỏ và thấy Tất Đạt vẫn đứng khoanh tay bất động. Ông có thể thấy chiếc áo nhạ của chàng thấp thoáng. Tâm hồn bất an, người cha trở về giường nằm. Một giờ nữa lại trôi qua, ông không ngủ được, lại trở dậy đi bách bộ, ra khỏi nhà và thấy trăng đã lên. Ông nhìn qua cửa sổ. Tất Đạt còn đứng đấy bất động, vòng tay vẫn khép; mảnh trăng chiếu sáng trên chân chàng. Người cha đi ngủ, lòng xao xuyến.

Một giờ sau ông trở ra và hai giờ sau ra lại, nhìn qua cửa sổ thấy Tất Đạt vẫn còn đứng đó trong ánh trăng, trong ánh sao, trong đêm tối.

Ông yên lặng trở lại hàng giờ, và vẫn thấy Tất Đạt đứng đấy bất

động. Lòng ông tràn ngập giận, lo, sợ và buồn.

Vào giờ cuối đêm, trước bình minh, người cha trở lại, đi vào phòng và thấy đứa con niên thiếu vẫn còn đứng.

Ông trông thấy dáng chàng cao xa lạ với mình. Ông gọi:

- Này Tất Đạt, sao con còn đợi kia?
- Cha đã biết tại sao.
- Con có đợi được đến mai, trưa, chiều hay không?
- Con sẽ đứng và đợi.
- Con sẽ mệt mỏi, Tất Đạt?
- Con không mệt mỏi.
- Con sẽ buồn ngủ, Tất Đạt?
- Con sẽ không buồn ngủ.
- Con sẽ chết, Tất Đạt?
- Con sẽ chết.
- Và con thà chết còn hơn là nghe lời cha con?
- Con luôn luôn nghe lời cha.
- Vậy thì con hãy bỏ ý định của con đi?
- Con sẽ làm những gì cha dạy bảo.

Ánh sáng đầu tiên của ngày lan vào phòng. Người Bà La Môn trông thấy hai đầu gối của Tất Đạt run nhẹ, nhưng gương mặt chàng bình thản, đôi mắt nhìn vô tận. Người cha nhận ra rằng Tất Đạt không thể ở lại với mình lâu hơn - rằng Tất Đạt sắp rời bỏ mình. Ông đặt tay lên vai Tất Đạt và bảo:

- Con sẽ đi vào rừng làm thầy Sa Môn. Nếu con tìm thấy hạnh phúc trong rừng sâu, hãy trở về và chỉ lại cho ta. Nếu con thấy đấy chỉ là ảo tưởng, hãy trở về, và chúng ta sẽ lại cúng tế các thần linh. Bây giờ hãy hôn mẹ con và thừa lại cho mẹ hay nơi con đến. Còn ta đã

đến giờ ra sông làm lễ thánh tẩy.

Ông buông vai Tất Đạt và ra đi. Tất Đạt lảo đảo bước. Chàng cố gượng cúi chào cha và tìm mẹ theo lời cha dặn.

Khi Tất Đạt rời châu thành yên tĩnh đang say ngủ vào lúc rạng đông với đôi chân tê cóng, một bóng người âm thầm xuất hiện từ căn lều cuối cùng và theo dõi chàng. Đó là Thiện Hữu. Tất Đạt mỉm cười.

- Bạn đến đây à!

- Tôi vừa đến. Thiện Hữu trả lời.

Câu chuyện dòng sông

Chương 2

ĐOÀN SA MÔN

Chiều hôm đó gặp các vị Sa Môn và xin gia nhập đoàn thể. Các vị Sa Môn chấp nhận. Tất Đạt cho một người Bà La Môn nghèo khổ gấp trên đường quần áo của mình và chỉ giữ lại chiếc áo cừu và chiếc áo khoác rách vai màu đất. Chàng chỉ ăn mỗi ngày một bữa và không bao giờ nấu đồ ăn. Chàng nhịn mười bốn ngày - Rồi hai mươi tám ngày. Trên bắp chân và trên má, thịt biến đi đâu mất. Những giấc mơ lạ phản chiếu trên đôi mắt lớn của chàng. Móng tay chàng mọc dài trên đầu những ngón gầy, và một chòm râu khô cứng xuất hiện dưới cằm. Cái nhìn của chàng trở nên lạnh giá khi tiếp xúc với đàn bà, đôi môi mím lại một vẻ khinh thường khi chàng đi qua phố thị có đông người ăn mặc xa hoa. Chàng nhìn những thương gia buồn bán, các ông hoàng đi săn, những người tang chế khóc người chết, những người kỹ nữ bán thân, các bác sĩ săn sóc bệnh, những tình nhân đang tình tự, những người mẹ đang vỗ về con. Và tất cả không đáng một cái nhìn thoáng qua, tất cả đều lừa dối: hạnh phúc và sắc đẹp đều là ảo ảnh của giác quan - tất cả đều đưa về huỷ diệt. Thế gian đượm vị đắng cay. Cuộc đời là nỗi đau khổ.

Tất Đạt chỉ có một mục đích duy nhất là trở thành trầm tĩnh. Không khao khát, không ham muốn, không mộng mị, không vui và không buồn. Để cho cái ngã tiêu diệt – không còn ngã nữa, chứng nghiệm

được sự bình an của một tâm hồn tịch mịch, chứng nghiệm tâm linh thuần túy. Đó là mục đích của chàng. Khi cái ngã bị nhiếp phục và huỷ diệt, khi mọi đam mê và dục vọng bị lắng xuống, thì thực thể thâm cùng phải biểu lộ - không còn ngã nữa, nhưng là một cái gì huyền nhiệm cao vời. Tất Đạt đứng lặng im trong ánh nắng dữ dội, vừa đau vừa khát cháy, và đứng cho đến khi không còn cảm thấy đau, khát nữa. Chàng đứng lặng im trong mưa, nước từ mái tuôn xuống đôi vai cóng lạnh, xuống bắp vế và hai ống chân. Và người khổ hạnh đứng cho đến khi đôi vai và hai chân hết giá buốt, cho đến khi chúng hết cảm giác, bất động. Chàng lặng lẽ ngồi trên gai nhọn. Máu nhỏ giọt từ làn da quần quai của chàng, ung nhọt thành hình, và Tất Đạt vẫn bất động, kiên cố, cho đến khi máu ngừng chảy, cho đến khi hết nghe châm chích, hết nghe đau đớn.

Tất Đạt ngồi thẳng và tập tiết kiệm hơi thở, cố thở ít lại, nhịn thở. Chàng tập lắng nhịp của tim khi thở vào, tập làm tim đập ít lại – cho đến khi rất ít, rồi không còn nữa. Nhờ vị Sa Môn trọng tuổi nhất dạy bảo, Tất Đạt tập sự quên mình và trầm tư theo những quy luật của Sa Môn. Một con hạc bay qua rừng trúc và Tất Đạt thu nhiếp nó vào tâm, bay qua rừng núi, trở thành con hạc, ăn cá, đổi cái đói của hạc, dùng ngôn ngữ hạc và chết cái chết của một con hạc. Một con chồn chết nằm trên bờ cát và hồn của Tất Đạt nhập vào xác nó; chàng trở thành một con chồn chết, nằm trên bãi, bị sinh trương, hôi thối, bị báo ăn hết bốn chân, điều hâu rửa thịt, trở thành một bộ xương, trở thành cát bụi hoà với không khí. Và hồn Tất Đạt trở lại chết, huỷ hoại, thành cát bụi, thực nghiệm vòng khổ đau của một chu kỳ sống.

Chàng đợi chờ với một niềm khát khao mới như một người đi săn đứng trên vực thẳm, nơi mà chu trình sống kết liễu, ở đó không cần nguyên nhân và ở đó sự thường tại không đau khổ bắt đầu. Chàng tiêu diệt mọi cảm giác, tiêu diệt ký ức, đi ra khỏi cái ngã của mình dưới trăm nghìn hình hài khác nhau. Chàng quán mình là đá, gỗ, nước. Và sau mỗi lần chàng lại tỉnh dậy, mặt trời hay mặt trăng vẫn chiếu, chàng lại là chính chàng, đi vào chu kỳ sống, khát khao, chiến thắng khát khao, rồi lại có những khát khao mới.

Tất Đạt học hỏi rất nhiều từ các vị Sa Môn, chàng học được nhiều cách thức để diệt ngã. Chàng phiêu du qua các đoạn đường diệt ngã bằng khổ đau, qua đói khát và mệt nhọc. Chàng phiêu lưu qua những con đường diệt ngã bằng trầm tư, bằng gạt lọc khỏi tư tưởng hết mọi hình ảnh. Chàng đã học trải qua những con đường này và những con đường khác. Chàng diệt ngã được một nghìn lần và có những ngày chàng đã sống trong phi ngã. Nhưng mặc dầu những

con đường đưa chàng ra khỏi ngã, cuối cùng chúng luôn luôn đưa chàng trở lại ngã. Mặc dầu Tất Đạt rời bỏ ngã một ngàn lần, sống bằng phi ngã trong con vật hay đá, đất, sự trở lại vẫn không thể tránh. Không thể tránh lúc chàng trở lại chính chàng, trong ánh mặt trời hay trong ánh trăng, trong nắng hay dưới mưa, và trở lại Ngã hay Tất Đạt, trở về niềm khắc khoải, về kiếp luân hồi nặng nề.

Cạnh chàng Thiện Hữu sống như cái bóng của chàng; Thiện Hữu cùng phiêu lưu qua con đường của chàng, và cùng làm những cố gắng của chàng. Họ ít trò chuyện riêng với nhau trừ những điều cần thiết về công việc hay thực tập. Một đôi khi họ cùng đi qua các làng khát thực. Một lần Tất Đạt hỏi Thiện Hữu:

- Này Thiện Hữu, anh nghĩ sao? Anh có nghĩ rằng chúng ta đã tiến thêm bước nào chưa? Đã đạt được mục đích của chúng ta chưa?
- Chúng ta đã và đang học tập. Rồi anh sẽ trở thành một Sa Môn cao cả, Tất Đạt. Anh đã học thật là nhanh các bài tập, vị Sa Môn trưởng thường khen anh. Một ngày kia anh sẽ là một bậc thánh, Tất Đạt.
- Không có việc ấy đâu bạn ơi, những điều tôi đã học với các vị Sa Môn cho đến nay, đáng lẽ tôi cũng có thể học mau hơn và dễ dàng hơn trong bất cứ tửu quán nào, trong xóm điếm, với những phu khuân vác và những người cờ bạc.
- Nói đùa chứ. Làm sao anh có thể tập thiền quán, nín thở và thần nhiên trước đói khát, đón đau với những người vô phúc đó?

Tất Đạt trả lời nhỏ, như nói với chính mình:

- Thiền quán là gì? Bỏ quên tự thân là gì? Nhịn đói là gì? Điều hoà hơi thở là gì? Đó là sự vượt ra ngoài Tự ngã, đó là sự vượt ra ngoài dày vò của Tự ngã trong nhất thời, những viên thuốc tạm bợ chống lại đau khổ và điên đảo cuộc đời: người đánh xe bò cũng dùng lối thoát đó, phương thuốc nhất thời đó khi ông ta uống chén rượu nếp trong quán; ông ta không còn cảm thấy có mình nữa, không còn cảm thấy khổ đau của cuộc đời, và như thế, ông chứng nghiệm sự thoát ly trong chốc lát. Gục trên chén rượu nếp, ông ta biết được cái mà Tất Đạt và Thiện Hữu tìm thấy khi chúng ta thoát khỏi tự thân bằng những tập luyện và sống trong vô ngã.

- Anh nói vậy nhưng anh cũng biết là Tất Đạt không phải là người đánh xe bò và một Sa Môn thì không uống rượu – người uống rượu tất nhiên cũng tìm được thoát ly và an nghỉ, nhưng nó sẽ thức tỉnh trước ảo tưởng và tìm thấy mọi vật như cũ. Nó không thể khôn ngoan, nó không tăng thêm trí thức, nó không trèo cao hơn chút nào. Tất Đạt trả lời với nụ cười trên nét mặt:

- Tôi không biết – Tôi chưa bao giờ uống rượu. Nhưng tôi chỉ tìm

thấy một an ủi ngắn ngủi trong những thực tập về thiền quán của tôi, và tôi thật còn xa vời trí tuệ, giải thoát, như một đứa trẻ còn trong lòng mẹ, và điều này thì Thiện Hữu ơi, tôi biết rõ lắm.

Một dịp khác khi Tất Đạt rời khỏi cánh rừng cùng Thiện Hữu đi khát thực, Tất Đạt bắt đầu trò chuyện và hỏi:

- Này Thiện Hữu. Chúng ta đã đi đúng đường chưa? Chúng ta có tăng thêm tri thức không? Chúng ta đã gần đạt đến giải thoát? Hay chúng ta chỉ đang đi trong những vòng luân hồi – trong lúc chúng ta đang nghĩ cách thoát khỏi?

Thiện Hữu nói:

- Chúng ta đã học nhiều Tất Đạt ạ. Chúng ta không ở mãi trong vòng luân hồi đó, chúng ta đang đi ra ngoài. Con đường là một đường xoáy ốc. Chúng ta vừa trèo xong nhiều bậc rồi.

- Bạn nghĩ vị thầy khả kính của chúng ta chừng bao nhiêu tuổi.

- Tôi nghĩ nhiều nhất là vào khoảng sáu mươi.

- Người đã sáu mươi tuổi và chưa đạt đến Niết Bàn. Người sẽ già bảy mươi, tám mươi và anh với tôi sẽ lớn lên và già như người, tập được nhịn đói và thiền quán, nhưng chúng ta sẽ không đạt đến Niết Bàn, người cũng như chúng ta. Thiện Hữu ơi, tôi tin rằng giữa các Sa Môn, có thể không được ai vào Niết Bàn cả. Chúng ta tìm thấy an ủi, chúng ta học những mảnh lời tự lừa dối chúng ta, nhưng điều cốt yếu - Chính Đạo – ta không tìm thấy.

- Đừng nói gở như thế Tất Đạt ơi! Làm sao có thể tin rằng giữa bao nhiêu người học thức, giữa bao nhiêu người Bà La Môn, bao nhiêu Sa Môn xứng đáng và khắc khổ, giữa bao nhiêu người đi tìm, bao nhiêu người hy sinh cho đời sống nội tâm, bao nhiêu người thánh thiện ấy, lại chẳng có ai sẽ tìm ra Chính Đạo?

Tất Đạt vẫn nói bằng một giọng chua chát pha lẫn chút phiền muộn.

Có một vẻ gì buồn bã, một vẻ gì díp dỏm trong giọng nói của chàng:

- Thiện Hữu, rồi bạn anh sẽ rời con đường của các Sa Môn mà trên đó nó đã du ngoạn với anh rất lâu. Tôi đau niềm khao khát và trên bước đường Sa Môn dài, niềm khao khát của tôi không hề thuyên giảm. Tôi luôn khao khát hiểu biết và luôn luôn tràn đầy những nghi vấn. Năm này qua năm khác tôi đã đi hỏi các vị Bà La Môn, hỏi những pho kinh thánh. Thiện Hữu ạ, có lẽ đi hỏi một chú lợn rừng hay một chị vợ n cũng đáng và cũng thiêng liêng bằng. Tôi đã phí rất nhiều năm tháng nhưng vẫn chưa xong, để học được một điều này là: người ta không học được gì cả. Tôi tin rằng trong bản chất mỗi sự vật, có một cái gì mà chúng ta không thể học được. Thiện Hữu ơi, chỉ có một tri thức ở khắp nơi, là Đại ngã, trong tôi, trong anh và trong

mọi sinh vật, và tôi bắt đầu tin rằng tri thức ấy không có một kẻ thù nào nghịch hơn là con người tri thức, hơn sự học.

Đến đây Thiện Hữu dừng lại trên đường, đưa hai tay lên và nói:

- Tất Đạt, đừng làm bạn anh phiền muộn với những câu chuyện như vậy. Thật thế, những lời của anh làm tôi xao động. Hãy suy nghĩ lại, những bài cầu nguyện của chúng ta, sự khảm kính của các vị Bà La Môn, sự thiêng liêng của các Sa Môn sẽ có nghĩa gì nếu không có học thức như lời anh nói? Tất Đạt, mọi sự sẽ trở thành gì trên trái đất này, còn cái gì thánh thiện nữa, còn cái gì thiêng liêng và quý giá nữa?

Thiện Hữu lẩm nhẩm một câu thơ, một câu kinh từ Áo Nghĩa Thư, “Kẻ mà linh hồn trong sạch thấm nhuần Đại ngã sẽ hiểu thánh ân không thể diễn tả bằng ngôn từ”. Tất Đạt im lặng. Chàng đắm chìm trong lời thơ mà Thiện Hữu vừa thốt ra.

Phải – chàng đứng cúi đầu suy nghĩ – cái gì còn lại từ tất cả những gì mà chúng ta cho là thiêng liêng? Cái gì còn lại? Cái gì được bảo tồn? Và chàng lắc đầu.

Lúc hai người sống chung với các vị Sa Môn được chừng ba năm và cùng nhau tham dự những buổi thực tập, một hôm, họ bỗng nghe một tiếng đồn từ nhiều nguồn.

Có một người đã xuất hiện, tên là Cồ Đàm, đức Như Lai, đức Phật. Người đã nhiếp phục được nỗi khổ của đời và làm ngưng được cơn đường sinh tử. Người lang thang khắp xứ để giảng đạo, các đồ đệ vây quanh. Không của cải, nhà cửa, vợ con. Người mặc một cái áo khoác màu vàng của nhà khổ hạnh, vầng trán cao và thánh thiện. Những người Bà La Môn và các hoàng tử nghiêng mình trước Người và trở thành học trò của Người. Tin ấy được đồn đãi ra xa và lan khắp.

Những người Bà La Môn bàn về tin ấy trong thành thị, những Sa Môn bàn trong núi rừng, dần dần đến tai đôi bạn trẻ, có khi nghe hoan nghênh, có khi nghe phỉ báng. Cũng như khi một miền bị bệnh dịch hoành hành, và có một tin đồn rằng có một hiền nhân, một nhà thuốc giả, có thể dùng lời nói và hơi thở để chữa lành bệnh, khi tin ấy được bàn tán khắp nơi, sẽ có nhiều người ngờ vực, nhiều người đến tìm vị thánh nhân ấy tức khắc, cũng như thế, lời đồn đãi về đức Cồ Đàm, đức Phật, dòng họ Thích Ca lan khắp xứ. Người có trí tuệ cao vời – người ta bảo: Người nhớ được tiền kiếp, đã đạt đến Niết Bàn và không còn luân hồi sinh tử, không chìm đắm trong dòng hình hài vẫn đục. Nhiều điều kỳ diệu và khó tin được đồn về Người rằng, Người đã làm phép thần thông, đã nhiếp phục được ma quỷ, đã

chuyện trò với thần linh. Những đối thủ và những người hoài nghi thì bảo rằng Cồ Đàm ấy chỉ là một người lừa bịp biếng nhác, ông sống xa hoa, khinh thường tế tự, không có học thức và cũng không biết gì về sự tu hành ép xác khổ hạnh.

Tin đồn về đức Phật có mãnh lực gây chú ý, hình như có phép lạ gì trong những lời đồn ấy. Thế giới đang bệnh hoạn, sự sống đầy khổ đau nên đâu đâu dường như cũng loé sáng một niềm hy vọng mới, một sứ giả đem lại võ về an lạc, đầy hứa hẹn. Khắp nơi đều có tin đồn về đức Phật. Các thanh niên khắp xứ Ấn Độ lắng nghe, cảm thấy một niềm khát khao hy vọng và trong làng mạc thành thị những người con của các vị Bà La Môn đón tiếp nồng hậu mỗi khi có người lạ mặt mang đến hoặc kẻ hành hương mang tin về đấng Giác Ngộ, đức Thích Ca Mâu Ni.

Tiếng đồn đến tai các vị Sa Môn trong rừng và Tất Đạt, Thiện Hữu nghe mỗi mẩu tin với niềm hy vọng, với nỗi hoài nghi. Họ ít bàn đến tin đồn ấy, vì vị Sa Môn trưởng không tán thành tin kia. Ông đã nghe rằng đức Phật người ta nói đến, ngày xưa đã từng khổ hạnh và sống trong rừng sâu nhưng sau đó trở lại sống xa hoa với lạc thú thế tục và vì thế ông không tin Cồ Đàm.

- Tất Đạt ơi, Thiện Hữu một hôm bảo bạn, sáng nay khi tôi vào làng, một người Bà La Môn đã mời tôi vào nhà, và trong nhà có một người con trai Bà La Môn đã đến từ thành Thất La. Anh ta đã thấy tận mắt đức Phật và nghe Ngài thuyết pháp. Thật tôi đã tràn đầy khát vọng và tôi nghĩ: “Tôi mong sao cả Tất Đạt và tôi được sống đến ngày chúng ta có thể nghe lời dạy từ kim khẩu của đấng Vô Thượng Giác”. Bạn ơi, chúng ta lại không đến đấy hay sao, để nghe chính Ngài chỉ giáo? Tất Đạt bảo:

- Tôi vẫn tưởng rằng Thiện Hữu sẽ ở lại với những vị Sa Môn. Tôi luôn luôn tin rằng bạn tôi sẽ sống sáu mươi, bảy mươi tuổi mà vẫn còn thực hành những bí quyết của các Sa Môn dạy. Nhưng tôi đã hiểu bạn ít làm sao! Tôi đã chẳng hiểu gì trong thâm tâm bạn cả! Bây giờ, bạn ơi, bạn đã mong mỏi vạch một con đường mới và đi nghe lời Người dạy.

Thiện Hữu nói:

- Anh vẫn thích thú để chế nhạo tôi. Không sao đâu, Tất Đạt. Nhưng chính anh, anh không cảm thấy mong muốn khát khao được nghe lời dạy ấy hay sao? Và chính anh đã không có lần nói với tôi rằng anh không đi theo con đường của những Sa Môn nữa đó sao?

Tất Đạt cười lớn và trong giọng chàng có lẫn vị nửa buồn rầu nửa châm biếm. Chàng bảo:

- Đúng đấy, Thiện Hữu, bạn đã nhớ rất giỏi. Nhưng bạn cũng nên nhớ những điều khác tôi đã nói cùng bạn - rằng tôi trở nên nghi ngờ sự dạy dỗ cũng như học hành và tôi không tin mấy về những lời mà những vị thầy nói ra. Nhưng tốt lắm bạn ơi: tôi cũng sẵn sàng để nghe những lời chỉ giáo mới mẻ mặc dù trong thâm tâm tôi vẫn tin rằng chúng ta đã nắm những quả tốt đẹp nhất của những lời giảng dạy ấy.

Thiện Hữu trả lời:

- Tôi rất sung sướng vì Tất Đạt đã bằng lòng. Nhưng hãy nói cho tôi nghe, làm sao những lời chỉ giáo của Cồ Đàm đã cho ta thấy những quả quý báu nhất khi mà ta chưa nghe lời Người nói.

Tất Đạt bảo Thiện Hữu:

- Hãy thưởng thức trái ngon này và chờ đợi những trái sau. Trái ngon mà ta đã thừa hưởng của Cồ Đàm là sự kiện Ngài đã lôi kéo chúng ta ra khỏi những thầy Sa Môn. Còn có quả nào khác hơn và tốt lành hơn nữa, chúng ta hãy kiên tâm chờ xem.

Cùng hôm đó, Tất Đạt báo tin cho vị Sa Môn trưởng rằng chàng quyết định rời bỏ Người. Chàng nói với về khiêm tốn của một môn đệ trẻ tuổi. Nhưng vị Sa Môn già tức giận khi thấy rằng cả hai người học trò trẻ tuổi muốn bỏ mình, và ông cao giọng rầy mắng họ kịch liệt.

Thiện Hữu ngạc nhiên cực độ nhưng Tất Đạt rĩ tai bạn: “Bây giờ tôi sẽ làm cho ông già thấy rõ rằng tôi đã học được ít nhiều với ông ta”. Chàng đứng gần vị Sa Môn, tập trung thần trí; chàng nhìn vào đôi mắt của ông lão và dùng nhãn lực xâm chiếm ông ta, thôi miên ông, làm ông câm nín, thu phục ý chí ông và lặng lẽ sai bảo ông ta làm theo ý chàng. Ông già trở nên im lặng, đôi mắt long lên, ý chí kiệt quệ hẳn, cánh tay buông thõng. Ông ta bắt lực dưới bùa chú của Tất Đạt. Ý tưởng Tất Đạt nhiếp phục hết ý tưởng của thầy Sa Môn già, ông ta phải làm những gì chàng sai khiến và cứ thế ông cúi đầu nhiều bận, ban phép lành và lẩm bẩm những lời chúc tụng chàng một cuộc hành trình tốt đẹp. Đôi bạn trẻ cảm ơn ông ta, đáp lễ và ra đi. Trên đường Thiện Hữu bảo:

- Tất Đạt, anh đã học của những thầy Sa Môn nhiều hơn là tôi tưởng. Thôi miên được một vị Sa Môn già rất khó khăn. Quả thật nếu anh ở lại, nhất định anh sẽ học được cách đi trên nước.

- Tôi không muốn được đi trên nước, Tất Đạt bảo – hãy để cho những Sa Môn tự mãn với những bí thuật như vậy.

Câu chuyện dòng sông

Chương 3 CỒ ĐÀM

Trong thành Thất La, mọi trẻ con đều biết đến đức Phật Đại Giác và mọi nhà sẵn sàng đồ cúng dường sử dụng, để đổ vào bình bát của những đồ đệ Ngài lặng lẽ đi khát thực. Gần thành phố có chỗ ưa thích của đức Cồ Đàm, rừng Lộc Uyển mà thương gia giàu có tên Cấp Cô Độc, một cư sĩ đã tận tụy cúng dường Ngài. Hai bạn trẻ khỏ hạnh, khi đi tìm chỗ ở của đức Cồ Đàm đã được chỉ đến vùng này; và khi họ đến Thất La lặng lẽ khát thực trước cửa nhà đầu tiên, thức ăn liền được dâng cúng. Họ chia nhau thực phẩm, Tất Đạt hỏi người đàn bà cúng dường:

- Thưa bà, chúng tôi rất muốn biết đức Phật, đáng Giác Ngộ hiện đang ở đâu? Chúng tôi là Sa Môn từ rừng núi xuống và muốn đi gặp đáng Giác Ngộ để nghe những lời dạy từ miệng Ngài thốt ra.

Người đàn bà nói: “Các ngài đã đến đúng chỗ, thưa các vị Sa Môn hạ sơn. Đáng Giác Ngộ hiện đang ở rừng Lộc Uyển. Các ngài có thể ngủ lại ở đây, hỡi quý vị khát sĩ, vì có đủ chỗ cho rất đông người đến tụ tập để nghe Ngài chỉ giáo”.

Thiện Hữu sung sướng nói: Thế thì chúng ta đã đến đích và hành trình đã xong. Nhưng hỡi bà mẹ quý, bà có biết đức Phật không? Bà có thấy Ngài tận mắt không?

Người đàn bà đáp:

- Tôi đã thấy đức Giác Ngộ nhiều lần rồi chứ. Nhiều hôm tôi thấy Ngài đi qua những đường phố, lặng lẽ khoác áo vàng, và im lặng chìa bát khát thực trước cửa các nhà rồi trở về với bát đầy.

Thiện Hữu lắng nghe thích thú và muốn hỏi nhiều, nghe nhiều nữa, nhưng Tất Đạt nhắc chàng phải đi. Họ cảm tạ rồi ra đi. Bấy giờ thì không phải hỏi đường nữa, vì có một số đồ đệ của đức Cồ Đàm đang trên đường đi đến vườn Lộc Uyển. Khi họ đến đây vào đêm, còn có nhiều người tiếp tục đến. Nhiều lời nói nổi lên nhao nhao từ những kẻ đến xin chỗ trọ. Hai thầy Sa Môn nhờ quen đời sống núi rừng nên dễ dàng tìm chỗ nghỉ và ở lại cho đến sáng.

Khi mặt trời lên cao họ ngạc nhiên thấy số lượng khổng lồ những tín đồ và kẻ hiếu kỳ đã ngủ qua đêm tại đây. Những thầy tu vận áo vàng đi bách bộ dọc khắp các con đường nhỏ trong khu rừng thâm u. Lác đác đây đó vài vị ngồi dưới bóng cây, mài miệt trầm tư hoặc luận đàm đạo lý. Khu vườn rợp bóng trông như một thành phố đầy ong

chen chúc. Phần đông những tu sĩ ra đi với những bát khất thực để xin thức ăn cho buổi trưa, buổi ăn độc nhất trong ngày. Cả đến đức Phật cũng đi khất thực về ban sáng.

Tất Đạt trông thấy Ngài và nhận ra ngay, như thể một vị thần linh nào đã chỉ cho chàng. Chàng thấy Ngài mang bình bát lạng lẽ rời chỗ ở.

- Kìa! Đây là đức Phật, Tất Đạt khẽ bảo Thiện Hữu. Thiện Hữu chú mục nhìn vị tu sĩ đắp y vàng, một vị tu sĩ khó mà phân biệt được giữa hàng trăm tu sĩ khác, những Thiện Hữu cũng nhận ra. Phải, đây chính là đức Phật, và họ đi theo chiêm ngưỡng Ngài.

Đức Phật lạng lẽ đi, dáng dấp chiêu suy nghĩ. Nét mặt bình an của Ngài không sung sướng cũng không buồn khổ. Ngài dường như hiền dịu mỉm cười trong tâm với một nụ cười kín đáo không khác nụ cười của một trẻ thơ khoẻ mạnh. Người bước đi bình an, lạng lẽ. Ngài đắp y và đi bộ giống hết các vị tỳ kheo khác nhưng nét mặt Ngài cùng bước chân Ngài, cái nhìn xuống trầm lặng và đôi tay buông thả, và mỗi ngón tay Ngài đều nói lên một niềm bình thản đầy đặn, không tìm kiếm gì, không học đòi một cái gì, mỗi ngón tay phản chiếu một sự bình lặng liên tục, một ánh sáng không phai mờ, một niềm bình an bất khả tổn thương.

Cứ thế đức Cồ Đàm đi vào thành thị để khất thực, và hai người Sa Môn nhận ra Ngài chỉ nhờ tư thái tuyệt diệu của Ngài, sắc tướng vắng lặng của Ngài trong đó không có sự kiếm tìm, không có hiện diện của ý chí hay sự gắng công - chỉ thuần ánh sáng và niềm bình thản.

- Hôm nay chúng ta sẽ nghe lời dạy từ chính kim khẩu của Ngài, Thiện Hữu bảo.

Tất Đạt không trả lời. Chàng không thiết tha mấy tới những lời chỉ giáo. Chàng không nghĩ chúng sẽ dạy chàng điều gì mới lạ. Chàng cũng như Thiện Hữu, đã nghe những tinh hoa của Phật pháp dù chỉ nghe những lời tường thuật qua hai ba lần kể. Nhưng chàng nhìn chăm chú vào đầu đức Phật, vào vai Ngài, vào chân, vào bàn tay buông thong thả và chàng tưởng như mỗi đốt tay của Ngài đều chứa đựng tri thức, chúng nói lên, thở ra, tuôn phát ra chân lý. Người này, đức Phật này, quả là một người thánh thiện đến từng đầu ngón tay. Chưa bao giờ Tất Đạt thấy kính trọng một người đến thế, chưa bao giờ chàng thương quý một người đến thế.

Buổi chiều, không khí nóng nực đã giảm và mọi người trong trại đã thức dậy tụ họp, họ nghe Phật thuyết pháp. Họ nghe thấy tiếng Ngài, và tiếng ấy cũng thật tuyệt diệu, lạng lẽ và đầy thanh bình. Ngài nói về Khổ, nguồn gốc của Khổ, cách diệt Khổ. Sự sống là khổ đau, thế

giới đầy đau thương, song con đường thoát khổ đã tìm ra. Những người theo đường của đức Phật sẽ được sự cứu rỗi. Đấng Giác Ngộ với một giọng dịu dàng nhưng đoa quyết, Ngài dạy về Tứ diệu đế, Bát chánh đạo; và cùng với phương pháp dạy thông thường Ngài kiên nhẫn thêm vào những ví dụ và nhắc lại nhiều lần. Lặng lẽ và rõ ràng, giọng Ngài bay đến những thính giả như một ánh sáng, như một vì sao từ thiên giới.

Khi đức Phật đã chấm dứt - trời đã về đêm - nhiều khách hành hương tiến lên xin được gia nhập vào giáo hội, đức Phật nhận lời và bảo:

- Các người đã nghe những lời của Như Lai. Hãy đi theo ta và đi với niềm an lạc, chấm dứt mọi khổ đau.

Thiện Hữu, con người rụt rè, cũng bước lên nói:

- Tôi cũng muốn xin theo đấng Giác Ngộ và lời chỉ giáo của Ngài. Chàng xin được nhập vào tăng chúng và liền được chấp thuận.

Khi đức Phật đã lui về nghỉ ban đêm, Thiện Hữu quay lại Tất Đạt và nói với về nồng nhiệt:

- Tất Đạt, tôi không quen chỉ trích anh. Chúng ta đều đã nghe đấng Giác Ngộ. Tôi đã lắng nghe lời dạy và đã chấp thuận những lời ấy, nhưng còn bạn, bạn ơi, bạn lại không đặt chân lên con đường giải thoát hay sao? Bạn còn trì hoãn gì nữa! Còn đợi gì nữa sao?

Khi nghe lời Thiện Hữu, Tất Đạt bừng tỉnh như vừa ngủ dậy. Chàng nhìn vào mặt Thiện Hữu một lúc lâu. Rồi chàng nhẹ nhàng bảo - giọng không còn chế giễu:

- Thiện Hữu, bạn ơi, bạn đã bước chân đi và chọn đường, bạn đã luôn luôn là bạn quý của tôi. Thiện Hữu, bạn đã luôn đi sau tôi một bước. Tôi vẫn thường nghĩ: “Thiện Hữu có bao giờ bước một bước mà không cần đến tôi chăng? Một bước đi từ sự tin tưởng vững vàng của chàng?”. Giờ đây, bạn đã là một người đàn ông và đã chọn con đường riêng của bạn. Ước mong sao bạn sẽ đi đến cùng. Thiện Hữu, ước mong bạn sẽ tìm được giải thoát.

Thiện Hữu vẫn chưa hiểu rõ, lặp lại câu hỏi một cách nóng nảy:

- Nói đi, bạn! Hãy nói rằng bạn cũng sẽ không làm gì khác hơn là nguyện theo gót đức Phật?

Tất Đạt đặt tay lên vai bạn:

- Bạn đã nghe tôi chúc lành cho bạn, hỡi Thiện Hữu. Tôi lặp lại: mong sao cho bạn đi cuộc hành trình cho đến cùng; cho bạn tìm ra giải thoát!

Lúc ấy, Thiện Hữu mới nhận ra rằng bạn chàng đang bỏ chàng. Chàng bắt đầu khóc.

- Ô Tất Đạt! Thiện Hữu nắc lên.

Tất Đạt dịu dàng bảo:

- Thiện Hữu ơi, đừng quên rằng bây giờ bạn ở vào hàng đệ tử của Phật. Bạn đã khước từ dòng dõi và tài sản, khước từ ý chí riêng, khước từ tình bạn hữu. Đây là những gì giáo điều giảng dạy, đây là ý muốn của đấng Giác Ngộ. Đây cũng là những gì chính lòng bạn muốn. Ngày mai, Thiện Hữu ơi, tôi sẽ rời bạn.

Một lúc lâu, đôi bạn lang thang qua các khu rừng. Họ nằm xuống đất rất lâu nhưng không sao ngủ được. Thiện Hữu gạn hỏi bạn nhiều lần tại sao Tất Đạt không muốn theo lời dạy của đức Phật, chàng đã thấy khuyết điểm gì trong lời dạy ấy, nhưng mỗi lần Tất Đạt đều khoát tay:

- Bạn hãy bình tĩnh, Thiện Hữu. Lời dạy của đấng Giác Ngộ thật chí lý. Làm sao tôi có thể tìm ra khuyết điểm trong ấy?

Sáng sớm, một đồ đệ của đức Phật, một trong những vị tỳ kheo già nhất, đi khắp khu rừng và triệu tập tất cả những đồ đệ mới phát nguyện để khoác cho họ chiếc áo vàng và dặn dò những lời chỉ giáo đầu tiên về phận sự của họ. Khi ấy Thiện Hữu chỉ chạy đến hôn người bạn từ thời thơ ấu và khoác chiếc áo tăng lữ đầu tiên.

Tất Đạt đi lang thang trong khu rừng, để tâm trí trong suy tư. Ở đây chàng gặp Cồ Đàm, đấng Giác Ngộ, và khi chàng kính cẩn chào Ngài và thấy nét mặt Phật đầy thiện đức và bình an, chàng thu hết can đảm xin phép được nói chuyện cùng Ngài, đấng Giác Ngộ lặng lẽ gật đầu.

Tất Đạt nói:

- Bạch đấng Đại Giác, hôm qua tôi đã hân hạnh được nghe những lời chỉ giáo tuyệt vời của Ngài. Tôi từ xa đến với bạn tôi để nghe Ngài và bây giờ bạn tôi sẽ ở lại với Ngài, bạn đã nguyện theo Ngài. Còn tôi, tôi vẫn lại tiếp tục hành trình.

- Người cứ tự tiện, đấng Giác Ngộ ôn tồn đáp.

Tất Đạt tiếp lời:

- Có lẽ những lời của tôi quá táo bạo nhưng tôi không muốn từ giả đấng Giác Ngộ mà không thành tâm trình bày cùng Ngài những thiện ý của tôi. Ngài có thể nghe tôi hầu chuyện một lúc nữa chăng?

Đức Phật lặng lẽ gật đầu.

- Hỡi đấng Giác Ngộ, trước hết tôi rất thán phục những điều Ngài dạy bảo. Mọi sự đều được chứng minh đầy đủ rõ ràng. Ngài trình bày thế giới như một sợi dây xích liên tục không đứt đoạn, một sợi dây bất tuyệt nối liền với nhau bởi nhân và quả. Chưa bao giờ vũ trụ được trình bày rõ ràng như thế, và chứng minh một cách khúc chiết như thế. Chắc hẳn một người Bà La Môn phải giật mình kinh hãi, khi qua

những lời giảng dạy của Ngài, họ nhìn thấy một vũ trụ hoàn toàn mật thiết với nhau đến không có một lỗ hổng, trong suốt như pha lê, không phụ thuộc may rủi, không phụ thuộc thần linh. Thế giới tốt hay xấu, sự sống tự nó là đau khổ hay khoái lạc, sự sống bất trắc hay không, điều này không quan trọng nhưng sự nhất thể của thế giới, lẽ tương quan tương liên của mọi sự vật, lớn nhỏ bao gồm nhau, sinh thành bao gồm trong huỷ diệt: những điều Ngài dạy thật sáng lạng và phân minh. Nhưng theo những lời dạy ấy, sự nhất tính và liên tục hợp lý của mọi sự có một chỗ hở. Qua khe hở nhỏ ấy, một cái gì lạ lùng bỗng tuôn trào vào trong thế giới nhất thể này, một cái gì mới mẻ, một cái gì không có ở đây trước kia và không thể chứng minh hay chứng nghiệm được: ấy là thuyết của Ngài về sự vươn lên trên thế giới, thuyết cứu độ. Với khe hở nhỏ này, chỗ gián đoạn bé bỏng ấy, dù sao, luật vũ trụ duy nhất không tiền khoáng hậu lại bị sụp đổ. Xin Ngài tha thứ nếu tôi đưa ra sự đối chất này.

Đức Cồ Đàm đã lắng nghe, lặng lẽ bất động. Và Ngài cất một giọng nhã nhặn trong sáng:

- Người đã khá nghe những lời giảng dạy, hỡi người thanh niên Bà La Môn, và thật quý hoá người đã nghĩ sâu xa về những lời ấy. Người đã tìm thấy một khuyết điểm. Hãy nghĩ kỹ lại về điều đó. Ta chỉ khuyên người, một người khao khát hiểu biết, hãy tránh xa rừng quan niệm và sự xung đột giữa các danh từ. Quan niệm không có nghĩa gì, chúng có thể đẹp hay xấu, khôn hay dại và bất cứ ai cũng có thể chấp nhận hay bác bỏ. Giáo lý mà người đã nghe, tuy vậy, không phải là quan niệm của ta, và mục đích của nó không phải là để giải thích vũ trụ cho những người ham hiểu biết. Mục đích của nó hoàn toàn khác biệt. Mục đích ấy là giải thoát khỏi khổ đau. Đây là những gì Cồ Đàm dạy, không gì khác hơn.

- Xin Ngài đừng giận tôi, hỡi đáng Giác Ngộ, người trẻ tuổi nói. Tôi không nói thế để tranh biện với Ngài về danh từ. Ngài rất hợp lý khi dạy rằng quan niệm không có nghĩa lý gì, nhưng xin Ngài cho tôi được nói thêm một lời. Tôi không nghi ngờ rằng Ngài là đức Phật, rằng Ngài đã đạt đến đích cao cả nhất mà người người Bà La Môn và con trai họ đang nỗ lực để đạt đến. Ngài đã đạt được nhờ sự tìm kiếm của riêng Ngài và bằng đường đi của chính Ngài, bằng suy tư, bằng thiền quán, bằng hiểu biết và trí tuệ. Ngài bảo không học được gì từ những lời giảng dạy, và bởi thế, kính bạch đáng Giác Ngộ, tôi nghĩ rằng không ai tìm được giải thoát qua những lời chỉ giáo. Ngài không thể, hỡi đáng Toàn Giác, truyền cho ai bằng danh từ và giáo lý những gì đã đến với Ngài trong giờ Ngài giác ngộ. Lời chỉ giáo của

đáng Giác Ngộ bao hàm rất nhiều, dạy rất nhiều, phải sống thế nào, phải tránh điều ác như thế nào. Nhưng có một điều mà giáo lý sáng sủa và giá trị ấy không chứa đựng, ấy là những gì huyền bí mà đáng Giác Ngộ đã chứng nghiệm – Ngài độc nhất giữa hàng trăm nghìn người khác. Chính vì lẽ thế mà tôi phải đi con đường của tôi, không phải để tìm thêm một lý thuyết tốt đẹp hơn, vì tôi biết không có, nhưng để từ bỏ tất cả lý thuyết và thầy dạy, để tự mình đạt đến đích – hay chết. Nhưng tôi sẽ luôn luôn nhớ lại hôm nay, hồi đáng Toàn Giác, và giờ này, khi mắt tôi được chiêm ngưỡng một bậc thánh nhân.

Mắt của đức Phật hạ thấp xuống, nét mặt khôn dò của Ngài diễn tả một niềm bình an thuần tịnh.

- Ta mong người không làm trong lối lập luận ấy – Người chậm rãi nói. Mong sao cho người đến đích! Nhưng người hãy nói ta nghe; người đã thấy nhiều bậc thánh thiện tụ họp quanh ta chưa? Những người đệ tử đã quy y theo giáo lý của ta ấy? Hỡi người Sa Môn từ xa đến, người có nghĩ rằng tốt hơn họ nên hồi lại và trở về sự sống thế nhân với dục lạc?

- Tôi không bao giờ nghĩ đến điều đó? Tất Đạt kêu lên. Ước sao cho họ đi đến đích! Mong sao cho họ đều theo lời chỉ giáo! Không phải việc của tôi để đi phê phán cuộc đời khác. Tôi phải phê phán cho chính tôi. Tôi phải lựa chọn và gạt bỏ. Chúng tôi là những Sa Môn tìm kiếm sự giải thoát khỏi bản ngã. Nếu tôi là một trong những đồ đệ của Ngài, tôi sợ rằng đây chỉ là bề mặt, rằng tôi sẽ tự lừa dối mình là tôi đang bình an và đã giải thoát trong khi thực ra cái ngã vẫn còn tiếp tục sống và tăng trưởng, vì nó sẽ được biến vào trong những lời chỉ giáo của Ngài, trong sự quy y của tôi và lòng thương mến của tôi đối với Ngài và đoàn thể tăng chúng.

Hơi mỉm cười, sắc diện vẫn sáng ngời hào quang, đức Phật thân mật nhìn người khách lạ chăm chăm và Tất Đạt đoán rằng Ngài muốn từ giả chàng.

- Hỡi Sa Môn, ông rất là khôn ngoan, Ngài nói. Ông biết ăn nói khôn khéo lắm, ông bạn. Nhưng hãy cẩn thận trước sự khôn ngoan quá mức.

Đức Phật bỏ đi và cái nhìn của Ngài, nụ cười của Ngài khắc sâu trong ký ức của Tất Đạt mãi mãi. Ta chưa hề thấy một người nhìn, mỉm cười, đi, đứng, ngồi như thế. Tất Đạt tự nhủ: Ta cũng muốn nhìn, cười, đi, đứng như thế, tự tại làm sao, vừa dè dặt, vừa trong sáng hồn nhiên, vừa huyền bí. Một người chỉ nhìn và bước đi như thế một khi họ đã nhiếp phục được Tự ngã. Ta, ta cũng sẽ nhiếp

phục được Tự ngã. Ta đã thấy một người, chỉ một người thôi, mà trước người ấy ta phải cúi đầu, – Tất Đạt thâm nghĩ. Ta sẽ không bao giờ cúi đầu trước người nào nữa. Không lời chỉ giáo nào khác sẽ quyền rũ ta được.

Đức Phật đã cướp của ta, Tất Đạt suy nghĩ. Ngài đã cướp của ta tuy nhiên, Ngài đã cho ta một giá trị khác cao hơn. Ngài đã cướp khỏi tay ta người bạn đã tin tưởng nơi ta mà bây giờ tin theo Ngài, người bạn ấy đã là cái bóng của ta nhưng bây giờ là cái bóng của Cồ Đàm. Nhưng Ngài đã đem lại cho ta chính ta.

Câu chuyện dòng sông

Chương 4 THỨC TỈNH

Khi Tất Đạt từ giã khu rừng trong đó có đức Phật, đáng Toàn Thiện ở lại, và bạn chàng cũng ở lại theo Ngài, chàng có cảm tưởng rằng chàng vừa từ bỏ một tiền kiếp lại sau lưng, trong cụm rừng. Khi chàng từ từ bước trên đường, đầu chàng nghĩ miên man về những điều ấy.

Chàng nhận ra rằng chàng không còn là một người con trai nữa, bây giờ chàng là một người đàn ông. Chàng trực nhận rằng một cái gì đó từ bỏ chàng, như một con rắn vừa thay vỏ. Một cái gì đó không còn ở trong chàng nữa, một cái gì đã theo chàng từ tấm bé và đã là một phần của người chàng: lòng ham muốn có bốn sự và được nghe những lời chỉ giáo. Chàng đã từ giã bậc thầy cuối cùng chàng gặp, cả đến vị thầy cao cả nhất, khôn ngoan nhất, thánh thiện nhất: đức Phật. Chàng phải từ giã Ngài, chàng không thể chấp nhận lời chỉ giáo của Ngài.

Con người suy tư ấy tiến bước chậm rãi và tự hỏi: ta muốn học cái gì từ những lời dạy và thầy học, và mặc dù họ dạy ta rất nhiều điều, cái gì họ không thể dạy cho ta? Và chàng nghĩ: chính là sự Ngã, đặc tính và bản chất của nó mà ta muốn biết. Ta muốn thoát khỏi Tự ngã, nhiếp phục nó nhưng ta không thể, ta chỉ có thể lừa dối nó, trốn thoát nó, lẩn tránh nó. Quả thế, không gì trong vũ trụ xâm chiếm tư tưởng ta nhiều như Tự ngã, bài toán khó giải ấy, vấn đề tôi tồn tại, tôi là một và tách rời khác hẳn bao kẻ khác, rằng tôi là Tất Đạt ... thật không có gì trong vũ trụ mà tôi biết ít hơn là về chính tôi.

Đang đi chậm rãi trên đường, chàng bỗng đứng dừng lại, ý nghĩ vừa rồi đập mạnh vào trí chàng, và một ý nghĩ khác theo sau. Ấy là: lý do vì sao tôi không biết gì về tôi, lý do vì sao Tất Đạt đã vắng xa lạ, lạc loài đối với chính mình chỉ do từ một điểm, một điểm độc nhất – là tôi sợ hãi chính tôi, tôi đang trốn chạy tôi. Tôi đang tìm kiếm Đại ngã Tiểu ngã, tôi muốn tự huỷ mình, ra khỏi chính mình, để mà tìm trong khu vực thâm cùng xa lạ cái nhân của mọi pháp, linh hồn, sự sống, sự thiêng liêng, sự tuyệt đối. Nhưng khi làm thế, tôi tự đánh mất chính tôi.

Tất Đạt nhìn lên quanh chàng, nụ cười thoáng nở trên mặt. Một cảm giác tỉnh thức từ giấc trường mộng chạy khắp người chàng. Chàng lại tiếp tục bước, nhanh nhẹn, như một người vừa biết mình phải làm gì.

Chàng thở mạnh và suy nghĩ: phải, ta sẽ thôi trốn chạy bản thân ta, ta sẽ thôi nghĩ về Tiểu ngã và những nỗi buồn nhân thế. Ta sẽ thôi huỷ hoại thân này để đi tìm một màu nhiệm nào đằng sau sự huỷ diệt. Ta sẽ thôi học khổ hạnh hay bất cứ giáo lý nào khác. Ta sẽ học chính ta, là người học trò của chính ta; ta sẽ học ngay trong ta cái màu nhiệm của Tất Đạt.

Chàng nhìn quanh như mới thấy vũ trụ lần đầu. Thiên nhiên đẹp hẳn lên, kỳ lạ nhiệm màu. Đây là màu xanh, đây là màu vàng, đây là màu lục, trời và nước, cây và rừng, tất cả đều đẹp, tất cả đều huyền bí và quyến rũ và giữa tất cả các cái đó, chàng, Tất Đạt, kẻ vừa giác ngộ, đang tự tìm mình. Tất cả sự vật, tất cả sắc xanh hay vàng, dòng sông hay rừng cây lần đầu tiên diễn ra dưới mắt Tất Đạt. Chúng không còn là phép lạ của thần Mara, chúng không còn là bức màn huyền hoá, không còn là những bề ngoài vô nghĩa mà các người Bà La Môn khinh bỉ. Dòng sông là dòng sông, và nếu có cái Nhất thể thiêng liêng trong Tất Đạt đang sống tiềm tàng trong màu xanh kia và dòng sông nọ, thì đây là sự hiện hữu của sắc màu, trời và rừng cây, và Tất Đạt. Ý nghĩa mà thực tại không ẩn núp đằng sau sự vật, mà trong sự vật, trong mọi sự vật.

Chàng đi nhanh hơn và suy nghĩ, ta thật là ngu và điếc. Khi một người đọc một bài để học thuộc, nó không khinh thường những từ ngữ và dấu chấm câu trong bài, không xem chúng là ảo tưởng, tình cờ, chỉ là những cái vỏ vô vị, mà trái lại, đọc chúng, học và thích từng chữ. Còn ta thích đọc quyển sách vũ trụ và sách bản thân ta, mà lại đi khinh thường những chữ và dấu hiệu. Ta gọi thế giới hiện tượng này là ảo ảnh, ta gọi mắt và lưỡi là sự tình cờ. Bây giờ đã hết: ta đã tỉnh thức. Ta đã giác ngộ và chỉ mới sinh ra ngày hôm nay.

Nhưng khi những tư tưởng đó đi qua đầu Tất Đạt, chàng bỗng đứng lặng yên, như có một con rắn đang nằm chần đường. Rồi bỗng nhiên điều này khai thị trong chàng: chàng, mà quả thật là một người mới giác ngộ hay vừa sinh ra, phải bắt đầu cuộc đời lại từ khởi thủy. Khi chàng rời vườn Lộc Uyển sáng nay, khu vườn của bậc Toàn Giác, chàng có ý định trở về với phụ thân, với quê hương sau những năm dài khổ hạnh. Bây giờ khi đứng im lìm giữa đường, ý nghĩ này đến với chàng: ta còn là ta thuở trước, một người Bà La Môn. Ta sẽ làm gì? Ở nhà với phụ thân ư? Học ư? Cúng tế ư? Ngồi thiền ư? Tất cả điều ấy đối với ta đã hết rồi.

Tất Đạt đứng bất động, và trong lúc ấy chàng cảm thấy lạnh cả người. Tim chàng run lên, như một con vật nhỏ, một con chim hay một con thỏ, khi nhận rằng chàng quá cô đơn. Chàng đã sống kiếp không nhà từ nhiều năm mà không cảm thấy như vậy. Nhưng giờ đây chàng lại có cảm giác ấy. Trước kia, trong những giờ trầm tư miệt mài nhất, chàng vẫn còn là con của phụ thân, là một người Bà La Môn thượng lưu, một người ngoan đạo. Bây giờ chàng chỉ là Tất Đạt, người thức tỉnh; ngoài ra không còn là gì nữa. Chàng hít vào một hơi dài và rùng mình trong một lúc. Không ai cô đơn như chàng. Chàng không còn là người quý phái, thuộc một dòng họ quyền quý nào. Chàng không là người Bà La Môn, sống cuộc đời Bà La Môn, không là một người thuộc dòng Sa Môn khổ hạnh. Đến cả kẻ ẩn tu trong rừng vắng cũng không cô đơn, vì kẻ ấy thuộc vào một hạng người. Thiện Hữu đã trở thành một tu sĩ và có hàng trăm tu sĩ huynh đệ của chàng cùng mặc một loại áo, cùng thuộc một tín ngưỡng và nói cùng một ngôn ngữ. Mà chàng, Tất Đạt, chàng thuộc về đâu? Chàng sống theo đời ai? Chàng dùng ngôn ngữ ai?

Trong lúc đó, lúc vũ trụ quanh chàng tan rã, lúc chàng đứng cô đơn như một ngôi sao trên nền trời, lòng chàng tràn ngập một cảm giác thất vọng tái tê, nhưng chàng cũng cương quyết hơn bao giờ. Đó là sự run rẩy cuối cùng trước khi tỉnh thức, những đau đớn cuối cùng của sự thoát hình. Lập tức, chàng tiếp tục, và bắt đầu bước nhanh hối hả, không hướng về quê nhà, không trở lại thân phụ, không nhìn lui nữa.

Câu chuyện dòng sông

Chương 5 KIỀU LAN

Tất Đạt học thêm trên mỗi bước đường một điều mới mẻ, vì vũ trụ đổi thay và chàng ở trong vũ trụ. Chàng thấy mặt trời lên trên núi rừng và lặn ở bãi xa. Ban đêm chàng thấy những vì sao trên nền trời và mảnh trăng lưỡi liềm như một con thuyền trôi trong màu xanh thẳm. Chàng thấy cây cối, trăng sao, loài vật, mây, ráng trời, hang đá, cỏ hoa, suối và dòng sông, sương lấp lánh trên bụi bờ buổi sớm, những dãy núi xa cao và xanh nhạt, chim hót, ong bay vù vù, gió thổi nhẹ qua đồng lúa. Tất cả thứ đó muôn màu sắc, muôn dáng hình vẫn luôn tồn tại ở đây. Mặt trời và mặt trăng vẫn luôn luôn chiếu sáng, dòng sông luôn chảy và những con ong bay vù vù, nhưng ngày xưa đối với chàng, chúng không là gì cả ngoài ra một trò huyền ảo trước mắt chàng, bị nhìn một cách hoài nghi, bị khinh thường và gạt ra khỏi tư tưởng vì chúng không phải là thực tại, vì thực tại nằm bên kia nhãn giới. Bây giờ chàng nhìn chúng, chàng thấy và nhận ra nhãn giới, chàng tìm thấy vị trí của chàng trong vũ trụ này. Chàng không kiếm tìm thực tại: mục đích của chàng không ở một phía nào khác nữa. Vũ trụ tươi đẹp khi ta nhìn nó bằng cái nhìn này, không tìm kiếm, một cái nhìn đơn giản, cái nhìn của trẻ thơ. Trăng sao đẹp, bờ suối, bờ bể, rừng và hang đá, con dê và con nai vàng, hoa và bướm đều đẹp. Vũ trụ sẽ đẹp nếu ta nhìn thấy nó như vậy, hồn nhiên, tỉnh thức, chỉ quan tâm tới hiện tại mà không một thoáng nghi ngờ. Nơi kia mặt trời nắng gắt, nơi kia có bóng rừng im mát, nơi kia có chuối và bí ngô. Ngày và đêm đều ngắn, mỗi giờ qua nhanh như một chiếc buồm của một con tàu chở đầy kho báu, chở đầy niềm vui. Tất Đạt trông thấy một đàn khỉ trong rừng sâu, chuyền qua những cành cao, và chàng nghe tiếng kêu man rợ của chúng. Tất Đạt trông thấy một anh cừu đực đi theo ái ân với một chị cừu cái. Trong một chiếc hồ, một con cá lớn đói đang đi săn mồi ăn chiều. Từng đàn cá nhỏ đang bơi lượn sáng loáng, lo lắng tránh xa cá lớn đang tìm ăn chúng. Sức mạnh và dục vọng phản chiếu trên những con sóng xao động vì cuộc đuổi bắt hăng say. Tất cả những điều ấy đã có từ bao giờ nhưng chàng không hề thấy, chàng chưa bao giờ hiện diện. Bây giờ chàng hiện diện và thuộc vào thế giới ấy. Bằng con mắt, chàng thấy ánh sáng và bóng tối, bằng trí óc, chàng trực nhận có trăng sao.

Trên đường đi, Tất Đạt nhớ lại tất cả những gì chàng đã thực nghiệm trong vườn Lộc Uyển, những giáo lý mà chàng đã nghe từ đức Phật, cuộc đối thoại với bậc Toàn Giác. Chàng hồi tưởng mỗi chữ chàng đã nói với đấng Giác Ngộ, và chàng ngạc nhiên rằng mình đã nói

những điều mà chính mình chưa thật biết. Điều chàng nói với đức Phật - rằng sự giác ngộ của Phật là điều huyền bí không thể giảng dạy được, không thể diễn tả và thông cảm được – mà chàng đã một lần chứng nghiệm trong một giờ sáng suốt, chính là điều mà bây giờ chàng bắt đầu thực nghiệm. Chàng cần phải có kinh nghiệm bản thân. Chàng đã biết từ lâu rằng bản thân chàng là Tiểu ngã, cùng nguồn gốc với Đại ngã, nhưng chàng chưa bao giờ thật tìm thấy Tự ngã, vì chàng đã tóm nó vào cái lưới tư duy. Thân thể dĩ nhiên không là Tự ngã, cảm giác, tư tưởng, sự hiểu biết, sự tinh khôn để rút kết luận và dặt những tư tưởng mới từ những ý đã có sẵn, cũng không phải là Tự ngã. Không, thế giới tư duy cũng vẫn còn ở bên này bờ và nó không đưa đến mục đích nào khi con người phá huỷ giác quan để chỉ nuôi Tự ngã bằng tư duy và kiến thức. Tư tưởng và giác quan đều quý báu, sau chúng là ý nghĩa cuối cùng ẩn nấp. Thật đáng nên lắng nghe cả hai, không khinh thường cũng không xem trọng cái nào hơn, mà phải chú tâm lắng nghe cả hai một cách cẩn thận. Chàng sẽ chỉ lắng nghe lời chỉ bảo của tiếng nói nội tâm, không dừng lại bất cứ chỗ nào, ngoài chỗ mà tiếng nói ấy chỉ định. Tại sao đức Cồ Đàm đã ngồi dưới gốc cây khi Ngài đạt được toàn trí? Ngài đã nghe một tiếng nói trong thâm tâm, đã ra lệnh cho Ngài yên toạ dưới gốc cây đó, và Ngài đã không hành hạ thể xác, không tế thần linh, tắm nước thiêng hay cầu nguyện, uống hay ăn, ngủ hay mơ; Ngài đã nghe theo tiếng nói, không tuân theo mệnh lệnh nào khác ở ngoài, chỉ theo tiếng nói ấy – đó là điều hay và cần thiết – ngoài ra không có gì cần nữa. Suốt đêm, khi ngủ trong một căn nhà tranh dành cho người bộ hành, chàng đã mơ một giấc mơ. Chàng mơ thấy Thiện Hữu đứng trước mặt trong chiếc áo vàng của nhà tu khổ hạnh. Thiện Hữu trông buồn bã và hỏi chàng: - Tại sao anh bỏ tôi? Chàng liền ôm lấy bạn và khi kéo bạn sát lòng mình và hôn, thì bạn không còn là Thiện Hữu nữa, mà là một người đàn bà và ngoài cái áo của nàng là một bộ ngực đầy, và chàng nằm xuống uống những dòng sữa vị ngọt và nồng nàn. Có vị của đàn ông và đàn bà, của mặt trời và núi rừng, của loài vật và hoa lá, của mọi thứ quả, của mọi khoái lạc. Thứ sữa ấy làm mê man. Khi Tất Đạt thức dậy, con sông mờ nhạt loang loáng ánh qua lớp cửa của chòi tranh, và trong rừng một tiếng cú kêu vang lên sâu thẳm và trong vắt. Khi ngày bắt đầu lên, Tất Đạt nhờ người chủ nhà của chàng, một người lái đò đưa chàng qua sông. Người lái đò đưa chàng trên con thuyền tre. Mặt nước rộng và phẳng lì loang loáng hồng trong ánh nắng ban mai.

- Con sông thật đẹp – Chàng nói với người đồng hành.

- Vâng, người chèo đò đáp. Con sông rất đẹp, tôi yêu thích nó hơn tất cả mọi sự. Tôi đã thường lắng nghe nó, nhìn ngắm nó, và luôn học được ở nó một điều gì. Người ta có thể học được rất nhiều từ một dòng sông.

- Cám ơn ông lái đò, Sa Môn bảo khi chàng lên bờ. Tôi sợ e rằng tôi không có gì để tặng ông, cũng không có tiền trả. Tôi không nhà cửa, tôi là con của một người Bà La Môn và là một vị Sa Môn.

- Điều đó tôi cũng thấy rõ, người chèo đò nói – và tôi không chờ đợi ngài trả công hay cho chác gì tôi. Ngài sẽ cho tôi một lần khác.

- Ông nghĩ vậy sao? Tất Đạt vui mừng hỏi.

- Hẳn là thế. Tôi cũng học điều này từ con sông nữa. Mọi sự đều trở về. Ngài nữa, vị Sa Môn ơi, ngài cũng sẽ trở lại. Nào, chúng ta từ biệt! Mong ngài nghĩ đến tôi khi ngài tế lễ các vị thần.

Họ mỉm cười chia tay. Tất Đạt sung sướng trước sự thân mật của người chèo đò. Anh ta thật giống Thiện Hữu. Chàng nghĩ, vừa mỉm cười. Mọi người ta gặp đều giống Thiện Hữu, mọi người đều biết ơn, dù chính họ xứng đáng được tạ ơn. Mọi người đều ưa phục tòng, mọi người đều ước mong là bạn của ta, vâng lời và ít suy nghĩ. Người ta đều là trẻ con cả.

Đang trưa chàng đi qua một làng mạc. Trẻ con nhảy múa tung tăng trên con đường nhỏ trước mặt những chòi bằng đất sét. Chúng chơi đùa la hét và vật lộn nhau, nhưng bỏ chạy rụt rè khi người Sa Môn lạ lùng xuất hiện. Ở cuối làng, con đường chạy dài theo một dòng suối, và bên bờ suối, một người đàn bà đang quỳ gối giặt giũ. Khi Tất Đạt chào, nàng ngẩng đầu lên nhìn chàng với nụ cười và chàng thấy rõ trong trắng của mắt nàng chiếu long lanh. Chàng nói lên một lời chúc tụng theo tục lệ những du khách, và hỏi đường còn bao xa nữa là đến thành phố. Khi ấy nàng đứng lên, tiến đến chàng, đôi mắt ươn ướt sáng lên một cách quyến rũ trên gương mặt trẻ của nàng. Nàng trao đổi vài nhận xét với Tất Đạt, hỏi chàng ăn cơm chưa và có phải rằng những Sa Môn ngủ một mình trong rừng ban đêm không được theo người đàn bà nào cả hay không. Đoạn nàng đặt bàn chân trái lên trên chân phải của Tất Đạt và phác một cử chỉ thường làm khi một người đàn bà mời một người đàn ông hưởng thú khoái lạc ái tình mà thánh kinh gọi là “leo xuống cây”. Tất Đạt cảm thấy máu chàng nóng lên và chàng nhận ra hình ảnh giấc chiêm bao của chàng vừa qua, chàng hơi cúi mình về người đàn bà và hôn lên đầu chóp nâu của ngực nàng. Nhìn lên, chàng thấy mặt nàng tươi cười, đầy dự vọng, với đôi mắt hơi nhắm của nàng khẩn cầu khao khát.

Tất Đạt cũng cảm thấy khát khao và lòng rung động vì dục vọng, nhưng vì chàng chưa hề động đến một người đàn bà, chàng hơi do dự một lúc, mặc dù tay chàng đã ôm lấy nàng. Lúc ấy bỗng nghe tiếng nội tâm của chàng, và tiếng ấy nói “Đừng!”. Rồi tất cả ma lực đều biến đi khỏi khuôn mặt tươi cười của người đàn bà, chàng chỉ nhìn thấy cái nhìn nồng nàn của một người đàn bà trẻ say đắm. Chàng vỗ nhẹ má nàng, và nhanh chân đi khỏi người đàn bà đang tiu nghỉu và khuất bóng trong rừng tre.

Trước khi chiều xuống, chàng đến một thành phố lớn, và chàng sung sướng, vì chàng khao khát gặp người ta. Chàng đã sống trong rừng rú khá lâu và chòi canh của người chèo đò trong đó chàng ngủ đêm trước, là mái nhà đầu tiên trên đầu chàng sau một thời gian dài.

Ngoài phố thị, cạnh một khu rừng đẹp, người lữ hành lang thang gặp một đoàn gia nhân mang đầy những giỏ. Ở giữa, trong một chiếc kiệu trang hoàng có bốn người gánh, một người đàn bà, bà chủ, ngồi trên chiếc ghế dựa đỏ, dưới chiếc tàn long sặc sỡ màu. Tất Đạt đứng lặng ở cửa vào khu rừng nhỏ và ngắm đoàn những người tứ trai tứ gái và giỏ. Chàng nhìn chiếc kiệu và người đàn bà ngồi trong. Dưới mái tóc đen búi cao, chàng thấy một gương mặt rất sáng, dịu hiền và thông minh, một cái miệng đỏ chót như một trái anh đào mới cắt, đôi mày tuyết xảo và một vòng cung cao, đôi mắt đen láy tinh khôn và ưa quan sát, chiếc cổ thon trắng muốt nổi trên chiếc áo choàng vàng lục của nàng. Đôi bàn tay mịn màng dẻo dai dài và thon, nơi cườm tay đeo những chiếc vòng vàng chói.

Tất Đạt thấy nàng tuyệt đẹp và lòng chàng vui rộn lên. Chàng cúi thấp khi chiếc kiệu đi qua gần chàng, và lại ngẩng đầu lên ngắm gương mặt xinh đẹp trong sáng, nhìn vào đôi mắt bồ câu một lúc và thở hít vào mùi hương mà chàng không nhận ra mùi gì. Người đàn bà đẹp gật đầu mỉm cười một lát, rồi biến khuất trong cụm rừng, theo sau là đàn tôi tớ.

Tất Đạt nghĩ: ta đã vào thành phố này dưới một ngôi sao may mắn. Chàng cảm thấy hăm hở muốn đi vào cụm rừng ngay, nhưng chàng nghĩ lại, vì chàng sợ nhớ đến cái nhìn của bọn tôi tớ trai gái nhìn chàng trước cửa đi vào, một tia nhìn khinh mạn và nghi ngờ, một tia nhìn như muốn xua đuổi.

Ta vẫn còn là một Sa Môn, chàng nghĩ, vẫn còn là một nhà khổ hạnh, ăn xin. Ta không thể vẫn là một người như thế. Ta không thể đi vào cụm rừng ấy trong hình thức này. Và chàng cười lớn.

Chàng dò hỏi những người chàng gặp đầu tiên về khu rừng, và về người thiếu phụ; và được biết đó là khu rừng của Kiều Lan, một kỹ

nữ danh tiếng, và ngoài khu rừng ra, nàng còn làm chủ một biệt thự trong thành phố. Chàng đi vào thành. Chàng chỉ có một mục đích. Theo đuổi mục đích ấy, chàng rảo bước qua thành phố, đi lang thang trong những đường hẻm, đứng lặng ở vài chỗ, và đứng nghỉ trên bậc đá đưa xuống sông. Về chiều, chàng làm quen với một người thợ phụ hớt tóc, người chàng thấy đang làm việc dưới bóng một vòm cây. Chàng lại gặp ông ta đang cầu nguyện trong một ngôi đền, ở đây ông ta kể lại cho chàng nghe những câu chuyện về thần Tình ái. Ban đêm chàng ngủ giữa những chiếc thuyền trên sông, và sáng sớm, trước khi những khách hàng đầu tiên đến tiệm, chàng đã nhờ người thợ phụ cạo hết râu cho mình. Chàng cũng bảo chải đầu và xức dầu láng. Rồi Tất Đạt đi tắm trên dòng sông.

Khi về chiều, nàng Kiều Lan xinh đẹp tiến vào khu rừng của nàng trong chiếc kiệu, Tất Đạt đang đứng ở cổng vào. Chàng cúi chào và đón nhận lời chào của nàng. Chàng ra hiệu cho người tôi tớ đi sau cùng, và nhờ anh ta báo tin cho chủ biết có một người Bà La Môn trẻ muốn nói chuyện với nàng. Sau một lúc, người gia nhân trở lại, bảo Tất Đạt theo mình, lặng lẽ dẫn Tất Đạt đi vào trong một gian trại ở đó Kiều Lan đang nằm trên một chiếc thảm, và để chàng lại đấy.

- Có phải anh đứng ngoài cổng hôm qua và chào ta không? Kiều Lan hỏi.

- Vâng, chính thế. Hôm qua tôi thấy nàng và chào nàng.

- Nhưng hôm qua hình như anh có bộ râu và tóc dài đầy bụi, phải không?

- Nàng đã quan sát rất giỏi, đã thấy mọi sự. Nàng đã thấy Tất Đạt, con một vị Bà La Môn, người đã từ bỏ gia đình để trở thành một thầy Sa Môn, và đã tu trong ba năm. Nhưng giờ đây tôi đã từ bỏ con đường ấy và đến thành phố này, và người đầu tiên tôi gặp chính là nàng. Tôi đến đây là để nói với nàng, hỏi nàng Kiều Lan, rằng nàng là người đàn bà đầu tiên mà Tất Đạt muốn nói chuyện cùng mà không hạ đôi mắt. Tôi sẽ không bao giờ hạ đôi mắt khi gặp một người đàn bà đẹp nữa.

Kiều Lan mỉm cười và mân mê chiếc quạt lông công, đoạn hỏi:

- Tất Đạt đến để nói với ta có chừng ấy sao?

- Tôi đến để nói cùng nàng điều đó, và để cảm ơn nàng vì nàng quá xinh đẹp. Và nếu nàng không phật ý, hỏi nàng Kiều Lan, tôi yêu cầu nàng hãy là bạn và thầy của tôi, vì tôi không biết tí gì về nghệ thuật mà nàng đang nắm vững.

Lúc ấy Kiều Lan bật cười:

- Tôi chưa bao giờ nghe chuyện một người Sa Môn trên núi xuống

muốn gặp tôi và học với tôi. Chưa bao giờ một người Sa Môn tóc dài, áo quần rách rưới đến với tôi. Nhiều thanh niên đến gặp tôi, kể cả con trai những người Bà La Môn, nhưng họ đều ăn mặc đẹp đẽ, giày bóng, đầu họ thơm tho và túi đầy tiền. Đây những thanh niên đến với tôi như thế đấy, hỡi thầy Sa Môn.

Tất Đạt bảo:

- Tôi bắt đầu học được ở nàng hôm nay. Hôm qua tôi cũng đã học được một điều. Tôi đã cạo râu, chải đầu và bôi dầu láng. Hỡi người diễm tuyệt, tôi không còn thiếu bao nhiêu nữa: áo quần đẹp, giày đẹp và tiền trong túi. Tất Đạt đã làm những việc khó khăn hơn những chuyện tầm thường ấy, và đã thành công. Tại sao tôi lại không đạt được điều mà hôm qua tôi quyết định khởi sự - làm bạn với nàng và học nơi nàng những lạc thú của ái tình? Nàng sẽ thấy tôi là một người học trò có khả năng. Hỡi Kiều Lan, tôi đã học nhiều điều khó khăn hơn những gì nàng phải dạy tôi. Thế ra Tất Đạt chưa đủ tươm tất vừa ý nàng, với đầu tóc láng bóng, nhưng không có quần áo tốt, giày và tiền?

Kiều Lan cười lớn:

- Không, Tất Đạt không đủ tươm tất. Anh phải có quần áo thật đẹp và giày thật tốt, và tiền đầy túi, và tặng phẩm cho Kiều Lan. Anh đã biết chưa, hỡi thầy Sa Môn từ rừng núi xuống? Anh hiểu không?

- Tôi hiểu lắm. Tất Đạt kêu lên. Làm sao tôi không hiểu được, khi những lời ấy thốt ra từ một chiếc mồm xinh đẹp thế kia? Môi nàng giống như một trái anh đào mới cắt, hỡi Kiều Lan. Môi tôi cũng đỏ thắm và tươi mát, và sẽ hợp với môi nàng lắm, để nàng xem. Nhưng này, hỡi nàng Kiều Lan xinh đẹp, nàng không sợ hay sao, sợ vị Sa Môn từ rừng núi xuống để học về yêu đương?

- Tại sao tôi phải sợ một vị Sa Môn, một thầy Sa Môn ngốc nghếch từ rừng núi xuống, và không biết gì về đàn bà?

- Ô, người Sa Môn rất hùng mạnh và không sợ gì cả. Người có thể cưỡng bức nàng, hỡi cô gái đẹp, người có thể cướp của nàng và làm nàng đau đớn.

- Không, hỡi Sa Môn. Tôi không sợ. Có bao giờ một thầy Sa Môn hay một Bà La Môn sợ rằng có kẻ sẽ đến đánh người ấy và cướp của người ấy kiến thức, lòng sùng bái, năng lực suy tư? Không, bởi vì những cái ấy thuộc về của chính ông ta, và ông ta chỉ có thể cho những gì ông ta muốn, và nếu ông ta muốn. Cũng hết như thế với Kiều Lan và những lạc thú của tình yêu. Đôi môi của Kiều Lan đẹp lắm, nhưng ai muốn cưỡng bức Kiều Lan để hôn chúng, người ấy sẽ không hưởng chút gì ngọt ngào từ nơi môi ấy, mặc dù chúng biết rõ

làm sao để ban bố sự ngọt ngào. Anh là một người học trò giỏi, hồi Tất Đạt, bởi thế anh nên học thêm điều này: người ta có thể cầu xin, mua, được tặng hay gặp tình yêu trên các nẻo đường, nhưng tình yêu không bao giờ trộm cướp được. Anh đã hiểu lắm. Vâng, thật đáng tiếc, nếu một người thanh niên đẹp đẽ như anh mà hiểu lắm điều đó.

Tất Đạt cúi đầu mỉm cười:

- Nàng nói phải, Kiều Lan, thật đáng tiếc. Thật sẽ vô cùng đáng tiếc. Không, không một giọt ngọt ngào nào sẽ bị rơi mất từ môi nàng hay môi tôi. Vậy Tất Đạt sẽ trở lại khi có đủ những gì đang thiếu – áo quần, giày, tiền bạc. Nhưng hồi nàng Kiều Lan xinh đẹp, nàng không thể cho tôi vài lời khuyên nhủ sao?

- Lời khuyên? Sao lại không? Ai mà lại không sẵn sàng chỉ cho một thầy Sa Môn, nghèo khó ngu ngốc từ núi xuống, sống giữa những con lừa?

- Hồi nàng Kiều Lan, tôi có thể đi đâu để kiếm được nhanh chóng ba thứ trên?

- Ông bạn ơi, nhiều người muốn biết điều đó lắm. Ông phải làm những gì ông đã học để kiếm tiền, quần áo và giày. Một người nghèo khó không thể kiếm tiền bằng cách nào khác hơn?

- Tôi biết suy tư, tôi biết chờ đợi, tôi biết nhịn đói.

- Không biết gì khác sao?

- Không.Ồ có, tôi biết làm thơ. Nàng có thể cho tôi một cái hôn để đổi lấy một bài thơ?

- Tôi sẽ đổi nếu bài thơ của anh vừa ý. Bài thơ ấy gọi là gì?

Suy nghĩ một lúc, Tất Đạt đọc lên những vần thơ:

“Nhác trông nàng kiều nữ

Dạo gót sen về rừng

Ngõ vào, Sa Môn đứng

Nghiêng mình trước bông hoa

Nàng mỉm cười diễm lệ

Chàng Sa Môn thầm nghĩ:

“Nên dâng nàng lễ vật

Hơn cúng tế thần linh”

Kiều Lan vỗ tay thật lớn, đến nỗi những đôi vòng vàng của nàng kêu reng reng.

- Bài thơ của anh rất hay, hồi thầy Sa Môn áo nâu. Và thật cũng không mất gì nếu tôi cho anh một chiếc hôn vì nó.

Nàng đảo mắt ra hiệu cho chàng lại gần. Chàng để mặt sát mặt nàng, kề môi sát môi nàng, đôi môi tựa trái anh đào mới cắt. Kiều

Lan hôn chàng đắm đuối, và người Sa Môn ngạc nhiên vô cùng thấy nàng đã dạy chàng nhiều quá, nàng khôn khéo quá, cách nàng chế ngự chàng, xua đuổi chàng, và sau chiếc hôn dài đầu tiên, bao nhiêu cái hôn khác chờ đợi chàng, chàng đứng yên, thở rất dài. Lúc ấy chàng giống hết một trẻ nhỏ ngạc nhiên trước sự hiểu biết và kiến thức tràn đầy trải qua trước mắt.

- Bài thơ của anh rất hay, Kiều Lan bảo, nếu tôi giàu có, tôi sẽ trả tiền cho anh về bài thơ ấy. Nhưng sẽ rất khó khăn cho anh nếu anh muốn kiếm được nhiều tiền như anh muốn với thi ca. Vì anh sẽ cần rất nhiều tiền nếu anh muốn là bạn của Kiều Lan.

- Nàng biết hôn thật tuyệt – Tất Đạt áp ứng.

- Quả thế, chính vì vậy mà tôi không thiếu áo quần, giày và mọi thứ xinh đẹp. Nhưng anh sẽ làm gì, anh không biết gì khác ngoài suy nghĩ, nhìn đối và làm thơ sao?

- Tôi còn biết hát những bài tế thần – Tất Đạt nói. Nhưng tôi sẽ không hát nữa. Tôi cũng biết những bài phù chú, nhưng tôi sẽ không đọc nữa. Tôi đã đọc những thánh kinh.

- Xem! Kiều Lan ngắt lời, - anh không biết viết và đọc?

- Dĩ nhiên là biết. Nhiều người có thể làm được việc ấy.

- Không có nhiều. Chẳng hạn như tôi, tôi không biết. Thật tốt, thật rất tốt, nếu anh biết đọc, biết viết. Có thể anh cần đến cả những bài phù chú.

Lúc ấy một người tớ bước vào thì thăm bên tai bà chủ. Kiều Lan vội bảo Tất Đạt:

- Tôi có một người khách. Nhanh lên, cút đi Tất Đạt. Không ai được thấy anh ở đây. Chúng ta sẽ gặp nhau lại ngày mai.

Tuy nhiên, nàng lại sai gia nhân đem tặng thầy Sa Môn thánh thiện một chiếc áo choàng trắng. Không biết rõ những gì đang xảy ra, Tất Đạt được gia nhân nàng dẫn đi ra, qua một con đường ngoằn ngoèo, đến một ngôi nhà có vườn. Chàng được tặng một chiếc áo, dẫn vào bụi rậm và người ta bảo chàng lập tức rời khỏi cụm rừng chớ để cho ai thấy chàng.

Vui mừng, chàng làm những gì người ta bảo. Đã quen với rừng núi, chàng lặng lẽ tiến ra khỏi khu rừng nhỏ và qua bên kia bờ rào. Vui mừng, chàng trở lại thành phố, mang theo chiếc áo cuộn tròn dưới cánh tay. Chàng đứng trước cửa một tửu quán ở đây du khách tụ tập, lặng lẽ xin ăn và lặng lẽ nhận một mảnh bánh cốm. Có lẽ ngày mai, chàng nghĩ, ta sẽ không cần ăn xin nữa.

Bỗng chốc chàng cảm thấy tràn ngập một niềm kiêu hãnh. Chàng không còn là một Sa Môn: thật cũng không nên ăn xin nữa. Chàng

quảng cho chó mảnh bánh cốm và nhịn ăn.

Đời sống ở đây thật là đơn giản, Tất Đạt nghĩ. Không có gì là khó khăn cả. Mọi sự đều là khó khăn, vô vọng khi ta là một Sa Môn. Bây giờ thì tất cả đều dễ dàng như cái hôn mà Kiều Lan dạy. Ta chỉ còn cần quần áo và tiền bạc. Đó là những mục đích dễ dàng không làm ai mất ngủ.

Hôm sau chàng trở lại nơi Kiều Lan ở để thăm nàng. Nàng bảo:

- Mọi sự đều tốt đẹp. Vạn Mỹ mời anh đến thăm ông ta. Ông ta là thương gia giàu có nhất trong thành phố. Nếu anh vừa ý ông ấy, ông sẽ nhận anh giúp việc. Hãy khôn ngoan lên, vị Sa Môn áo nâu ơi! Và hãy thân mật với ông ấy: ông ta rất quyền thế, nhưng anh đừng nên quá nhún mình. Tôi không muốn anh là người tôi tớ của hắn ta, mà là người ngang hàng, nếu trái lại tôi sẽ bắt bênh về anh. Vạn Mỹ bắt đầu già và lười biếng. Nếu anh làm cho ông vừa lòng, ông sẽ rất tin cậy anh.

Tất Đạt cảm ơn nàng và cười, và khi biết rằng chàng đã đói từ hai hôm nay, nàng ra lệnh lấy bánh và trái cây cho chàng. Nàng bảo chàng khi sắp từ giã:

- Anh may mắn đó. Hết cánh cửa này lại đến cánh cửa khác mở ra cho anh. Sao mà may mắn thế! Anh có bùa chú gì chẳng?

Tất Đạt trả lời:

- Hôm qua tôi đã nói với nàng rằng tôi biết suy tư, chờ đợi và nhịn đói, nhưng nàng không cho đó là hữu ích. Rồi nàng sẽ thấy chúng rất hữu ích. Hôm kia tôi hãy còn là một khát sĩ lười thôi, hôm qua tôi đã được hôn nàng, và bây giờ tôi sắp sửa là một thương gia có tiền, có tất cả những gì mà nàng yêu chuộng.

- Phải đó, - nàng biểu đồng tình, - nhưng anh sẽ làm gì nếu không có tôi? Anh sẽ ra sao nếu Kiều Lan không giúp anh?

- Kiều Lan thân mến ơi, khi tôi đến khu rừng của nàng, tôi đã đi bước đầu. Ý hướng của tôi là học về tình yêu từ nơi người đàn bà đẹp nhất. Ngay khi tôi đưa ra quyết định ấy, tôi biết chắc tôi sẽ thực hiện nó. Tôi biết nàng sẽ giúp tôi, biết từ cái nhìn đầu tiên của nàng khi tôi mới đến.

- Và nếu tôi không muốn?

- Nhưng nàng đã muốn, Kiều Lan hãy nghe này, khi nàng ném một viên đá trong nước, nó tìm đường nhanh nhất để rơi xuống đáy.

Cũng thế, khi Tất Đạt có một mục đích. Nó không làm gì cả: nó chờ đợi, suy tư và nhịn đói; và khi làm những công việc thế tục nó cũng không làm gì, không khuấy động gì, mà tự để mình rơi. Tất Đạt bị lôi cuốn bởi mục đích của chính mình, vì nó không cho phép một điều gì

chống lại mục đích đó len vào trong trí óc. Đó là điều mà Tất Đạt đã học từ các vị Sa Môn. Đó là điều mà những kẻ phàm phu cho là phép lạ và do quỷ thần sai khiến. Không có gì do quỷ thần cả, và cũng không có quỷ thần. Mọi người đều có thể thực hiện phép màu, mọi người đều có thể đạt đến mục đích nếu họ biết suy tư, chờ đợi và nhin đối.

Kiều Lan lắng nghe chàng nói. Nàng yêu giọng nói ấy, yêu cái nhìn ấy. Nàng dịu dàng bảo:

- Có lẽ như anh nói, nhưng cũng có lẽ chính vì Tất Đạt là một chàng trai khôi ngô, vì cái nhìn của chàng thu phục được đàn bà, nên chàng mới may mắn như thế.

Tất Đạt hôn nàng từ giã.

- Tôi cầu mong được như vậy, hỡi người đã dạy cho tôi. Cầu mong cái nhìn của tôi mãi mãi làm đẹp lòng nàng, cầu mong sự may mắn sẽ mãi mãi đến với tôi từ nơi nàng!

Câu chuyện dòng sông

Chương 6 GIỮA XÃ HỘI

Tất Đạt tìm đến Vạn Mỹ, người thương gia, và được chỉ vào một biệt thự giàu có. Gia nhân đưa chàng qua những tấm thảm rộng, vào một phòng, ở đây chàng ngồi đợi chủ nhà.

Vạn Mỹ đi vào, ông ta là người hoạt bát, dẻo dai, tóc hoa râm, đôi mắt thông minh khôn khéo và cái miệng đầy nhục cảm. Chủ, khách thân mật chào nhau. Người thương gia bắt đầu:

- Tôi được nghe nói ngài là một người Bà La Môn học thức, nhưng muốn đi tìm việc với một thương gia. Vậy ngài túng thiếu lắm sao, nên đi kiếm việc làm?

Tất Đạt trả lời:

- Không, tôi không thiếu, và chẳng bao giờ thiếu gì. Tôi đến từ những vị Sa Môn mà tôi đã chung sống từ lâu.

- Nếu ngài ở trong đoàn Sa Môn, làm sao ngài lại không thiếu thốn?

Các vị Sa Môn há không hoàn toàn vô sản?

- Tôi không có gì cả, - Tất Đạt nói - hiểu theo ý ông. Dĩ nhiên là tôi vô sản, nhưng do tôi tự nguyện, vì thế tôi không thiếu thốn.

- Nhưng làm sao ngài sống nếu không có tài sản?

- Tôi chưa bao giờ nghĩ đến điều ấy, thưa ông. Tôi không có gì cả đã gần ba năm nay, nhưng tôi chưa bao giờ nghĩ về việc phải sống bằng cách nào.
- Nghĩa là ngài sống trên tài sản của kẻ khác?
- Bề ngoài thì như thế. Người thương gia cũng sống trên tư hữu của kẻ khác.
- Cũng đúng, nhưng người thương gia không lấy không. Họ cho lại hàng hoá của họ để trao đổi.
- Điều đó thành như định luật. Mọi người đều có cho, có nhận. Cuộc đời là như vậy.
- Ồ, nhưng nếu ngài không có gì, thì làm sao mà cho?
- Mỗi người cho cái mà mình có. Người lính cho sức mạnh, người thương gia cho hàng hoá, người thầy cho kiến thức, người làm ruộng cho lúa, người chài lưới cho cá.
- Phải lắm, nhưng ngài có thể cho gì? Ngài đã học được gì để cho?
- Tôi có thể suy tư, chờ đợi và nhịn đói.
- Chỉ có thế?
- Tôi nghĩ chỉ có thế.
- Nhưng những thứ ấy dùng để làm gì? Ví dụ như nhịn ăn, để làm gì?
- Nó có giá trị lớn lắm, thưa ông. Khi một người không có gì để ăn, nhịn đói là điều khôn ngoan nhất. Chẳng hạn nếu tôi không học cách nhịn, thì tôi phải tìm việc làm hôm nay, hoặc với ông, hoặc nơi khác, vì cơn đói hướng dẫn tôi. Nhưng bây giờ, tôi có thể chờ đợi một cách bình thản. Tôi không vội vàng, không thiếu thốn, tôi có thể nhịn rất lâu và xem thường sự đói. Vì thế mà nhịn đói là hữu ích, thưa ông.
- Thưa Sa Môn, ngài dạy rất phải. Xin ngài đợi cho một lát. Vạn Mỹ đi ra, và trở vào với một cuộn giấy trao cho khách, đoạn hỏi:
- Ngài có thể đọc cái này không?

Tất Đạt nhìn vào cuộn giấy và bắt đầu đọc bản giao kèo về thương mại. Vạn Mỹ bảo:

- Tốt lắm. Bây giờ xin ngài viết cho tôi một câu gì trên tờ giấy này, ông ta trao cho chàng giấy bút. Tất Đạt viết rồi trao trả tờ giấy. Vạn Mỹ đọc: “Viết lách rất tốt, nhưng suy nghĩ còn tốt hơn. Sự khôn khéo rất hay, nhưng kiên tâm còn hay hơn”. Người thương gia ngợi khen:
- Ngài viết hay lắm. Chúng ta sẽ còn bàn luận nhiều, nhưng hôm nay tôi mời ngài làm vị khách và ở trong nhà tôi.

Tất Đạt cảm ơn ông ta và nhận lời. Người ta đem đến cho chàng áo quần, giày dép, và một gia nhân sửa soạn đồ tắm cho chàng mỗi ngày. Họ dọn cho chàng những mâm cơm ngon lành mỗi ngày hai

dạo, nhưng chàng chỉ ăn có một buổi, và không dùng rượu thịt. Vạn Mỹ nói cho chàng nghe về việc mua bán, chỉ cho chàng xem hàng hoá, kho chứa hàng và sổ kế toán. Chàng học nhiều điều mới lạ, nghe nhiều và ít nói. Và nhớ đến lời Kiều Lan dặn, chàng không bao giờ hạ mình trước người thương gia mà buộc ông ta đối với chàng như một người ngang hàng hoặc cao hơn. Vạn Mỹ điều hành công việc cẩn thận say mê, nhưng Tất Đạt xem chúng như một trò chơi mà luật lệ thì chàng học thuộc nên chúng không làm chàng bận tâm. Ở nhà Vạn Mỹ chưa lâu, chàng đã dự phần trong công việc kinh doanh của ông ta. Tuy thế, hàng ngày chàng vẫn đến thăm Kiều Lan vào giờ nàng mời, ăn vận tề chỉnh, mang giày bóng và mang quà đến tặng nàng. Chàng học hỏi được nhiều nơi đôi môi đỏ khôn khéo của nàng. Bàn tay mềm dịu của nàng dạy chàng rất nhiều. Vốn còn là một đứa con trai khờ dại trong tình yêu, chàng thường đâm mình trong áy náy một cách mù quáng không biết chán chê, không bao giờ thoả mãn. Nhưng nàng dạy cho chàng rằng không ai có thể hưởng thụ khoái lạc mà không đồng thời ban bố nó, và mỗi cử chỉ, mỗi sự mơn trớn, mỗi cái nhìn, mỗi phần trong cơ thể đều có bí quyết riêng của nó để đem khoái cảm cho người biết thưởng thức. Nàng dạy cho chàng rằng những người yêu đương không nên rời nhau sau khi âu yếm mà không cảm phục nhau, không chinh phục người yêu và bị chinh phục, để cho không có cảm giác ngáy chán hay cô đơn nào phát sinh, và nhất là không có cái cảm giác khủng khiếp là mình đã lạm dụng hay bị lạm dụng. Chàng trải qua những giờ thần diệu bên người kỹ nữ khôn khéo xinh đẹp, và trở thành học trò của nàng, người yêu của nàng, bạn quý của nàng. Giá trị và ý nghĩa của cuộc đời chàng hiện tại ngưng đọng nơi cuộc gần gũi Kiều Lan chứ không phải trong công việc kinh doanh với Vạn Mỹ. Người thương gia giao cho chàng viết những bức thư và ngân phiếu quan trọng và dần dần có lệ hỏi ý chàng về những việc hệ trọng. Chẳng bao lâu ông ta đã nhận thấy rằng Tất Đạt ít hiểu biết về lúa gạo, len, về việc chuyên chở hàng hoá và mậu dịch, nhưng chàng lại có một năng khiếu tự nhiên và vượt hẳn ông ta về sự trầm tĩnh và thản nhiên, trong nghệ thuật nghe và làm cho người lạ có cảm tưởng tốt đẹp về chàng. Ông ta nói với một người bạn:

“Người Bà La Môn này không phải là một thương gia thực thụ và sẽ không bao giờ thành một thương gia cả, hẳn không bao giờ say sưa với công việc ấy. Nhưng hẳn có cái bí quyết của những người mà sự thành công tự đến với họ một cách dễ dàng, không biết vì hẳn ra đời dưới một ngôi sao tốt, hay vì phép lạ, hay vì hẳn đã học điều ấy nơi

các Sa Môn. Hấn luôn luôn có vẻ thư thái trong công ăn việc làm, công việc chẳng bao giờ làm hấn bận tâm nhiều, hay chi phối hấn. Hấn chẳng bao giờ sợ thất bại và chẳng bao giờ lo mất mát”. Người bạn khuyên thương gia: “Hãy chia cho hấn một phần ba lợi tức của công việc hấn điều khiển, nhưng bắt hấn chịu cùng một tỷ lệ ấy nếu thua lỗ. Như vậy hấn sẽ hăng hái hơn”.

Người thương gia theo lời khuyên ấy, nhưng Tất Đạt không mấy lưu tâm. Nếu có lời chàng nhận nó một cách bình tĩnh; nếu lỗ, chàng cười lớn và nói: “Ồ! Thì ra chuyến buôn này tệ thật!”.

Quả thế, chàng hầu như thờ ơ với việc thương mại. Một hôm, chàng đi đến một làng nọ để mua một mùa lúa lớn. Khi chàng đến đấy, lúa đã bán cho một thương gia khác. Tuy vậy, chàng vẫn ở lại trong làng rất lâu, giao du với những người chủ trại, cho trẻ con tiền bạc, dự một đám cưới và trở về một cách thoả mãn. Vạn Mỹ trách chàng đã không về ngay, để phí thời giờ và tiền bạc. Tất Đạt trả lời:

- Bạn ơi, đừng có trách móc. Không việc gì thành tựu bằng lời khiển trách cả. Nếu có sự tổn thất nào, tôi sẽ chịu. Tôi rất bằng lòng chuyến du lịch này. Tôi đã được quen rất nhiều người, thân với người Bà La Môn, trẻ con đã ngồi trên gối tôi, những người chủ trại đã chỉ cho tôi xem những cánh đồng của họ. Không ai xem tôi là một thương gia cả.

- Tất cả điều đó rất hay, Vạn Mỹ chấp nhận một cách miễn cưỡng – nhưng trên thực tế ngài là một thương gia. Hay là ngài chỉ đi vì sự ham vui của ngài thôi?

Tất Đạt cười:

- Dĩ nhiên tôi đi vì ham vui. (Chàng cười lớn). Sao lại không? Tôi đã quen với nhiều người và nhiều vùng mới. Tôi đã được tình bạn và lòng tin cậy. Nếu tôi là Vạn Mỹ, tôi đã bức bối bỏ ra về ngay khi thấy mình không mua chắc được, mà lại tốn thì giờ, tiền bạc. Đàng này tôi đã trải qua những giờ tươi đẹp, học thêm nhiều điều, hưởng nhiều thú vui và không làm hại chính tôi cũng như kẻ khác vì sự bức dọc hay vội vàng. Nếu có dịp nào đến lại chỗ ấy, những người thân sẽ đón tiếp tôi, và tôi sẽ sung sướng vì lần trước tôi không tỏ ra vội vã bất bình. Dù sao, hãy gác câu chuyện ấy lại, ông bạn ạ, và đừng tự dày vò mình với những lời trách móc. Nếu có ngày ông nghĩ rằng Tất Đạt này hại ông, hãy chỉ nói một lời và Tất Đạt sẽ đi khỏi nơi đây.

Cho đến ngày đó, giờ chúng ta hãy là những người bạn tốt của nhau. Người thương gia cố làm cho chàng nhận chân được rằng chàng đang ăn cơm của ông ta, nhưng vô hiệu. Tất Đạt ăn cơm của riêng chàng. Hơn nữa, họ đều ăn cơm của người khác, cơm của mọi

người. Tất Đạt không bao giờ bận tâm về những lo lắng của Vạn Mỹ, và Vạn Mỹ thì rất nhiều lo lắng. Khi một công việc có vẻ sắp thất bại, khi một chuyến hàng bị mất, khi một con nợ không chịu trả, Vạn Mỹ không bao giờ có thể làm cho người đồng nghiệp của mình tin rằng điều đó có thể làm điên tiết lên, làm cho trán nhăn lại và giấc ngủ trần trọc. Một hôm, khi Vạn Mỹ nhắc lại rằng chàng đã học được mọi sự từ nơi ông ta, Tất Đạt trả lời:

- Đừng nói đùa chứ. Tôi đã học được của ông giá tiền rổ cá bao nhiêu, và cho vay tiền có lời bao nhiêu. Đó là kiến thức của ông. Nhưng tôi không học của ông cách suy tư, ông Vạn Mỹ thân mến, ông nên học ở tôi điều đó.

Quả thế, tâm hồn chàng không ở trong công việc thương mại. Nó hữu ích cho chàng vì nó đem lại tiền để chàng biếu Kiều Lan, và chàng được nhiều tiền hơn là chàng cần. Hơn nữa, cảm tình và trí tò mò của chàng chỉ hướng về những con người, mà những công việc, lo âu, lạc thú và sự điên rồ của họ thật xa vời và lạ lùng đối với chàng hơn cả mặt trăng. Mặc dù chàng cảm thấy rất dễ dàng nói chuyện với mọi người, sống với mọi người, học hỏi mọi người, chàng ý thức sâu xa một điều rằng có một cái gì đó ngăn cách chàng với họ, và đều do thực trạng chàng đã là một Sa Môn. Chàng thấy mọi người sống một cách trẻ con và như thú vật, điều làm cho chàng vừa cảm thương vừa khinh bỉ. Chàng thấy họ lao nhọc đau khổ và bạc đầu về những chuyện mà đối với chàng thật không đáng một đồng xu, - tiền bạc, lạc thú nhỏ nhoi và những danh vọng hão huyền. Chàng thấy họ đánh mắng, chửi nhau, than vãn về những nỗi khổ cực mà sẽ làm cho một vị Sa Môn bật cười, và họ khổ đau vì những thiếu thốn mà một vị Sa Môn không cảm thấy.

Chàng nhận lấy tất cả những gì người ta mang lại cho chàng. Người thương gia đem đến hàng vải để bán cũng được đón tiếp, con nợ đến vay cũng được đón tiếp y hệt, kẻ ăn xin cũng được tiếp đón, có khi ở lại hàng giờ để kể lể nỗi nghèo nàn với chàng mặc dù hẳn không nghèo khó bằng bất cứ một Sa Môn nào. Chàng tiếp đãi không chút phân biệt, từ người thương gia giàu xa lạ đến người tôi tớ cạo râu cho chàng, và những anh hàng rong mà chàng mua chuối đã đánh cắp những đồng xu lẻ của chàng. Khi Vạn Mỹ đến kể cho chàng nghe những nỗi lo lắng và trách cứ về một vụ thua lỗ, chàng lắng nghe một cách tò mò chăm chú, và há hốc mồm, cố gắng để hiểu ông ta, nhượng bộ ông ta một tí khi cần, và tặng lời ông ta để đến với người cần chàng hơn. Và rất nhiều người đến với chàng, người thì đến vì công việc mua bán, người thì để lừa gạt chàng,

người để nghe chàng nói, người để nghe chàng cảm thông, người cần chàng chỉ bảo. Chàng giúp họ ý kiến, cảm thông với họ, cho chắc họ, để cho họ lùa gặt chàng một ít, và để tư tưởng chàng bận rộn vì trò chơi này cũng như trước đây chàng đã bận rộn vì thần linh và Đại ngã.

Thỉnh thoảng chàng nghe trong tâm tư một tiếng nói yếu ớt, nhẹ nhàng, nhắc nhở chàng một cách âm thầm, phàn nàn một cách lặng lẽ đến nỗi chàng khó có thể nghe thấy. Rồi đột nhiên chàng thấy rõ ràng chàng đang sống một nếp sống quá vội, rằng chàng đang làm việc chỉ đáng giá như một ván bài, rằng chàng cũng vui vẻ đấy và đôi khi hưởng khoái lạc nữa, nhưng sự sống chân thật đang trôi qua mà không chạm đến chàng. Như một cầu thủ chơi với quả cầu, chàng chơi với công việc kinh doanh, với những người chung quanh, ngắm nhìn họ, thích thú vì họ, nhưng tâm hồn chàng thì không có ở đấy. Bản ngã thực của chàng đang đi phiêu lưu một nơi nào đấy rất xa, âm thầm đi qua và không dính líu gì đến sự sống hiện tại của chàng. Đôi khi chàng sợ hãi những ý nghĩ ấy và ước sao được chia xẻ công việc hàng ngày trẻ con của họ một cách hăng hái, tham dự vào đời sống thực sự, thụ hưởng và sống đời sống của họ thực sự, thay vì chỉ ở đấy như một khách bàng quang.

Chàng đến thăm Kiều Lan thường xuyên, học nghệ thuật yêu đương trong đó cho và nhận trở thành một. Chàng nói chuyện với nàng, học ở nàng, chỉ bảo nàng và nhận những lời chỉ bảo. Nàng hiểu chàng hơn Thiện Hữu ngày xưa hiểu chàng, nàng giống chàng hơn là Thiện Hữu đã giống chàng.

Một hôm chàng bảo nàng:

- Em thật giống tôi, khác hẳn mọi người. Em là Kiều Lan và không giống ai khác, và ở trong em hình như có sự bình lặng, một nơi thiêng liêng ở đấy, em cũng như tôi, có thể lui về bất cứ lúc nào và trở thành chính em. Ít người có khả năng ấy, trong khi mọi người đều có thể có.

- Không phải mọi người đều khôn ngoan cả, Kiều Lan bảo.

- Điều ấy không can hệ gì, Kiều Lan. Vạn Mỹ cũng khôn như tôi, nhưng ông ta không có nơi thiêng liêng ấy. Nhiều người khác có nhưng lại chỉ là những trẻ con về kiến thức. Hầu hết đều giống những chiếc lá rơi phiêu bạt, quay cuồng trong không rồi rơi xuống đất. Nhưng một số ít người khác thì giống như những vì sao, đi một con đường đã định: không một cơn gió nào có thể chi phối họ, họ có sẵn trong mình kim chỉ nam và lối đi. Trong tất cả những người khôn ngoan – tôi biết nhiều người – có một người hoàn toàn về phương

diện này. Tôi không bao giờ quên được người ấy. Ngài là Cồ Đàm, đáng Giác Ngộ. Mỗi ngày có hàng ngàn thanh niên theo nghe giáo lý của Ngài và theo lời Ngài mỗi giờ phút, nhưng họ đều là những chiếc lá rơi; họ không có trong họ sự khôn ngoan và hướng đạo.

Kiều Lan mỉm cười nhìn chàng:

- Anh lại nói về ông ấy rồi. Anh lại có những tư tưởng Sa Môn.

Tất Đạt im lặng, và họ chơi trò yêu đương. Thân nàng mềm mại như chiếc cung của một nhà thiện xạ, kẻ nào học tình yêu nơi nàng sẽ học được nhiều lạc thú, nhiều bí quyết. Nàng đùa giỡn với Tất Đạt một lúc, xua đuổi chàng làm chàng mê mẩn, chiếm đoạt chàng, và thích thú vì sự chế ngự của mình cho đến khi chàng chịu thua, kiệt sức nằm bên cạnh nàng.

Người kỹ nữ cúi xuống nhìn rất lâu vào mặt chàng, vào đôi mắt chàng đã mệt mỏi.

- Anh là người tình tài giỏi nhất mà em gặp, nàng nói một cách trầm ngâm. Anh khỏe mạnh hơn những người khác, dẻo dai hơn, hăng hái hơn. Anh đã học rất giỏi nghệ thuật của em, Tất Đạt. Một ngày kia, khi em lớn tuổi hơn, em muốn có một đứa con với anh. Nhưng anh ôi, anh vẫn còn là một Sa Môn. Anh không thực sự yêu em – Anh không yêu ai cả. Có phải thế không?

- Có lẽ, Tất Đạt mệt mỏi đáp. Tôi cũng như em, em cũng không thể yêu. Nếu không, làm sao em có thể luyện tập về yêu đương như một nghệ thuật? Có lẽ những người như chúng ta không thể yêu đương. Những người thường tình kia, mới có thể yêu đương được - đấy là bí quyết của họ.

Câu chuyện dòng sông

Chương 7 KHỔ ĐAU

Trong một thời gian khá lâu, Tất Đạt sống nếp sống của thế tục mà không dự phần vào thế tục. Những giác quan mà chàng đã kềm chế suốt những năm dài say mê sống đời khổ hạnh, bây giờ lại được vùng dậy. Chàng đã nếm mùi của cái, đam mê và thể lực, nhưng chàng vẫn còn là Sa Môn một thời gian rất lâu trong tâm khảm. Nàng Kiều Lan khôn khéo đã nhận thấy điều này. Đời chàng luôn luôn được hướng dẫn bởi nghệ thuật suy tư, đợi chờ và nhịn đói. Những

con người xa lạ của thế tục, những thường nhân, vẫn còn xa lạ đối với chàng cũng như chàng cách xa họ.

Năm tháng trôi qua. Tất Đạt không buồn để ý đến thời gian, vì được vây quay bởi những hoàn cảnh thuận tiện dễ dãi, chàng đã trở nên giàu có. Từ lâu chàng đã làm chủ biệt thự có toilet, có một khu vườn ở ngoại ô cạnh dòng sông. Mọi người đều yêu thích chàng khi cần tiền bạc hay lời chỉ bảo. Tuy thế, trừ Kiều Lan ra, chàng không có bạn thân.

Sự thức tỉnh huy hoàng mà chàng đã hơn một lần chứng nghiệm lúc thiếu thời, vào những ngày sau khi nghe đức Cồ Đàm thuyết pháp, sau khi từ giã Thiện Hữu, sự thức tỉnh bén nhạy kia, lòng kiêu hãnh được đứng độc lập không cần thầy hay thuyết lý, lòng hăm hở nghe tiếng điệu âm nội tại ... tất cả đã dần trôi qua và trở thành ký ức.

Dòng suối linh thiêng đã một lần gần gũi chàng và hát ca trong lòng chàng, bây giờ thì thắm rất nhẹ xa xa. Tuy nhiên, nhiều điều chàng học ở các vị Sa Môn, ở đức Phật, ở cha chàng, ở các vị Bà La Môn, chàng vẫn còn nhớ rất lâu: một cuộc sống điều độ, lạc thú của tư duy, những giờ thiền định, tri thức huyền nhiệm về Tự ngã, về cái Ta vĩnh cửu không phải thân thể cũng không phải ý thức. Nhiều điều chàng còn giữ lại, nhiều điều đã chìm xuống dưới làn bụi bao phủ. Như một cái bánh xe đã tắt máy còn quay một lúc lâu, quay rất chậm rồi ngừng, bánh xe khổ hạnh cũng vậy, bánh xe tư duy, bánh xe phân biệt còn quay rất lâu trong tâm hồn Tất Đạt, nó còn chuyển động nhưng chậm chạp, và ngập ngừng, sắp đứng lại. Chậm chậm, như chất mực nát len dần vào thân cây đang chết, len dần và làm cho thối rữa dần, thế tục với sự trơ lì vô cảm giác cũng len lỏi dần vào tâm hồn Tất Đạt, dần dần lấp đầy tâm hồn chàng, làm cho nó trầm trệ, mệt mỏi, ru ngủ nó. Nhưng mặt khác, những giác quan chàng lại được tỉnh thức hơn, chúng học được rất nhiều, kinh nghiệm rất nhiều.

Tất Đạt học được cách điều hành những việc kinh doanh, thi hành quyền lực của mình đối với người, chơi với đàn bà, chàng đã mặc đồ sang trọng, sai bảo toilet, tắm mình trong nước thơm. Chàng đã biết ăn những thức ăn thịnh soạn, cá thịt, bồ câu hầm và những thứ gia vị tinh xảo, những của ngon vật lạ. Chàng đã biết uống rượu, làm cho chàng lười biếng và chóng quên. Chàng đã biết chơi tài xỉu, đánh cờ, ngắm vũ nữ, ngồi kiệu, ngủ trên chiếc giường êm dịu. Nhưng chàng luôn luôn cảm thấy mình khác và cao hơn mọi người; chàng luôn luôn nhìn họ với một cái nhìn khinh khỉnh, chế giễu ngạo nghễ, sự ngạo nghễ của một Sa Môn đối với người thế tục. Khi Vạn Mỹ nổi

cuồng lên, khi ông ta tự thấy mình đã bị lãng nhục hoặc khi ông bị rối rắm vì việc kinh doanh, Tất Đạt luôn luôn nhìn ông ta đầy chế giễu. Nhưng dần dà, và một cách thâm lặng, sự chế giễu và mặc cảm hơn người của chàng vơi đi cùng thời gian. Dần dà, cùng với những của cải tăng thêm, Tất Đạt cũng thu thập thêm ít đặc tính của những con người thường tình, thêm một ít lo âu của họ, một ít tính trẻ con của họ. Tuy nhiên chàng vẫn thêm thuồng số phận họ, càng giống họ bao nhiêu chàng càng ganh tị họ bấy nhiêu. Chàng ganh họ ở một điều độc nhất mà chàng thiếu, ấy là tầm quan trọng họ sống cuộc đời họ, bề sâu của khoái lạc cũng như đau khổ của họ, hạnh phúc xao xuyến nhưng êm đềm, ở mãnh lực liên tục của họ trong tình yêu. Những con người ấy luôn luôn mê say chính họ, con cái họ, danh vọng, tiền tài, kế hoạch và niềm hy vọng. Nhưng những điều này chàng không học được của họ, những khoái lạc trẻ con và những sự điên rồ; chàng chỉ học được ở họ những điều khó chịu, những điều mà chàng khinh bỉ. Sau một buổi chiều miệt mài trong cuộc truy hoan, thường thường là sáng hôm sau chàng cảm thấy vô cùng chán chường mệt mỏi. Chàng trở nên bức bối nóng nảy khi Vạn Mỹ quấy rầy chàng với những lo âu của ông ta. Chàng thường cười quá lớn khi thua bạc. Nét mặt chàng vẫn còn thông minh trí thức hơn những kẻ khác, nhưng chàng ít khi cười, và dần dần nét mặt chàng nhiễm lấy những vẻ thường thấy nơi những người giàu - vẻ bất bình, mệt mỏi, chán nản, nhàn hạ và vắng bóng yêu thương. Dần dần căn bệnh nội tâm của những người trưởng giả nhiễm vào trong chàng. Như một tấm màn, một dải mù sương mong manh, sự mệt mỏi chán chường trùm lên Tất Đạt mỗi ngày một dày nặng, mỗi tháng một đậm màu, mỗi năm một trầm trọng. Như một chiếc áo dần cũ theo thời gian, mất dần vẻ chói sáng, bạc màu và nhăn nheo, viền áo nứt rạn, đường chỉ bị sờn, đời sống mới mà Tất Đạt bắt đầu sau khi từ giả Thiện Hữu cũng trở nên cũ dần. Nó cũng mất dần sắc màu theo năm tháng: làn xếp và vết bẩn dần dấp thêm, ảo tưởng cùng sự ngấy chán buồn nôn đã chực sẵn, nắp kín hoặc lộ dạng ở vài nơi. Tất Đạt không chú ý đến. Chàng chỉ để ý rằng tiếng nội tâm trong sáng đã từng thức tỉnh chàng và luôn luôn dịu dặt chàng trong những giờ phút tốt đẹp nhất, bây giờ tiếng ấy bỗng im bật. Nếp sống thế tục đã tóm lấy chàng; lạc thú, tham lam, lười biếng và cuối cùng cả đến tính dòn của, thói tục mà chàng vẫn xem thường, khinh bỉ vì nó điên rồ nhất. Tài sản, vật sở hữu và của cải, cuối cùng đã bẫy chàng. Chúng không còn là một trò chơi, một cuộc đen đỏ; chúng đã trở thành một dây xích, một gánh nặng. Qua ván đỏ đen,

Tất Đạt đã đi hoang theo con đường quái gở cong queo, xuống cái dốc cuối cùng thấp nhất. Từ lúc chàng thôi còn là một Sa Môn trong tâm hồn, chàng bắt đầu chơi bạc vì tiền và vàng, càng ngày càng hăng hái, một cuộc đổ đên mà như mọi người thường khác: đầu tiên chàng cũng ngồi vào một cách tươi cười và dễ dãi. Chàng là một tay cờ cừ khôi, ít ai dám chơi với chàng vì chàng đặt tiền quá cao và liều lĩnh. Chàng cảm thấy một say mê, một khoái cảm trong sự phung phí tiền vào cờ bạc, một thứ tiền khôn nạn. Chàng không thể bằng cách nào khác, bày tỏ một cách rõ rệt và ngạo nghễ hơn lòng khinh bỉ của chàng đối với cửa cải, thần tượng sai lạc của những thương gia. Bởi thế chàng đặt tiền rất cao, không dè sẻn, tự ghét mình, tự chế nhạo mình. Chàng được hàng nghìn và ném ra hàng nghìn, thua tiền, thua đồ nữ trang, thua một ngôi nhà ở thôn quê, lại được, rồi thua lại. Chàng say mê nổi phập phồng ấy, nổi phập phồng ghê gớm nặng nề mà chàng trải qua trong những ván bài, những sự hồi hộp nín thở, với những món tiền cọc rất cao. Chàng yêu thích cảm giác này và liên tục tìm kiếm nó lại, tăng nó thêm lên, kích thích nó, vì chỉ trong cảm giác này chàng mới thấy được một thứ hạnh phúc, một thứ phấn khởi, một đà sống nồng nàn hơn trong cuộc đời tẻ nhạt, vô vị, chán chường của chàng. Và sau mỗi trận thua bạc lớn, chàng lại tận tụy kiếm thêm của, hăm hở theo đuổi việc kinh doanh và hối thúc con nợ, vì chàng cần chơi lại, cần phung phí lại, cần phơi bày nổi khinh miệt của chàng đối với tiền trở lại. Tất Đạt trở nên nóng nảy khi thua bạc, chàng mất bình tĩnh trước những con nợ dây dưa, chàng không còn tử tế với những kẻ ăn xin nữa, chàng không còn muốn cho người nghèo mượn tiền hoặc bố thí nữa. Chàng, người đặt cọc hàng mười nghìn vào ván bài rồi cười lớn, bây giờ trở nên khắt khe và bủn xỉn hơn trong việc kinh doanh, và đôi khi về đêm chàng lại nằm mộng thấy tiền. Và mỗi khi tỉnh dậy từ cái bùa chú khả ố này, khi chàng nhìn thấy bóng mình trong gương treo ở tường phòng ngủ, nét mặt già hơn và xấu hơn, mỗi khi hổ thẹn và sự buồn nôn xâm chiếm chàng, chàng lại chạy trốn, trốn vào trong ván đen đỏ khác, bối rối trốn vào dục lạc, vào men rượu và từ đó, trở lại với lòng hăm hở dồn chứa thêm tài sản. Chàng để mình hao mòn trong vòng luân chuyển vô tri ấy, và già đi, rồi bệnh hoạn.

Rồi bỗng một hôm, một giấc mơ làm chàng nhớ lại. Chàng ở lại với Kiều Lan trong buổi chiều, trong khu vườn chơi xinh đẹp của nàng. Họ ngồi nói chuyện dưới một gốc cây. Kiều Lan đang nói cách nghiêm trọng, sự buồn rầu và mệt mỏi sau lời nói của nàng. Nàng bảo chàng nói cho nghe về đức Phật, và nghe bao nhiêu cũng không

đủ đối với nàng, nào là mắt Ngài sáng trong làm sao, nào là chiếc miệng xinh đẹp và bình an, nụ cười huyền bí, tư thái Ngài đầy vẻ thanh tịnh làm sao. Rất lâu chàng phải thuật cho nàng nghe về đấng Giác Ngộ, và Kiều Lan đã thờ dài và bảo:

- Một ngày kia, có lẽ không lâu, em cũng sẽ đi theo đức Phật ấy. Em sẽ dâng Ngài khu vườn chơi của em và qui y theo giáo lý của Ngài. Nhưng đoạn nàng quyến rũ chàng, và hết sức nồng say, nàng vỗ lấy chàng trong một cuộc ân ái vừa cuồng nhiệt vừa đầy nước mắt, tuồng như nàng muốn ép lấy giọt ngọt ngào cuối cùng của thứ khoái lạc phù du kia. Chưa bao giờ Tất Đạt thấy rõ một cách lạ lùng rằng dục lạc đắm say gần giống cảnh chết chóc như thế. Chàng nằm bên cạnh nàng, mặt nàng kề sát mặt chàng, và chàng đọc thấy trong đôi mắt nàng, ở khoé miệng nàng lần đầu tiên những dấu hiệu nhắc nhở mùa thu của cuộc đời, những đường nhăn của tuổi tác. Chính chàng, chỉ đang độ tứ tuần, cũng đã thấy xuất hiện những sợi hoa râu trong mớ tóc đen của mình. Sự mệt mỏi đã in dấu trên gương mặt xinh đẹp của Kiều Lan, do bởi tiếp tục một con đường dài không mục đích tươi vui. Sự mệt mỏi và tuổi già đang lộ liễu, cùng với một nỗi sợ hãi đang tiềm ẩn chưa được nói ra, có lẽ chưa được ý thức, nỗi lo sợ mùa thu của cuộc đời: sợ hãi, già, chết. Thờ dài, chàng từ giã nàng, lòng nặng khổ đau và nỗi lo sợ âm thầm.

Tất Đạt đã ở lại nhà nàng đêm đó với men rượu và vũ nữ, tự cho mình cao hơn đồng bọn, mặc dù kỳ thực chàng không còn gì hơn họ. Chàng uống nhiều rượu và rất khuya mới vào giường, mệt mỏi nhưng trần trọc, gần muốn khóc và tuyệt vọng. Chàng cố ngủ nhưng vô hiệu. Tim chàng quá đau khổ, tưởng chừng không thể nào chịu đựng được nữa. Chàng cảm thấy một cơn buồn nôn xâm chiếm lấy chàng như một thứ rượu vô vị, một thứ nhạc quá ẻo lả và vô duyên, nụ cười quá nhạt nhẽo của những vũ nữ hay mùi hương quá nồng của mái tóc họ, của ngực họ. Nhưng trên tất cả, chàng buồn nôn vì chính chàng. Như một người đã ăn uống quá nhiều và nôn ra một cách khó nhọc nhưng rồi cảm thấy dễ chịu, con người bứt rứt của chàng muốn một cách quyết liệt, vứt bỏ hết những lạc thú, những thói quen, vứt bỏ cuộc sống hoàn toàn vô nghĩa này.

Chỉ khi trời sáng và khi mọi hoạt động ngoài thành phố bắt đầu, chàng mới sức thiếp đi, hơi khuây khoả, và ngủ yên trong chốc lát. Chính trong lúc ấy chàng đã mơ một giấc chiêm bao.

Kiều Lan nuôi một con chim lạ nhỏ trong chiếc lồng con bằng vàng. Chàng nằm mơ về con chim ấy. Con chim, thường hót về ban sáng, bỗng nhiên câm hẳn; và chàng ngạc nhiên đi đến chiếc lồng con nhìn

vào. Nó đã chết và nằm cong queo trên sàn. Chàng đem nó ra, cầm trên tay một lúc rồi ném ra đường. Chính lúc ấy chàng bỗng sợ hãi và đau đớn như chàng đã vứt đi cùng với con chim ấy tất cả những gì tốt đẹp và giá trị trong đời chàng.

Khi tỉnh dậy, chàng cảm thấy lòng tràn ngập một nỗi buồn sâu ghê gớm. Chàng mừng rỡ tưởng mình đã hoang phí một cách vô vị vô nghĩa; chàng đã không giữ lại được một điều gì của sự sống, một điều gì quý báu và xứng đáng. Chàng đứng cô độc như một kẻ đắm tàu đứng trên bờ.

Buồn bã, Tất Đạt đi vào khu vườn chơi của chàng, chàng đóng cổng, ngồi dưới một cây xoài, và cảm thấy đầy chết chóc rừng rợn trong tâm khảm. Chàng ngồi và cảm thấy mình đang chết dần, đang héo mòn, đang chầm dứt. Dần dần, chàng tập trung lại tư tưởng và ôn lại cả cuộc đời, từ những ngày trẻ thơ nhất mà chàng còn nhớ. Khi nào thì chàng đã thực sự hạnh phúc? Khi nào chàng đã thực sự trải niềm vui? Ừ, chàng đã trải qua điều này nhiều lần. Chàng đã vui trong những ngày niên thiếu, khi chàng được những người Bà La Môn khen ngợi, khi chàng vượt xa những người đồng thời, khi chàng đọc những thánh thư, trong những cuộc tranh biện với những bậc trí thức, khi dự những cuộc tế thần. Lúc đó chàng đã nghĩ: “Một con đường đang trải trước mắt. Những vị thần linh đang đợi người”. Và khi còn là một thiếu niên, khi lý tưởng mãi bay lượn thúc giục chàng đi theo rồi từ giã những người cùng đi tìm kiếm như chàng, khi chàng cố hết sức để mình hiểu những lời dạy của người Bà La Môn, khi mỗi kiến thức mới thu được chỉ lôi kéo theo một niềm khao khát mới, và trong niềm khát khao của chàng, trong những cố gắng của chàng, chàng đã tự nhủ: “Tiến lên đi, tiến lên! Đây là con đường của người”. Chàng đã nghe theo tiếng nói ấy khi chàng rời nhà và chọn đời sống Sa Môn, và khi chàng rời những vị Sa Môn để đến đức Phật, và khi chàng rời đức Phật để tiếp tục con đường vô định. Đã bao lâu rồi từ khi chàng nghe tiếng ấy, từ khi chàng bay bổng trên bất cứ chiều cao nào? Thật vô vị và buồn thảm làm sao, con đường chàng đã đi qua! Qua bao nhiêu năm dài rồi, chàng không có một mục đích nào cả, không một niềm hân hoan khát khao, không một thú nhỏ hẹp, là vẫn không thực thỏa mãn! Không biết rõ điều đó, chàng đã cố gắng và khao khát mấy năm rồi, để được giống như mọi người khác, như những con người trẻ thơ kia, mà đời chàng vẫn khốn khổ và nghèo nàn hơn họ, bởi mục đích của họ không phải là mục đích của chàng, nỗi sầu muộn của họ cũng không phải là nỗi sầu muộn của chàng. Cả thế giới những người như Vạn Mỹ này chỉ là một ván bài trước

mặt chàng, một cuộc khiêu vũ, một hài kịch để nhìn ngắm. Chỉ có Kiều Lan là yêu quý đối với chàng, là có giá trị đối với chàng. Nhưng nàng có còn yêu quý, giá trị hay không? Chàng có thực cần thiết đến nàng chăng? Họ lại không đang chơi một ván bài không dứt đó sao? Có cần thiết sống vì ván bài ấy hay không? Không. Ván bài này gọi là Sanh Tử, một trò chơi trẻ con, một trò chơi mà có lẽ chơi một, hai, mười lần cũng thú vị đấy, nhưng có đáng để chơi liên tục mãi mãi không?

Tất Đạt biết ngay là trò chơi đã chấm dứt, rằng chàng không thể chơi thêm được nữa. Một cơn rừng mình thoáng qua thân thể chàng, cảm thấy một cái gì đó đã chết.

Chàng ngồi suốt ngày hôm đó dưới gốc cây xoài, nghĩ đến cha chàng, đến Thiện Hữu, đến đức Phật. Có phải chàng đã từ bỏ tất cả những người này để trở nên một Vạn Mỹ không? Chàng ngồi đấy cho đến khi đêm xuống. Khi chàng ngẩng lên thì thấy những vì sao, chàng nghĩ: ta vẫn còn ngồi đây dưới gốc xoài trong vườn chơi của ta. Chàng hơi mỉm cười. Có cần thiết không, có đúng không, có phải điên rồ không, nếu chàng lại làm chủ một cây xoài và một khu vườn? Chàng đã quá chán ngán với những điều ấy. Chúng cũng đã chết ở trong lòng chàng. Chàng đứng dậy, chào từ biệt cây xoài và khu vườn chơi. Chàng chưa ăn gì cả ngày hôm đó, và chàng thấy đói cồn cào, nghĩ đến ngôi biệt thự của chàng, chiếc bàn đầy thức ăn. Chàng mệt mỏi mỉm cười, lắc đầu và chào giã biệt tất cả những thứ ấy.

Cũng đêm đó, Tất Đạt rời thành phố và không bao giờ trở lại. Vạn Mỹ cố đi tìm chàng một thời gian khá lâu, tin rằng chàng đã rơi vào tay bọn cướp. Kiều Lan thì không cố tìm chàng. Nàng không ngạc nhiên khi nghe tin Tất Đạt đã biến mất. Nàng đã vẫn chờ đợi điều đó lâu nay. Chàng không phải là một Sa Môn không nhà, một người lữ hành đó sao? Nàng cảm thấy điều đó rõ rệt hơn bao giờ hết trong buổi gặp gỡ cuối cùng với chàng, và trong sự buồn khổ vì mất mát, nàng vui sướng vì đã được ôm xiết chàng trong dịp cuối cùng ấy, và đã cảm thấy hoàn toàn được chàng chinh phục.

Khi nàng nghe những tin đầu tiên về việc Tất Đạt biến mất, nàng đi đến cửa sổ ở đấy nàng nuôi con chim hiếm trong chiếc lồng vàng. Nàng mở cửa lồng, lấy chim ra và thả cho nó bay đi. Nàng đứng nhìn theo chim khuất dạng một lúc lâu. Từ hôm đó, nàng không tiếp khách nữa và đóng kín cửa nhà. Sau một thời gian, nàng nhận ra mình đã có thai sau lần gặp gỡ cuối cùng với Tất Đạt.

Câu chuyện dòng sông

Chương 8

BÊN BỜ SÔNG

Tất Đạt đi lang thang vào rừng, đã xa thành thị và chàng chỉ biết một điều rằng chàng không thể trở về, rằng cuộc đời chàng đã sống nhiều năm qua bây giờ đã hết, chàng đã ném trái đến độ buồn nôn. Con chim hoàng oanh đã chết cái chết của nó, mà chàng đã chiêm bao, chính là cái chết của con chim trong lòng chàng. Chàng đã vướng sâu vào đau khổ, đã rước vào mình sự buồn nôn và chết chóc từ tứ phía, như một cái tô đĩa đã thấm nước cho đến khi đầy. Chàng đầy cả chán chường, khổ đau, chết chóc, không còn một cái gì ở thể tục có thể lôi cuốn chàng, có thể đem lại cho chàng khoái lạc và niềm an ủi.

Chàng say sưa ao ước được quên, được nghỉ ngơi, được chết. Sao cho một cơn sét đánh chàng đi! Sao cho một cơn hổ cú đến ăn thịt chàng phứt đi! Ước sao có một thứ rượu nào, một độc dược nào, đem lại cho chàng quên lãng, quên hết, làm cho chàng ngủ thiếp đi không bao giờ dậy nữa! Có một thứ gì thối tha mà chàng chưa bôi vào mình, có một tội lỗi và sự điên rồ nào trong tâm hồn mà chàng chưa phạm đến, có một vết nhơ nào trong tâm hồn mà chỉ có chàng là không chịu trách nhiệm hay không? Cái vòng luân chuyển đó không kiệt quệ đi và chấm dứt đi cho chàng hay sao?

Tất Đạt đã đến con sông dài trong rừng, con sông mà một người chèo đò đã từng đưa chàng qua khi chàng hãy còn trẻ và sau khi từ giả đức Phật. Chàng dừng lại và đứng tần ngần ở bờ sông. Con mệ và đói làm chàng yếu lả. Tại sao chàng lại phải đi xa thêm, đi đâu, và để làm gì? Không còn mục đích gì nữa, không còn gì hơn là một khát vọng đau đớn sâu xa được rũ hết cơn mộng mị cuồng loạn này, rửa hết chất rượu vô vị này, chấm dứt cuộc sống ê chề đau đớn này.

Có một cây dừa trên bờ sông; Tất Đạt ngồi dựa vào cây ấy, choàng tay qua thân cây và nhìn xuống dòng sông nước lục chảy bên dưới. Chàng nhìn xuống và bỗng dưng tràn ngập một ước muốn buông tay ra, để trầm mình trong đáy nước. Cái trống rỗng lạnh giá của nước phản chiếu sự trống rỗng ghê rợn trong tâm hồn chàng. Phải, chàng đã đến bước đường cùng. Không còn gì hơn đối với chàng trừ ra tự xóa bỏ mình, huỷ hoại cái kiến trúc thất bại của đời chàng, vứt nó đi, để cho những thần linh chế diễu. Đây là việc mà chàng ao ước làm - huỷ hoại cái hình tượng mà chàng ghét bỏ! Sao cho những con cá xé

xác chàng ra. Chàng, con vật xấu xí, người điên, thân xác mục nát, thối tha ấy, tâm hồn chán chường vô dụng ấy! Sao cho cá sấu ngấu nghiến chàng đi, sao cho những con quỉ xé thây chàng ra từng mảnh!

Với một nét mặt quái dị, chàng nhìn chòng chọc vào dòng nước. Chàng thấy mặt chàng phản chiếu và khắc nhỏ lên đấy; chàng buông tay khỏi thân cây và xoay mình một tí, để có thể rơi ngược đầu và chìm xuống nước. Chàng cúi rạp người, đôi mắt nhắm nghiền như hướng về cõi chết. Rồi từ một cõi xa xăm trong tâm hồn chàng, từ quá khứ của cuộc đời mệt mỏi, chàng bỗng nghe một tiếng vọng. Chỉ có một tiếng, một âm thanh mà không suy nghĩ, chàng lẩm bẩm nói lên, âm thanh ngày xưa bắt đầu và kết thúc mọi bài kinh Bà La Môn, tiếng “Om” thiêng liêng, có nghĩa là “Giác Ngộ” hay “Toàn Thiện”. Lúc đó, khi tiếng “Om” đến tai chàng, tâm hồn thần thờ của Tất Đạt bỗng nhiên thức tỉnh và chàng nhận ra sự điên rồ của hành vi mình.

Tất Đạt vô cùng sợ hãi. Thì ra chàng đã ra thế đấy, chàng đã quá lạc lõng, quá bối rối, quá mất lương tri đến nỗi muốn tìm cái chết. Lòng mong mỏi ấy, lòng mong mỏi trẻ con ấy đã trở nên quá mãnh liệt trong lòng chàng: tìm sự bình an bằng cách huỷ hoại thể xác. Tất cả những dày vò của thời vừa qua, tất cả ảo tưởng, tuyệt vọng đã không ảnh hưởng đến chàng bằng khi tiếng “Om” len vào ý thức chàng, làm chàng nhận rõ sự khốn nạn và tội lỗi của mình.

“Om”, chàng nhắm đọc trong lòng, và chàng ý thức về Đại ngã, về sự bất khả huỷ diệt của cuộc sống; chàng nhớ lại mọi sự mà chàng đã quên, mọi sự thiêng liêng cao khiết.

Nhưng chỉ một thoáng, thời gian một làn chớp, rồi Tất Đạt lại quì xuống gốc cây dừa, sự mệt mỏi xâm chiếm lấy chàng. Thì thầm tiếng “Om”, chàng gối đầu trên rễ cây và ngủ một giấc dài. Giấc ngủ chàng rất say mà không mộng mị; chàng chưa bao giờ ngủ ngon như thế trong một thời gian khá lâu. Khi chàng tỉnh dậy sau nhiều giấc ngủ, chàng có cảm tưởng như mười năm đã trôi qua. Chàng nghe tiếng nước chảy róc rách; chàng không biết mình đang ở đâu, cũng không rõ tại sao chàng đến đây. Chàng nhìn lên và ngạc nhiên thấy cây cối và trời ở trên đầu. Chàng sức nhớ lại chàng đang ở nơi nào và làm sao chàng đã đến đây. Chàng cảm thấy ước muốn ở lại đây một lúc lâu. Quá khứ bây giờ dường như phủ một lớp màn, vô cùng xa xăm, và không mấy may quan hệ. Chàng chỉ biết rằng đời sống trước đây của chàng đã hết, nó đầy cả buồn nôn và khốn nạn khiến chàng đã muốn huỷ hoại nó, nhưng chàng đã tỉnh ngộ bên cạnh một dòng sông, dưới một gốc dừa, với tiếng “Om” thần diệu trên môi. Rồi

chàng đã ngủ, và khi thức dậy chàng nhìn vũ trụ như một con người mới. Chàng nhẹ nhàng nói thầm tiếng “Om” với chính mình, chàng đã ngủ với tiếng ấy và chàng tưởng như suốt giấc ngủ chàng đã đọc tiếng ấy sâu dài, nghĩ về “Om”, thể nhập trong “Om”, trong cái vô danh, trong cái linh diệu ...

Thật là cả một giấc ngủ tuyệt vời! Chưa bao giờ một giấc ngủ lại làm chàng tỉnh táo, đổi mới chàng, làm chàng trẻ lại đến thế. Có lẽ chàng đã chết thực, có lẽ chàng đã chết đuối và tái sinh dưới một hình hài khác. Nhưng không, chàng nhận ra chính mình, nhận ra tay chân chàng, nơi chàng nằm và bản ngã ở trong lòng ngực chàng, một Tất Đạt cá biệt. Nhưng Tất Đạt này có một cái gì thay đổi, mới mẻ.

Chàng đã ngủ một giấc tuyệt vời. Bây giờ chàng tỉnh táo một cách kỳ lạ, sung sướng và ngạc nhiên trước mọi sự.

Tất Đạt ngẩng lên và thấy một thầy tu áo vàng, đầu cạo, ngồi đối diện với dáng điệu của một người suy tư. Chàng nhìn vào ông ta, và chẳng mấy chốc chàng đã nhận ra đây là Thiện Hữu, người bạn của chàng thời thơ ấu. Thiện Hữu, người đã nấp dưới bóng đức Giác Ngộ ... Thiện Hữu, cũng đã luống tuổi, nhưng mặt chàng còn biểu lộ những nét đặc biệt cũ trên mặt – lòng hăng hái, chính trực, óc tò mò, nổi hoang mang. Nhưng khi Thiện Hữu ngẩng lên và nhìn chàng, Tất Đạt thấy rằng Thiện Hữu không nhận ra chàng. Thiện Hữu vui mừng khi thấy chàng tỉnh giấc. Chàng có vẻ đã ngồi đây từ lâu chờ Tất Đạt thức dậy, mặc dầu Thiện Hữu không biết chàng.

- Tôi đang ngủ - Tất Đạt lên tiếng. Ông đến đây bằng cách nào?
- Ông đang ngủ - Thiện Hữu đáp, và thật không nên ngủ ở những nơi như vậy, vì thường có rắn và dã thú trong rừng ra. Tôi là một trong những đồ đệ của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, và tôi đang đi hành hương cùng với một số tăng lữ như tôi. Tôi thấy ông nằm ngủ một nơi nguy hiểm, nên đã cố thức ông dậy, nhưng ông ngủ say quá, nên tôi ở lại và ngồi đây. Rồi dường như tôi, người muốn canh chừng cho ông, chính tôi lại cũng ngủ. Sự mệt mỏi đã chiếm lấy tôi và tôi đã canh chừng rất sơ sót. Nhưng bây giờ ông đã tỉnh, tôi phải đi cho kịp với các môn đệ.

- Cám ơn thầy Sa Môn đã canh cho tôi ngủ. Những đồ đệ của đức Giác Ngộ thật rất tốt, nhưng bây giờ ông có thể đi đường của ông đi.

- Tôi đi đây. Chúc ông ở lại mạnh giỏi.

- Cám ơn thầy Sa Môn.

Thiện Hữu cúi đầu nói: Xin từ biệt.

- Xin từ biệt, Thiện Hữu, Tất Đạt buột miệng.

Vị tu sĩ đứng dừng lại:

- Xin lỗi ông, làm sao ông biết được tên tôi?

Tất Đạt cười lớn:

- Thiện Hữu, tôi biết anh từ ngôi nhà của thân sinh anh và từ ngôi trường của những người Bà La Môn, từ những cuộc tế thần, từ ngày chúng ta đi theo những Sa Môn, và cũng từ giờ phút trong rừng Lộc Uyển khi anh xin qui y đấng Giác Ngộ.

- Anh là Tất Đạt! Thiện Hữu kêu lên – Bây giờ tôi đã nhận ra anh và không hiểu tại sao tôi lại không nhận ra anh ngay. Chào Tất Đạt, tôi mừng lắm được gặp lại anh ...

- Tôi cũng rất mừng. Bạn đã canh chừng giấc ngủ của tôi. Cảm ơn bạn một lần nữa, mặc dù tôi không cần người canh. Bây giờ bạn đi đâu?

- Tôi không đi đâu cả. Chúng tôi, những tu sĩ, thì luôn luôn đi trên đường, trừ trong mùa mưa. Chúng tôi luôn luôn đi từ nơi này đến nơi kia, sống theo qui luật, giảng dạy giáo lý, khát thực và lại đi. Luôn luôn như thế. Nhưng anh đi đâu, Tất Đạt?

Tất Đạt nói:

- Tôi cũng hết như anh, bạn ơi. Tôi không đi đâu cả. Tôi chỉ đi trên đường. Tôi đang đi hành hương.

Thiện Hữu nói:

- Anh bảo anh đi hành hương, tôi tin anh. Nhưng này anh Tất Đạt, xin lỗi anh, tôi trông anh không giống một khát sĩ chút nào. Anh đang mặc áo quần của một người giàu có, anh đang mang giày theo thời trang, và mái tóc đầy hương của anh không phải là tóc của một khát sĩ, không phải tóc của một Sa Môn.

- Bạn đã quan sát kỹ lắm, đôi mắt tinh vi của bạn đã thấy hết mọi sự. Nhưng tôi không bảo bạn rằng tôi là một Sa Môn. Tôi nói rằng tôi đi hành hương, và điều ấy có thật.

- Anh đang đi hành hương. Thiện Hữu nói – Nhưng ít ai đi hành hương trong bộ áo quần như thế, giày như thế, tóc như thế. Tôi đã lang thang nhiều năm nay mà chưa bao giờ thấy một khát sĩ như thế cả.

- Tôi tin bạn nói thật, Thiện Hữu. Nhưng hôm nay đây, bạn đã gặp một khát sĩ như thế, trong giày và áo như thế. Hãy nhớ, Thiện Hữu thân mến của tôi ơi, rằng thế giới hiện tượng luôn luôn giả tạm, kiểu áo và tóc vô cùng tạm bợ. Ngay cả tóc và thân thể của chúng ta cũng giả tạm nữa. Bạn đã quan sát rất đúng. Tôi đang mặc y phục của một người giàu, và tôi có đầu tóc như người thế tục, theo thời trang chỉ vì tôi đã là một người trong số đó.

- Và bây giờ anh là gì, Tất Đạt?

- Tôi không biết, tôi cũng không biết như bạn. Tôi chỉ đang đi trên đường. Tôi đã là một người giàu nhưng bây giờ thì không còn nữa, và những gì sẽ xảy ra ngày mai, tôi không biết được.

- Anh đã mất hết của cải?

- Tôi mất chúng, hay chúng đã mất tôi – tôi không chắc. Bánh xe hiện tượng quay nhanh lắm, hỡi Thiện Hữu. Đây là Tất Đạt con người Sa Môn, đây là Tất Đạt người giàu có? Cái gì giả tạm sẽ thay đổi ngay, Thiện Hữu, bạn cũng biết thế.

Thiện Hữu hoài nghi nhìn người bạn ấu thời một lúc khá lâu. Đoạn chàng cúi chào Tất Đạt như người ta chào một người quý tộc, và đi tiếp con đường mình.

Mỉm cười, Tất Đạt nhìn chàng bước đi. Tất Đạt vẫn còn thương yêu chàng, người bạn trung thành hay thắc mắc ấy. Và trong lúc này, trong giờ sáng rạng sau giấc ngủ nhiệm màu thấm nhuần tiếng “Om” này, chàng không thể không cảm thấy thương yêu một người hay bất cứ một vật gì. Đó chính là điều kỳ diệu đã đến với chàng trong giấc ngủ với tiếng “Om”. Chàng yêu mến mọi sự, một tình yêu hoan hỉ đối với mọi vật chàng nhìn thấy. Và chàng cảm thấy dường như trước kia chàng đau khổ vì chính chàng đã không biết yêu thương.

Tất Đạt nhìn Sa Môn ra đi với nụ cười. Giấc ngủ đã làm chàng sáng khoái, nhưng chàng cảm thấy bụng đói cồn cào vì đã không ăn gì trong hai hôm nay, và cái thời chàng chế ngự được cơn đói nay đã qua rồi. Chàng nhớ lại thuở ấy một cách xao xuyến, nhưng đồng thời cũng với một nụ cười. Chàng nhớ hồi ấy chàng đã tự hào ba điều với Kiều Lan, ba nghệ thuật cao quý siêu quần: nhịn đói, chờ đợi và suy tư. Những điều ấy đã là sở hữu của chàng, quyền năng của chàng, sức mạnh của chàng. Chàng chỉ học có ba nghệ thuật ấy và không biết điều gì khác, suốt trong những năm chuyên cần và kiên tâm của thời niên thiếu. Bây giờ chàng đã mất chúng, chàng không còn nắm vững chúng được nữa, nhịn đói, chờ đợi hay suy tư. Chàng đã đổi chúng để lấy những vật khốn nạn nhất, những vật tạm bợ, những lạc thú cảm quan, nếp sống thượng lưu và của cải.

Chàng đã đi theo một con đường quái gở. Và bây giờ dường như chàng đã nghiệm nhiên trở thành một phạm nhân.

Tất Đạt suy nghĩ về tình trạng của chàng. Chàng nhận thấy rất khó suy nghĩ, và thực tình không muốn suy nghĩ, nhưng chàng tự bắt buộc mình.

Bây giờ, chàng nghĩ, mọi vật phù du kia đã lại lọt qua kẽ tay ta, một lần nữa ta lại đứng dưới trời như một đứa trẻ. Không có cái gì của ta, không biết gì, không học tập được gì. Lạ lùng biết bao!

Bây giờ, khi ta không còn trẻ nữa, khi tóc ta trở màu, khi sức ta bắt đầu giảm, ta bắt đầu sống lại như một trẻ thơ. Chàng lại mỉm cười. Vâng, định mệnh chàng kỳ lạ thật! Chàng đang đi ngược trở lại, và bây giờ chàng vẫn tay không, vẫn trần truồng và dốt nát trong vũ trụ. Nhưng chàng không buồn vì điều đó, trái lại chàng còn cảm thấy muốn cười lên, cười mình, cười cuộc đời đảo điên quái gở. Chàng tự bảo và cười lớn: “Mọi vật đang đi lui với mình”, và khi chàng nói như thế, cái nhìn của chàng chiếu sáng trên dòng sông, và chàng thấy dòng sông cũng chảy lùi đều đều, reo lên vui vẻ. Điều đó làm chàng rất thích thú, chàng mỉm cười vui vẻ với dòng sông. Đó chẳng phải là con sông mà một lần chàng đã ao ước trầm mình - hằng trăm năm về trước – hay chàng đã mơ thấy nó?

Đời sống của chàng thật lạ lùng, chàng nghĩ. Chàng đã lang thang qua nhiều con đường lạ. Khi còn là một cậu bé, tôi đam mê thần linh và các cuộc tế lễ, lúc trở thành thanh niên đam mê thiền quán và khổ hạnh. Tôi đã đi tìm Đại ngã và kính phục cái trường cửu nơi linh hồn. Là thanh niên tôi đã tu khổ hạnh. Tôi đã sống trong rừng, chịu nóng lạnh, tôi học nhịn đói, học chế ngự bản thân. Rồi tôi khám phá những giáo lý của đức Phật. Tôi cảm thấy trí thức và sự nhất thể của thế giới lưu thông trong tôi như chính máu của tôi, nhưng tôi cũng cảm thấy cần rời xa đức Phật và sự hiểu biết. Tôi đi và học những lạc thú của ái tình nơi Kiều Lan và việc kinh doanh nơi Vạn Mỹ. Tôi tích lũy tiền của và tiêu hoang nó, ăn những thức ăn ngon, và học cách kích thích giác quan. Tôi phải tiêu phí nhiều năm như thế để đánh mất sự thông minh, khả năng suy tư của tôi, để quên cái nhất tính của sự vật. Chẳng phải tôi đã dần dần đổi thay từ một người đàn ông thành một đứa trẻ, từ một người tự duy đến một người thông thường, qua nhiều khúc quanh hay sao? Và con đường này có lợi và con chim trong lòng tôi đã không chết. Nhưng chao ôi là con đường! Tôi đã phải trải qua quá nhiều ngu dại, quá nhiều tính xấu, quá nhiều lầm lạc, nôn mửa, vỡ mộng và buồn rầu, mà chỉ để trở lại thành một đứa trẻ. Nhưng đúng là phải như vậy. Đôi mắt và trái tim tôi đòi hỏi điều đó. Tôi phải chứng nghiệm sự tuyệt vọng, tôi phải đi vào chiều sâu thăm thẳm nhất của tâm hồn, vào những ý tưởng tự sát, để chứng nghiệm thánh ân, để nghe tiếng “Om” trở lại, để ngủ say sưa lại và thức dậy cải lão hoàn đồng. Tôi lại phải trở thành một người ngu để tìm Tự ngã trong tôi. Tôi phải phạm tội để sống lại. Con đường tôi sẽ còn dẫn tôi đi đâu? Con đường ngu ngốc, nó đi xoắn ốc, có lẽ xoay vòng tròn, nhưng dù nó đi đâu tôi cũng đi theo nó. Chàng cảm thấy một hạnh phúc lớn lao đang dâng lên trong tâm hồn. Chàng tự hỏi:

hạnh phúc ấy từ đâu lại, đâu là lý do của cảm giác hạnh phúc ấy? Nó có đến từ giấc ngủ dài của tôi, giấc ngủ đã làm cho tôi rất khoan khoái không? Hay từ thế giới “Om” mà tôi gọi tên? Hay chính vì tôi đã cao bay xa chạy, vì cuối cùng tôi đã trở lại tự do, và trở lại như một đứa trẻ dưới vòm trời? Ô! Chuyến bay mới đẹp, cuộc giải thoát mới đẹp làm sao! Nơi tôi vừa trốn chạy luôn luôn có một không khí của dầu xức đầu, đồ gia vị, sự quá độ và sự trơ lì. Tôi ghét cái thế giới tiền của, rượu chè, cờ bạc ấy quá! Tôi ghét cả chính tôi đã sống quá lâu trong thế giới kinh tởm ấy. Tôi ghét cả chính tôi đã tự bóp méo, tự đầu độc và hành hạ mình, làm cho mình già và xấu xí. Tôi sẽ không bao giờ còn xem Tất Đạt này là thông minh nữa, như có lần tôi đã tưởng. Nhưng một điều tôi đã làm khiến tôi hài lòng và tự ngợi khen là bây giờ tôi đã vượt qua sự tự ghét ấy rồi, cái đời sống điên rồ trống rỗng ấy rồi. Tất Đạt, ta khen ngợi người là sau ba năm điên cuồng, người đã có lại một ý nghĩ đẹp, rằng người đã hoàn thành một cái gì, rằng người đã nghe lại con chim hót tự trong lòng người và theo nó.

Chàng tự khen mình như thế, tự bằng lòng với mình và lắng nghe một cách tò mò bao tử của mình đang gào lên vì đói. Chàng cảm thấy mình đã trút ra một phần nỗi buồn, một phần khổ đau của thời quá khứ, mà chàng đã uống cạn đến độ tuyệt vọng gần chết. Nhưng mọi sự đều tốt đẹp. Chàng có thể sống lâu hơn với Vạn Mỹ, làm tiền và phung phí, nuôi dưỡng thể xác và bỏ rơi tâm hồn, chàng đã khéo sơn phết đó, nếu không có cái phút hoàn toàn vô vọng và căng thẳng khi chàng nghiêng mình trên dòng nước chảy, sẵn sàng tự tử. Thì cơn tuyệt vọng đó, sự buồn nôn tột độ mà chàng trải qua đã không thắng được chàng. Con chim, dòng suối trong trẻo, tiếng nói trong lòng chàng vẫn còn sống. Đó là lý do làm chàng vui tươi, làm chàng cười lớn, làm mặt chàng sáng lên dưới mái tóc đã hoa râm.

Tự mình chứng nghiệm mọi sự là một điều hay, chàng nghĩ. Khi còn là một đứa trẻ, tôi đã học rằng những lạc thú và của cải thế tục không hay ho gì. Tôi đã biết điều ấy từ rất lâu, nhưng tôi chỉ mới chứng nghiệm nó vừa rồi. Bây giờ tôi biết điều ấy không phải chỉ bằng tri thức, mà bằng mắt tôi, bằng tim tôi và bằng bao tử tôi.

Chàng suy nghĩ rất lâu về sự đổi thay trong lòng chàng, lắng nghe con chim đang hót mừng. Nếu con chim trong lòng chàng đã chết, chàng có chết không? Không, một cái gì khác trong chàng đã chết, một cái gì từ lâu chàng thêm khát đã chết. Đó chẳng phải là cái mà chàng từng mong phá huỷ suốt những năm khổ hạnh của chàng đó sao? Đó phải chăng là Tự ngã của chàng, cái ngã nhỏ bé, sợ hãi,

kiêu căng, mà chàng đã chiến đấu với nó bằng bao nhiêu năm, nhưng luôn luôn nó thắng, luôn luôn nó xuất hiện lại, để cướp hạnh phúc của chàng, gieo cho chàng sợ hãi? Chẳng phải nó cuối cùng đã chết hôm nay, trong rừng, bên cạnh dòng sông kỳ diệu này sao? Chẳng phải vì cái chết của nó mà bây giờ chàng giống như một đứa trẻ, đầy hạnh phúc và niềm tin, không hoảng sợ?

Bây giờ Tất Đạt cũng đã nhận ra được vì sao chàng đã chiến đấu vô vọng với Tự ngã của chàng khi còn là một Bà La Môn và một nhà khổ hạnh. Quá nhiều kiến thức đã ngăn ngại chàng, quá nhiều thánh thi, quá nhiều lễ tế, quá nhiều ép xác, quá nhiều cố gắng và làm lụng. Chàng đã đầy kiêu căng, chàng đã luôn luôn là người khôn ngoan nhất, hăng hái nhất, luôn luôn hơn người một bước, luôn luôn là người trí thức, luôn luôn là người giảng đạo hay nhà hiền triết. Tự ngã chàng đã len lỏi vào trong chức vị giảng đạo ấy, vào lòng kiêu hãnh ấy, vào trí thức ấy. Nó an vị đấy một cách vững vàng, và tăng trưởng thêm, trong khi chàng tưởng chàng đang huỷ hoại nó bằng nhìn đói và sám hối. Bây giờ chàng hiểu nó và nhận ra rằng tiếng nói nội tâm rất đúng, không có một bậc thầy nào có thể đưa chàng đến giải thoát. Đó là nguyên do vì sao chàng đã đi vào cuộc đời, tự đánh mất mình trong thế lực, trong đàn bà và tiền bạc; vì sao chàng trở thành một thương gia, một người cò bạc, rượu chè và một người giàu có, cho đến khi con người thuyết giáo và vị Sa Môn trong chàng chết đi. Đó là nguyên do vì sao chàng đã sống qua những năm kinh khủng chịu đựng sự buồn nôn, học các bài học về sự điên rồ của một đời sống vô vị, trống rỗng cho đến chết, cho nên khi chàng đạt đến nỗi tuyệt vọng đắng cay để cho Tất Đạt con người buồn lạc thú và Tất Đạt con người của giàu sang cũng chết nốt. Chàng đã chết và một Tất Đạt mới đã thức dậy sau giấc ngủ của chàng. Chàng cũng sẽ già và chết. Tất Đạt là giả tạm, nhưng hôm nay chàng còn trẻ, chàng là một đứa trẻ - chàng Tất Đạt mới – và chàng rất hân hoan. Những tư tưởng đó thoáng qua trong trí chàng. Mỉm cười, chàng lắng nghe tiếng bao tử mình, lắng nghe đầy cảm ơn tiếng con ong đang rì rầm. Sung sướng chàng nhìn dòng sông đang chảy. Chưa bao giờ một dòng sông thu hút chàng đến thế. Chưa bao giờ chàng tìm thấy tiếng nước và hình ảnh dòng sông đang chảy lại đẹp như thế. Dường như con sông có cái gì đặc biệt để kể với chàng, một cái gì mà chàng không biết, một cái gì còn chờ đợi chàng. Tất Đạt đã có lần toan trầm mình trong dòng nước đó, thì hôm nay chàng Tất Đạt già cỗi, mỏi mệt, tuyệt vọng đã chết trong ấy. Chàng cảm thấy một

tình yêu sâu đậm đối với dòng sông đang chảy và quyết định sẽ không rời nó vội.

Câu chuyện dòng sông

Chương 9 NGƯỜI LÁI ĐÒ

Ta sẽ ở lại bên con sông này, Tất Đạt nghĩ. Cũng cùng con sông này ta đã đi qua trên con đường về kinh thành. Một người lái đò thân thiện đã đưa ta sang sông. Ta sẽ đến ông ấy. Con đường ta đi đã một lần đưa ta từ mái chèo của người đến một đời sống mới mà bây giờ đã cũ và chết. Con đường hiện tại của ta, cuộc đời mới của ta sẽ bắt đầu từ đây!

Chàng thương mến nhìn dòng nước chảy, nhìn màu xanh trong suốt, những đường pha lê vẽ nên bức tranh thần tình trong lòng nước. Chàng trông thấy những viên ngọc ngời sáng nổi lên từ đáy sâu, những bọt nước bọt lợi trên tấm gương, bầu trời trong xanh phản chiếu trong bọt nước. Con sông nhìn chàng bằng trăm ngàn đôi mắt – màu xanh lục, trắng, màu pha lê, màu xanh da trời. Chàng yêu dòng sông này biết bao, nó thật quyến rũ và chàng đầy cảm ơn đối với nó. Chàng nghe trong tim tiếng nói của thức tỉnh nói với chàng: “Hãy yêu dòng sông này, ở bên nó và học với nó”. Phải, chàng muốn học nơi nó, chàng muốn lắng nghe nó. Chàng thấy dường như ai bất cứ ai hiểu được dòng sông và những huyền bí của nó sẽ hiểu được nhiều điều hơn nữa, nhiều điều huyền bí, tất cả mọi huyền bí. Nhưng hôm nay chàng chỉ mới thấy một điều bí mật của con sông, điều bí mật đã đập mạnh vào tâm trí chàng. Chàng thấy con sông vẫn tiếp tục chảy như nó vẫn luôn luôn ở đấy, luôn luôn là dòng sông ấy trước mắt chàng, tuy nhiên mỗi lúc nó mỗi mới. Ai có thể hiểu được, quan niệm được điều này? Chàng không hiểu được, chàng chỉ trực nhận một mối hoài nghi, một ký ức lơ mờ, và những tiếng nói thiêng liêng.

Tất Đạt đứng dậy, cơn đói cồn cào đang trở thành không thể chịu được. Chàng khó nhọc đi lang thang dọc theo bờ sông lắng nghe tiếng nước vỗ, lắng nghe cái đói đang vò xé thân thể chàng. Khi chàng đến bến, chiếc đò đã đợi sẵn và người lái đò đã một lần đưa chàng Tất Đạt trai trẻ qua sông, đang đứng trên đò. Tất Đạt

nhận ra ông ta ngay. Ông ta cũng già đi rất nhiều.

- Nhờ ông đưa tôi sang sông. Chàng nói. Người lái đò ngạc nhiên thấy người đàn ông sang trọng như thế đi bộ một mình, mời chàng lên thuyền và rời bến, Tất Đạt bảo:

- Ông đã chọn một cuộc sống thần tiên. Sống bên dòng sông này và chèo thuyền trên sông hằng ngày hẳn là thích thú lắm.

Người lái đò đẩy nhẹ mái chèo mỉm cười:

- Rất thú vị, đúng như ngài nói, nhưng không phải cuộc sống nào, công việc nào cũng thú vị cả hay sao?

- Có lẽ, nhưng tôi thêm khát công việc của ông.

-Ồ, ông sẽ mất hứng thú vì nó. Nó không phải là công việc của những người ăn mặc đẹp.

Tất Đạt cười:

- Hôm nay tôi đã bị phê bình qua phục sức và nhìn nó với sự nghi ngờ. Ông có thể nhận những quần áo mà tôi thấy rất phiền phức này không? Vì tôi phải nói với ông rằng tôi không có tiền để trả công ông đã đưa tôi sang sông.

Người lái đò cười lớn:

- Ông nói đùa chứ.

- Tôi không đùa, ông bạn ạ. Trước kia đã có lần ông đưa tôi sang sông này không lấy tiền, vì thế hôm nay tôi cũng xin ông làm như thế và lấy quần áo của tôi vậy.

- Và rồi ông tiếp tục đi trần truồng sao?

- Tôi không muốn đi thêm nữa. Tôi muốn xin ông cho tôi một ít đồ cũ và để tôi ở đây như người phụ tá của ông, hay hơn nữa người học nghề của ông, vì tôi phải học cách lái đò.

Người lái đò đăm đăm nhìn người khách lạ rất lâu:

- Tôi nhận ra ngài rồi. Có lần ngài đã ngủ trong chòi của tôi. Lâu lắm rồi, dường như hơn hai mươi năm về trước. Tôi đưa ngài sang sông và khi chia tay, chúng ta trở thành đôi bạn tốt. Tôi không thể nhớ tên ngài, có phải ngài đã là Sa Môn không?

- Phải, lúc ấy tôi là một Sa Môn và tên là Tất Đạt.

- Hân hạnh chào ngài Tất Đạt. Tên tôi là Vệ Sử. Tôi mong ngài sẽ là người khách của tôi hôm nay và ngủ trong lều tôi, và kể tôi nghe ngài từ đâu đến và tại sao ngài chán y phục sang trọng của ngài.

Họ đã ra đến giữa sông và Vệ Sử chèo mạnh hơn vì ngược nước.

Ông chèo một cách bình thản, với hai cánh tay mạnh, vừa nhìn về phía mũi thuyền. Tất Đạt ngồi nhìn ông và nhớ ra một lần vào thuở còn là Sa Môn, chàng đã rất có thiện cảm với người này. Khi họ đến bến, Tất Đạt giúp ông cột thuyền. Vệ Sử dẫn chàng vào lều, cho

chàng bánh, nước và một quả xoài. Tất Đạt ăn tất cả một cách hoan hỉ.

Một lát sau, khi mặt trời bắt đầu lặn, họ ngồi trên một thân cây cạnh dòng sông và Tất Đạt kể cho ông ta nghe về lai lịch của chàng và cuộc sống của chàng cho đến khi chàng gặp ông ta hôm nay, sau giờ phút tuyệt vọng. Câu chuyện kéo dài cho đến khuya.

Vệ Sử lắng nghe một cách chăm chú; ông nghe tất cả những gì về lai lịch và tuổi thơ của chàng, về sự học của chàng, về sự tìm kiếm của chàng về khoái lạc và những nhu cầu của chàng. Một trong những đức tính của người lái đò, mà rất ít người có, là ông biết lắng nghe. Không nói với chàng một lời. Người kể chuyện có cảm giác Vệ Sử nghe kỹ từng tiếng, một cách im lặng, đợi chờ, không bỏ sót lời nào. Ông không thúc giục, không khen, không chê – ông chỉ lắng nghe. Tất Đạt cảm thấy thật là tuyệt diệu khi có một người nghe như thể bị thu hút vào cuộc sống của riêng chàng, những cố gắng, những nỗi buồn riêng tư của chàng.

Tuy nhiên, khoảng cuối câu chuyện, khi Tất Đạt kể về cây cổ thụ bên sông và sự tuyệt vọng của chàng, về tiếng “Om” linh diệu, và sau giấc ngủ, chàng yêu mến dòng sông ra sao, người lái đò nghe chăm chú gấp đôi và hoàn toàn bị thu hút, đôi mắt nhắm nghiền lại.

Khi Tất Đạt kể hết và sau một lúc lâu im lặng, Vệ Sử nói:

- Theo tôi nghĩ, chính dòng sông đã nói với Ngài. Nó cũng thân thiện với ngài nữa, nó đang nói với Ngài. Lành thay điều đó. Ở lại đây cùng tôi, hỏi ông bạn. Ngày xưa tôi có vợ, giường nàng sát kề giường tôi, nhưng giờ nàng đã chết. Tôi sống một mình từ lâu rồi. Hãy đến ở với tôi, có chỗ ở và thức ăn cho cả hai chúng ta.

- Tôi cảm ơn anh, Tất Đạt nói. Tôi cảm ơn và nhận lời anh. Tôi cũng cảm ơn anh, Vệ Sử vì anh đã lắng nghe chuyện tôi như thế. Rất ít người biết lắng nghe và tôi chưa gặp ai có thể nghe như anh đã nghe. Tôi cũng sẽ học nơi anh về điều này.

- Anh sẽ học, nhưng không phải nơi tôi. Chính dòng sông đã dạy tôi cách nghe, anh cũng sẽ học nơi nó. Dòng sông biết mọi chuyện, người ta có thể học chuyện từ nơi dòng sông. Anh đã học với con sông rằng nên cố gắng lặn xuống tìm kiếm những chiều sâu thăm thẳm nhất. Ông Tất Đạt sang trọng giàu có, ông Tất Đạt người Bà La Môn trí thức sẽ trở thành ông lái đò. Anh đã học điều này từ dòng sông. Anh cũng sẽ học nhiều điều khác nữa ...

Sau một hồi lâu im lặng, Tất Đạt bảo:

- Điều nào khác nữa đâu, ông bạn?

Vệ Sử đứng lên và nói:

- Khuya rồi, ta đi nghỉ thôi. Tôi không thể nói cho anh nghe điều khác ấy như thế nào, bạn ạ. Anh sẽ tìm ra, và cũng có thể anh đã biết rồi. Tôi không phải là người có học; tôi không biết nói chuyện và suy tư. Tôi chỉ biết nghe và trung thành, ngoài ra tôi không biết gì cả. Nếu tôi có thể nói chuyện và dạy dỗ, có lẽ tôi đã trở thành một thầy giáo; nhưng tôi chỉ là một người lái đò và việc của tôi là đưa người sang sông. Tôi đã đưa hàng ngàn người sang và với mọi người, con sông của tôi không là gì cả, nó chỉ là một chướng ngại trên đường đi của họ. Họ đã đi cuộc hành trình vì tiền, và vì công việc kinh doanh, đám cưới hay đi hành hương; dòng sông đã cản đường họ và người lái đò chỉ ở đó đưa họ vượt nhanh qua trở ngại. Tuy nhiên, giữa hàng ngàn người có một số rất ít, bốn hay năm người không cho con sông là chướng ngại vật. Họ đã nghe tiếng nói của dòng sông và chú ý, và dòng sông trở nên linh thiêng đối với họ cũng như đối với tôi. Bây giờ ta hãy đi nghỉ, Tất Đạt ạ.

Tất Đạt ở lại với người lái đò và học cách trông coi chiếc thuyền, và khi không có việc dưới thuyền, chàng giúp Vệ Sử trong đồng lúa, nhặt củi, và hái chuối. Chàng học cách chế những chiếc chèo, sửa thuyền và đan giỏ. Chàng vui thích với mọi công việc và học hỏi. Ngày tháng qua nhanh. Chàng học ở con sông nhiều hơn những gì Vệ Sử có thể dạy chàng. Chàng không ngừng học hỏi ở nó. Trước hết chàng học cách lắng nghe, nghe với một tâm hồn vắng lặng, với một sự đợi chờ, mở hồn ra, không dục vọng, không say mê, không phê phán, không quan niệm.

Chàng sống hạnh phúc với Vệ Sử và thỉnh thoảng họ trao đổi những lời đầy suy tư. Vệ Sử không thích nhiều lời. Tất Đạt ít khi có thể làm cho ông ta nói chuyện.

Một hôm, Tất Đạt hỏi ông:

- Có phải ông cũng học điều nhiệm màu này từ dòng sông không, rằng không có cái gì gọi là thời gian?

Một nụ cười sáng lên trên khuôn mặt Vệ Sử:

- Phải đấy, Tất Đạt! Có phải là bạn muốn nói điều này không: con sông nó ở khắp nơi cùng một lúc, ở đại dương và ở núi, khắp nơi, và với nó chỉ có hiện tại, không có bóng dáng quá khứ cũng như vị lai.

- Chính thế, Tất Đạt nói, và khi tôi học được điều đó, tôi ôn lại cuộc đời mình và thấy nó cũng là một dòng sông. Tất Đạt người con trai, Tất Đạt người trưởng thành và Tất Đạt ông già, chỉ tách rời nhau bằng những cái bóng, không phải thực tại. Những tiền kiếp của Tất Đạt không ở trong quá khứ, cái chết và sự trở về Đại ngã của Tất Đạt cũng không phải ở trong vị lai. Không có cái gì đã là, không có cái gì

sẽ là, mọi sự đều là thực tại và hiện tiền.

Tất Đạt nói đầy về thích thú. Sự khám phá này làm chàng hân hoan. Không phải mọi buồn rầu đều ở trong thời gian đó sao? Và mọi nỗi dày vò sợ hãi? Và thế thì phải chăng mọi khó khăn, mọi điều xấu của thế gian sẽ được khắc phục ngay khi ta khắc phục được thời gian, khi ta bắt chấp nó? Chàng thích thú nói; nhưng Vệ Sử chỉ cười tươi tắn và gật đầu đồng ý. Ông vỗ vai chàng và trở lại công việc.

Một bận khác khi con sông dâng lên mùa mưa, và gầm lên ầm ĩ, Tất Đạt nói:

- Ông bạn ơi, có phải con sông có rất nhiều tiếng nói ấy không? Có giọng của một vị vua, một ông tướng, một bọt nước, một cánh chim đêm, một người đàn bà đau đớn và một người đàn ông thờ dài, và muôn ngàn giọng khác?

- Thật thế, Vệ Sử gật, trong tiếng dòng sông, có tiếng của mọi loài đang sống.

- Và ông bạn có biết, Tất Đạt nói tiếp, con sông nói lên tiếng gì khi người ta có thể nghe được cả muôn ngàn tiếng nói của nó cùng một lúc?

Vệ Sử cười lớn vui vẻ; ông cúi mình về phía Tất Đạt và thì thầm vào tai chàng tiếng “Om” thiêng liêng. Và chính đấy là tiếng mà Tất Đạt đã nghe.

Dần dà, nụ cười chàng bắt đầu giống nụ cười ông lái đò, cũng trong sáng, đầy hạnh phúc, cũng ngời lên qua nhiều nếp nhăn, cũng hồn nhiên và bình thản. Nhiều lần khách thấy họ tưởng là hai anh em. Họ thường ngồi với nhau trên thân cây bên bờ sông. Họ cùng lắng nghe tiếng nước, mà đối với họ là tiếng của cuộc đời, tiếng của thực tại, của sự sinh thành vĩnh viễn. Và đôi khi, lúc lắng nghe dòng sông, họ cùng có những tư tưởng giống nhau về một cuộc đối thoại hôm trước, hay về một trong những lần khách mà số phận và hoàn cảnh đã làm họ suy nghĩ, hay về sự chết hay về thời trẻ thơ. Khi dòng sông cùng lúc nói với họ một điều hay, họ nhìn nhau, cùng chung một ý tưởng, cùng sung sướng vì cùng có giải đáp giống nhau về một vấn đề.

Nhiều người qua sông cảm thấy có cái gì toả ra từ dòng sông và từ hai người lái đò ấy. Một đôi khi một hành khách nhìn một trong hai người và bắt đầu kể về cuộc đời mình những âu lo, tội lỗi và hỏi ý kiến hoặc tìm lời an ủi. Có người xin phép ở lại một buổi chiều với họ, để lắng nghe dòng sông. Cũng có người tò mò tìm đến, vì nghe đồn có hai triết nhân, phù thủy hay người thánh thiện sống ở bến đò ngang. Họ hỏi hai người nhiều câu nhưng không được trả lời, và họ

không tìm thấy phù thủy hay thánh hiền nào cả. Họ chỉ thấy hai ông già thân thiện, có vẻ chậm, hay đúng hơn kỳ dị và ngờ ngẩn. Rồi họ cười lớn, bảo rằng người ta thật là nhẹ dạ, và điên rồ làm sao khi đồn đại những tin huyền hoặc như kia.

Năm tháng trôi qua và không ai đếm xỉa đến đôi bạn. Nhưng bỗng một ngày, vài vị tu sĩ, những đồ đệ của đức Cồ Đàm, đến nhờ họ chèo qua sông. Hai người lái đò được biết những vị sư muốn về gặp sư phụ của họ gấp, vì có tin rằng Giác Ngộ ốm nặng và sắp nhập Niết Bàn. Chẳng bao lâu một toán tu sĩ khác đến, rồi một toán khác, và những tu sĩ cũng như phần đông hành khách, đều chỉ nói đến đức Phật và sự Ngài sắp mất. Và cũng như khi đi xem một cuộc viễn chinh hay một cuộc tấn phong hoàng đế, người ta từ tứ phía tụ lại như những đàn ong, như bị thu hút bởi nam châm, kéo đến chỗ đức Phật đang nằm trên tử sàng, nơi mà biển cổ lớn đang tiếp diễn và vị cứu tinh của một thời đang đi vào cõi Vô cùng.

Tất Đạt nghĩ rất nhiều về thánh sắp chết, người mà tiếng nói đã kích động hàng nghìn người, tiếng nói mà chàng cũng đã một lần nghe, người mà gương mặt thánh thiện chàng đã một lần chiêm ngưỡng với đầy uy phục. Chàng yêu mến nghĩ về Ngài, nhớ đến con đường giải thoát của Ngài, và mỉm cười nhớ lại những lời chàng đã có lần thốt ra với đức Giác Ngộ khi chàng còn là một thanh niên. Hình như những lời nói ấy rất ngạo mạn và hơi sòm sủa với Ngài lúc ấy. Trong một thời gian khá lâu, chàng biết rằng chàng không xa đức Cồ Đàm, mặc dù chàng không thể chấp nhận giáo lý của Ngài. Không, một kẻ thực sự đi tìm kiếm, không thể chấp nhận bất cứ lý thuyết nào, nếu kẻ ấy thành tâm muốn tìm ra một cái gì. Nhưng người tìm ra có thể đồng ý với mọi con đường mọi mục đích, không gì phân rẽ người ấy với hàng nghìn người khác sống trong vô tận thời gian cùng thờ luông Thần khí.

Một ngày kia, khi rất nhiều người đến viếng đức Phật sắp chết, Kiều Lan, người kỹ nữ một thời nhan sắc cũng đang trên đường đi viếng. Nàng từ lâu đã giã từ nếp sống cũ, cúng dường các tỳ kheo của Phật mảnh vườn nàng và an trú trong giáo lý đức Phật. Nàng trở thành một trong những tín nữ chuyên hành thiện bố thí. Khi nghe Phật sắp mất, nàng đã ăn vận đơn sơ, ra đi với con nàng. Họ đến bờ sông, nhưng đứa con trai đã mệt mỏi, nó muốn trở về, ăn và nghỉ. Nó không ngừng khóc, mặt mày tiêu tụy. Kiều Lan phải thường dừng lại nghỉ với nó. Nó vẫn thường cản trở thiện chí của nàng. Nàng phải cho nó ăn, an ủi nó, rầy la nó. Nó không hiểu được vì sao mẹ phải đi cuộc hành hương mệt nhọc khốn khổ để đến một nơi xa lạ, thăm một

người thánh thiện lạ lùng sắp chết. Thì cứ để cho ông ấy chết đi, có can hệ gì đến nó đâu?

Những người hành hương cách con đò của Tất Đạt không xa, khi cậu bé ngỏ ý với mẹ muốn nghỉ chân. Kiều Lan chính nàng cũng mệt và trong khi cậu con trai ăn một trái chuối, nàng ngồi phịch xuống đất để nghỉ, mắt lim dim. Bỗng nàng thốt lên một tiếng đau đớn. Cậu con trai giật mình nhìn mẹ và thấy mặt nàng trắng bệch vì kinh hãi. Từ dưới quần áo nàng, một con rắn nhỏ đã cắn Kiều Lan và đang bò đi. Cả hai mẹ con chạy nhanh để gặp người. Khi họ đến gần bến đò ngang. Kiều Lan quỵ xuống, không thể đi xa hơn nữa. Cậu con la cầu cứu và hôn mẹ. Nàng cũng la lên cùng với con, cho đến khi những tiếng kêu của họ đến tai Vệ Sĩ đang đứng cạnh con đò. Ông hối hả chạy lại, ẵm người đàn bà mang về thuyền. Cậu con trai chạy theo và chẳng mấy chốc họ đã đến túp lều trong đó Tất Đạt đang nhóm lửa. Chàng nhìn lên và lần đầu tiên thấy mặt đứa bé, gương mặt mảnh liệt nhắc chàng nhớ đến một điều gì. Quay lại, chàng thấy Kiều Lan và nhận ra ngay, mặc dù nàng nằm bất tỉnh trên tay người lái đò. Rồi chàng biết đây chính là con chàng mà nét mặt đã gọi cho chàng nhớ đến một điều gì ấy. Tim chàng đập mạnh.

Vết thương của Kiều Lan được rửa sạch nhưng nó tím bầm và toàn thân nàng sưng lên. Nàng uống một liều thuốc hồi dương và tỉnh lại. Nàng nằm giường của Tất Đạt, và chàng, người nàng đã từng yêu dấu, đang cúi nhìn nàng. Nàng ngỡ mình nằm mơ, và mỉm cười nhìn vào mặt người yêu. Dần dà nàng nhớ lại tình trạng mình, và lo lắng gọi con.

- Đừng lo, Tất Đạt bảo – nó ở đây.

Kiều Lan nhìn vào mặt chàng. Nàng khó nhọc nói năng vì nọc độc trong thân thể.

- Anh đã già rồi, Tất Đạt yêu quý. Tóc anh đã hoa râm, nhưng anh giống người Sa Môn trẻ đã đến vườn tôi trước kia, áo quần rách rưới và chân đầy bụi. Anh giống vị Sa Môn đó hơn khi bỏ Vạn Mỹ và tôi. Mắt anh giống người Sa Môn ấy, Tất Đạt. Ôi, tôi cũng đã già, già rồi – anh có nhận ra tôi không?

Tất Đạt mỉm cười:

- Tôi nhận ra nàng ngay, Kiều Lan yêu quý.

Kiều Lan chỉ con nàng và bảo:

- Anh có nhận ra nó nữa không? Nó là con anh.

Mắt nàng lạc loài rồi khép lại. Cậu con trai bắt đầu khóc. Tất Đạt đặt nó lên đầu gối, để cho nó khóc và vuốt tóc nó. Nhìn mặt đứa trẻ, chàng nhớ lại một bài kinh Bà La Môn mà chàng đã từng học khi còn

là một đứa trẻ. Chàng bắt đầu chậm rãi tụng bài kinh ấy giọng ngân nga, những lời kinh trở lại với chàng từ dĩ vãng và thời trẻ thơ. Đứa trẻ lặng im khi nghe chàng tụng, nấc lên một vài tiếng nữa rồi ngủ thiếp. Tất Đạt đặt nó lên giường Vệ Sĩ. Vệ Sĩ đứng nấu cơm trên bếp. Tất Đạt nhìn ông ta, ông ta mỉm cười với chàng.

- Nàng sắp chết, Tất Đạt nói nhỏ.

Vệ Sĩ gật. Ánh lửa trong lò phản chiếu trên gương mặt từ hoà của ông ta.

Kiều Lan lại tỉnh. Nét mặt nàng lộ vẻ đau đớn, Tất Đạt đọc thấy nỗi đau đớn ấy trên miệng nàng, trong gương mặt xanh xao của nàng. Chàng đọc nó lặng lẽ, chăm chú, chờ đợi chia xẻ nỗi đau đớn của nàng. Kiều Lan cũng biết thế, đưa mắt nhìn mắt chàng. Nàng nói:

- Bây giờ tôi thấy mắt anh cũng thay đổi. Chúng khác hẳn. Anh là Tất Đạt: nhưng anh lại không giống Tất Đạt.

Tất Đạt không nói, lặng yên nhìn vào mắt nàng.

- Anh đã đạt đến đáy rồi sao? Nàng hỏi – Anh đã tìm thấy bình an?

Chàng mỉm cười và đặt bàn tay trên tay nàng.

- Phải, nàng nói, - tôi thấy. Tôi cũng sẽ tìm thấy bình an.

- Em đã tìm thấy nó, - Tất Đạt thì thầm.

Kiều Lan chăm chăm nhìn chàng. Nàng đã có ý định đến viếng đức Cồ Đàm để thấy mặt đáng Giác Ngộ, để có được ít nhiều niềm bình an của Ngài, và thay vì thế nàng chỉ gặp chàng, và thật là hay, cũng tốt như thế nàng đã nhìn thấy đức Phật. Nàng muốn bảo chàng thế, nhưng lưỡi nàng không theo ý muốn của nàng nữa. Lặng lẽ nàng nhìn chàng và chàng thấy sự sống đang mất dần nơi mắt nàng. Khi cơn đau cuối cùng thoáng qua thân thể nàng, chàng đưa ngón tay nhẹ khép làn mi nàng.

Chàng ngồi nhìn rất lâu gương mặt nàng đã chết. Rất lâu chàng nhìn miệng nàng, chiếc miệng mệt mỏi, già nua và đôi môi khô héo, và nhớ lại ngày xưa thời xuân sắc của đời nàng, chàng đã sánh đôi môi nàng với một trái anh đào mới cắt. Rất lâu chàng nhìn chú mục gương mặt xanh xao của nàng, những đường nhăn mệt mỏi và thấy mặt chàng cũng như thế, cũng trắng, cũng chết, và cùng lúc ấy chàng thấy mặt chàng và nàng, trẻ trung, môi hồng, đôi mắt tinh anh, và chàng tràn ngập một cảm giác của hiện tại và sự sống hiện tiền. Trong giờ phút này chàng cảm thấy sâu xa hơn sự bất khả huỷ diệt của mọi cuộc sống, cái thiên thu của mỗi giây phút.

Khi chàng đứng lên, Vệ Sĩ đã sửa soạn cho chàng một ít cơm, nhưng Tất Đạt không ăn. Trong chuồng dê, hai người sửa lại một ít rơm và Vệ Sĩ nằm xuống. Nhưng Tất Đạt đi ra ngoài và ngồi trước

chòi suốt đêm, lắng nghe dòng sông, lắng vào quá khứ, để lòng chìm đắm trong mọi giai đoạn vui buồn của đời chàng. Thỉnh thoảng chàng đứng dậy, đi đến cửa túp lều và lắng nghe xem đứa trẻ có ngủ không.

Sáng sớm hôm sau, trước khi mặt trời ló dạng, Vệ Sử ra khỏi chuồng và tiến đến bạn.

- Anh không ngủ, - ông nói.

- Không, Vệ Sử, tôi ngồi đây lắng nghe dòng sông. Nó đã nói với tôi rất nhiều, nó đã cho tôi đầy những tư tưởng lớn lao, những tư tưởng về sự Nhất thể.

- Anh đã khổ đau, Tất Đạt, nhưng tôi thấy rằng nỗi buồn không len được vào tim anh.

- Không, bạn yêu quý. Tại sao tôi lại phải buồn? Tôi đã giàu có, hạnh phúc, và đã trở nên giàu hơn, sung sướng hơn, tôi đã được một món quà là đứa con tôi.

- Tôi cũng sung sướng đón tiếp con anh. Nhưng này, Tất Đạt, chúng ta hãy đi làm, có rất nhiều việc. Kiều Lan chết trên cùng chiếc giường mà vợ tôi đã chết. Chúng ta cũng sẽ dựng giàn hoả thiêu của Kiều Lan trên cùng một ngọn đồi mà tôi đã hoả táng vợ tôi.

Khi đứa con trai còn ngủ, họ dựng dàn hoả.

Câu chuyện dòng sông

Chương 10 ĐỨA CON

Sợ hãi, mếu máo, đứa con đã dự lễ an táng của mẹ; sợ hãi, buồn rầu, nó đã lắng nghe Tất Đạt chào nó là con chàng và đón mời nó trong túp lều của Vệ Sử. Suốt trong nhiều ngày, nó ngồi với một gương mặt xanh xao trên ngọn đồi nghĩa địa, nhìn ra xa, khép lòng lại, chiến đấu với định mệnh.

Tất Đạt biệt đãi nó và để nó yên, vì chàng tôn trọng nỗi buồn khổ của nó. Tất Đạt hiểu rằng con chàng không biết chàng. Nó không thể yêu chàng như một người cha. Dần dà chàng cũng thấy và nhận ra rằng đứa trẻ con mười một tuổi kia là một đứa con cứng và đã lớn lên trong tập tục của những nhà giàu, rằng nó quen với cao lương mỹ vị, giường êm nệm ấm, quen sai bảo tôi tớ. Tất Đạt hiểu rằng đứa con cứng đang buồn sâu ấy không thể bỗng chốc hài lòng với một nơi xa

lạ nghèo khó. Chàng không ép nó; chàng giúp nó rất nhiều và luôn luôn dành cho nó những món ăn ngon nhất. Chàng mong thu phục được nó từ từ bằng tính kiên nhẫn, thân mật của chàng.

Chàng đã tưởng mình giàu có, hạnh phúc khi đưa con đến với chàng, nhưng thời gian qua, và nó vẫn buồn rầu, xa lạ và khi nó tỏ ra ngạo nghễ, khiêu khích chàng, khi nó không chịu làm việc, khi nó không tỏ ra kính người già cả và lại trộm trái cây của Vệ Sử, Tất Đạt bắt đầu nhận thấy rằng đưa con của chàng không đem lại hạnh phúc an vui gì, mà chỉ đem cho chàng lo buồn. Nhưng chàng yêu nó và chọn lựa lo buồn với tình yêu nó, hơn là hạnh phúc an vui mà không có nó.

Từ khi con Tất Đạt ở lại trong lều, đôi bạn bắt đầu phân công. Vệ Sử làm tất cả những công việc trên đò ngang và Tất Đạt, để được gần con, làm việc trong chòi và ngoài đồng.

Trong nhiều tháng Tất Đạt kiên tâm chờ đợi, hi vọng con chàng sẽ hiểu chàng, sẽ nhận tình yêu của chàng và đáp lại tình yêu ấy. Trong nhiều tháng Vệ Sử quan sát điều đó, chờ đợi và im lặng. Một ngày kia khi cậu bé Tất Đạt làm khổ cha nó với sự khiêu khích và tính khí khó chịu của nó đã đánh vỡ cả hai chén ăn cơm, Vệ Sử gọi riêng bạn vào buổi chiều để nói chuyện.

- Xin lỗi anh, ông nói – tôi nói với anh với tư cách một người bạn thân. Tôi có thể thấy rằng anh đang lo lắng bất hạnh. Con của anh, bạn ơi, đang quấy rầy anh và quấy rầy cả tôi nữa. Con chim non kia quen với một đời sống khác, một chiếc tổ khác. Nó không chạy trốn của cải và phố thị như anh đã trốn; nó đã phải từ giã những thứ đó một cách miễn cưỡng. Tôi đã hỏi dòng sông nhưng con sông cười, nó cười tôi và cười anh, nó cười lên rũ rượi trước sự điên rồ của chúng ta. Nước sẽ tìm đến nước, tuổi trẻ sẽ tìm đến tuổi trẻ. Con anh sẽ không sung sướng ở nơi này. Anh hãy hỏi dòng sông và lắng nghe nó nói đi.

Lo lắng, Tất Đạt nhìn vào khuôn mặt tử tế trên đầy in nhiều nếp nhăn khả ái của Vệ Sử.

- Làm sao tôi xa nó được? Chàng khẽ nói. Bạn ơi, cho tôi ít lâu đã. Tôi đang chiến đấu để được nó. Tôi có đạt đến lòng nó. Tôi sẽ thắng bằng tình yêu và kiên nhẫn. Dòng sông sẽ nói với thằng bé một ngày kia. Nó cũng sẽ được kêu gọi.

Nụ cười Vệ Sử trở nên thân mật hơn:

- Ô, dĩ nhiên, ông nói – nó cũng được kêu gọi, nó cũng thuộc vào dòng sông bất tuyệt. Nhưng anh và tôi có biết nó sẽ được kêu gọi theo cái gì không? Theo con đường nào, công việc gì, nỗi buồn gì

không? Nỗi buồn của nó sẽ bao la. Lòng nó kiêu căng sắt đá. Có lẽ nó sẽ đau khổ nhiều, làm lỗi nhiều, tội lỗi nhiều và làm nhiều bất công. Bạn ơi, nói cho tôi nghe, có phải bạn đang giáo dục con bạn đấy hay không? Nó có vâng lời bạn hay không? Bạn có đánh, phạt nó không?

- Không, Vệ Sử, tôi không làm gì trong những chuyện ấy cả.

- Tôi biết. Bạn không cứng rắn với nó, bạn không phạt, không ra lệnh cho nó - bởi bạn biết rằng sự mềm dẻo mạnh hơn là nghiêm khắc, nước mạnh hơn đá, tình yêu mạnh hơn bạo lực. Tốt lắm, tôi khen bạn. Nhưng không phải là một lỗi của bạn hay sao, vì đã không cứng rắn với nó, không phạt nó? Bạn lại không trói buộc thằng bé với tình thương của bạn đó sao? Bạn lại không làm cho thằng bé hổ thẹn trước lòng tử tế và kiên nhẫn của bạn, và làm cho nó càng thêm khó xử đó sao? Bạn lại không bắt buộc đứa con nuông chiều ngạo nghễ ấy sống trong một chòi tranh với hai ông già ăn chuối chát, xem gạo cũng đã là cao lương, những người mà tư tưởng không đồng với nó, mà trái tim đã vắng lạnh già cỗi, đập khác nhịp với nó? Thử hỏi có phải thằng bé đã bị trói buộc và hành phạt bởi mọi thứ ấy không? Tất Đạt bối rối nhìn xuống đất, chàng hỏi nhỏ nhẹ:

- Anh nghĩ tôi phải làm gì bây giờ?

Vệ Sử đáp:

- Trả nó về thành phố, về nhà của mẹ nó. Ở đó còn có gia nhân, giao nó cho họ, và nếu họ không còn ở đấy, giao thằng bé cho một ông thầy, không phải chỉ để giáo dục nó, mà để nó có thể gặp gỡ các đứa trẻ khác trong thế giới của nó. Có bao giờ anh nghĩ đến việc ấy chưa?

Tất Đạt trả lời buồn bã:

- Anh có thể thấy rõ lòng tôi, tôi thường nghĩ đến điều đó. Nhưng với trái tim sắt đá của nó, nó sẽ sống ra sao trong cuộc đời? Nó lại chẳng xem nó cao hơn, chẳng đăm đuổi trong lạc thú và thể lực, mắc lại những lỗi lầm của cha nó đã mắc hay sao? Và cứ thế chìm đắm trong đau khổ?

Người lái đò mỉm cười. Ông nhẹ nắm tay Tất Đạt và nói:

- Hãy hỏi dòng sông về điều đó đi bạn ạ, lắng nghe dòng sông lên tiếng. Bạn có thật nghĩ rằng bạn đã phạm những điên rồ để tránh cho con bạn hay không? Bạn có thể bảo vệ cho con bạn khỏi khổ đau không? Và bằng cách nào? Bằng giáo dục, bằng cầu nguyện, bằng khuyến khích? Bạn ơi, bạn đã quên câu chuyện bổ ích về chàng Tất Đạt, đứa con trai của người Bà La Môn, và một lần bạn đã kể cho tôi nghe rồi sao? Ai đã bảo vệ Tất Đạt người Sa Môn, khỏi đau khổ, khỏi

tội lỗi, khỏi sự trác táng và điên rồ? Lòng ngoan đạo của cha chàng, sự cổ vũ của thầy chàng ư? Có người cha nào, thầy nào ngăn nó khỏi hư hỏng vì đời, ngăn nó sống cuộc đời của nó, ngăn nó khỏi tội lỗi, ngăn nó khỏi tự uống chén độc dược, ngăn nó tìm lấy con đường riêng. Bạn nghĩ có người sẽ tránh khỏi giẫm qua con đường ấy sao? Và người ấy có lẽ là đứa con của bạn, vì bạn muốn thấy nó tránh được buồn đau và ảo tưởng? Nhưng dầu bạn có chết mười lần vì nó, bạn cũng không thể thay đổi định mệnh nó mảy may.

Chưa bao giờ Vệ Sử nói nhiều như vậy. Chàng cảm ơn Vệ Sử một cách thân mật, và xao xuyến đi về chòi, nhưng không thể nào ngủ được. Không có gì Vệ Sử nói mà chàng đã không nghĩ đến và tự biết. Nhưng mạnh hơn sự hiểu biết đó là tình yêu của chàng đối với đứa con, lòng tận tụy của chàng, nỗi lo sợ phải mất nó. Đã bao giờ chàng yêu ai một cách mù quáng như thế, khổ sở như thế, tuyệt vọng như thế và hạnh phúc như thế chưa?

Tất Đạt không thể làm theo ý kiến bạn chàng, chàng không thể chịu bỏ đứa con. Chàng cho phép nó điều khiển mình, thiếu lễ độ với mình. Chàng im lặng và chờ đợi. Hàng ngày, chàng nỗ lực trong tình bạn và lòng kiên nhẫn với đứa bé. Vệ Sử cũng im lặng và chờ đợi, một cách bằng hữu, thông cảm, nhẫn nại. Họ đều là những người vô địch về sự kiên tâm. Một hôm khi khuôn mặt đứa con nhắc nhở chàng nhớ đến Kiều Lan, Tất Đạt bỗng nhớ lại điều mà một lần nàng đã bảo chàng: “Chàng không thể yêu đương” nàng bảo thế và chàng đồng ý. Chàng đã tự ví mình như một vì sao, và tha nhân như những chiếc lá rụng, tuy nhiên chàng cảm thấy trong lời nói có ít nhiều trách móc. Quả thật chàng chưa bao giờ hoàn toàn say đắm kẻ khác đến điên dại. Chưa bao giờ chàng đủ khả năng làm việc đó, và đối với chàng dường như đây là cái khác biệt lớn lao nhất giữa chàng và những người thường tình. Nhưng bây giờ từ khi có đứa con trai, Tất Đạt đã trở nên giống hết mọi người, quá buồn khổ vì quá yêu thương. Chàng cuồng dại trong tình yêu. Bây giờ, một cách muộn màng, chàng thực nghiệm lần đầu tiên trong đời cái đam mê mạnh nhất và lạ lùng nhất. Chàng đau khổ mãnh liệt vì đam mê ấy, nhưng đồng thời nó cũng làm tâm hồn chàng mới mẻ dồi dào hơn. Chàng cảm thấy tình yêu mù quáng đó quả thật là một đam mê rất người, đó là Sinh Tử, một suối nước sâu đầy sóng gió. Cùng lúc chàng cảm thấy nó không phải là vô giá trị, trái lại, nó cũng cần thiết, và nó ở ngay trong bản chất chàng. Sự xúc cảm đó, sự đau đớn đó, những sự điên rồ đó cũng phải được chứng nghiệm.

Trong lúc đó đứa con trai để mặc cho chàng điên dại, mặc cho chàng

cố gắng, mặc cho chàng nhẫn nhục trước tính khí oái oăm của nó. Đối với nó, người cha này không có gì quyến rũ, và cũng không có gì làm cho nó sợ. Người cha này là một người tốt, một người quân tử, có lẽ là một người ngoan đạo, một người thánh thiện – nhưng tất cả đó không phải là những đức tính có thể chinh phục đứa bé. Cái người cha này – người luôn luôn giam nó trong túp lều tồi tàn – gai con mắt nó, và khi ông ấy trả lời sự thô lỗ của nó bằng một nụ cười, đáp lại sự nhục mạ của nó bằng sự tử tế ... thì đấy là cái mưu mẹo khả ố nhất của con cáo già. Nó muốn thà ông ấy cứ dọa nạt nó đi, xử tệ với nó đi.

Một hôm cậu bé nói ra những điều nó nghĩ và công khai chống lại cha nó. Tất Đạt bảo nó đi nhặt một ít củi. Nhưng thằng bé không rời khỏi túp lều. Nó đứng dậy, đầy thách thức và giận dữ, giậm chân bậm tay và mạnh mẽ tạt vào mặt cha nó tất cả lòng căm hờn khinh thị ôm ấp bấy lâu. Nó hét lên, mồm sủi bọt mép:

- Ông tự kiểm lấy! Tôi không phải là đầy tớ ông. Tôi biết ông không đánh tôi: ông không dám! Nhưng tôi biết ông sẽ tiếp tục phạt tôi và làm cho tôi cảm thấy bé bỏng trước sự thánh thiện và độ lượng của ông. Ông muốn cho tôi trở thành như ông, ngoan đạo, tử tế, khôn ngoan như ông. Nhưng chỉ để mà khinh bỉ ông, tôi thà trở thành một kẻ trộm, một kẻ giết người và xuống địa ngục còn hơn là giống ông. Tôi muốn giết ông. Ông không phải là cha tôi, mặc dù ông có là người yêu của mẹ tôi mấy chục lần đi nữa!

Đầy tức giận và đau khổ, cậu bé tìm lối thoát trong một tràng chửi rủa man dại hất vào mặt cha cậu. Rồi nó bỏ chạy và đến sẩm tối mới trở về.

Sáng hôm sau cậu bé biến mất. Một cái rổ cá đựng tiền cũng mất. Tất Đạt thấy chiếc thuyền không ở bên kia bờ. Cậu bé đã cao bay xa chạy.

Vô cùng buồn thảm từ khi nghe những lời đay nghiến hôm qua của đứa con, Tất Đạt nói:

- Tôi phải đi theo nó. Một đứa trẻ không thể đi qua rừng một mình; nó sẽ gặp nguy hiểm. Chúng ta phải làm một chiếc bè, Vệ Sử ạ, để sang sông.

Vệ Sử nói:

- Chúng ta sẽ làm một chiếc bè để đi lấy lại thuyền mà cậu bé vừa lấy. Nhưng hãy để cho nó đi, bạn ạ. Nó không còn là một đứa nhỏ nữa đâu, nó biết cách tự giữ mình. Nó đang tìm đường về thành phố, và nó có lý. Đừng quên điều đó. Nó đang làm điều mà bạn đã sợ ý không làm. Nó đang tự giữ mình, đang đi con đường riêng của nó. Ồ

Tất Đạt, tôi có thể thấy bạn đang đau khổ, nỗi đau khổ mà người khác sẽ cười, và chính bạn cũng sẽ cười.

Tất Đạt không trả lời. Chàng đã sẵn sàng cái móc trong tay và bắt đầu làm một chiếc bè tre, và Vệ Sử giúp chàng buộc những cây lại với nhau bằng dây cỏ. Đoạn họ chống qua bên kia bờ. Tất Đạt hỏi:

- Sao anh lại mang theo cái móc làm gì?

Vệ Sử đáp:

- Có thể cái chèo của chiếc thuyền đã mất.

Nhưng Tất Đạt biết bạn đang nghĩ gì – có lẽ đứa bé đã liệng cái chèo đi, hay bẻ gãy, để trả thù và đề phòng hai người đuổi theo nó. Và quả thật, không còn cái chèo trong thuyền nữa. Vệ Sử chỉ xuống đáy thuyền và mỉm cười với bạn như để nói: Anh không thấy đứa con của anh muốn gì sao? Anh không thấy rằng nó không muốn bị đuổi theo sao? Nhưng ông ta không nói thành lời, và bắt đầu làm một cái chèo mới. Tất Đạt rời bạn để đi tìm con. Vệ Sử không ngăn cản.

Tất Đạt ở trong rừng rất lâu mới thấy rằng cuộc tìm kiếm thật vô ích.

Chàng nghĩ, hoặc là nó đã bỏ xa khu rừng và đã đến thành phố, hoặc nếu nó còn trên đường nó sẽ lẫn trốn người theo dõi. Và khi chàng suy nghĩ xa hơn chàng thấy không còn bận tâm về đứa con trai nữa, và thậm chí chàng biết nó không gặp điều gì nguy hại. Mặc dù vậy, chàng vẫn tiếp tục đi, không nao núng, không phải để cứu thằng bé mà vì mong mỏi thấy lại nó. Chàng đi về phía đô thị.

Khi chàng đến con đường rộng gần đô thành, chàng đứng yên lặng trên lối vào khu vườn xinh đẹp của Kiều Lan ngày xưa, nơi chàng đã trông thấy nàng lần đầu tiên ngồi trên chiếc kiệu. Quá khứ dâng lên trước mắt chàng. Chàng thấy lại chính chàng đứng đấy, một người Sa Môn tuổi trẻ, râu ria, áo quần tồi tả, tóc đầy bụi. Tất Đạt đứng rất lâu nhìn qua cổng mở vào khu vườn. Chàng trông thấy những nhà sư đi dạo dưới những vòm cây đẹp. Chàng đứng đấy rất lâu suy nghĩ, trông thấy những bức tranh vẽ lại chuyện đời chàng. Chàng đứng đấy rất lâu nhìn những nhà sư, và chỉ thấy con chàng và Kiều Lan đi dạo dưới những hàng cây cao. Chàng thấy rõ ràng Kiều Lan đi cùng chàng và chàng nhận cái hôn đầu tiên của nàng. Chàng thấy chàng đã ngạo mạn và khinh bỉ ra sao khi ngoái nhìn những ngày Sa Môn của chàng, hăm hở và kiêu hãnh ra sao khi bắt đầu cuộc sống thế tục. Chàng thấy Vạn Mỹ, những gia nhân, những bữa tiệc, những tay cờ bạc, những nhạc công. Chàng thấy con chim của Kiều Lan trong chiếc lồng, chàng sống lại tất cả những đoạn đời, hô hấp khổ ải, trở lại già, mệt mỏi, buồn nôn và mơ ước được chết đi, rồi lại nghe tiếng “Om” màu nhiệm. Sau khi đứng rất lâu ở cổng vườn, Tất

Đạt mới nhận ra rằng ước muốn thúc đẩy chàng vào nơi đây thật là điên rồ, rằng chàng không thể giúp đỡ con chàng, rằng chàng không nên ép uổng nó. Chàng cảm thấy một tình yêu sâu đậm đối với đứa con lưu vong, tình thương như một ung nhọt, và cùng lúc cảm thấy ung nhọt đó không làm mủ trong chàng, mà sẽ lành.

Vì ung nhọt chưa lành ngay lúc đó, nên chàng còn buồn bã. Thay vì mục đích đã thúc đẩy chàng đến đây tìm kiếm đứa con, chỉ còn sự trống rỗng trong lòng chàng. Buồn rầu, chàng ngồi xuống. Chàng cảm thấy một cái gì chết trong tim. Chàng không còn thấy hạnh phúc, mục đích nào nữa. Chàng ngồi đấy thê lương, chờ đợi. Chàng đã học điều này từ dòng sông: chờ đợi, kiên nhẫn, lắng nghe. Chàng ngồi lắng nghe trong con đường đầy bụi, lắng nghe tim chàng đập mệt nhọc buồn rầu và đợi chờ một tiếng nói. Chàng phủ phục ở đấy và nghe ngóng hàng giờ, không còn thấy hình ảnh gì nữa, rơi vào sự rỗng không và thả mình vào đấy mà không tìm thấy lối ra. Và khi chàng cảm thấy vết thương nhức nhối, chàng thì thầm tiếng “Om”, lắng mình trong tiếng ấy. Những tảng sỏi trong vườn thấy chàng và khi chàng đã ở đấy nhiều giờ, bụi bám dày mái tóc hoa râm, một người đi đến bên chàng và đặt hai quả chuối trước mặt chàng. Chàng không trông thấy ông ta.

Một bàn tay đặt lên vai kéo chàng về thực tại. Chàng nhận ra cái vỗ vai thân mến rứt rứt ấy, và tỉnh dậy. Chàng đứng lên và chào Vệ Sĩ, người đã đi theo chàng. Khi nhìn thấy gương mặt tử tế của Vệ Sĩ, nhìn những đường nhăn trên mặt khi ông ta mỉm cười, nhìn vào đôi mắt sáng của ông, chàng cũng mỉm cười. Chàng trông thấy hai trái chuối bên cạnh. Chàng nhặt lên, cho bạn một quả và ăn một. Rồi chàng lặng lẽ đi theo Vệ Sĩ qua khu rừng, trở về bến đò. Không ai nói đến những gì đã xảy ra, cũng không ai nhắc đến tên thằng bé hay sự đào tẩu của nó và vết thương nó gây ra. Tất Đạt đi nằm trong chiếc lều, và khi Vệ Sĩ đến thăm đem cho chàng cốc nước dừa, ông thấy chàng đã ngủ.

Câu chuyện dòng sông

Chương 11 **OM**

Vết thương làm đau nhói tâm can chàng khá lâu, Tất Đạt đón nhiều

hành khách sang sông, có con cái đi theo, và chàng không thể nhìn ai mà không sinh lòng ganh tị với họ, không nghĩ rằng: biết bao nhiêu người có được cái hạnh phúc lớn lao đó - tại sao ta lại không? Cả đến những người ác tâm, trộm cướp, cũng có con cái, thương yêu chúng và được chúng thương yêu, chỉ trừ ta. Chàng lý luận một cách vô lý và trẻ con như thế, giống như những người thường tình như thế.

Bây giờ chàng nhìn đời một cách khác trước: không quá khôn ngoan, không quá kiêu hãnh và vì thế tò mò, thân mật hơn. Khi chàng đưa qua sông những nhân vật thường ngày, thương gia, lính tráng và các bà, họ không còn có vẻ xa lạ đối với chàng như trước. Chàng hiểu họ, và tuy chàng không cùng chia sẻ những ý nghĩ và quan niệm của họ, chàng cũng cảm thấy như họ những ước muốn và rạo rực của sự sống. Mặc dù chàng đã đạt đến một mức độ cao về tự giác, và chịu đựng nỗi ung nhọt cuối cùng của mình, bây giờ chàng nhận thấy những người thường tình ấy đều là huynh đệ của chàng. Những điều phù phiếm, những ước muốn của họ, những sự tầm thường nơi họ không còn phi lý đối với chàng, chúng đã trở nên dễ hiểu, đáng thương và còn đáng phục là khác. Có tình yêu mù quáng của người mẹ đối với con, lòng kiêu hãnh điên rồ mù quáng của người cha đối với đứa con một, những nỗ lực mù quáng của một người đàn bà trẻ trong sự ăn diện để được ngợi ca nhan sắc, tất cả những dục vọng và thèm muốn đơn sơ, điên rồ nhưng mãnh liệt, say mê, đầy sức sống ấy không còn vụn vặt, nhỏ nhen đối với chàng nữa. Vì chúng, Tất Đạt thấy người ta sống và làm việc lớn, du ngoạn, chiến tranh, đau khổ và chịu đựng một cách bao la, và chính vì thế chàng yêu họ. Chàng thấy cuộc đời, sức sống, Đại ngã bất khả hủy diệt ở trong mọi dục vọng và yêu cầu đó. Những người đó xứng đáng được yêu thương kính phục trong sự trung thành mù quáng của họ, trong sức mạnh và lòng kiên tâm mù quáng. Trừ một điều nhỏ ra, một điều rất nhỏ, thì họ không thiếu cái gì mà bậc hiền triết hay tư tưởng gia có, và điều ấy là sự ý thức về sự Nhất thể của mọi cuộc đời. Nhiều lúc Tất Đạt đâm ra nghi ngờ cả kiến thức đó, ý tưởng đó, chẳng hiểu nó có quan trọng đến thế hay không, hay có lẽ nó lại cũng chỉ là điều tự phụ trẻ con của những nhà tư tưởng, mà có lẽ chỉ là những đứa trẻ suy tư. Những người trần tục ngang với những người tư tưởng trong mọi phương diện và thường lại còn hơn họ, hết như những loài vật trong lúc cần thiết, có thể vượt hơn loài người nhờ những động tác của chúng kiên trì không xoay hướng.

Trong tâm hồn Tất Đạt dần dần mọc lên và chín mùi sự hiểu biết về

khôn ngoan thực sự ra sao, và mục đích sự tìm tòi dài lâu của chàng. Đó không phải là cái gì khác hơn một sự chuẩn bị của linh hồn, một khả năng, một bí thuật suy tư cảm nhận và hô hấp những ý nghĩ về nhất tính trong mọi lúc của cuộc sống. Ý nghĩ này từ từ trưởng thành trong tâm chàng, và nó được phản chiếu trên nét mặt hồn nhiên già cỗi của Vệ Sử, ý tưởng về sự hoà điệu, tính cách hoàn bị của thể giới ở mọi lúc, và sự Nhất thể của vạn vật.

Nhưng vết thương vẫn đau nhói. Tất Đạt nhớ đến đứa con trai, đầy cuồng vọng và chua chát, nuôi dưỡng lòng yêu thương và cảm giác âu yếm đối với nó, để mặc cho niềm đau ray rứt, chàng quần quai trong tất cả cuồng nhiệt của tình yêu. Ngọn lửa trong lòng chàng vẫn chưa chịu tắt.

Một ngày, khi vết thương đang đau nhói nơi chàng, Tất Đạt chèo đò qua sông, tâm can tê tái vì nỗi nhớ. Chàng lên bờ với mục đích xuống phố tìm con. Sông vẫn chảy nhẹ nhàng, thoải mái. Đây là mùa khô ráo nhưng tiếng nước reo lên một cách kỳ dị. Con sông đang cười lớn, rõ ràng đang cười lớn! Con sông đang reo vui trong trẻo để cười người lái đò lắm cảm. Tất Đạt đứng lặng; chàng nghiêng mình trên làn nước để nghe rõ hơn. Chàng thấy mặt mình phản chiếu trong làn nước lặng lẽ trôi, và có cái gì trong hình ảnh nhắc chàng nhớ đến một cái gì đã quên và khi chàng soi mình, chàng nhớ lại. Nét mặt chàng giống hệt nét mặt người khác, người mà chàng đã từng biết, yêu thương và sợ hãi nữa. Nét mặt giống hệt cha chàng, người Bà La Môn. Chàng nhớ khi chàng còn là một thanh niên, nào một lần chàng đã khiến cha buộc lòng phải để cho chàng đi theo những người khổ hạnh, nào chàng đã bỏ đi và không bao giờ quay trở lại. Cha chàng há đã không chịu đựng cùng một nỗi đau đớn mà giờ đây chàng đang gánh chịu vì đứa con chàng hay sao? Cha chàng há lại không chết từ lâu trong cô quạnh mà không thấy lại con mình? Chàng há không chờ đợi số phận tương tự hay sao? Đó phải chăng là một hài kịch, một điều quái gở, ngu si - sự tái diễn ấy, sự tiến hành của mọi việc trong một vòng tròn định mệnh?

Con sông cười lớn. Phải, như thế đấy. Mọi sự nếu không chịu đựng cho đến cùng để cuối cùng kết thúc, sẽ trở lại, và những buồn khổ tương tự lại phải tiếp diễn. Tất Đạt xuống thuyền và chèo lui về chòi, nghĩ đến cha chàng, trong khi dòng sông vẫn cười chàng, và chàng thì tranh chấp với chính mình, đứng trên bờ tuyệt vọng mà không khỏi muốn cười lớn để chế nhạo mình và cả loài người. Vết thương vẫn đau nhói; chàng vẫn kháng cự lại định mệnh, vẫn chưa đạt đến bình an và chiến thắng khổ đau. Tuy thế chàng đầy hy vọng

và khi trở về chòi, lòng chàng tràn ngập một ước muốn thú thật với Vệ Sứ, tiết lộ mọi sự, kể hết mọi sự cho con người biết nghệ thuật nghe ấy.

Vệ Sứ ngồi trong chòi đan giỏ. Ông không làm việc trên thuyền nữa, mắt ông yếu dần cũng như cánh tay và bàn tay, nhưng vẻ hồn nhiên trong sáng vẫn không đổi, vẫn chói ngời trên mặt ông ta.

Tất Đạt ngồi xuống cạnh ông già và bắt đầu kể dần dần. Chàng kể cho ông nghe hết những gì trước kia chàng chưa hề nói đến, nào chàng đã đi xuống phố, nào vết thương lòng đau nhức, nào nỗi thèm khát của chàng khi thấy những người cha hạnh phúc, nào chàng vẫn ý thức về sự điên rồ của những cảm giác như thế, của sự tranh chấp vô vọng với chính mình. Chàng nói mọi sự, chàng có thể kể hết mọi sự cho Vệ Sứ, cả đến những điều đau xót nhất, chàng có thể thổ lộ tất cả. Chàng trình bày vết thương, kể cho Vệ Sứ nghe về sự lèn đi của chàng hồi đó, khi chàng chèo qua sông với mục đích lang thang trong thành phố thế nào, và thế nào con sông đã cười nhạo chàng. Khi chàng tiếp tục kể và Vệ Sứ lắng nghe với một nét mặt trầm tĩnh. Tất Đạt nhận rõ hơn bao giờ hết, về chú ý của Vệ Sứ. Chàng cảm thấy nỗi lo âu hoảng hốt và những hy vọng thầm kín của chàng tuôn tràn qua Vệ Sứ và trở về. Bày tỏ vết thương của chàng cho người nghe này chẳng khác nào tắm vết thương ấy trong dòng sông, đến khi nó trở nên mát rượi và nhập với dòng sông làm một. Khi chàng tiếp tục kể, Tất Đạt càng lúc càng cảm nhận thêm rằng đây không còn là Vệ Sứ, không còn là một người đang lắng nghe chàng nói. Chàng cảm thấy người nghe bất động này đang uống lấy những lời tự thú của chàng như một thân cây ngấm nước mưa, chàng cảm thấy con người bất động kia chính là dòng sông, là Thượng đế, là chính sự Vĩnh cửu. Khi Tất Đạt thôi nghĩ đến chính mình và vết thương, sự nhận biết về đổi thay trong Vệ Sứ xâm chiếm lấy chàng, và càng nhận rõ điều này, chàng thấy nó càng ít xa lạ, càng nhận chân được rằng mọi sự đều an bài một cách tất nhiên. Vệ Sứ đã từ lâu vẫn như vậy, chỉ có chàng không nhận ra đấy thôi; và kỳ thực chính chàng cũng không khác gì ông ta cả. Chàng cảm thấy chàng đang nhìn Vệ Sứ như người ta nhìn Thượng đế và điều này không bền lâu. Trong thâm tâm, chàng bắt đầu từ giã Vệ Sứ, trong lúc đó chàng vẫn tiếp tục nói. Khi chàng chấm dứt, Vệ Sứ hướng cái nhìn yếu ớt của ông ta về phía chàng. Ông không nói, nhưng gương mặt ông lặng lẽ chiếu ra tình thương và bình an, hiểu biết và trí tuệ. Ông cầm tay Tất Đạt, dẫn chàng đến chỗ ngồi bên bờ sông, ngồi xuống cạnh chàng và mỉm cười nhìn dòng sông.

- Bạn đã nghe nó cười, ông nói. Nhưng bạn đã không nghe cho hết mọi sự. Bây giờ ta hãy lắng nghe, bạn sẽ nghe thêm nữa.
Và họ lắng nghe. Tiếng hát nhiều giọng của con sông nhẹ nhàng âm hưởng. Tất Đạt nhìn vào dòng sông và thấy nhiều hình bóng trong dòng nước trôi. Chàng thấy cha chàng, cô đơn, đang khóc lóc vì chàng; chàng thấy chính chàng, cô độc, và cũng quẩn quại nhớ nhung đứa con chàng đã bỏ đi; chàng thấy con chàng cũng đơn độc, đứa con trai tiến lên dọc con đường bốc cháy vì những dục vọng của đời, mỗi người đều chú tâm vào mục đích của mình, bị ám ảnh bởi mục đích ấy, và khổ đau. Tiếng con sông thật buồn thảm. Nó hát lên với vẻ khát vọng buồn rầu, chảy về phía mục đích của nó.
- Bạn có nghe không? Cái nhìn câm lặng của Vệ Sử chợt hỏi. Tất Đạt khẽ gật.

- Lắng nghe nữa đi! – Vệ Sử thì thầm.

Tất Đạt cố gắng nghe thêm. Hình ảnh cha chàng, hình ảnh chính chàng, và hình ảnh con chàng chạy loạn xạ vào nhau. Hình ảnh Kiều Lan cũng xuất hiện và trôi đi, và hình ảnh Thiện Hữu cùng bao người khác cũng hiện lên rồi đi qua. Họ đều trở thành một phần của con sông kia. Đây là mục đích của tất cả những người kia khao khát, thèm thuồng, đau khổ; và tiếng con sông cũng đầy cả khát vọng, đầy buồn đau ray rứt, đầy những ước muốn không được thỏa lòng. Con sông tiếp tục chảy về mục đích của nó. Tất Đạt thấy con sông hấp tấp vội vàng, con sông bao gồm cả chính chàng và những người quyến thuộc cùng bao kẻ đã đi qua trong đời chàng. Tất cả những làn sóng và nước đều vội vã, khổ đau, đi về mục đích, chảy về nguồn thác, về biển, về đồng, về đại dương, và khi mỗi mục đích đạt rồi nó lại được tiếp theo mục đích khác. Nước trở thành hơi và bốc lên, trở thành mưa rồi lại rơi xuống, thành suối, nguồn, sông, lạch, và lại đổi thay, lại tuôn chảy. Nhưng tiếng của cuồng vọng đã đổi thay. Nó vẫn còn âm hưởng buồn sâu, tìm kiếm, nhưng có nhiều tiếng khác hoà theo nó, tiếng của hoan lạc, bi ai, tiếng dữ và lành, tiếng cười và tiếng khóc, hàng trăm tiếng, hàng nghìn tiếng.

Tất Đạt lắng nghe. Bây giờ chàng thật chú ý lắng nghe, hoàn toàn đắm chiều, tâm hồn vắng lặng trống trải hoàn toàn, thu vào hết mọi sự. Chàng đã cảm thấy chàng hoàn toàn học được nghệ thuật lắng nghe. Chàng đã thường nghe tất cả những điều này trước kia, bao nhiêu âm thanh xô bồ này của con sông, nhưng hôm nay chàng nghe chúng khác lạ. Chàng không còn có thể phân biệt những thứ tiếng khác nhau nữa - tiếng vui mừng với tiếng khóc than, tiếng trẻ con với tiếng người lớn. Tất cả những thứ tiếng ấy đều thuộc vào nhau: tiếng

kêu than của người khát vọng, tiếng cười của người khôn ngoan, tiếng kêu bất bình và tiếng rên la của người sắp chết. Chúng đều quyện lấy nhau, những tiếng ấy, tất cả những mục đích, tất cả những khát vọng thâm sâu, khoái lạc, lành và dữ, tất cả những thứ ấy kết thành thể nhân vũ trụ. Tất cả chúng đều là dòng biến chuyển, là khúc sinh ca. Khi Tất Đạt chú ý lắng nghe dòng sông, lắng nghe cung đàn muôn điệu ấy, khi chàng không nghe riêng rẽ nỗi buồn thảm hay tiếng cười, khi chàng không ràng buộc hồn mình với tiếng nào riêng biệt và để nó thâm nhập vào Tiểu ngã của chàng, mà trái lại, nghe tất cả những tiếng ấy, cái toàn diện, cái Nhất thể, thì lúc ấy cung đàn vĩ đại có muôn ngàn âm thanh kia chỉ bao hàm có một tiếng “Om” - tức là Toàn Thiện.

- Bạn có nghe không? Vệ Sử một lần nữa đưa mắt hỏi chàng.

Nụ cười của Vệ Sử sáng ngời, phảng phất trên khắp những làn nhăn của khuôn mặt già nua, những tiếng “Om” bâng bạc trên khắp những tiếng hát của dòng sông. Nụ cười của ông ta sáng lên khi nhìn bạn, và bây giờ nụ cười tương tự cũng xuất hiện trên gương mặt Tất Đạt. Vết thương đang lành, niềm đau đang tan biến; Tiểu ngã chàng đã hoà vào Nhất thể.

Từ phút ấy Tất Đạt thôi còn chiến đấu với định mệnh. Mặt chàng sáng ngời vẻ của hiểu biết, của một người không còn va chạm với tranh chấp của những dục vọng; của người đã đi tìm thấy giải thoát, của người đã hoà đồng với dòng biến chuyển, với dòng Sống, đầy thông cảm và yêu thương, thể nhập vào dòng Sống ấy, thuộc vào cái Nhất thể của mọi sự vật.

Khi Vệ Sử đứng dậy từ chỗ ngồi trên bờ sông, khi ông nhìn vào mặt Tất Đạt và trông thấy vẻ bình an của sự liễu ngộ chiếu ngời trong mắt bạn, ông nhẹ đặt tay lên vai chàng đầy vẻ yêu thương nâng đỡ:

- Tôi đã chờ đợi giây phút này đây, bạn. Bây giờ nó đã đến, hãy để tôi đi. Tôi là Vệ Sử người chèo đò, trong một thời gian khá lâu. Giờ đây thế là xong. Tôi muốn từ biệt mái chèo, từ biệt dòng sông. Và Tất Đạt, xin từ biệt.

Tất Đạt cúi thấp mình trước người ra đi.

- Tôi hiểu – chàng đáp khẽ - bây giờ người đi vào rừng đó chẳng?

- Phải, tôi sẽ vào rừng. Tôi sẽ đi vào thể Như nhất của mọi sự vật – Vệ Sử nói, mắt sáng như hào quang.

Và ông lão ra đi. Tất Đạt ngắm nhìn bạn. Lòng hân hoan, kính cẩn, chàng nhìn ông ta, thấy từ những bước đi toả ra đầy vẻ thanh tịnh bình an, gương mặt chói ngời, hình hài đầy ánh sáng.

Câu chuyện dòng sông

Chương 12 THIỆN HỮU

Một đạo Thiện Hữu cùng với vài Sa Môn khác đến nghỉ ngơi trong khu vườn chơi mà Kiều Lan, người kỹ nữ đã dâng cúng đồ đệ của đức Phật. Chàng nghe nói về một người lái đò già bên sông, cách một ngày đường, mà nhiều người cho là hiền nhân. Khi Thiện Hữu lên đường khát thực, chàng chọn con đường ngang qua khúc sông ấy, hăm hở muốn thấy được người lái đò kia, vì tuy chàng đã sống theo giới luật và được những người sư đệ kính trọng nhờ tuổi tác và đức khiêm cung, chàng vẫn còn đang thao thức trong tâm hồn, và sự tìm tòi của chàng vẫn không được thoả mãn.

Chàng đến bờ sông và nhờ người lái đò đưa chàng qua bên kia bờ.

Khi họ đã đến bến chàng nói với người lái đò:

- Ông thật tốt với những Sa Môn khát sĩ. Ông đã đưa rất nhiều chúng tôi sang sông. Thế ra ông cũng là một người đang tìm con đường chánh đạo sao?

Đôi mắt già nua của Tất Đạt thoáng hiện nụ cười khi chàng đáp:

- Người tự gọi mình là một kẻ tìm kiếm sao, hỡi thầy tỳ kheo, khi trông người cũng đã khá tuổi tác, và lại mặc áo tăng sĩ của đức Cồ Đàm?

- Tôi già nua thật, Thiện Hữu nói – nhưng tôi chưa bao giờ thôi tìm kiếm. Tôi sẽ không bao giờ thôi tìm kiếm. Đây như là định mệnh của tôi. Tôi đoán hình như người cũng đã tìm kiếm. Người có thể nói cho tôi nghe chút đỉnh về điều đó không. Hỡi ông bạn?

Tất Đạt đáp:

- Có cái gì xứng đáng cho tôi nói với ngài đâu, trừ ra rằng ngài tìm kiếm quá nhiều, và bởi ngài tìm kiếm quá nhiều, ngài không thể nào gặp được.

- Sao lại như thế? Thiện Hữu hỏi.

- Khi một người tìm kiếm, thì thường thường anh ta chỉ thấy có điều mà anh ta tìm kiếm; và anh ta không thể gặp được cái gì, không thể thu nhận được gì, bởi anh ta chỉ nghĩ về điều anh ta đang tìm, bởi anh ta có mục đích, và bị ám ảnh vì mục đích ấy. Tìm kiếm có nghĩa là mục đích, nhưng “gặp” có nghĩa là tự do tự tại, sẵn sàng đón nhận, không có mục đích cố định nào. Hỡi người Sa Môn khả kính,

có lẽ ngài quả là một người tìm tòi, vì trong khi cố đạt mục đích, ngài đã không thấy bao nhiêu sự vật trước mắt ngài.

- Tôi vẫn chưa hiểu thấu. Ngài muốn nói gì?

Tất Đạt bảo:

- Có một lần, vị Sa Môn đáng kính ời, cách nhiều năm qua, ngài đến sông này và trông thấy một người ngủ ở đây. Ngồi bên cạnh kẻ kia trông chừng giấc ngủ cho nó, nhưng ngài lại không nhận ra kẻ đang ngủ đó là ai.

Quá ngạc nhiên, và như một người mắc phải bùa chú, vị Sa Môn trừng trừng nhìn người lái đò:

- Anh có phải là Tất Đạt không? Chàng e dè hỏi. Tôi lại không nhận ra anh lần này nữa! Tôi rất sung sướng được gặp lại anh, Tất Đạt. Rất sung sướng. Anh đã thay đổi rất nhiều, bạn ời. Và bây giờ anh đã thành người lái đò sao?

Tất Đạt cười lớn thân mật:

- Phải, tôi đã trở thành người lái đò! Nhiều người phải thay đổi khá nhiều và mặc đủ mọi chiếc áo. Tôi là một trong những kẻ ấy, bạn. Rất hoan nghênh bạn, Thiện Hữu, xin mời bạn ở lại hôm nay trong chòi tôi.

Thiện Hữu ở lại đêm ấy trong chòi và ngủ trên chiếc giường của Vệ Sử ngày xưa. Chàng hỏi người bạn thời niên thiếu kia rất nhiều câu hỏi. Và Tất Đạt có biết bao nhiêu câu chuyện để kể cho Thiện Hữu nghe về đời chàng.

Sáng hôm sau, khi đã đến lúc từ giã, Thiện Hữu ngập ngừng bảo bạn:

- Trước khi tiếp tục lên đường, Tất Đạt, tôi muốn hỏi anh một lời nữa. Anh có một thuyết lý nào không, một niềm tin hay hiểu biết mà anh chấp trì, giúp anh sống và hành động phải lẽ?

Tất Đạt nói:

- Bạn cũng biết rồi, ngay khi còn là một thiếu niên, khi chúng ta sống với những người khổ hạnh trong rừng già, tôi đã không mấy tin vào chủ thuyết và thầy dạy, và tôi đã ngoảnh mặt đi trước những thứ ấy. Bây giờ tôi vẫn còn như thế đó, mặc dù tôi đã qua bao nhiêu người dạy dỗ. Một người kỹ nữ xinh đẹp đã là thầy tôi một thời gian khá lâu, và một thương gia giàu, một tay bạc sành sỏi. Vào một dịp khác, một người khát sĩ của đức Phật là thầy tôi. Người dừng bước du khát để ngồi bên tôi khi tôi ngủ thiếp trong khu rừng. Tôi cũng học được một ít từ người ấy và rất cảm ơn người. Nhưng nhất là tôi đã học từ con sông này và từ người trước tôi, Vệ Sử. Ông quả thật là một người giản dị; ông không phải là một nhà tư tưởng, nhưng cũng trực nhận

được lẽ vi diệu như đức Cồ Đàm. Ông thật là một vị thánh.

Thiện Hữu nói:

- Tất Đạt, tôi thấy dường như anh cũng còn thích đùa bỡn chút đỉnh. Tôi tin anh và biết anh đã không theo một vị thầy nào, nhưng đến cả chính anh lại không có một lý thuyết, một tư tưởng nào hay sao? Anh lại không khám phá được cho chính mình một vài tri thức giúp anh sống hay sao? Tôi sẽ rất sung sướng nếu được anh nói cho nghe về điều ấy.

Tất Đạt nói:

- Vâng, tôi đã có những ý nghĩ và hiểu biết thâm nhập được thính thoảng. Đôi khi, trong một giờ hay một ngày, tôi đã trực giác có tri thức, hết như người ta cảm thấy sự sống trong nhịp tim. Tôi đã có nhiều ý tưởng, nhưng thật khó nói cho bạn nghe về chúng. Nhưng đây là một ý tưởng đã làm tôi chú ý, Thiện Hữu. Sự khôn ngoan không thể truyền cho kẻ khác. Trí tuệ mà một người hiền triết cố truyền lại luôn luôn nghe có vẻ điên rồ.

- Anh đùa đấy chẳng? Thiện Hữu hỏi.

- Không, tôi đang nói với bạn điều mà tôi đã tìm thấy. Kiến thức có thể truyền được nhưng trí tuệ thì không. Người ta có thể tìm thấy nó, sống trong nó, được thêm sức mạnh vì nó, làm nên những phép lạ nhờ nó, nhưng người ta không thể truyền dạy nó được. Tôi đặt nghi vấn về điều này từ hồi còn trẻ, và chính nghi vấn đó đã làm cho tôi xa lánh mọi thầy học. Có một ý tưởng tôi suy ra, Thiện Hữu, mà có lẽ bạn cũng lại cho là một trò đùa hay một sự điên rồ nữa: ấy là trong mọi sự thật, điều ngược lại cũng đúng không kém. Chẳng hạn, một sự thật chỉ có thể diễn tả và gói trọn trong danh từ nếu sự thật chỉ có một mặt. Mọi điều, nếu được suy tưởng và diễn tả thành danh từ thì đều là phiến diện, chỉ là nửa phần sự thật, nó thiếu hẳn tính cách toàn vẹn, tròn đầy, nhất thể. Khi đức Phật dạy về thế giới, Ngài phải phân chia thành Khổ đế và Niết Bàn, thành Vọng và Chân, thành khổ đau và giải thoát. Người ta không thể làm khác hơn, không có phương pháp nào khác cho những người giảng dạy. Nhưng thế giới tự nó, ở trong ta và xung quanh ta, thì lại không bao giờ phiến diện. Không bao giờ một người hay một sự việc lại thuần khổ hay thuần lạc, không bao giờ một người lại thuần là thánh thiện hay thuần tội lỗi; chỉ dường như thế bởi vì chúng ta bị mắc phải một ảo tưởng rằng thời gian là một cái gì có thực. Thời gian không thực có, Thiện Hữu. Tôi đã luôn luôn trực nhận điều này. Và nếu thời gian không thực có, thì đừng tưởng tượng ngăn chia cõi đời này với cõi vô cùng, ngăn chia thiện và ác, hạnh phúc và đau khổ, tất cả cũng chỉ là một ảo

tưởng ...

- Sao lại như thế? Thiện Hữu hỏi, hoang mang.

- Này nhé, bạn! Tôi là một kẻ phạm tội và bạn là một kẻ phạm tội, nhưng một ngày kia người tội lỗi cũng sẽ là Đại ngã trở lại, sẽ đạt Niết Bàn, sẽ trở thành một đức Phật. Nhưng ý niệm “một ngày kia” ấy là một ảo tưởng: đấy chỉ là một sự so sánh. Kẻ tội nhân không phải đang tiến hoá, mặc dù tư tưởng ta không quan niệm khác hơn.

Không, đức Phật, tiềm năng đã sẵn có trong người tội lỗi, tương lai đã ở trong hiện tại. Đức Phật tiềm tàng ấy phải được trực nhận trong người kia, trong bạn, trong tất cả mọi người. Thiện Hữu, thế giới không phải bất toàn hay đang từ từ tiến trên đường dài để đạt đến Toàn Thiện. Không, nó hoàn hảo trong mọi giây phút, mọi tội lỗi mang theo với nó sự ân xá, mọi trẻ con đã là những ông già tiềm tàng, mọi nằm non đã mang sẵn chết chóc, và trong mọi người hấp hối, đã có sự sống Vĩnh cửu. Một người không thể nào thấy được người khác đã đi bao xa, đức Phật hiện hữu trong kẻ trộm cướp và tay bạc bịp; kẻ trộm cướp hiện diện trong người Bà La Môn. Trong lúc quán tưởng sâu xa, ta có thể bất chấp thời gian tính, thấy đồng thời tất cả quá khứ, hiện tại, vị lai, và khi thấy mọi sự đều tốt, đều hoàn hảo, mọi sự đều là Đại ngã, linh hồn. Bởi thế đối với tôi dường như mọi sự vật hiện hữu đều tốt cả - chết cũng như sống, tội lỗi cũng như thánh thiện, khôn ngoan cũng như điên rồ. Mọi sự đều cần thiết, mọi sự chỉ cần sự biểu đồng tình của tôi, cái gật đầu của tôi, niềm yêu thương và thông cảm của tôi: lúc đó tất cả đều tốt đẹp đối với tôi và không gì có thể làm hại tôi nữa. Tôi đã học qua thể xác và linh hồn tôi rằng tôi cần phải phạm tội, cần phải đắm mê dục lạc, cần phải lao tâm nhọc trí kiếm tiền của, trải qua những cơn buồn nôn và xuống tận cùng hố thẳm tuyệt vọng, để mà học đừng chống chọi lại chúng, để mà học yêu thương cuộc đời, và không còn so sánh nó với một thứ thế giới tưởng tượng viển vông do mình ao ước, không còn so sánh nó với một ảo tưởng nào về Toàn Thiện, mà trái lại để cuộc đời nguyên trạng là nó, yêu thương và vui thích được dự phần với nó.

Những điều này, Thiện Hữu ơi, là vài ý tưởng trong đầu tôi.

Tất Đạt cúi xuống nâng một hòn đá khỏi mặt đất, cầm trên tay.

- Đây, - chàng nâng niu viên đá, - đây là một viên đá, và trong một thời gian nào đó có lẽ nó sẽ là đất, và từ đất trở thành cây, loài vật hay người. Trước đây có thể tôi đã nói: viên đá này chỉ là đá, nó không có giá trị, nó thuộc về thế giới vật chất trơ lì, nhưng có lẽ trong vòng biến hoá viên đá cũng có thể trở thành người và linh hồn, vật thì nó cũng quan trọng. Đây là điều mà đáng lẽ tôi đã nghĩ. Nhưng

bây giờ thì tôi lại nghĩ: hòn đá này là đá, nó cũng là loài vật, Chúa và Phật. Tôi không yêu kính nó vì nó là một vật và sẽ trở thành một vật gì khác, nhưng vì nó từ lâu đã, và mãi mãi sẽ là mọi sự. Tôi yêu nó chỉ vì nó là một hòn đá. Tôi thấy giá trị và ý nghĩa trong mọi đường vân tinh vi của nó và trong mọi lỗ hổng, trong màu vàng, màu xám, trong vẻ cứng và âm thanh của nó khi tôi gõ lên trong sự khô ráo hay ẩm ướt của bề mặt. Có những hòn đá sờ giống dầu hay xà phòng, trông giống như lá hay cát, và mỗi viên đá đều khác biệt và tôn thờ Toàn Thiện một cách riêng; mỗi viên đá đều là Đại ngã. Đồng thời nó lại cũng rất là đá, trơn như dầu hay xà phòng và chính điều đó làm tôi thích thú và thấy nó thần diệu, đáng tôn thờ. Nhưng thôi tôi không nói thêm nữa. Danh từ không diễn tả được tư tưởng bao nhiêu. Những ý tưởng luôn luôn trở nên hơi khác đi ngay khi chúng được diễn tả, chúng trở nên méo mó, đôi khi điên rồ. Tuy vậy, điều này cũng làm cho tôi thấy thú vị và có lẽ đúng, rằng cái gì có giá trị, là chân lý đối với một người, thì đối với người khác nó dường như vô nghĩa.

Thiện Hữu đã lắng nghe trong im lặng.

- Tại sao anh kể cho tôi nghe về hòn đá? Chàng hỏi sau một lúc ngập ngừng.

- Tôi không cốt làm thế. Nhưng có lẽ điều ấy chứng tỏ rằng tôi yêu hòn đá, con sông và tất cả mọi sự mà ta thấy đây và từ đó ta có thể học. Tôi có thể yêu thương một hòn đá, Thiện Hữu ạ, và một thân cây hay một mảnh vỏ cây. Đây là sự vật, và người ta có thể yêu mến sự vật. Nhưng người ta không thể yêu mến danh từ. Vì thế, những lời giảng dạy đối với tôi thật vô dụng. Chúng không cứng, cũng không mềm, không vị - chúng không có gì ngoài ra danh từ. Có lẽ chính chúng đã ngăn cản bạn đạt đến bình an, có lẽ quá nhiều danh từ, vì cả đến sự giải thoát và đức hạnh, khổ đau và lạc, cũng chỉ là những danh từ, hỡi Thiện Hữu. Niết Bàn không phải là một sự vật, chỉ có danh từ Niết Bàn mà thôi.

Thiện Hữu:

- Niết Bàn không chỉ là một danh từ, Tất Đạt. Đó là một ý tưởng.

Tất Đạt tiếp:

- Nó có thể là một ý tưởng, nhưng tôi phải thú thật với bạn rằng tôi không phân biệt mấy giữa ý tưởng và danh từ. Thành thật mà nói, tôi cũng không gán cho ý tưởng nhiều quan trọng nữa. Tôi quan tâm đến sự vật nhiều hơn. Chẳng hạn, có một người ở trên khúc sông này đã là tiên phong của tôi và thầy tôi. Ông ta là một người thánh thiện trong bao nhiêu năm đã chỉ tin vào dòng sông, và không tin gì khác. Ông ta để ý rằng tiếng con sông đang nói với ông ta. Ông ta

học từ nó, nó dạy dỗ, giáo dục ông ta. Con sông đối với ông ta như một Thượng đế, mà trong nhiều năm ông không biết rằng mỗi làn gió, mỗi một đám mây, mỗi thân chim, mỗi con bọ cũng đều thần tiên không kém, hiểu biết và có thể dạy cho ta hết như dòng sông mà ông tôn sùng. Nhưng khi người thánh thiện ấy bỏ đi vào rừng, ông ta biết hết mọi sự, ông biết hơn cả bạn và tôi, mà không cần thầy hay sách vở, chỉ vì ông ta tin tưởng ở dòng sông.

Thiện Hữu nói:

- Nhưng cái mà anh gọi là “sự vật” ấy, nó có phải là một cái gì có thật hay không, một cái gì thực hữu nội tại! Nó lại không chỉ là ảo ảnh của phù trần, hình bóng, hiện tượng mà thôi hay sao? Hòn đá của anh, cây cối của anh, - chúng có thực hay không?

- Điều đó cũng không làm tôi bận tâm lắm may – Tất Đạt nói. Nếu chúng là ảo tưởng thì tôi cũng là ảo tưởng, và như thế chúng luôn luôn đồng một tính chất với tôi. Chính điều này làm cho chúng đáng kính đáng yêu biết mấy. Chính vì thế mà tôi có thể yêu chúng. Và đây là lý thuyết sẽ làm cho bạn cười nữa, Thiện Hữu. Ấy là, với tôi, dường như thương yêu là điều quan trọng nhất trên đời. Những tư tưởng gia vĩ đại có thể đặt nặng vấn đề tìm hiểu vũ trụ nhân sinh, giảng giải và khinh bỉ nó. Nhưng tôi nghĩ chỉ có một điều quan trọng là yêu thương thế giới, không phải khinh bỉ nó, không thù ghét nhau mà phải nhìn thế giới và nhìn chính chúng ta cùng mọi sự vật với lòng yêu thương và kính trọng.

- Tôi hiểu điều đó, Thiện Hữu bảo. Nhưng đây chính là cái mà đáng Giác Ngộ gọi là vọng tưởng. Ngài dạy lẽ độ lượng, nhẫn nhục, từ bi ... nhưng không dạy yêu thương. Ngài giới răn chúng ta không được trói buộc mình vào những tình yêu thế tục.

- Tôi hiểu, Tất Đạt nói, nụ cười chàng sáng ngời hào quang, - tôi hiểu, Thiện Hữu, và đây chúng ta lại đang rối ren vì nghĩa danh từ, lọt vào trong sự tranh chấp của những tiếng, lời, vì tôi không phủ nhận rằng danh từ của tôi về yêu thương thật là trái ngược với những lời chỉ dạy của đức Cồ Đàm. Chính vì thế mà tôi khinh thường danh từ thế đó, Thiện Hữu, vì tôi biết mâu thuẫn kia chỉ là một ảo tưởng. Tôi biết ý tôi không mâu thuẫn với đức Phật. Thật vậy, làm sao Ngài có thể không biết đến Tình Yêu; Ngài, người đã trực nhận mọi sự phù phiếm giả tạo của nhân sinh, nhưng mặc dù vậy, Ngài vẫn yêu nhân loại đến độ đã tận tụy một đời chỉ để giúp đỡ và giáo dục con người? Với bậc thầy cao cả này, cũng thế, tôi xem sự vật quan trọng hơn danh từ, hành động và đời sống của Ngài đối với tôi quan trọng hơn lời của Ngài, cử động của bàn tay Ngài đối với tôi

quan trọng hơn quan niệm của Ngài. Không phải vì lời nói hay tư tưởng của Ngài mà tôi xem Ngài là một vĩ nhân, mà chính là hành vi và nếp sống của Ngài.

Hai người im lặng một lúc lâu. Khi Thiện Hữu sửa soạn từ giã, chàng nói:

- Cám ơn anh đã nói cho tôi nghe những ý tưởng của anh, Tất Đạt. Một vài ý tưởng thật là quái lạ. Tôi không thể nắm vững được chúng ngay. Tuy nhiên, cảm ơn anh và chúc anh hưởng nhiều ngày bình an.

Nhưng trong thâm tâm, chàng lại nghĩ: Tất Đạt thật là một người lạ lùng, diễn tả những tư tưởng kỳ dị, có vẻ điên rồ. Thật là khác với những lời của Thế Tôn biết bao! Lời Thế Tôn thì bao giờ cũng sáng sủa, trực tiếp, hiểu được ngay; không có gì là kỳ dị, quái gở hay đáng cười. Nhưng tay chân Tất Đạt, mắt chàng, vầng trán chàng, hơi thở, nụ cười chàng, cái chào của chàng, dáng điệu của chàng có ảnh hưởng nơi ta khác với những tư tưởng của chàng. Từ ngày Thế Tôn nhập Niết Bàn, chưa bao giờ ta gặp được một người, trừ Tất Đạt, mà về người ấy ta nghĩ: đây chính thực là một người thánh thiện! Ý nghĩ anh ta có thể quái dị, lời lẽ anh ta có vẻ điên rồ, nhưng cái nhìn, bàn tay anh, da thịt anh, tất cả toả ngời sự trong sáng, thanh bình, hiền hoà, thánh thiện mà ta chưa hề thấy ở nơi nào bất cứ một người nào từ khi vị thầy Giác Ngộ của ta khuất bóng.

Khi Thiện Hữu đang có những tư tưởng ngổn ngang đối chọi ấy, chàng lại cúi chào Tất Đạt đầy triu mến đối với chàng. Thiện Hữu cúi thấp trước con người đang ngồi trầm tĩnh.

- Tất Đạt, Thiện Hữu bảo – bây giờ chúng ta đã là những ông già. Có thể chúng ta sẽ không bao giờ gặp lại nhau trên đời này nữa. Tôi có thể thấy được, hơi bạn thân yêu, rằng anh đã tìm thấy bình an. Tôi nhận rằng tôi đã không tìm thấy nó. Nói cho tôi nghe thêm một lần nữa, hơi người bạn kính yêu, hãy nói cho tôi nghe một điều mà tôi có thể hiểu được! Cho tôi một điều gì để giúp tôi trên đường đi, hơi Tất Đạt! Đường tôi đi thường gian nan và tăm tối.

Tất Đạt lặng yên nhìn Thiện Hữu với nụ cười trầm tĩnh thanh bình của chàng. Thiện Hữu nhìn chăm chăm vào mặt chàng, lo ngại, khát khao. Cái nhìn của Thiện Hữu in dấu niềm đau khổ, sự tìm kiếm không ngừng, và luôn luôn thất bại. Tất Đạt thấy rõ điều ấy và mỉm cười:

- Cúi gần tôi! – Chàng thì thào bên tai Thiện Hữu. Nào, đến gần hơn nữa, sát lại gần, hãy hôn lên trán tôi đi, Thiện Hữu!

Mặc dù ngạc nhiên, chàng do một tình thương lớn thúc đẩy, phải

vâng lời Tất Đạt. Chàng cúi sát gần Tất Đạt và kề môi vào vùng trán. Một cái gì thần diệu xảy đến với chàng. Khi chàng đang còn vương vấn vì những nỗi kỳ dị của Tất Đạt, khi chàng nhọc công khổ trí một cách vô hiệu để đuổi xa ý niệm thời gian, để tưởng tượng Niết Bàn và Khổ đế là một, khi cả đến một ý niệm khinh bỉ đối với lời lẽ của bạn đang mâu thuẫn với một niềm yêu thương kính phục vô bờ, thì điều kỳ diệu ấy xảy đến với chàng. Thay vào đấy, chàng thấy những nét mặt khác, nhiều nét mặt, cả một loạt, một dòng liên tiếp những nét mặt, trăm ngàn nét mặt, chợt hiện rồi chợt biến, nhưng đồng thời cũng dường như đều ở đấy, thay đổi không ngừng và mới lạ luôn luôn, tuy thế tất cả đều là Tất Đạt. Chàng thấy mặt mày một con cá, một con cá đang hấp hối với đôi mắt nhắm nghiền. Chàng thấy nét mặt hài nhi mới sinh, đỏ hồng và nhăn nheo, chợt khóc. Chàng thấy nét mặt một kẻ sát nhân, thấy anh ta thọc dao vào thân thể một người, đồng thời chàng thấy kẻ tội nhân kia quì gối, bị trói và chiếc đầu bị chặt đứt do một người đao phủ. Chàng thấy những thân thể trần truồng của đàn ông và đàn bà trong dáng điệu và trong cơn cuồng nhiệt của yêu đương. Chàng thấy những thi thể duỗi dài, cứng đờ, lạnh giá, trống trải. Chàng thấy những đầu thú vật, beo, cá sấu, voi, bò, chim chóc. Chàng thấy thần Sáng tạo và thần Huỷ diệt. Chàng thấy tất cả những hình dáng, nét mặt kia trong muôn ngàn tương quan với nhau, tất cả đều hỗ trợ nhau, yêu, ghét, huỷ diệt nhau và trở lại sơ sinh. Mỗi dáng hình đều đi đến cái chết, đều là những biểu hiện say đắm, khổ đau của luật vô thường. Tuy thế, không có một hình hài nào là chết hẳn, chúng chỉ biến hoá, luôn luôn tái sinh, luôn luôn có một bộ mặt mới: chỉ có thời gian đứng giữa nét mặt này với nét mặt khác. Và tất cả những hình hài và dáng mặt này nghỉ ngơi, tuôn chảy, sinh hoá trôi qua và hoà lẫn vào nhau, và trên tất cả những hình hài đó, luôn luôn có một cái gì mong manh, hư ảo, tuy nhiên vẫn hiện hữu, phủ lên như một làn băng giá mỏng, như một làn da trong suốt, một lớp vỏ, một dáng hình hay mặt nạ bằng nước – và chiếc mặt nạ kia là nét mặt tươi cười của Tất Đạt, mà chàng đang đặt môi hôn. Và Thiện Hữu thấy rằng nụ cười phớt trên bao nhiêu hình hài ẩn nấp kia, nụ cười của sự Nhất thể phẳng phất trên bao hình hài tuôn chảy, nụ cười của sự Đồng thời ở trong muôn ngàn cái Sinh và Tử - trong sinh có tử và ngược lại - nụ cười của Tất Đạt, chính thực là nụ cười trầm tĩnh, sâu xa, khôn dò, nụ cười có vẻ ban ân vừa có vẻ chế diễu, nụ cười Trí tuệ, nụ cười muôn mặt của Thế Tôn, đức Phật, mà chàng đã bao lần nhìn thấy, lòng tràn đầy uy phục. Thiện Hữu biết rõ nụ cười kia chính là nụ cười của đấng Toàn

Giác.

Không còn biết nữa thời gian có hiện hữu hay không, cảnh trước mắt đã hiện ra trong một giây hay tròn thế kỷ, không còn biết nữa đây là Tất Đạt hay đức Thế Tôn, một Tiểu ngã hay cái gì khác, Thiện Hữu như vừa nhận mũi tên thần diệu đâm sâu vào trong chàng đem lại cho chàng niềm hân hoan. Vô cùng mừng rỡ, Thiện Hữu vẫn đứng một lúc, nghiêng mình trên nét mặt bình an của Tất Đạt mà chàng vừa hôn lên, nét mặt đã là sân khấu cho tất cả những hình hài hiện tại, vị lai. Về mặt chàng không đổi sau khi làn gương của muôn ngàn hình sắc đã biến mất. Tất Đạt mỉm cười bình an, hiền từ, nụ cười có vẻ đầy ân huệ, cũng có vẻ đầy châm biếm, hết như đấng Giác Ngộ đã cười.

Thiện Hữu cúi thấp. Những giọt nước mắt khôn ngăn rỉ xuống gương mặt già nua. Chàng thấy tràn ngập một cảm giác yêu thương lớn rộng, tràn ngập niềm kính cẩn. Chàng phủ phục quì trước con người đang ngồi bất động, mà nụ cười nhắc chàng nhớ đến mọi sự chàng đã từng yêu thương trong cuộc sống, mọi giá trị và thánh thiện trong đời chàng.

Hết

Nguồn: sad-river

Người đăng: Thành Viên VNthuquan

Thời gian: 27/12/2003 9:26:54 SA

Hermann Hesse

Chuyện hóa thân của Bích Thảo

(Piktors Verwandlungen)

Thuở ấy khi vừa bước vào Thiên Đường, Bích Thảo đến đứng trước một cây kỳ lạ, cây vừa là đàn ông vừa là đàn bà. Bích Thảo cúi chào cây một cách kính cẩn và hỏi : "Chào cây, cây có phải là cây của sự sống không?" Nhưng khi có con rắn muốn thay cây trả lời cho chàng thì Bích Thảo quay lưng bỏ đi.

Chàng tập trung thị giác để nhìn, mọi thứ ở trên Thiên Đường đều làm cho chàng thích thú. Chàng cảm thấy rõ mình đang ở chốn quê hương, đang ở nơi cội nguồn cuộc sống.

Chàng tiếp tục đi và lại gặp một cây kỳ dị khác, cây này vừa là mặt trời vừa là mặt trăng. Bích Thảo hỏi : "Này cây ơi, cây có phải là cây của sự sống không ?"

Bên phía cây mặt trời gật gật cái đầu và cười toét miệng còn bên phía mặt trăng thì gật nhẹ đầu và nhoẻn miệng cười mủm mỉm.

Những bông hoa tuyệt diệu nhất chớp mắt nhìn chàng với nhiều màu sắc và ánh sáng khác nhau, với nhiều đôi mắt long lanh và nhiều vẻ mặt khác nhau. Có những khóm cây gật đầu và cười toe toét. Vài cây khác chỉ gật đầu và cười chúm chím. Có những cây khác thì chẳng

gật đầu mà cũng chẳng mỉm cười. Chúng đứng yên mê mẩn, chúng đắm mình suy ngẫm như say như đuối đắm trong suối hương nồng, hoa hương quyện lẫn.

Một đóa hoa cất tiếng ca bài Tím nhạt, đóa khác hát bài ru con Xanh thắm. Một đóa hoa trong đám hoa có đôi mắt to màu xanh da trời, còn một đóa hoa khác có khuôn mặt làm cho Bích Thảo nhớ đến mối tình đầu tiên của chàng. Có đóa hoa thơm mùi hương của khu vườn thời thơ ấu, hương thơm ngọt ngào của hoa thoảng nhẹ như giọng nói của mẹ chàng. Còn đóa hoa khác tươi cười chào chàng và thè cái lưỡi đỏ uốn cong đến gần chàng. Chàng đưa lưỡi chạm vào hoa, cảm nghe hương vị nồng nàn man dại như nhựa cây, như mật ong và như nụ hôn của một người đàn bà. Bích Thảo đứng giữa ngàn hoa, lòng tràn ngập những ước ao và những niềm vui mong manh. Ngân nga như tiếng chuông reo, tim chàng đập liên thanh trái tim nóng bỏng, trái tim cuồng vọng những ham muốn vô tri và linh cảm huyền hoặc.

Bích Thảo tiếp tục nhìn ngắm Thiên Đường chàng bỗng thấy một con chim đang đậu trong vùng cỏ dại, con chim lấp lánh muôn màu muôn sắc, hầu như tất cả các màu sắc ở trên thế gian chim đều chiếm hết. Chàng hỏi con chim mỹ miều muôn sắc : "Này chim, vậy hạnh phúc ở đâu vậy hỡi chim ?"

"Hạnh phúc hả ?", con chim mỹ miều nói và cười bằng cái mỏ vàng của nó, "này bạn ơi, hạnh phúc ở khắp mọi nơi, ở núi rừng, ở đồng bằng thung lũng, ở hoa bướm, ở trong pha-lê".

Vừa mới buông lời con chim hớn hỡ rũ lông, rụt cổ nhip đuôi, há mỏ cười một lần nữa rồi lại đứng bất động lặng yên trong đám cỏ. Và này hãy xem ! Thoáng chốc con chim đã hóa ra một đóa hoa sắc sỡ,

lông chim là những ngọn lá, móng chim là rễ cây. Trong vẻ lóng lánh muôn màu, giữa lúc nhảy nhót múa may con chim lại biến mình thành một cái cây. Bích Thảo trố mắt kinh ngạc trong lúc chứng kiến trò ảo thuật kỳ diệu này.

Ngay sau đó "đóa hoa chim" rung động những ngọn lá và những giây bụi phấn của hoa thế là lại thấy chim biến thành đóa hoa, không còn rễ cây, đóa hoa chuyển mình nhẹ nhàng từ từ cất bồng mình lên cao, rồi bồng hóa ra một con bướm bướm sáng ngời, lượn mình trên khôn nhẹ bồng nhẹ bông như không có trọng lượng, hoa bấy giờ toàn thân là ánh sáng, vẻ hoa là hào quang. Bích Thảo ngây người càng mở lớn đôi mắt kinh ngạc.

Con bướm bướm mới, con bướm-hoa-chim sắc sỡ, hớn hờ, quang diệu như gương, nhớn nhor lượn quanh chàng Bích Thảo sững sờ, lấp la lấp lánh trong ánh mặt trời, bướm bay bay lượn lượn rồi từ từ hạ mình xuống đất nhẹ nhàng như một nắm tơ, đậu sát vào chân Bích Thảo, bướm thở nhẹ nhàng, rung nhẹ thân mình với đôi cánh lóng lánh - và khoảnh khắc - bướm lại hóa thành một viên pha-lê muôn màu, ở một góc pha-lê lóe ra một tia sáng đỏ hồng.

Viên pha-lê đỏ chiếu lấp lánh tuyệt vời trong đám cỏ và bụi cây, sáng rõ dòn dã như tiếng chuông ngân ngày hội. Nhưng rồi hình như có tiếng gọi về của quê hương viên ngọc-đó là lòng trái đất-cho nên viên ngọc từ từ thu bé lại và sắp sửa lịm dần vào lòng đất...

Trong lúc chứng kiến cảnh này trong lòng Bích Thảo bỗng nổi lên một ham muốn dữ dội, chàng vội vàng nhặt nhanh viên ngọc lên trước khi ngọc sắp tan biến vào lòng đất.

Bích Thảo ngây người ngắm nhìn ánh sáng huyền hoặc của viên ngọc trong tay.

Ánh hào quang như tỏa ra cho Bích Thảo một linh cảm về niềm hạnh phúc toàn diện trong tâm khảm.

Trong lúc ấy bỗng nhiên con rắn trườn đến quấn mình vào một nhánh cây khô, rắn ghé đầu rít vào tai chàng : "Viên ngọc này có thể biến mày thành điều gì mà mày muốn Bích Thảo ạ. Hãy nói nhanh cho viên ngọc biết điều ước của mày trước khi ngọc thu lại, kẻo chậm mất !"

Bích Thảo giật mình, chàng sợ đánh lỡ mất hạnh phúc vội vàng nói nhanh ước muốn của mình, lập tức chàng liền biến thành một cái cây. Bởi vì đã từ lâu chàng mơ ước mình được làm một cái cây, bởi lẽ cây đối với chàng là sự bình an, là nhựa sống, là niềm vinh dự. Như vậy Bích Thảo hóa thân thành một cây xanh.

Chàng đâm rễ vào lòng đất, lớn nhanh và vươn mình lên cao. Lá và cành mọc ra từ tứ chi của chàng. Chàng rất tự mãn về sức lớn của mình, với những rễ cây khát nhựa chàng đâm mình hút sâu vào lòng đất, chàng phát cao thân trong tầng xanh với cành lá của mình.

Những con bọ rầy bắt đầu tìm đến cư ngụ nơi thân cây. Thỏ và nhím đến tá túc ở gốc cây, còn chim thì đến làm tổ ở cành cây.

Cây "Bích Thảo" rất đổi hạnh phúc và không màng đến năm tháng trôi qua. Đã có nhiều năm qua đi trước khi chàng nhận ra rằng thật sự hạnh phúc của chàng không được hoàn toàn. Phải tốn một khoảng thời gian chàng mới học được cách nhìn với "con mắt cây". Cho đến khi chàng đạt được cách nhìn này thì chàng đâm ra buồn rầu.

Chàng nhìn thấy được rằng ở trên Thiên Đường quanh chàng mọi vật thường đổi kiếp thay thân, rằng mọi vật đều nằm trong giòng luân lưu ảo thuật của sự hóa thân vĩnh cửu. Chàng thấy những bông hoa

biến thành châu ngọc hay hóa thành những con chim líu lo đầy ánh sáng bay vút đi. Chàng thấy bên cạnh mình có nhiều cây bỗng biến mất, có cây tan ra thành nguồn suối, có cây thành cá sấu, có cây lại bơi lội như loại cá nhỡn nhơ mát mẻ, đầy khoái lạc và cảm quan vui thú, với những hình dạng mới mẻ, chúng bắt đầu những trò chơi khác lạ. Những chú voi đổi áo của mình với các tảng đá núi, những chàng hươu cao cổ đổi hình dạng của mình với các bông hoa. Chỉ riêng chàng -cây Bích Thảo- thì vẫn giữ nguyên là cái cây, chàng không thể biến đổi ra cái gì khác nữa.

Từ khi nhận biết được điều này, hạnh phúc của Bích Thảo biến mất đi ; chàng bắt đầu trở nên già cỗi, chàng bắt đầu có dáng điệu mệt mỏi nghiêm nghị và lo âu. Điều này người ta thường thấy được hằng ngày ở các loài ngựa, loài chim, loài người. Những sinh vật thường trở nên già nua nếu chúng không có được năng khiếu hóa thân thì với thời gian chúng sẽ rơi vào sự buồn nản và lo âu xao xuyến và cứ thế mà mọi vẻ đẹp dần dần biến mất.

Cái cây Bích Thảo cứ đứng yên như thế ở Thiên Đường...

Cho đến một ngày nọ có một người con gái trẻ đi đâu lạc vào chốn Thiên Đường, cô gái có một mái tóc vàng óng ả, cô mặc một chiếc áo xanh màu thiên thanh. Cô bước đi thanh thoi trong chốn bồng lai, nhỡn nhơ dưới các cây xanh, cô vừa hát vừa nhảy múa và trong đầu cô chưa bao giờ nghĩ đến việc ước mong có biệt tài hóa thân.

Nhiều chú khỉ khôn ngoan mỉm cười nhìn theo cô, các khóm cây vượt ve cô bằng cành cây, các cây khác ném tặng cô một búp hoa, một hạt dẻ, một trái táo nhưng cô không để ý đến, cứ thanh thoi đi, hát và nhảy múa.

Khi cây Bích Thảo thấy được cô gái, chàng liền cảm nghe trong tim

một nỗi nhớ nhung mông mênh chảy dội về, một thứ nhớ như một lời kêu gọi hạnh phúc chưa bao giờ có được. Đồng thời một ý nghĩ thầm kín choáng ngập tâm hồn chàng, chàng cảm nghe như chính giòng máu của mình lên tiếng gọi : Bích Thảo, hãy suy nghĩ kỹ đi. Trong giờ phút này hãy nhớ lại cả cuộc đời mình, nếu không sẽ muộn mất thôi, và không bao giờ, không bao giờ nữa mà sẽ gặp được hạnh phúc. Bích Thảo tuân theo tiếng gọi của con tim, chàng đứng nhớ về tất cả nguồn cội của mình, nhớ những năm làm người, nhớ lúc nhập vào Thiên Đường và nhất là nhớ đến giây phút xa kia, trước khi chàng biến thành cái cây, giây phút chàng cầm trong tay viên ngọc nhiệm màu ấy. Nhớ đến thuở ấy, khi mà mọi sự hóa thân đối với chàng còn mở ngỏ, cái thuở mà cuộc sống như chưa bao giờ nóng bỏng đến như thế. Chàng nhớ lại con chim ngày ấy đã cười vang, nhớ cái cây kỳ lạ vừa là mặt trời vừa là mặt trăng. Trong thoáng chốc linh tính cho chàng biết rằng thuở ấy chàng đã bỏ (mất) một điều gì đó, rằng lời khuyên của con rắn đã không là lời khuyên tốt lành.

Giữa lúc đang đi, cô gái tóc vàng chợt nghe trong đám lá của cây Bích Thảo có tiếng rì rào như một lời kêu nho nhỏ cô ta ngẩng đầu nhìn lên, tim cô bỗng nhói lên một niềm cảm xúc, từ đáy lòng cô nghe rạo rức những tưởng tượng mới mẻ, một ước muốn khác thường, những mộng mơ chưa bao giờ có ở trong tâm. Như bị cuốn hút bởi một sức mạnh lạ lùng cô đi đến ngồi dưới cây, cô nhìn cây Bích Thảo và thấy cây có vẻ cô đơn, lẻ loi và buồn bã, nhưng lại có một vẻ gì đẹp để dễ rung cảm và cao quý trong nỗi buồn câm lặng của cây. Tiếng ca thỏ thẻ dịu dàng của cây văng lên làm cho cô ngây ngất tâm hồn. Cô gái tựa mình vào thân cây xù xì cảm nghe cây rung mình thâm sâu và nghe trái tim mình như đang cảm nhận nỗi giao động

của cây. Tim cô nhói đau một nỗi lạ lùng, trên bầu trời linh hồn cô những đám mây như vệt bay cao và không khóc mà nước mắt trĩu nặng bờ mi. Có chuyện gì thế này ? Có thể đau đớn đến thế này sao ? Tại sao con tim chỉ chờ phá tan lồng ngực để chảy tràn ra, tan biến đến Người, vào tận trong người, con Người cô đơn đẹp đẽ kia ? Cây người Bích Thảo run lên như cảm thông được nỗi lòng người con gái, thân cây rung động đến tận gốc rễ rồi dồn hết tất cả sức sống của mình cây hướng về phía người con gái trẻ với tất cả ước muốn nóng bỏng được tan hòa với nàng. Cây nghĩ : Chà, ta đã bị con rắn độc đánh lừa để tự đưa mình vĩnh viễn thành một cây cô đơn. Ôi ta đã mù quáng biết bao ! Ôi ta đã điên rồ biết bao ! Ta đã không có một tri thức nào cả sao ? Tại sao sự bí mật của cuộc sống đối với ta lại xa lạ đến thế kia ư ? Không, không, thử ấy ta đã linh cảm đến điều ấy rồi -Chà- bây giờ chàng nhớ đến cái cây vừa là đàn bà vừa là đàn ông (mà con rắn không cho cây trả lời) với nỗi buồn rầu và nỗi giác ngộ sâu xa.

Giữa lúc ấy có một con chim bay đến, con chim xanh lục đỏ điều, con chim mỹ miều, con chim anh điều, con chim vàng anh bay lượn thanh thanh. Cô gái nhìn chim bay quanh, nhìn thấy từ mỏ chim nhả ra một vật gì rơi xuống cỏ, vật ấy long lanh màu đỏ như máu đỏ, như lửa hồng, nó rơi xuống đám cỏ dại màu xanh chiếu sáng để cho cỏ ngời ánh hào quang, rất quen thuộc như thử ấy ánh xuân xanh. Màu đỏ của nó chiếu sáng rộn rã từng bừng đến nỗi cô gái phải cúi mình xuống nhặt cái màu đỏ ấy lên. Thì thấy đó là một viên ngọc pha-lê, một viên ngọc muôn màu muôn vẻ, ở đâu có ngọc ở đấy không bao giờ có bóng tối.

Lúc cô gái cầm viên ngọc kỳ diệu trong bàn tay trắng nõn nà của cô

thì lập tức điều ước của Bích Thảo liền thành sự thực, điều ước mà tim chàng bấy lâu nay đang ấp ủ. Liền ngay cô gái đẹp bỗng nhiên thấy người lão đảo, cô ngã xuống hóa thân dính liền với cây Bích Thảo làm một, từ thân cây một cành cây non chồi lên non trẻ, vươn lên cao vút và đầy sức lực.

Đến giờ phút này, mọi sự việc đều trở thành toàn thiện. Bấy giờ thế giới mới được an bài và chỉ trong khoảnh khắc này, Thiên Đường mới thực sự được tìm thấy, bây giờ Thiên Đường mới thực sự là Thiên Đường. Bích Thảo không còn là cái cây ưu tư già cỗi nữa, bây giờ chàng cất cao tiếng hát : "Bích Thảo vui ! Thành Thảo vui !"

Chàng đã hóa kiếp. Lần này chàng đã đạt được sự hóa thân đúng đắn và trường cửu, bởi vì chàng đã từ cái một nửa chuyển sang cái toàn thể cho nên chàng có biệt tài (biến) đổi (thân) xác từng giờ từng phút thành bất cứ cái gì chàng muốn. Giòng luân lưu (hồi) huyền diệu của sự trở thành (vô thường) tuôn chảy không ngừng trong huyết mạch của chàng vĩnh viễn chàng có thể tham dự vào sự sáng tạo chớm nở trong từng phút từng giây.

Chàng thở thành nai, trở thành cá, trở thành người và trở thành rắn, thành mây bay, thành chim. Nhưng trong mỗi hình hài chàng vẫn là toàn thể, vẫn là "một đôi", vẫn mang trong mình Mặt trời và Mặt trăng, Đàn ông và Đàn bà.

Như một con sông "sinh đôi" chàng chảy mê mải qua các núi rừng đồng ruộng.

Và lấp lánh trên nền trời chàng sáng ánh sáng của "ngôi sao đôi".

Bản dịch của Thái Kim Lan

H. Hesse sinh ngày 2.7.1887 tại Calw/Wuerttemberg. Sau khi theo học nhiều năm ở trường Cổ ngữ ở Goeppingen ông tham gia khóa

giảng về thần học tin lành vào năm 1891 ở tu viện MAULBRONN và muốn trở thành nhà thần học. Nhưng đến năm 1892 ông rời bỏ tu viện và làm nhiều nghề khác nhau. Trong lúc hành nghề bán sách và sưu tầm Cổ thư ông đã tìm kiếm rất nhiều tài liệu căn bản cho công cuộc sáng tác văn chương của ông. Từ năm 1912, ông dừng lại Thụy Sĩ. năm 1919, cư ngụ thực thụ ở MONTAGOLA cạnh hồ LUGAN và mất năm 1962.

Tác phẩm của ông: Peter Camenzind (1904), Steppenwolf (1927), Narziß und Goldmund (1930, nhà xuất bản Fisher 450), Siddharta (1922), Das Glasperlenspiel (1943, nhà xuất bản Fischer 842). Năm 1946, Hesse được giải thưởng Nobel về văn học và giải thưởng Goethe của Thành phố Frankfurt. Năm 1955, Ông được hội các nhà sách tại Đức trao tặng giải thưởng hòa bình.

Hermann Hesse

Iris - Huệ tím

Bản dịch của Thái Kim Lan

H. Hesse sinh ngày 2.7.1887 tại Calw/Wuerttemberg. Sau khi theo học nhiều năm ở trường Cổ ngữ ở Goeppingen ông tham gia khóa giảng về thần học tin lành vào năm 1891 ở tu viện MAULBRONN và muốn trở thành nhà thần học. Nhưng đến năm 1892 ông rời bỏ tu viện và làm nhiều nghề khác nhau. Trong lúc hành nghề bán sách và sưu tầm Cổ thư ông đã tìm kiếm rất nhiều tài liệu căn bản cho công cuộc sáng tác văn chương của ông. Từ năm 1912, ông dừng lại Thụy Sĩ. năm 1919, cư ngụ thực thụ ở MONTAGOLA cạnh hồ LUGAN và mất năm 1962.

Tác phẩm của ông: Peter Camenzind (1904), Steppenwolf (1927), Narziß und Goldmund (1930, nhà xuất bản Fischer 450), Siddharta (1922), Das Glasperlenspiel (1943, nhà xuất bản Fischer 842). Năm 1946, Hesse được giải thưởng Nobel về văn học và giải thưởng Goethe của Thành phố Frankfurt. Năm 1955, Ông được hội các nhà sách tại Đức trao tặng giải thưởng hòa bình.

Iris là một trong những truyện cổ tích viết theo lối mới của H. Hesse, xuất bản lần đầu tiên năm 1946 tại Thụy Sĩ trong tập truyện cổ tích mang tên "Maerchen".

Trong mùa xuân của thời thơ ấu Anselm thường thơ thẩn chạy khắp khu vườn xanh lá cây. Cậu bé yêu đặc biệt một loài hoa trong các hoa của mẹ : Hoa Huệ Kiếm (1). Cậu thường áp má mình vào những chiếc lá dài màu xanh của hoa, tần mẩn ấn những ngón tay vào đầu ngọn lá nhọn, hoặc vừa ngửi, vừa hít nụ hoa lớn đẹp huyền diệu kia và nhìn lâu, rất lâu, vào tận trong đóa hoa. - đó vươn lên từ cái nền hoa màu xanh tím nhạt những ngón tay màu vàng xếp thành hàng dài, giữa những búp măng vàng ấy hun hút một ngõ sáng đi sâu vào đài hoa, và sâu hơn nữa vào tận trong cái bí nhiệm xa xôi có màu xanh da trời của nụ hoa ấy. Cậu bé yêu say mê nụ hoa, thường trở mắt nhìn rất lâu vào trong hoa để thấy những thành phần màu vàng thanh tao ấy khi thì giống như một hàng rào bằng vàng ở vườn thượng uyển, khi thì giống như một lối đi thông thường có hai hàng cây mơ mộng đẹp để viền quanh - những hàng cây huyền ảo không bị gió lay động và ở giữa chúng, có con đường đầy bí ẩn sáng sữa và được viền đắp bằng những đường gân mờ nhạt mềm mại và linh động chạy dài vào trong nội tâm của hoa. Vòm hoa tỏa rộng một cách dị kỳ, lùi vào bên trong, con đường giữa hai hàng cây bằng vàng mắt hút vô tận trong yết hầu không tưởng tượng ra được của hoa, trên con đường ấy những vòm tím nhạt uốn mình xuống một cách để vương và chiếu những bóng đen mỏng manh kỳ ảo trên một sự màu nhiệm yên lặng và đợi chờ . Anselm biết đây là miệng hoa, biết là tim và ý nghĩ của hoa cư ngụ sau những điểm vàng lộng lẫy trong chốn yết hầu xanh thẳm ấy, biết là hơi thở và những giấc mơ của hoa thoát ra và đi vào trên con đường vân xinh xắn, sáng sữa và trong suốt ấy.

Bên cạnh đóa hoa lớn còn có những búp hoa nhỏ hơn còn chưa hé nở, đứng trên những cuống hoa mảnh nước chắc cứng trong một cái đài nhỏ có da màu xanh nâu, từ đó búp hoa non nót chỗi lên yên lặng và kín đáo nhưng đầy sức lực, được bọc kín trong màu xanh sáng và màu tím nhạt, ở đằng đầu đã lộ ra màu tím thẫm trẻ măng được cuộn tròn chắc nịch và dịu dàng với một chút mũi nhọn xinh xắn của hoa. Ngay cả trên những lá búp non quấn chặt này cũng đủ có những đường gân và trăm ngàn đường nét nhìn để ngắm rồi.

Mỗi buổi sáng khi cậu bé trở lại vườn từ căn nhà, từ giấc ngủ, từ cơn mơ, từ những thế giới xa lạ ở trong cơn mơ ngủ, khu vườn vẫn đứng đó không mất, luôn luôn mới y nguyên và chờ đợi cậu. Rồi ở nơi mà hôm qua cái mũi búp hoa cứng nhọn màu xanh lơ cuộn tròn trong vỏ xanh còn đứng bất động, nơi đó bây giờ đã lững lờ một cánh non mỏng và xanh như khí trời, như một cái lưới và như một cái môi, đang sờ soạn tìm kiếm hình dáng và nét cong mà cánh hoa đã mơ ước từ lâu, và ở nơi tận cùng nhất, nơi mà nụ hoa còn đang âm thầm tranh đấu để thoát ra khỏi bức màn lá xanh quấn quanh mình, nơi đây người ta đã thấy lờ mờ những cánh mỏng thanh tao màu vàng, con đường đầy gân sáng rõ và vực thẳm linh hồn xa xăm đầy hương thơm của nụ hoa rồi. Có lẽ vào trưa, có lẽ xế chiều, hoa hé nở, căng tấm màn lụa xanh trên khu rừng mơ mộng bằng vàng và những giấc mơ đầu tiên, những ý nghĩ và lời ca xuất hiện thăm lặng từ hố thẳm đầy ảo thuật kia để bắt đầu hút thở khí trời.

Rồi có một ngày, và ngày hôm ấy đầy cả hoa hình chuông màu xanh đứng chụm nhau trong cỏ. Rồi lại có một ngày, và ngày hôm ấy bỗng nhiên âm vang tiếng lạ và hương thơm mới ở trong vườn, trên đám cỏ đượm thắm mặt trời phát phơ những đóa trà mi mềm mại và đỏ

thấm. Rồi lại có một ngày, và ngày hôm ấy không còn đóa hoa Huệ nào ở trong vườn nữa. Chúng đã ra đi, không còn con đường nhỏ viền vàng nào nữa dẫn dắt một cách dịu dàng vào những bí mật thơm ngát. Những ngọn lá cứng ngắt đứng trơ xa lạ và lạnh lùng. Nhưng may sao đâu đó ở các bụi cây bắt đầu chín mọng và từng đàn bướm bướm mới dập dìu đùa cợt trên những ngôi sao. Những con bướm nâu đỏ có lưng óng ánh xà cừ, những con bướm nắc nẻ nhọn nhíp ồn ào đập những cánh trong như thủy tinh.

Anselm nói chuyện với bướm, với những viên sỏi trong vườn, đánh bạn với bọ rầy và chim sẻ. Những con chim kể cho cậu nghe chuyện loài chim, các cây dương xỉ chỉ cho cậu một cách kín đáo hạt giống nâu đã được góp lại ở dưới mái những ngọn lá khổng lồ, những mảnh chai xanh thủy tinh hứng lấy cho cậu tia sáng mặt trời và trở thành lâu đài, vườn thượng uyển và các kho tàng chói lọi. Khi hoa Huệ tàn rồi thì hoa Kapuziner (2) lại nở, khi đóa trà mi héo hắt thì những chùm dâu sặc sỡ đã đượm màu nâu. Tất cả đều đổi thay, tất cả luôn luôn ở đó, và luôn luôn lìa xa, biến mất rồi khoảnh khắc lại trở

về. Ngay cả những ngày hãi hùng bất thường, khi ngọn gió lạnh lùng rít âm ỉ trong ngọn cây thông và đám lá úa đùa xào xạc một cách tái tê và tàn lụi khắp nơi trong khu vườn, những ngày ấy vẫn còn mang đến cho cậu một bài ca, một nhịp sống, một câu chuyện cho đến khi tất cả đều sụp xuống, tuyết rơi trước cửa sổ và khu rừng dừa mọc lên nơi cửa kính, khi các thiên thần bay cùng với tiếng chuông bạc suốt cả buổi chiều và hành lang cùng nền nhà thơm ngát mùi trái cây phơi khô. Không bao giờ tình bạn hữu và niềm tin cần lại phụt tắt ở

trong thế giới tốt lành này, và khi có lần như một ngẫu nhiên những chùm hoa tuyết lại xuất hiện sáng rỡ bên cạnh đám lá trường xuân đằng (Efeu) đen sì, khi những chú chim đầu tiên bay vút lên khoảng cao xanh mới mẻ, thì tuồng như mọi vật vẫn luôn luôn còn đó, đứng đó tự bao giờ. Cho đến một hôm, một búp non màu tím nhạt lấp ló từ những chồi ngọc của hoa Huệ tím nhìn ra, không chờ không đợi mà vẫn luôn luôn đúng hẹn và đúng như đã ước mơ. Tất cả đều đẹp để và Anselm mừng đón tất cả đầy thân thiết, tin cẩn, nhưng giây phút lớn lao nhất của phép màu nhiệm và ân huệ mỗi năm đối với cậu bé vẫn là đóa Huệ kiếm đầu tiên. Chính ở trong đài hoa ấy một lần nào đó, trong giấc mơ trẻ thơ xa xưa nhất, lần đầu tiên trong đời cậu đã đọc được trong quyển sách của phép nhiệm màu - hương thơm và màu xanh rung rinh muôn vẻ của hoa đối với cậu đã là lời mời gọi và chìa khóa của Sáng Tạo. Và như thế hoa huệ tím cùng với cậu đã đi qua những năm dài trong trắng ngây thơ, cứ mỗi mùa hè mới, hoa không những mới nguyên mà lại càng tăng vẻ bí mật và dễ cảm hơn. Những hoa khác cũng có miệng, cũng gửi hương và ý tưởng cho gió chuyền đi, cũng quyến rũ ong và bọ rầy vào trong phòng the nhỏ bé ngọt ngào của chúng. Nhưng đối với cậu bé, đóa huệ tím vẫn đáng yêu hơn và quan trọng hơn tất cả các thứ hoa khác nhiều. Với cậu, hoa là biểu tượng, là tấm gương cho tất cả những gì đáng được suy ngẫm, cho những gì tuyệt vời tuyệt tác. Khi cậu cúi nhìn vào đài hoa, theo dõi say sưa bằng ý tưởng, con đường nhỏ mơ mộng trong sáng kia và gặp gỡ lòng hoa còn u minh giữa những khóm cây màu vàng kỳ ảo, tâm hồn cậu đã nhìn chơi vào chốn "nhập môn", nơi mà mọi xuất hiện đều trở thành bí nhiệm và mọi sự "Thấy" đều trở nên linh

cảm. Lắm đêm cậu bé đã mơ nhiều lần về cái đài hoa đó, mơ thấy đài hoa mở rộng vô cùng ở trước mình như đôi cánh cửa của thiên đường, mơ thấy mình cưỡi ngựa hay ngồi trên thiên nga bay vào trong đó và cả thế giới cũng theo cậu ta nhẹ nhàng phi, bay trượt như bị thu hút bằng ảo thuật vào trong yết hầu mỹ miều của hoa, vào sâu và chuỗi xuống dưới, ở đó mọi sự chờ đợi đều được đền đáp và mọi linh cảm đều trở thành chân lý.

Mỗi sự xuất hiện ở trên địa cầu là một biểu tượng và mỗi biểu tượng là một cánh cửa mở ngõ cho linh hồn sẵn sàng đi vào nội tâm của thế giới, nơi mà tha nhân cùng với tôi vĩnh viễn là một. Mỗi người trong đời mình đều đã gặp gỡ đâu đây trên đường đi cánh cửa mở ngõ đó, mỗi người đã có một lúc nào

đấy bắt chộp được ý nghĩ rằng tất cả những điều mắt thấy tai nghe đều là biểu tượng, sau biểu tượng này hiển hiện cõi tâm linh và đời sống vĩnh cửu. Nhưng ít người đã đi qua cánh cửa mở đó và chịu đánh đổi vẻ đẹp bên ngoài để lấy cái thực chất nội tâm còn lơ mờ trong tâm khảm.

Đối với cậu bé Anselm thì đóa hoa tím xanh lơ kia xuất hiện như một câu hỏi câm nín và thao thức mà tâm hồn cậu mơ hồ soạn trong nguồn suối trực giác một câu giải đáp thích ứng. Nhưng rồi nét muôn màu muôn vẻ đáng yêu của vạn vật lại lôi kéo cậu đi nơi khác, vào những cuộc titê hay đùa giỡn

với cỏ và đá sỏi, với cỏ dại bụi cây, với côn trùng và với tất cả tình bằng hữu của thế giới bé nhỏ của cậu, lắm khi cậu đắm mình ngắm nghía, quan sát chính bản thân mình, giao trọn tâm tư vào những điều khác lạ của thân thể, nhắm mắt nghe những cảm xúc kỳ lạ, những kích thích và tưởng tượng trong cổ

và mồm mỗi khi nuốt, hoặc khi hát hay thở, cảm thông được ngay cả con đường và lối vào, nơi mà linh hồn thông thường với linh hồn.

Cậu quan sát một cách ngạc nhiên những hình màu đầy ý nghĩa thường xuất hiện trong bóng tối đỏ bầm khi cậu nhắm nghiền đôi mắt lại, những dấu vết và các vòng bán

nguyệt màu xanh lơ hoặc đỏ thẫm có những đường nét sáng trong chen vào giữa. Đôi khi Anselm lại cảm nhận với nỗi xúc động vừa vui vừa kinh hãi sự liên hệ muôn vẻ giữa thị giác và thính quan, giữa khứu giác và vị giác và cảm nghe trong một khoảnh khắc đẹp ngán ngủi thanh âm, lời và các vần chữ

thân thuộc với nhau và đồng loại với màu đỏ và xanh, với cứng và mềm, hoặc cậu ta kinh ngạc khi ngửi một ngọn rau hay một rễ cây xanh được bóc ra, hương và vị sao mà gần gũi nhau lạ thường đến thế, lắm lúc chúng lại tan hòa vào nhau và trở thành duy nhất một cách kỳ diệu.

Tất cả mọi trẻ thơ đều cảm thấy như vậy dù cho cường độ nhạy cảm khác biệt nhau. - rất nhiều trẻ thơ, những lắng nghe, những khám phá đó thường biến mất đi như chẳng bao giờ hiện hữu, trước khi đứa trẻ có thể đọc được những vần chữ đầu tiên. Nơi những trẻ thơ khác về bí nhiệm của tuổi thơ vẫn còn

lẩn quẩn rất gần và chúng vẫn còn mang theo dư âm của nó cho đến lúc tóc nhuộm màu sương và trong những ngày muộn màng mệt mỏi của cuộc đời. Tất cả mọi trẻ thơ, bao lâu chúng còn ở trong sự bí mật của cuộc sống, đều bận tâm với một điều quan trọng duy nhất : với chính mình và với mọi tương quan đầy bí ẩn giữa con người mình và thế giới bao quanh. Kẻ đi tìm và nhà hiền triết thường quay về những mối bận tâm này sau những năm chín mùi suy tư, còn

phần đông thì quên lãng và rời bỏ rất sớm thế giới nội tâm của điều trọng đại thật sự kia vĩnh viễn để suốt đời lang thang trong những sai lầm hỗn tạp đầy những lo âu, ước muốn và mục đích, trong đó không có cái gì hiện hữu trong nội tâm sâu kín của họ, trong đó không có cái gì có thể dẫn dắt họ tìm đến cõi lòng sâu xa nhất và trở lại quê nhà được.

Như thế những mùa hè và mùa thu trẻ dại của Anselm cứ đến dịu dàng và đi nhẹ nhàng, cứ thế luân lưu hoa tuyết chuông, hoa tím, hoa hoàng thập(3), hoa huệ, hoa hồng, hoa xanh thắm nở rồi tàn, rồi lại nở, vẫn đẹp đẽ và phong phú như tự bao giờ. Anselm sống với hoa, chim và hoa tâm sự với cậu, cây và suối lắng nghe cậu, và cậu thường đem những vần chữ tập viết đầu tiên, những âu lo bằng hữu đầu tiên giải tỏ với khu vườn, với mẹ, với những viên đá sặc sỡ ở bồn hoa.

Nhưng có một lần mùa xuân đến nhưng mùa xuân lại không rộn rã và đượm mùi như tất cả mùa xuân trước đây, chim sáo cũng hót véo von nhưng lời ca không phải là bài hát cũ, hoa huệ tím cũng nở nhưng không còn những giấc mơ, những hình dáng thần thoại, ẩn hiện vào ra trên con đường viền vàng của đài hoa nữa. Những trái dâu đỏ vẫn tươi cười núp sau đám lá xanh và bướm bướm vẫn bay rộn ràng lấp lánh trên những giàn hoa cao, nhưng tất cả không còn như trước nữa và cậu bé bận tâm với những chuyện khác, ngay với mẹ cậu ta cũng đã nhiều lần gây gổ rồi. Chính cậu cũng không hiểu duyên cớ tại sao có điều gì làm cậu đau đớn trong lòng, tại sao có một điều gì đấy luôn luôn quấy rầy cậu. Chỉ biết là thế giới đã đổi thay, tình bằng hữu từ trước đến nay đã rời rạc và để lại cậu trơ trọi một mình.

Và như thế một năm trôi qua, rồi một năm nữa, Anselm không còn là một chú bé con, những viên sỏi sắc sỡ ở bồn hoa trở nên buồn nản, những đóa hoa đã như thành cảm và những con bọ rầy bị cạm lấy kim khâu bỏ vào hộp đồ chơi : linh hồn cậu đang bước vào con đường vòng dài và chông gai. Những cố tri đã bị chà đạp và héo hắt đi rồi. Chàng trẻ tuổi vội vã lăn xả vào đời, cuộc đời như mới bắt đầu từ đây. Đã qua rồi và chìm trong quên lãng là cái thế giới biểu tượng ngày xưa, những ước mơ mới mẻ và những con đường mới lạ quyến rũ cậu đi xa. Có chăng là một chút mẫn tri trẻ còn thoáng thoáng như một hương thơm trong tia nhìn xanh và phát phơ trong mớ tóc mềm mại của chàng, nhưng chàng không thích điều đó nhất là khi được nhắc nhở đến. Chàng cắt tóc ngắn đi và sửa tia nhìn cho có vẻ bạo tợn và sành sỏi hơn lên. Chàng gây vũ bão trong những năm đầy chờ đợi và lo âu. Khi là một người học trò và bạn tốt, khi thì trơ trọi và rụt rè, khi thì vui đùa trong vở đến khuya, khi thì điên cuồng ồn ào trong những quán rượu. Chàng phải rời quê nhà và chỉ gặp lại quê cũ trong những lần hiếm hoi về thăm nhà gần gũi, về nhà với mẹ, chàng bây giờ là một chàng trai đã đổi thay, trưởng thành, ăn diện thanh lịch. Chàng thường mang theo bạn bè, mang theo sách vở, luôn luôn những thứ khác lạ và khi chàng đi qua khu vườn cũ, khu vườn thu lại bé nhỏ và bất tiếng trước tia nhìn lơ đãng của chàng. Không bao giờ nữa chàng nhìn thấy những câu chuyện ở những đường gân sắc sỡ của các viên sỏi và lá cây. Không bao giờ nữa chàng nhìn ra thượng đế và vĩnh cửu cư ngụ nơi vẻ bí mật của đóa hoa huệ tím.

Anselm đã là học trò và sinh viên, chàng trở về quê với mũ đỏ rồi mũ xanh, với một vành râu mép lơ thơ và rồi với một bộ râu. Chàng

mang sách ngoại ngữ về và có lần một con chó và trong cặp da treo ở ngực chàng, khi thì đầy nắp những bài thơ mới viết, khi thì mấy tờ giấy chép những danh ngôn xưa, khi thì những tranh họa và thư từ của những cô gái đẹp. Chàng trở về quê sau một thời gian sống ở ngoại quốc và lênh đếnh trên một chiếc tàu lớn ở biển cả. Chàng trở về và trở thành một học giả trẻ, mang mũ đen và bao tay màu sẫm, những người lảng giềng cũ ngả mũ khi gặp chàng và gọi chàng "Ông Giáo Sư" dù chàng chưa phải là giáo sư. Chàng trở về và mặc áo tang, đi lặng lẽ nghiêm trang sau chiếc xe tang nơi mẹ già chàng yên ngủ trong chiếc quan tài kết hoa. Và từ đó chàng trở về càng hiem hơn.

Bảy giờ Anselm sống ở đô thị, dạy sinh viên và được xem là một học giả nổi tiếng. Chàng sống cũng giống mọi người trên thế gian, cũng đi, cũng dạo chơi, cũng ngồi, cũng đứng, trong y phục trang nhã, nghiêm nghị hay thân mật với đôi mắt nhanh nhẹn và đôi khi hơi mệt mỏi : Chàng đã là một nhân

vật và một nhà nghiên cứu, đúng như chàng đã mong muốn. Lúc bảy giờ tình trạng của chàng tương tự như những năm cuối của thời trẻ thơ. Chàng bỗng thấy những năm trôi nhanh sau lưng mình và chàng vẫn đứng trơ trọi kỳ cục và không thỏa mãn ở thế gian, cái thế gian mà chàng đã luôn luôn mãi mê

theo đuổi. Chàng nhận thấy làm giáo sư cũng không phải là hạnh phúc thật sự, được dân chúng, sinh viên chào đón kính trọng cũng không phải là một hứng thú sung mãn. Tất cả điều đó đều tàn úa và biến thành cát bụi, hạnh phúc thì thấy xa vời ở trong tương lai và con đường đi đến đó xem ra nóng nực, bụi bặm và tầm thường.

Trong khoảng thời gian này, Anselm thường hay đến chơi nhà một người bạn có cô em thu hút chàng. Bây giờ chàng không chạy theo dễ dàng một khuôn mặt đẹp nữa, điều đó cũng đã đổi khác, chàng cảm thấy rằng hạnh phúc phải đến với chàng một cách đặc biệt hơn và không thể nằm ở sau mỗi cánh cửa được. Chàng rất thích cô em gái bạn và đôi khi chàng tưởng yêu nàng thật tình. Nhưng nàng là một cô gái đặc biệt, mỗi bước đi, mỗi lời nói của nàng đều được tô điểm một vẻ riêng và không phải luôn luôn dễ dàng để đến với nàng cũng như để bắt đúng nhịp với nàng. Anselm thường cãi vã với chính mình về cô bạn gái, mỗi chiều lúc chàng đi đi lại lại một mình trong căn nhà cô đơn và nghiền ngẫm nghe tiếng bước chân của mình vang trong phòng, lòng ngổn ngang những ý nghĩ - nàng lớn tuổi hơn chàng để làm vợ như chàng muốn. Nàng rất kỳ cục và chắc sẽ rất khó khăn nếu cùng một lúc sống với nàng đồng thời lại muốn theo đuổi tham vọng của mình bởi vì nàng không bao giờ muốn nghe nói đến chữ tham vọng. Nàng không khỏe mạnh lắm và không thể chịu đựng khách khứa, tiệc tùng. Nàng thích nhất sống với hoa, âm nhạc, với một quyển sách bên mình trong sự yên tĩnh cô đơn, trong sự chờ đợi xem ai có đến với nàng không và để mặc thế giới trôi xuôi. Đôi khi nàng rất mỏng manh và dễ cảm đến nỗi những gì xa lạ đều làm cho nàng đau đớn và dễ khóc. Rồi sau đó nàng lại rục rờ một cách trầm tĩnh và thanh thoát trong một thứ hạnh phúc riêng lẻ và những ai thấy điều đó đều cảm thấy rằng thật là khó để trao tặng cho người đàn bà đẹp hiếm có này một điều gì cũng như để có một ý nghĩa nào đó đối với nàng. Anselm thường tin rằng nàng yêu chàng, đôi khi chàng thấy là tuồng như nàng chẳng yêu ai mà chỉ dịu dàng và thân mật với tất cả và không theo dõi một thứ gì ở thế gian ngoài sự được

yên tĩnh. Còn chàng, thì lại muốn đòi hỏi ở đời sống một thứ khác nữa và nếu như chàng lấy vợ thì đời sống và tiếng rộn rã, sự hiếu khách phải có ở trong nhà mới được.

Một lần chàng nói với nàng : "Iris, Iris thân yêu, nếu thế giới được an bài khác đi, nếu không có gì khác ngoài thế giới đẹp đẽ và dịu dàng với hoa, tư tưởng và âm nhạc của em, thì tôi sẽ không ao ước gì hơn là được sống suốt đời bên em, nghe em kể chuyện và sống cùng em trong tư tưởng. Riêng tên của em thôi cũng đủ làm cho tôi dễ chịu, Iris là một tên tuyệt diệu, tôi không biết là tên đó nhắc nhở cho tôi một điều gì."

Iris đáp : "Anh biết là hoa huệ tím và vàng mang tên Iris chứ ?"

"Vâng, chàng kêu lên trong cảm giác lo sợ, tôi biết chứ và điều đó cũng đã đẹp rồi. Nhưng mỗi khi tôi nói tên em thì tưởng như tên em muốn nhắc cho tôi một điều, tôi không biết là điều gì, hình như nó gắn liền với kỷ niệm sâu xa và trọng đại đối với tôi, nhưng tôi không biết và không tìm ra được điều đó là gì."

Iris mỉm cười với chàng trai, trong lúc chàng ta đứng trơ ra đó và lấy tay chùi trán.

"Mỗi lần em đều cảm thấy như thế, nàng nói bằng giọng nhẹ như chim, khi em ngửi một bông hoa. Mỗi lần tim em đều cho rằng gắn liền với hương thơm kia đã luôn luôn có một kỷ vật để nhớ đến, một cái gì đẹp và quý báu tuyệt trần, kỷ vật đó trước đây là của em và bị đánh mất đi. Với âm nhạc và đôi

khi với thơ văn cũng thế, ở đó đột nhiên lóe sáng một vật gì trong chớp mắt, ví như người ta thấy lại được quê hương đã mất bỗng nhiên hiện ra trong thung lũng dưới chân mình và rồi giây phút đó biến mất đi và bị quên lãng. Anselm thân mến ! Em tin rằng chúng ta

hiện hữu ở trên quả đất này có ý nghĩa ấy cho sự hồi tưởng, tìm kiếm và lắng nghe những hình dáng màu sắc âm thanh đã mất, và quê hương thật sự của chúng ta chính là ở đằng sau đó".

"Em nói hay quá ! Anselm nói mơn và cảm thấy trong lồng ngực nhói lên một rung động gần như đau đớn, tuồng như có một cây kim chỉ nam dấu kín bất chỉ một cách nhất định vào mục tiêu xa xăm nào đó của chàng. Mục tiêu này hoàn toàn khác với mục tiêu mà chàng nhắm cho đời chàng và điều đó làm đau. Chàng tự hỏi mình có nên phung phí cả cuộc đời trong những giấc mộng với những chuyện thần thoại đẹp đẽ kia không.

Bằng đi một dạo bỗng có một hôm Anselm trở về từ một cuộc viễn du cô đơn, thấy gian phòng trống trải chào đón mình một cách lạnh lẽo và ngọt ngào, chàng liền đi đến thăm bạn và nghĩ sẽ cầu nàng Iris xinh đẹp làm vợ.

Chàng nói với nàng : "Iris ơi ! Tôi không muốn tiếp tục sống như thế này nữa. Em luôn là người bạn tốt với tôi, tôi phải nói với em tất cả. Tôi phải có vợ, nếu không thì cuộc sống sẽ trống rỗng và vô nghĩa và tôi có thể ao ước một người vợ nào khác hơn là em, đóa hoa yêu quý ? Em có bằng lòng không hở Iris ? Em sẽ có các thứ hoa nhiều như có thể tìm được trên thế gian, em sẽ có một khu vườn đẹp nhất thế gian. Em có muốn đến với tôi không ?"

Iris nhìn rất lâu và yên lặng vào mắt chàng, nàng không mỉm cười và không đỏ mặt, rồi trả lời bằng một giọng chắc chắn :

"Anselm à, em không ngạc nhiên về câu hỏi của anh, em yêu anh dù không bao giờ nghĩ là em sẽ trở thành vợ anh. Nhưng mà xem đây, người bạn của em, em sẽ có những đòi hỏi to lớn cho kẻ nào muốn lấy em làm vợ. Em sẽ có những đòi hỏi lớn hơn những người đàn bà

khác. Anh đã muốn hiến dâng cho em nhiều hoa và có ý tốt với em. Nhưng em có thể sống không có hoa và không có âm nhạc, em có thể làm điều đó và nhin nhiều thứ khác nếu cần phải như thế. Chỉ có một điều em không thể và không muốn thiếu đi : đấy là em không thể sống một ngày mà âm nhạc trong con tim của em không phải là điều chính yếu. Nếu em sống với một người chồng thì người đó phải là kẻ có âm nhạc trong nội tâm hòa hợp tốt đẹp và thanh thoát với tiết tấu âm thanh của em, và hơn nữa âm nhạc của người ấy phải là ước muốn duy nhất của đời chàng. Anh có thể làm được như vậy không hỏi bạn của em ? Có lẽ rồi anh sẽ không được nổi tiếng và có danh vọng nữa, nhà của anh sẽ yên tĩnh và các nếp nhăn ở trên trán anh mà em đã thấy từ bao năm qua phải được rửa trôi đi. Ô Anselm ơi ! Không được đâu. Hãy xem, con người anh vẫn như thế, vẫn là người cứ phải học cho đến khi những nếp nhăn ở trán cày sâu thêm, vẫn là người luôn luôn tạo ra những lo âu mới, còn em, và những gì tâm tư hiện hữu của em, những cái ấy anh có yêu thích đấy và thấy nó hay hay đấy, nhưng đối với anh và nhiều người khác thì chúng cũng chỉ là một trò chơi thanh nhã. Anh nghe em đây : tất cả những gì với anh bây giờ là trò chơi thì với em chính là cuộc sống và bây giờ phải là cuộc sống đối với anh, còn tất cả những gì anh đã đem cực nhọc và lo âu để làm nên thì đối với em cái ấy là trò chơi, và theo em chẳng đáng giá gì để sống cho chúng cả. Em sẽ không thay đổi nữa đâu, Anselm à, bởi vì em sống theo một quy luật nằm trong tim em. Nhưng anh có thể đổi khác không ? Và anh sẽ phải đổi khác đi, nếu muốn lấy em làm vợ."

Bị đánh trúng tâm lý, Anselm lảng lạng trước ý muốn của nàng, ý muốn mà chàng đã cho là yếu ớt và đùa bỡn. Chàng ngậm câm và

bóp nát một bông hoa lấy ở bàn trong bàn tay run rẩy của chàng. Bây giờ Iris dịu dàng lấy bông hoa ở bàn tay chàng ra, cựa chỉ này như một lời trách móc nặng đâm thẳng vào tim chàng - nàng bỗng mỉm cười một cách rạng rỡ và đáng yêu, khi bất ngờ tìm ra trong bóng tối một giải đáp :

Nàng nói nhỏ nhẹ và hơi đỏ mặt lên: "Em có một ý kiến. Có lẽ anh sẽ thấy nó kỳ cục và cho đó là một tách chướng, nhưng ý kiến này không phải là một tách chướng đâu. Anh muốn nghe chẳng? và anh có muốn chấp thuận nó để nó quyết định cho chúng ta chẳng?"

Anselm nhìn chăm chú cô bạn gái mà chẳng hiểu gì cả, lo âu hiện lên ở nét mặt xanh xao. Nụ cười mỉm của nàng buộc chàng tin cần nàng và nói vâng.

"Em muốn đưa cho anh một công việc", nàng vừa nói và bỗng trở nên nghiêm trang.

"Này, em hãy nói đi, đó là quyền của em." Anselm trả lời từng phục.

Nàng nói: "Đây là điều nghiêm trọng của em và là lời nói cuối cùng của em. Anh có muốn đón nhận nó như đến từ linh hồn của em và không mặc cả so đo, dù cho anh không hiểu ngay điều đó không?".

Anselm hứa. Bây giờ nàng vừa nói vừa đứng dậy và đưa tay cho chàng.

"Nhiều lần anh đã nói với em là mỗi khi anh nói tên em anh đều cảm thấy nhớ đến một điều gì đã bị quên lãng nhưng đối với anh đã là rất trọng đại và thần thánh. Đó là một dấu hiệu, Anselm à, và điều đó đã thúc đẩy anh trong mọi năm đến với em, em cũng tin là anh đã đánh mất và quên đi một điều gì

quan trọng và thần thánh trong linh hồn mình, điều đó cần phải được đánh thức lại, trước khi anh có thể tìm ra hạnh phúc và đạt tới định

mệnh của anh: hãy đi và hãy nhìn cho đến khi tìm lại cho được trong ký ức anh điều đó, điều mà anh nhớ đến mỗi khi nói tên em. Ngày nào anh tìm ra được thì ngày ấy em sẽ là vợ anh, sẽ đi với anh đến nơi nào anh muốn và sẽ không có ước muốn nào nữa ngoài ước muốn của anh".

Chàng Anselm bối rối bàng hoàng muốn ngắt lời nàng và trách rằng lời yêu cầu đó là một tính chướng nhưng tia nhìn trong sáng của nàng nhắc nhở chàng đã hứa nên chàng phải ngậm yên. Với cặp mắt mỗi mệ và chịu thua chàng nắm tay nàng đưa lên môi hôn và từ giã.

Trong đời chàng đã nhận nhiều tổn phạt và đã giải quyết chúng, nhưng không tổn phạt nào kỳ lạ, quan trọng mà lại nản chí như tổn phạt này. Ngày ngày chàng đi lang thang và ngẫm nghĩ về nó đến mệt đừ, có những lúc chàng tuyệt vọng và giận dữ cho công việc này là một tính khùng của đàn bà và đã toan vứt đi không nghĩ đến nữa. Nhưng rồi trong thâm tâm chàng có điều gì ví như một chút đau bí ẩn mỏng manh, một nhắc nhở không lời rất dịu dàng phản đối lại ý nghĩ đó. Giọng nói nhỏ nhẹ này, giọng nói đi từ thâm tâm của chính chàng, đã đồng tình với Iris và cũng đòi hỏi như nàng vậy.

Duy công việc đó quả thật là khó khăn cho người đàn ông trí thức này. Chàng phải nhớ lại điều mà từ lâu chàng đã quên khuấy đi, chàng phải gỡ cho ra một sợi dây vàng duy nhất khỏi tấm lưới nhện của những năm dài đã chìm mất vào lãng quên, chàng phải với bắt bằng hai tay và phải đem lại cho người

yêu một thức gì mà thức đó không chỉ khác hơn là một tiếng chim kêu đã thoảng đi, một thoáng bay của cảm hứng hay u sầu khi nghe một bản nhạc, một thứ gì còn mỏng manh hơn, phôi pha hơn và vô

hình hơn tư tưởng, hư vô hơn một giấc mộng ban đêm, và lãng đãng vô định còn hơn sương mù buổi sáng.

Lắm lúc, chàng đã toan vất đi tất cả vì chán nản và cái kinh, thôi không tìm kiếm nữa, thì tuồng như vô tình có cái gì thổi nhẹ vào chàng như một hơi thở từ những khu vườn xa xôi, chàng thì thầm với mình tên Iris, 10 lần và nhiều lần hơn, nhỏ nhẹ và đùa cợt như khi người ta thổi âm thanh trên một phím đàn căng dây Iris", chàng thì thảo, "Iris" và với một cơn đau nhẹ chàng cảm thấy trong thâm tâm có điều gì đang chuyển động, y như trong một căn nhà cũ bị bỏ hoang cánh cửa vô có bỗng mở ra và tám song kê kéo kẹt. Chàng kiểm soát lại những hoài niệm mà chàng tưởng đã mang trong mình một cách thứ lớp. Chính trong lúc kiểm điểm này chàng đi đến những khám phá kỳ lạ và kinh ngạc. Kho tàng kỷ niệm quả là vô cùng bé nhỏ hơn là chàng tưởng : ngoảnh lại thì thấy những năm tròn mất đi và đứng trơ trống rỗng như những trang giấy không có chữ viết. Chàng bắt gặp mình phải cố gắng lắm mới tưởng tượng lại rõ rệt hình ảnh của mẹ, chàng đã hoàn toàn quên không biết cô gái hồi chàng còn thơ sinh theo đuôi tán tỉnh say mê một năm tròn tên là gì. Chàng sực nhớ đến con chó ngày xưa chàng mua trong một phút bốc đồng hồi còn là sinh viên, chú ta đã sống với chàng một quãng thời gian lâu. Vậy

mà phải mất mấy ngày chàng mới nhớ lại được tên con chó.

Lòng đầy đau thương, chàng trai tội nghiệp nghiệm ra với bao nỗi buồn nản và lo âu chồng chất quãng đời sau lưng mình đã tiêu tan và trống rỗng biết bao, quãng đời đó không phụ thuộc vào chàng nữa mà xa lạ và không liên hệ gì đến chàng, tỉ như điều mà xưa kia ta đã thuộc nằm lòng nhưng bây giờ phải mệt nhọc ráp lại từng mảnh vụn

vô vị. Chàng bắt đầu viết, chàng muốn quay về từng năm từng năm một viết lại những mảnh sống quan trọng của đời mình, để được nắm lại chúng chắc chắn trong tay. Nhưng ở đâu là những mảnh đời quan trọng nhất ? Lúc chàng trở thành giáo sư chẳng ? Lúc chàng có lần là ông tiến sĩ, là cậu học sinh, là chàng sinh viên chẳng, hay là có lần trong quãng thời gian đã bắt thăm lúc cô gái này cô gái nọ đã làm chàng vừa lòng một thời gian chẳng ? Hãi hùng chàng ngược nhìn lên : đó là đời sống chẳng ? Và đời sống chỉ có thể thôi sao ? Chàng đập tay vào trán và cười dữ dội.

Trong lúc đó thời gian vẫn trôi qua, chưa bao giờ thời gian lại qua mau và tàn nhẫn đến thế. Một năm đã chấm dứt và chàng thấy mình vẫn đứng đúng một chỗ như trong giờ phút chàng giã từ Iris. Tuy nhiên mỗi người ngoài chàng ra đều thấy và biết là chàng đã thay đổi rất nhiều. Chàng trở nên vừa già

vừa trẻ hơn. Đối với bạn bè chàng hầu như thành xa lạ, người ta thấy chàng lơ đãng, hay cáu và kỳ cục, lâu dần chàng được mệnh danh là một quái nhân, thật đáng tiếc cho chàng, nhưng cũng do chàng cứ ở vậy làm trai tân quá lâu mà ra thế đấy. Đã có lần chàng quên cả bốn phận của mình và học trò chàng đợi chàng vô ích cả buổi, lại có khi chàng lếch thếch trên đường phố, lần theo những ngôi nhà và quét bụi của vệ thành bằng cái quần rách rưới lê thê. Nhiều người cho chàng đã bắt đầu uống rượu. Lần khác có lúc chàng bỗng ngưng lại chốc lát giữa một bài giảng trước học trò, lục lạo trong trí nhớ

một điều gì, rồi mỉm cười một cách trẻ thơ và nhiệt thành - điều mà người ta không bao giờ thấy chàng làm, rồi tiếp tục giảng bằng một

giọng ồm ập và cảm động đi thẳng vào tim của học trò.

Chàng không biết rằng từ lâu một ý nghĩa mới đã đến với chàng trong chuyến thám hiểm vô vọng theo sau những hương thơm và dấu vết đã bị thời mất của những năm tháng xa xưa. Rất lắm khi chàng nhận thấy rằng đằng sau những điều chàng gọi là kỷ niệm còn nằm những kỷ niệm khác nữa, ví như trên bức

tường đầy tranh vẽ đôi khi còn những bức tranh xưa hơn bị vẽ chồng lên, nằm ngái ngủ ẩn sau những bức vẽ cũ. Có khi chàng muốn soát ký ức để nhớ về một điều gì, ví dụ tên một thành phố, ở đó kẻ du khách là chàng đã dừng lại đôi ngày, hay là nhớ ngày sinh nhật của một người bạn, hay nhớ một điều gì đó và trong khi chàng đào bới và lục lọi một mảnh nhỏ của dĩ vãng như một đồng tro tàn, chàng bỗng sực nhớ một điều hoàn toàn khác hẳn. Một thoáng hơi thở bao trùm lấy chàng, nhu một làn gió tháng tư, hay như một ngày sương mù tháng chín, chàng ngửi thấy một hương thơm, nếm một mùi vị và cảm thấy những cảm giác dịu dàng âm u ở đâu đây, trên da, trong mắt, trong tim và dần dần điều đó trở nên rõ rệt với chàng : phải là vào một ngày nào đó xưa kia, trời xanh và ẩm hay mát và xám, hay một ngày nào đó, và tinh hoa của ngày ấy đã được giữ lại trong tim chàng và vẫn còn treo lơ lửng như một kỷ niệm lơ mờ trong tâm tư. Chàng không thể tìm thấy lại được cái ngày mùa xuân hay ngày đông giá ấy trong quá khứ có thật của chàng, cái ngày mà chàng đã ngửi và đã cảm nhận một cách thật rõ rệt, chúng đã không có tên và không có số, có lẽ trong thời sinh viên, có lẽ lúc chàng còn nằm trong nôi,

nhưng thoáng hương xưa đã thoảng về và chàng cảm thấy trong lòng có điều gì sống động mà chàng không biết và không thể gọi tên

hay xác định được. Lắm khi chàng có cảm tưởng rằng khả dĩ cũng xuyên qua cuộc đời hiện tại này những hoài niệm ấy có thể lui về chạm mặt với những quá khứ của cuộc hiện hữu trước đây, mặc dù chàng mỉm cười nghi ngờ về điều đó.

Có lắm điều Anselm đã tìm thấy được trên các cuộc lang thang vô định qua những ngõ hẻm của ký ức, lắm điều chàng đã tìm thấy làm cho chàng cảm động và xao xuyến, cũng có điều làm chàng kinh hoàng và lo sợ, nhưng có một điều chàng đã không tìm ra được, đấy là cái tên Iris có ý nghĩa gì đối với chàng.

Thuở ấy trong cơn dày vò vì không thể tìm ra được điều đó, chàng trở về thăm lại quê cũ, thấy lại những khu rừng và các con đường, những cầu gỗ và hàng rào, chàng đứng trong khu vườn của thời thơ ấu cũ và cảm nghe sóng lòng rào rạt, quá khứ bao trùm chàng như giấc mộng. Buồn bã và yên lặng chàng rời chốn cũ trở về phố. Chàng cáo bệnh và đuổi khách không tiếp một ai.

Nhưng có một người tìm đến. Đó là người bạn mà chàng đã không gặp nữa từ ngày chàng xin cưới nàng Iris. Người ấy đến và thấy Anselm ngồi lách thếch trong thảo am tẻ ngắt của chàng.

"Dậy đi !" Người bạn nói, "Iris muốn gặp anh đấy !" Anselm nhồm bật dậy :

"Iris hả ! Chuyện gì xảy ra cho nàng vậy ? Đấy tôi biết mà, biết mà !"

Người bạn dục : "", đi với tôi, Iris sắp chết, nàng bị bệnh từ lâu rồi".

Hai người đi đến Iris, nàng nằm trong giường tĩnh dưỡng, nhẹ và gầy như một đứa trẻ, và mỉm cười rạng rỡ qua đôi mắt mở lớn. Nàng đưa tay trẻ thơ trắng và mảnh cho Anselm nắm, bàn tay nằm trong

tay chàng như một bông hoa, vẻ mặt nàng như đã biến sắc và nói :
"Anselm ơi ! Anh có giận em không ? Em đã đưa cho anh một sứ mệnh rất khó khăn, và em biết anh vẫn trung thành với nó. Hãy tiếp tục tìm kiếm và hãy đi con đường đó cho đến khi anh đến đích. Anh đã nghĩ là vì em mà đi con đường đó, nhưng anh đi chính cho anh đấy, anh có biết điều đó không ?"

"Anh linh cảm điều đó" Anselm nói, "và bây giờ thì anh biết rồi. Đó là một con đường dài, Iris à và anh đã toan trở gót từ lâu, nhưng anh không còn con đường lùi nữa. Anh không biết rồi anh sẽ ra sao."

Nàng nhìn thẳng vào đôi mắt buồn rầu của Anselm, mỉm cười trong sáng và an ủi, Anselm cúi xuống trên bàn tay mỏng manh và khóc rất lâu đến nỗi bàn tay nàng dẫm cả nước mắt của chàng.

"Anh sẽ phải ra sao, nàng nói bằng một giọng mơ hồ như một tia sáng kỷ niệm, anh có phải ra sao, điều đó anh phải tự hỏi mình. Trong đời anh, anh đã tìm kiếm nhiều rồi. Anh đã tìm kiếm danh vọng, hạnh phúc và tri thức và anh đã kiếm em, Iris nhỏ bé của anh.

Tất cả điều đó chỉ là những hình ảnh đẹp và chúng lìa bỏ anh như em phải lìa bỏ anh bây giờ. Chính em cũng đã ở trong tâm trạng này. Luôn luôn em đã tìm kiếm và luôn luôn chúng là những hình ảnh đẹp đáng yêu và luôn luôn chúng lại rơi rụng và héo tàn. Bây giờ em không biết một hình ảnh nào nữa, em không tìm kiếm gì nữa, em đang trở về quê nhà và chỉ cần bước một bước nữa thôi là em ở trong Quê hương. Anselm ơi, anh cũng sẽ đi đến đó và sẽ không còn những vết nhăn trên trán".

Nàng xanh lợt đến nỗi Anselm kêu lên tuyệt vọng : "Iris ơi, hãy đợi một chút đừng vội đi ngay. Hãy để lại cho anh một dấu gì để em khỏi mất đi hoàn toàn trong anh !"

Iris gật đầu, nàng đưa tay lấy trong cốc thủy tinh ở bàn bên và đưa cho Anselm một đóa hoa huệ xanh mới chớm nở.

"Anh hãy giữ lấy đóa hoa của em, hoa Iris, và đừng quên em, hãy tìm Iris và rồi anh sẽ đến với em được".

Anselm nức nở đón giữ đóa hoa trong đôi tay và từ giã trong nước mắt. Mấy hôm sau người bạn chàng bắt tin, chàng lại đến và giúp bạn trang hoàng quan tài nàng bằng hoa và mang nàng về với đất. Thế rồi cả cuộc đời sụp đổ sau lưng chàng, chàng tưởng không thể nào dệt tiếp được sợi dây vàng kia nữa. Chàng thôi tất cả, rời bỏ thành phố và sở làm và biệt tích trên thế gian. Đó đây người ta thỉnh thoảng thấy chàng có lần xuất hiện nơi quê cũ, đứng tựa người vào hàng rào khu vườn xưa, nhưng

khi mọi người hỏi đến chàng và nhận lo lắng cho chàng thì chàng lại bỏ đi và biến mất.

Chỉ có hoa huệ tím là vẫn đáng yêu đối với chàng. Chàng thường cúi cong người trên đóa hoa, bất cứ ở đâu khi thấy hoa và khi chàng đưa mắt nhìn lâu vào đài hoa, thì tựa hồ như hương thơm và linh cảm về tất cả những gì quá khứ và vị lai đang bay lại gần với nhau từ cái nền hoa màu xanh nhạt ấy,

cho đến khi chàng buồn rầu tiếp tục bỏ đi, bởi vì sự toại nguyện về điều chàng muốn biết đã không đến. Nhưng lúc đó chẳng khác gì chàng đang rình rập ở một cánh cửa hé mở nào đó nghe thấy sự bí nhiệm đáng yêu nhất mà chàng tìm kiếm đang hô hấp đằng sau cánh cửa nhưng khi chàng cho rằng bây giờ và bây giờ đây mọi sự phải hiện ra và thành tựu trong chàng thì cánh cửa đã đóng sập lại và ngọn gió trần gian lại trải lạnh trên nỗi cô đơn của chàng.

Trong giấc mơ chàng thấy mẹ nói chuyện với chàng, trong bao năm

đằng đẳng chưa bao giờ chàng cảm thấy hình dáng và nét mặt mẹ bây giờ lại gần gũi và rõ rệt đến thế. Iris cũng hiện ra nói chuyện với chàng. Khi chàng tỉnh giấc, dư âm vẫn còn vọng lại làm cho suốt ngày hôm sau chàng bần thần suy ngẫm. Chàng không còn có một nơi cố định nào, đi lang thang xa lạ trên các miền quê, ngủ ở các nhà hoang, ngủ ở trong rừng, ăn bánh mì hay dâu dại, uống rượu hoặc sương đọng trên các bụi cây, chàng cũng không biết đến nữa. Đối với nhiều người chàng là một thằng điên, người khác thì cho chàng là một tên ảo thuật, nhiều kẻ hãi sợ chàng, nhiều người chế nhạo chàng, có lắm người lại thương chàng. Chàng học những điều mà không bao giờ chàng có thể : sống chung với trẻ con và chia xẻ những trò chơi kỳ lạ của chúng, như nói chuyện với một cành cây gãy hay với một viên đá nhỏ. Đông và hè lướt qua bên chàng, và chàng thì cứ nhìn vào những đài hoa, vào suối với hồ. Đôi khi chàng tự nói với mình : "Hình ảnh, tất cả chỉ là hình ảnh". Nhưng tận trong thâm tâm chàng đã cảm nhận được một thực thể, thực thể này không phải là hình ảnh mà chàng theo dõi, và đôi khi cái thực thể trong lòng chàng biết lên tiếng nói, giọng nói đã là giọng nói của Iris và của mẹ là niềm an ủi và sự hy vọng. Có những phép màu xảy đến cho chàng và không làm chàng ngạc nhiên. Và như thế thuở ấy chàng đội tuyết băng qua một hồ thẳm đông giá, nước đá mọc lên cứng bộ râu dài. Và trong tuyết trắng bỗng có một cây hoa Iris đứng đơn độc chon vót mảnh mai, cây đang đâm ra một chồi hoa đẹp lẻ loi, chàng cúi người xuống hoa và mỉm cười, bởi vì bấy giờ chàng đã nhận ra điều mà Iris đã luôn luôn nhắc nhở chàng. Chàng đã nhận ra giấc mộng trẻ thơ của chàng và thấy

con đường màu xanh nhạt có những đường gân sáng dẫn vào trong sự bí nhiệm và trái tim của hoa ở giữa những chiếc đĩa bằng vàng, và chàng biết rằng đây đã là nơi mà chàng tìm kiếm, rằng ở đây đã là cái bản thể thật sự chứ không còn là hình ảnh nữa.

Thế rồi những lời nhắn nhủ trôi lên vang vọng trong tim chàng, những giấc mơ đến dìu chàng đi và chàng bước vào một túp lều, trong đó có nhiều trẻ con, chúng đưa sữa cho chàng uống và chàng chơi đùa với chúng, chúng kể chàng nghe những câu chuyện và kể rằng, ở trong rừng nơi những người làm than đã xảy ra một phép lạ. Rằng ở đó người ta thấy cánh cửa các linh hồn mở ra, và cánh cửa này chỉ mở từng ngàn năm một mà thôi. Chàng lắng tai nghe và gật đầu biểu đồng tình với hình ảnh đáng yêu đó, chàng tiếp tục đi, một con chim hót trước mặt chàng trong bụi liễu, giọng hót ngọt ngào hiếm có như giọng nàng Iris đã quá cố. Chàng đi theo chim, con chim cứ tiếp tục bay và nhảy hót mãi mãi, qua ngọn suối, và đi sâu vào các khu rừng.

Khi con chim bắt tiếng và Anselm không nghe cũng không thấy chim đâu nữa thì chàng dừng lại và nhìn quanh mình, chàng thấy mình đang đứng trong một thung lũng sâu trong rừng, một lạch suối chảy nhỏ nhẹ dưới những tàng lá cây xanh rộng, ngoài ra toàn thể vạn vật đều yên lặng và đợi chờ. Nhưng trong lồng ngực của chàng tiếng chim vẫn tiếp tục hót bằng một giọng yêu thương và thúc dục chàng tiếp tục đi, cho đến khi chàng đến đứng trước một bức tường chồng chất những đá và phủ đầy rêu, ở giữa bức tường nứt ra một khe hở chật hẹp dẫn vào bên trong ngọn núi.

Một ông già đang ngồi trước cửa hang, đứng dậy khi thấy Anselm đi đến và la lên : "Hãy lui, người kia, hãy lui đi ! Đây là cánh cửa ma,

chưa có kẻ nào trở lại khi đi vào trong".

Anselm ngẩng đầu nhìn vào trong miệng hang, chàng thấy ở đáy một con đường màu vàng đứng chen nhau, con đường mòn thoải xuống hướng về bên trong như vào trong đài một bông hoa khổng lồ.

Trong lòng ngực tiếng chim hót lạnh lốt và Anselm bước qua người gác cổng vào sâu trong miệng hang, đi qua dãy cột vàng vào tận trong cái bí nhiệm màu xanh lơ của cốt lõi nội tâm.

Đây chính là Iris, chính là chàng đang thâm nhập vào trái tim Iris, và đây chính là đóa hoa huệ kiếm ở trong khu vườn của mẹ, chính trong đài hoa xanh tím của nó chàng đang bước vào lơ lửng như bay lượn và trong khi chàng yên lặng tiến đến khoảng u minh bằng vàng ấy thì đột nhiên tất cả những kỷ niệm, những tri thức đều hiển hiện một loạt trong chàng, chàng sờ thấy tay mình, bàn tay nhỏ và mềm, những tiếng nói yêu đường vang vọng gần gũi và tin cẩn trong tai chàng, và chúng vang vọng như thế đó, và những cột vàng óng ánh như thế ấy, y hệt như ngày xưa tất cả đã vang tiếng và chiếu sáng cho chàng trong những mùa xuân của thời thơ ấu.

Giấc mộng của chàng cũng đã quay về, giấc mộng chàng đã mơ hồi còn là chú bé con : mơ rằng chàng đang bước xuống đài hoa và sau lưng chàng toàn thể thế giới của các ảnh tượng đều cùng bước theo, chuỗi theo và chìm sâu vào trong sự bí nhiệm nằm sau tất cả các kinh hãi.

Nhẹ nhàng Anselm bắt đầu cất tiếng hát, và con đường chàng đi êm ái chìm dần vào chốn Quê hương (Heimat).

Hermann Hesse

Bản dịch của Thái Kim Lan

(1). Schxertlilie : hoa huệ màu tím, thân hình như một cái kiể. Iris :
tên

hoa huệ kiể - có thể dịch bóng là Huệ tím.

(2). Kapuziner : một loài thảo hoa có màu đỏ.

(3). Goldlack : một loài hoa chữ thập màu vàng - tạm dịch "Hoàng
thập"

Nguồn: ChimViet

Được bạn: Thành Viên VNthuquan đưa lên
vào ngày: 27 tháng 12 năm 2003